

SIGRID NUNEZ

Nguyễn Bích Lan & Tô Yến Ly dịch

THE FRIEND

BẠN ĐỒNG HÀNH

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM



SIGRID NUNEZ

Nguyễn Bích Lan & Tô Yến Ly dịch

THE FRIEND

BẠN ĐỒNG HÀNH

Tiểu thuyết



NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM



“Bạn phải hiểu rằng khi đau khổ, bạn chẳng thể xoa dịu bản thân bằng việc sáng tác.”

Trích tiểu luận *Nghề của tôi* của Natalia Ginzburg

“Bạn sẽ nhìn thấy một cái tủ to, đứng sừng sững ở giữa sàn, và trên nóc tủ một con chó ngồi đó, với đôi mắt to như hai tách trà. Nhưng bạn không cần phải sợ nó.”

Trích truyện *Chiếc bật lửa* của Hans Christian Andersen

“Câu hỏi mà bất cứ cuốn tiểu thuyết nào cũng cố gắng trả lời là:
“Cuộc đời này có đáng sống không?”

Trích *Nghệ thuật tiểu thuyết* của Nicholson Baker trên tờ *The Paris Review*

Phần Một

Trong thập niên tám mươi, ở California, có nhiều phụ nữ người Campuchia đến bác sĩ khám bệnh đều có chung một lời phàn nàn: Họ không thể nhìn được. Những người phụ nữ này đều là dân tị nạn chiến tranh. Trước khi chạy nạn khỏi quê hương, họ đã chứng kiến những hành động tàn ác do quân Khmer Đỏ, lực lượng nắm quyền ở Campuchia từ năm 1975 đến năm 1979, gây ra. Nhiều người trong số những phụ nữ ấy đã bị hãm hiếp, tra tấn hoặc bị hành hạ đủ kiểu. Hầu hết họ đã chứng kiến người thân bị giết hại ngay trước mắt mình. Một phụ nữ, chưa được gặp lại chồng và ba đứa con sau khi lính Khmer Đỏ ập tới mang họ đi, nói rằng chị bị mất thị lực sau bốn năm dài ngày nào cũng khóc. Dường như chị không phải là người duy nhất đã khóc đến lòa hai mắt. Những người khác bị mất một phần thị lực hoặc vĩnh viễn không thấy ánh sáng vì chìm trong đau khổ và suy sụp.

Các bác sĩ khám cho họ – khoảng một trăm năm mươi người cả thầy – nhận thấy rằng mắt họ bình thường. Những cuộc kiểm tra sâu hơn cho thấy não của họ cũng bình thường. Nếu những phụ nữ đó nói thật, lời giải thích duy nhất ở đây là họ bị chứng mù do căng thẳng thần kinh. Tuy nhiên vẫn có một vài người nghi ngờ những phụ nữ này giả ốm để trốn việc hoặc viện lý do ốm để nhận trợ cấp cho người tàn tật.

Nói theo cách khác, những phụ nữ đó đã phải tiếp nhận quá nhiều nỗi ám ảnh kinh hoàng và không thể tiếp nhận thêm nữa, bởi vậy họ đã cố “phong bế” thị lực của mình đi.

Đó là chuyện cuối cùng anh và em nói với nhau khi anh còn sống. Sau đó, chỉ có bức thư điện tử anh gửi kèm với một danh sách những cuốn sách anh nghĩ có thể giúp ích cho em khi nghiên cứu. Và, bởi vì đúng dịp, nên anh gửi lời chúc mừng năm mới.

Trong bản cáo phó có hai lỗi. Thời điểm anh chuyển từ London tới New York: lệch so với thực tế một năm. Tên của Vợ Ba bị viết sai chính tả. Những lỗi nhỏ, mà sau đó đã được sửa, nhưng là những lỗi mà tất cả chúng em đều biết rằng sẽ làm anh bực lắm.

Nhưng tại lễ tưởng niệm em nghe được một điều chắc hẳn sẽ làm anh thích thú:

Giá như tôi có thể cầu nguyện.

Điều gì ngăn bà kia chứ?

Ông ấy.

Nếu như, nếu như. Người chết được nhắc đi nhắc lại trong câu điều kiện, thể giả định. Nhưng em cũng có cảm giác kỳ lạ rằng anh đã trở thành bậc toàn trí toàn thức, rằng không điều gì bọn em có thể làm hoặc nghĩ hoặc cảm thấy mà anh không biết. Em có cảm giác kỳ lạ rằng anh đang đọc những con chữ này, rằng thậm chí trước khi em định viết chúng ra, anh đã biết cái gì sẽ nói liền sau đó.

Đúng là nếu con người ta khóc đủ dữ dội trong một thời gian đủ lâu thì có thể bị mù lòa thật.

Em nằm, giữa ngày giữa buổi, ấy thế mà em lại nằm ẹp trên giường. Khóc triền miên khiến em bị đau đầu; đầu em đã đau nhoi nhói trong nhiều ngày rồi. Em dậy và đi đến bên cửa sổ nhìn ra ngoài. Vẫn đang là mùa đông, nơi cửa sổ lạnh và hút gió. Nhưng em cảm thấy dễ chịu – dễ chịu khi tì trán vào cửa kính lạnh buốt. Em cứ chớp mắt liên tục, nhưng mắt em nhìn không rõ. Em nghĩ tới những người phụ nữ đã khóc đến mù mắt. Em chớp mắt, rồi lại chớp mắt, mà trong lòng dâng lên nỗi sợ hãi. Thế rồi em nhìn thấy anh. Anh mặc chiếc áo khoác nhẹ bo gấu kiểu cổ điển màu nâu, chiếc áo quá chật – chỉ vì thế mà anh mặc trông đẹp hơn – và tóc anh đen, dày, dài. Những chi tiết ấy khiến em biết rằng chúng ta phải ngược thời gian. Trở về quá khứ. Trở về thời điểm gần ba mươi năm trước.

Khi ấy anh đang đi đâu nhỉ? Chẳng đi đến đâu cả. Không mục đích, chẳng có cuộc hẹn nào. Cứ đi lang thang vậy thôi, tay xỏ túi quần thường ngoạn phố xá. Đó là việc của anh. *Nếu anh không thể đi dạo thì anh không tài nào viết được.* Anh thường làm việc vào buổi sáng và đến một thời điểm nhất định nào đó, thường là đến khi anh không viết nổi một câu đơn giản, anh ra ngoài và đi dạo hàng mấy cây số liền. Thật tệ là có những ngày thời tiết cản trở thói quen này (dù điều đó hiếm khi xảy ra, bởi anh không bận tâm đến lạnh hay mưa, chỉ khi có bão thực sự mới có thể ngăn cản anh mà thôi). Khi trở về, anh thường ngồi làm việc trở lại, cố giữ cái nhịp điệu đã được thiết lập trong khi anh đi dạo. Và càng giữ được cái nhịp ấy tốt thì anh càng viết tốt.

Bởi vì tất cả đều liên quan đến nhịp điệu, anh nói. Những câu văn hay thường bắt đầu bằng một nhịp điệu.

Anh đăng một tiểu luận, *Làm thế nào để trở thành một kẻ rong chơi?*, nói về thói quen đi dạo và la cà cũng như vị trí của nó trong văn hóa của giới sáng tác văn chương. Anh nhận được hàng loạt câu hỏi cho đề tài này, liệu thực sự có thể có cái gọi là kẻ rong chơi hay không. Anh nghĩ không có khả năng phụ nữ rong chơi trên các con phố với tinh thần và thái độ giống hệt như đàn ông. Một người phụ nữ đi dạo như thế phải chịu sự xâu xé không ngừng: những cái nhìn chăm chăm, những lời bình luận, những tiếng huýt sáo, hành động sờ soạng. Một người phụ nữ được nuôi dạy để luôn cảnh giác: Gã đàn ông này đang đi quá gần mình chẳng? Gã kia đang bám theo cô kia chẳng? Vậy thì làm sao người phụ nữ đó có đủ sự thoải mái, thư giãn để trải nghiệm trạng thái mất ý thức về bản thân, niềm vui của sự tồn tại thuần túy vốn dĩ là lý tưởng của sự rong chơi đích thực?

Anh kết luận rằng, đối với phụ nữ, hoạt động tương đương có lẽ là đi mua sắm – đặc biệt là kiểu đi xem lướt qua mà người ta thường làm khi họ chẳng chú tâm mua gì.

Em không nghĩ anh sai khi nhận định như vậy. Em biết vô khối phụ nữ phải lên dây cót tinh thần mỗi khi họ ra khỏi nhà, thậm chí một số người cố tránh việc ra khỏi nhà. Tất nhiên, một phụ nữ chỉ phải đợi tới khi cô ta đến một độ tuổi nhất định, khi cô ta trở nên vô hình, và – thế là vấn đề được giải quyết.

Và em chú ý đến cách anh sử dụng từ *phụ nữ* khi mà thực chất anh muốn nói đến các phụ nữ trẻ.

Gần đây em đi dạo khá nhiều nhưng chẳng viết gì. Em viết không kịp thời hạn đã định. Em được gia hạn vì thương tình. Rồi em lại lỡ hẹn. Bây giờ biên tập viên nghĩ em giả ốm để trốn việc.

Em không phải là kẻ duy nhất đã lầm khi nghĩ rằng bởi vì đó là điều anh nói đến nhiều nên đó là điều anh sẽ không làm. Suy cho cùng anh đâu phải là người bất hạnh nhất mà bọn em biết. Anh đâu phải là kẻ chán đời nhất (hãy nghĩ đến G, D, hoặc T-R mà xem). Anh đâu phải là – giờ điều này nghe mới lạ lòng làm sao – người muốn tự tử nhất.

Bởi vì yếu tố thời điểm, bởi vì chuyện xảy ra gần như ngay đầu năm mới, nên cũng có lý khi nghĩ rằng đó là một quyết định.

Một trong những lần anh đề cập đến chuyện đó, anh đã nói rằng lý do khiến anh không tự tử chính là vì các sinh viên của anh. Dĩ nhiên, anh lo lắng về sự ảnh hưởng của mình đối với sinh viên vì họ luôn nhìn anh như một tấm gương để học theo. Tuy nhiên, chúng em đã quên phắt điều đó khi anh bỏ dạy vào năm ngoái, mặc dù chúng em biết rằng anh thích giảng dạy và rằng anh cần tiền.

Một lần khác anh nói rằng, đối với một con người đã đến độ tuổi nhất định thì đó có thể là một quyết định có lý, một sự lựa chọn, thậm chí một giải pháp đường như hoàn toàn có thể hiểu được. Không giống một người trẻ tự tử: Trẻ mà tự tử thì đó chẳng là gì khác mà chính là sai lầm.

Có lần anh làm bọn em cười rộ bằng dòng chữ: *Tôi nghĩ mình thích một cuộc đời như một đoạn thiên tiểu thuyết.*

Stevie Smith gọi thần Chết là vị thần duy nhất phải đến khi bị gọi nhưng vẫn khiến bạn hài lòng, khi mà bạn đã cố gắng đủ kiểu như người ta nói, rằng nếu không tự tử thì ta không thể chịu đựng nổi nữa.

Một buổi sáng mùa xuân đẹp trời đi dạo cùng Samuel Beckett, một người bạn hỏi ông: “Một ngày như thế này chẳng lẽ không khiến anh vui vì được sống ư?” “Tôi sẽ không đi xa đến mức ấy đâu”, Beckett đáp.

Và chẳng phải anh là người đã nói với chúng em rằng Ted Bundy^[1] đã từng trực diện thoại cho trung tâm phòng ngừa tự tử đấy ư?

Ted Bundy.

Xin chào. Tên tôi là Ted và tôi ở đây để lắng nghe. Hãy trò chuyện với tôi nào.

Cái tin sẽ có một lễ tưởng niệm khiến chúng em sửng sốt. Chính chúng em đã nghe anh nói rằng anh không bao giờ muốn một điều như thế, rằng cái ý tưởng đó đáng ghê tởm đối với anh. Lẽ nào Vợ Ba đơn giản chọn phốt lờ thực tế ấy? Đó là bởi anh đã không viết gì để dặn dò hết? Giống như hầu hết những người tự tử, anh không để lại một “bức thư ngắn gọn”. Em không bao giờ hiểu nổi tại sao nó lại được gọi là bức thư ngắn. Chắc hẳn phải có ai đó không viết ngắn chứ nhỉ.

Trong tiếng Đức người ta gọi cái đó là *Abschiedsbrief*: Thư vĩnh biệt. (Nghe hay hơn đấy.)

Nguyện vọng được hỏa táng của anh cuối cùng đã được tôn trọng, và không có nghi lễ shivah. Bản cáo phó nhấn mạnh anh là người vô thần. Ông ấy từng nói, *giữa tôn giáo và kiến thức, một con người ắt phải chọn kiến thức*.

Em đọc thấy một lời bình luận rằng, đối với bất cứ ai biết ít nhiều về lịch sử của người Do Thái mà nói thì phát ngôn như thế thật ngớ ngẩn...

Buổi tưởng niệm diễn ra khi cú sốc đã lắng xuống. Mọi người tránh chuyện buồn bằng cách chuyển sang dự đoán tình hình sẽ như thế nào khi có tất cả các bà vợ của anh ở trong cùng một căn phòng. Không kể đến các cô bạn gái (người ta đùa rằng một căn phòng không đủ để chứa hết tất cả bọn họ.)

Trừ phần trình chiếu lặp đi lặp lại, với sự nhắc nhở dồn dập về vẻ đẹp đã mất, tuổi trẻ đã qua, lễ tưởng niệm không khác nhiều so với những buổi hội ngộ liên quan đến văn chương. Người ta nghe thấy những vị khách đứng trong đám đông ở khu vực tiếp tân nói về tiền, về các giải thưởng văn chương để bù đắp, về bài điểm sách kiểu “ném đá” tác giả mới nhất. Sự đúng mực trong trường hợp này có nghĩa là không có nước mắt. Mọi người tranh thủ dịp này để kết nối và cập nhật thông tin. Người ta xì xào và lắc đầu trước việc chia sẻ quá đà của Vợ Hai trong diễn văn tưởng nhớ (và hiện giờ có tin đồn rằng bà ta sắp biến nó thành một cuốn sách.)

Phải nói rằng Vợ Ba trông thật sáng chói, dù đó là sự sáng chói sắc lạnh như lưỡi dao. Bà ta coi em là đối tượng của lòng thương hại, thái độ của bà ta thông báo úp mở rằng em, vì lý do nào đó, là kẻ đáng trách, và tôi sẽ “chém” cô.

Em cảm động khi bà ta hỏi han về việc viết sách của em.

Tôi nóng lòng được đọc nó, bà ta nói dối.

Tôi không chắc mình có thể hoàn thành việc đó, em đáp.

Ồ, nhưng cô biết anh ấy muốn cô hoàn thành nó kia mà, nếu anh ấy còn sống (nếu).

Bà ta có thói quen gây khó hiểu, lắc đầu chậm chậm trong khi nói, cứ như thể đồng thời phủ nhận mọi lời mình vừa mới thốt ra.

Một nhân vật mới nổi tiến đến. Trước khi quay đi bà ta nói, tôi gọi điện cho cô được không?

Em rời đi sớm. Trên đường ra khỏi đó em nghe thấy ai đó nói: Tôi hy vọng lễ tưởng niệm của mình có đông người hơn thế này.

Và: bây giờ ông ta chính thức là một người đàn ông da trắng quá cố nữa.

Phóng viên của hãng tin NPR đã hỏi một tác giả nổi tiếng, có đúng là thế giới văn chương găm gài đầy sự thù ghét, một chiến trường bị bao vây bởi những tay súng bắn tỉa, nơi mà lòng đố kỵ và thái độ kinh địch luôn được tận dụng? Ai đã cho phép nó như thế. Tác giả đó trả lời: Có đầy rẫy sự ganh ghét, thù hận. Và ông ta cố giải thích: Nó giống như một cái bè sắp chìm có quá nhiều người cứ cố leo lên đó bằng được. Vậy nên bất kỳ cú đẩy nào mà anh có thể tạo ra cũng đều khiến cái bè nằm xa tầm với của anh hơn.

Nếu như quả thực việc đọc làm tăng sự thấu cảm, như người ta cứ luôn nói với chúng ta, thì hình như việc viết lại làm sự thấu cảm chuội đi phần nào.

Có lần tại một hội nghị, anh làm số đông người tham dự giật mình khi anh nói: Các vị moi ở đâu ra cái ý tưởng rằng làm nhà văn là một điều tuyệt vời? Simenon, người đã viết hàng trăm tiểu thuyết dùng tên thật, và hàng trăm tiểu thuyết với cả tá bút danh, là tác giả có sách bán chạy trên thế giới, khi kết thúc sự nghiệp đã nói rằng, viết văn không phải là một sự nghiệp mà là một nghề khổ sở.

Kẻ khoác lác rằng mình đã ngủ với không dưới mười nghìn phụ nữ, nhiều nếu không muốn nói hầu hết trong số đó là gái mại dâm, và tự xưng là người ủng hộ nam nữ bình quyền. Người có cổ văn văn chương cỡ Colette và người tình cỡ Josephine Baker, dù ông ta nói rằng đã kết thúc cuộc tình đó bởi vì nó ảnh hưởng nhiều đến công việc, làm chậm tiến độ

viết cuốn tiểu thuyết của năm đó tận mười hai tháng. Người mà, khi được hỏi điều gì khiến ông trở thành một tiểu thuyết gia, đã trả lời: Lòng căm ghét đối với mẹ đẻ của tôi. (Ghét đến mức đó cơ đấy.)

Simenon, kẻ rong chơi: Tất cả những tác phẩm của tôi đều xuất hiện trong đầu tôi lúc tôi đi dạo.

Ông ta có một cô con gái, yêu cha mình theo kiểu bệnh hoạn. Khi còn nhỏ, cô bé đòi nhả cười, và ông ta trao cho con. Khi lớn lên cô bé đánh cái nhả đó rộng ra để vừa ngón tay mình. Hai mươi tuổi, cô bé dùng súng tự tử.

Hỏi: Một cô gái Paris kiếm súng ở đâu?

Đáp: Từ gã thợ làm súng mà cô ta đọc thấy trong một cuốn tiểu thuyết của cha mình.

Vào một ngày của năm 1974, trong chính phòng học mà em thỉnh thoảng giảng dạy, một nhà thơ thông báo với những học viên dự lớp sáng tác mà cô dạy trong kỳ học đó: Tuần tới tôi có thể sẽ không có mặt ở đây. Sau đó, tại nhà riêng, cô ta mặc chiếc áo khoác lông thú cũ kỹ của mẹ mình vào và với ly vodka trong tay, cô ta khóa cửa nhốt mình trong ga-ra.

Chiếc áo lông cũ là chi tiết mà các giảng viên thích chỉ ra cho sinh viên của mình, một trong những chi tiết kể chuyện – cũng như tình tiết con gái của Simenon đã kiếm được khẩu súng bằng cách nào – được thấy đầy rẫy trong cuộc sống nhưng hầu như vắng bóng trong tác phẩm hư cấu của sinh viên.

Nàng thi sĩ leo lên xe hơi của mình, một chiếc Cougar 1967 màu đỏ cam kiểu cổ điển, và khởi động xe.

Trong khóa sáng tác đầu tiên mà em giảng dạy, sau khi em nhấn mạnh tầm quan trọng của chi tiết, một sinh viên giơ tay phát biểu: “Em hoàn toàn không đồng ý. Nếu cô muốn nhiều chi tiết thì cô nên xem ti vi”.

Một bình luận có vẻ ngớ ngẩn mà rồi em hiểu ra là thực sự không phải vậy.

Chính sinh viên đó cũng buộc tội em (cậu ta dùng cụm từ “những nhà văn như cô”) cố dọa dẫm người khác bằng cách làm cho việc viết lách khó khăn hơn thực tế.

Cớ gì chúng tôi lại muốn làm thế? Em hỏi.

Thôi nào, cậu ta nói. Chẳng phải rõ ràng là thế sao? Chiếc bánh đó to mà.

Giảng viên dạy sáng tác đầu tiên của em từng nói với sinh viên rằng nếu có điều gì khác mà họ có thể làm với cuộc đời mình thay vì trở thành nhà văn, bất cứ nghề nghiệp nào khác, thì họ nên làm nó.

Đêm qua, ở ga tàu Union Square, một người đàn ông thổi sáo bản *Cuộc sống tươi đẹp (molto giocoso)*. Gần đây em dễ bị tổn thương bởi những con “sâu” tai, và chắc chắn bài hát đó, với sự biểu diễn “hăng hái” của người chơi sáo, làm em khó chịu cả ngày. Người ta nói cách để đuổi sâu tai là nghe toàn bộ bài hát đó từ đầu đến cuối hai lần. Em đã nghe phiên bản nổi tiếng nhất của nó, do Edith Piaf thể hiện, cũng chính là người đã viết ca từ và trình bày ca khúc đó lần đầu tiên vào năm 1945. Bây giờ giọng ca của album *Chú chim sẻ nhỏ*, giọng ca đượm chất Pháp, nhỏ nhẹ, kỳ kỳ cứ ong ong trong tai em.

Cũng ở ga Union Square, một người đàn ông mang tấm biển: Bị tiểu đường Không răng Không nhà. Một khách đi tàu bằng vé tháng nói rằng đó là một người tốt, khi anh ta ném chút tiền lẻ vào chiếc cốc giấy của người đàn ông kia.

Thỉnh thoảng khi em đang sử dụng máy tính, một cửa sổ tin thành hình xuất hiện: Cô đang viết sách phải không?

Vợ Ba muốn nói chuyện gì với em nhỉ? Em không tò mò như anh có thể sẽ nghĩ đâu. Nếu có một bức thư hay một tin nhắn của anh thì chắc chắn bây giờ em là người giữ nó. Bà ta có thể đang có kế hoạch tổ chức một kiểu tưởng niệm khác, một bộ sưu tập những kỷ niệm bằng chữ, và nếu đúng như vậy thì bà ta sẽ lại làm cái điều mà anh đã nói là anh không hề muốn.

Em nghĩ đến buổi tụ họp đó mà kinh, không phải vì em ghét bà ta (em không ghét), mà bởi em không muốn là một phần của những nghi lễ đó.

Vả lại em không muốn nói về anh. Ở một mức độ nào đó, mối quan hệ của chúng ta là mối quan hệ không bình thường, không phải ai cũng dễ dàng hiểu được. Em chưa bao giờ hỏi, vậy nên không biết, anh đã kể gì về mối quan hệ của chúng ta với vợ của anh. Em luôn biết ơn điều đó, dù Vợ Ba chưa bao giờ là bạn của em như Vợ Cả, và ít nhất không phải là kẻ thù của em như Vợ Hai.

Chuyện hôn nhân của anh khá đặc thù nên những mối quan hệ bạn bè của anh cũng cần điều chỉnh phù hợp, điều này đâu phải là lỗi của bà ta, mà là vì các cuộc hôn nhân vốn dĩ luôn như vậy. Anh và em thân nhau nhất khi anh kẹt giữa hai bà vợ, những giai đoạn chưa bao giờ kéo dài, bởi vì anh, tới mức gần như phi lý, không có khả năng ở một mình. Có lần anh nói với em rằng, với vài trường hợp ngoại lệ, như khi anh đang đi đâu đó vì công việc, chẳng hạn như đi giao lưu tại các nhà sách (và không phải anh luôn đi như thế), anh không qua đêm một mình bao giờ, trong bốn mươi năm. Giữa các bà vợ, luôn có vài cô bạn gái. Giữa vài cô bạn gái có những cuộc tình một đêm. (Và còn có cái mà anh thích gọi là những mối quan hệ qua đường, nhưng những người đó không lên giường với anh.)

Em dừng ở đây một lát để thú nhận điều này dẫu có chút xấu hổ: Em vẫn luôn đau khổ mỗi khi nhận được tin anh yêu ai, và em cũng không thể giữ kín niềm vui dâng trào mỗi lần em biết anh chia tay ai đó.

Em không muốn nói về anh, cũng chẳng muốn nghe người khác nói về anh. Tất nhiên đây là câu nói sáo mòn: Chúng ta nói về người chết để nhớ họ, để giữ họ sống, theo cái cách duy nhất chúng ta có thể. Nhưng em nhận ra rằng người ta càng nói nhiều về anh, chẳng hạn những người nói về anh tại buổi tưởng niệm – những người yêu mến anh, những người biết rõ anh, những người rất giỏi dùng ngôn từ – thì anh dường như càng lùi xa, càng trở nên giống một bức ảnh nổi ba chiều.

Em cảm thấy nhẹ nhõm vì chí ít em cũng không được mời tới nhà anh. (Đó vẫn là nhà anh.) Không phải là em có sự gắn kết đặc biệt vững chắc với nơi đó, vài năm em mới chỉ đến đó hai hoặc ba lần trong thời gian nơi đó còn là nhà anh. Em còn nhớ rõ lần đầu em tới, không lâu sau khi anh chuyển đến sống ở đây, khi em có một “tua” thăm viếng nhà của người giàu, ngưỡng mộ những giá sách dựng gần vào tường và những tấm thảm dày được trải trên sàn nhà lát gỗ óc chó lâu năm, và được nhắc cho nhớ các nhà văn đương đại thực chất tư sản như thế nào. Một lần, trong bữa ăn tối tại gia đình của một nhà văn khác, một người khơi ra nguyên tắc nổi tiếng của Flaubert, nguyên tắc sống như tư sản và suy nghĩ như á thần, dù em chưa bao giờ hiểu được sao cuộc sống của người đàn ông hoang dã đó lại được nói là giống cuộc sống của bất cứ nhà tư sản bình thường nào. Ngày nay (cả bàn đều nhất trí) loại người tự do phóng túng vô tích sự không còn tồn tại nữa, thay vào đó là dân hipster (ngầu, sống phóng túng) được biết đến vì sự tinh khôn, cách tiêu dùng thông minh, khiếu thẩm mỹ và sự sành ăn. Mở chai rượu vang thứ ba, chủ nhà quả quyết, dù thẳng thắn hay không,

nhiều nhà văn ngày nay thú nhận họ ngưỡng, thậm chí xấu hổ về nghề của mình.

Anh, người đã chuyển đến đó mấy chục năm trước thời kỳ phát triển bùng nổ, chán ngấy khi thấy Brooklyn trở thành một thương hiệu và ngạc nhiên trước thực tế rằng, việc viết về khu dân cư anh đang sống cũng khó như viết về sự phản văn hóa của những năm sáu mươi: Dù ta bắt đầu một cách nghiêm túc đến mức nào thì mực của thứ “văn nhại” vẫn cứ rỉ ra.

Nổi tiếng ngang với phát ngôn của Flaubert là lời của Virginia Woolf: *Con người ta không thể suy nghĩ sáng suốt, yêu giỏi, ngủ ngon, nếu như không ăn tối đầy đủ.* Đúng vậy. Nhưng chuyện một họa sĩ sắp chết đói không phải lúc nào cũng là hư cấu, và biết bao nhà tư tưởng đã sống như những người cùng khổ, hoặc xuống mồ như những kẻ bần hàn.

Woolf gọi Flaubert và Keats là những người đàn ông thiên tài chịu khổ sở cùng cực vì thái độ thờ ơ của thế giới đối với họ. Nhưng anh cho rằng Flaubert nghĩ gì về người phụ nữ kia – khi mà ông từng nói rằng tất cả các nữ nghệ sĩ đều là dĩ điểm? Cả hai người đó đều đã tạo ra những nhân vật tự tử, như chính Woolf sau này.

Có dạo – một thời gian khá dài – anh và em hầu như ngày nào cũng gặp nhau. Trong mấy năm qua chúng ta giữ liên lạc thường xuyên nhưng chủ yếu qua thư điện tử, cứ như thể chúng ta sống ở những nước khác nhau chứ không phải chỉ ở các khu phố khác nhau của New York. Năm ngoái chúng ta thường gặp nhau tình cờ tại một bữa tiệc, hoặc một buổi đọc sách, hoặc sự kiện nào đó khác, hơn là do hẹn trước.

Tại sao em lại sợ bước chân vào nhà anh?

Em nghĩ, việc đến nhà anh sẽ khiến em suy sụp khi thoáng thấy một bộ đồ quen thuộc của anh, hoặc một cuốn sách, một bức ảnh, hoặc cảm nhận

cái mùi phảng phất của anh. Mà em thì không muốn mình suy sụp trước mặt những bà vợ góa của anh.

Bạn đang viết một cuốn sách ư? Bạn đang viết một cuốn sách ư? Hãy bấm chuột vào đây để biết cách xuất bản nó.

Gần đây, từ khi em bắt đầu viết cuốn sách này, một thông điệp mới xuất hiện.

Cô đơn ư? Sợ hãi ư? Trầm cảm ư? Hãy gọi đường dây nóng phòng chống tự tử 24 giờ.

Động vật duy nhất tự tử cũng là động vật duy nhất biết khóc. Dù em đã nghe nói những con hươu đực bị dồn vào đường cùng, kiệt sức vì bị săn đuổi, không có cách thoát khỏi đàn chó săn, đôi khi cũng chảy nước mắt. Cũng có ghi nhận về những con voi biết khóc và tất nhiên người ta sẽ kể với anh bất cứ điều gì về những con mèo, con chó cưng của họ.

Theo các nhà khoa học, nước mắt của động vật là nước mắt của trạng thái căng thẳng, chứ không thể bị lẫn lộn với nước mắt của con người có cảm xúc.

Ở con người, thành phần hóa học của nước mắt cảm xúc khác với nước mắt hình thành để làm sạch hoặc bôi trơn mắt do ngứa hoặc bứt rứt chẳng hạn. Chúng ta biết rằng sự giải phóng các chất hóa học này có thể có lợi cho người khóc, điều đó giải thích rõ tại sao người ta thường cảm thấy dễ chịu hơn sau khi khóc một trận “thật đã” và có lẽ, đó cũng là lý do mà phần lớn chúng ta chịu đựng được những nỗi muộn phiền, sầu bi.

Người ta nói rằng nam diễn viên Laurence Olivier bị trầm cảm bởi vì, không giống những diễn viên khác, ông không thể khóc khi cần. Cũng thú

vị nếu biết về thành phần hóa học trong nước mắt của một diễn viên, xem đâu là nước mắt cảm xúc, đâu là nước mắt sinh lý.

Trong văn học dân gian và các thể loại văn học hư cấu khác, nước mắt của con người, cũng như tinh dịch và máu, có thể là tài sản kỳ diệu. Ở phần kết chuyện về nàng công chúa Rapunzel, sau nhiều năm sống tách biệt và khổ sở, nàng và hoàng tử đã tìm lại được nhau. Họ ôm nhau, những giọt nước mắt hạnh phúc của nàng rơi xuống mắt chàng, giúp đôi mắt bị phù thủy làm mù lòa sáng lại một cách kỳ diệu.

Một trong nhiều huyền thoại về Edith Piaf cũng liên quan đến sự phục hồi thị lực kỳ diệu. Chứng viêm giác mạc làm nữ danh ca bị mù hồi nhỏ được cho là đã được chữa khỏi sau khi mấy cô gái làng chơi làm việc trong nhà thổ của bà ngoại Edith và cũng là ngôi nhà thuở ấu thơ của cô bé hồi đó, đã đưa Edith đi thực hiện cuộc hành hương để tỏ lòng tôn kính Thánh Therèse của Lisieux. Đây có thể chỉ là một câu chuyện cổ tích khác, nhưng có một sự thật mà Jean Cocteau đã từng miêu tả là, khi hát, Piaf có “đôi mắt của người mù bỗng nhiên được phép màu tác động, đôi mắt của một người có thần nhãn”.

Ấy thế mà trong hai ngày, tôi hóa mù lòa... Tôi đã nhìn thấy gì? Tôi sẽ chẳng bao giờ biết được. Lời của một nhà thơ miêu tả một giai đoạn tuổi thơ của mình in dấu bạo lực và nghèo khổ. Louise Bogan. Chính bà đã nói: *Tôi chắc chắn đã trải nghiệm bạo lực từ khi chào đời.*

Em nghĩ mình thuộc lòng truyện cổ Grimm đó, nhưng em quên rằng chàng hoàng tử đã cố quỳên sinh. Chàng tin mù phù thủy khi mù nói chàng sẽ chẳng bao giờ gặp lại nàng Rapunzel nữa, và nhảy khỏi tòa tháp cao của mù. Em nhớ rằng mù phù thủy dùng móng tay làm chàng bị mù – và mù

dọa rằng con mèo đã tóm chú chim cảnh đẹp đẻ của chàng cũng sẽ móc mắt chàng ra. Nhưng chính vì chàng nhảy từ trên tháp xuống mà chàng bị mù. Mặt đất nơi chàng rơi xuống có những cái gai nhọn đâm xuyên vào mắt chàng.

Nhưng ngay cả khi còn bé em đã nghĩ mẹ phù thủy có quyền tức giận. Một lời hứa là một lời hứa, và có vẻ như không phải mẹ đã lừa cha mẹ của Rapunzel bỏ mặc con họ. Mẹ đã chăm sóc Rapunzel cẩn thận, bảo vệ cô khỏi thế giới xấu xa rộng lớn. Dường như không công bằng khi mà sau ngần ấy năm dài người đàn ông trẻ đẹp đầu tiên xuất hiện lập tức có thể mang nàng đi.

Trong thời ấu thơ điều mà em yêu thích là đọc truyện cổ tích. Em có một người hàng xóm bị mù. Dù là một người đàn ông ở tuổi trưởng thành, anh ta vẫn sống với cha mẹ. Đôi mắt của anh ta luôn bị giấu sau cặp kính đen to tướng. Hồi đó em không hiểu sao một người mù lại cần phải bảo vệ mắt của mình khỏi ánh sáng. Phần còn lại của khuôn mặt anh ta toát lên vẻ răn rỏi và điển trai, giống như chàng Rifleman trên ti vi. Anh ta có thể đã trở thành một diễn viên điện ảnh, hoặc một mật vụ, nhưng trong truyện em viết về người đó, anh ta là một hoàng tử bị thương, và trong truyện của em chính những giọt nước mắt đã cứu sống anh ta.

“Tôi hy vọng chỗ này dễ chịu. Cô thật tử tế vì đã đến tận đây”.

Chuyến đi, như bà ta biết, mất hơn ba mươi phút, nhưng bà là một người phụ nữ lịch thiệp, Vợ Ba. Và “chỗ này” là một quán cà phê theo phong cách châu Âu quyến rũ, chỉ đi qua góc đường là tới ngôi nhà phố đá

nâu của anh. (Nó vẫn là ngôi nhà phố đá nâu của anh.) Một sự sắp xếp hoàn hảo – em nghĩ khi bước vào quán và nhìn thấy bà ta tại chiếc bàn gần cửa sổ, không sử dụng thiết bị điện tử như tất cả mọi người khác đang ngồi ở đó một mình (và ngay cả một số người không ngồi một mình cũng thế), mà lặng ngấm đường phố – dành cho một phụ nữ xinh đẹp và thanh lịch.

Một trong những điều anh kể với bọn em về bà là, cô ấy là kiểu phụ nữ biết năm mươi cách thắt một chiếc khăn quàng cổ.

Không quá lời khi nói rằng Vợ Ba trông chưa đến sáu mươi, rằng bà đã khiến cho việc trông hấp dẫn ở tuổi sáu mươi trở nên dễ dàng. Em nhớ tất cả bọn em đã ngạc nhiên như thế nào khi lần đầu tiên anh bắt đầu gặp gỡ bà, một góa phụ xấp xỉ tuổi anh. Tất nhiên bọn em nghĩ về Vợ Hai, và về những người khác thậm chí trẻ hơn, và căn cứ vào khuynh hướng của anh, chúng em đoán việc anh có người nào đó trẻ hơn con gái của anh chỉ là vấn đề thời gian. Chúng em nhất trí rằng chắc hẳn cuộc hôn nhân thứ hai của anh rất những trận chiến, cuộc hôn nhân mà anh từng nói đã làm cho anh già đi mười tuổi, cuộc hôn nhân đã đẩy anh vào vòng tay của một người đàn bà trung niên.

Nhưng dù em khâm phục bà – mái tóc mới cắt và được nhuộm, cách trang điểm, đôi bàn tay được làm móng thật đẹp và em biết đôi bàn chân không lộ ra của bà cũng được làm móng đẹp không kém – em không thể ngăn nổi một ý nghĩ, nó nảy ra trong đầu em khi em nhìn thấy bà ta tại lễ tưởng niệm và bất giác nhớ đến một câu chuyện trên báo về một cặp vợ chồng có đứa con biến mất trong khi gia đình đi nghỉ. Nhiều ngày trôi qua, đứa trẻ vẫn bật vô âm tín, chẳng có manh mối gì, và cái bóng của mối nghi ngờ trùm lên chính cha mẹ đứa trẻ. Họ bị chụp ảnh khi đang đi ra từ một đồn cảnh sát, một cặp vợ chồng trông bình thường có khuôn mặt không để lại ấn tượng gì. Điều cú ám ảnh em là chi tiết người phụ nữ ấy tô son và đeo trang sức: dây chuyền, vòng đeo tay, và một đôi khuyên tai to tướng. Trong

hoàn cảnh đó người ta vẫn bận tâm đến chuyện trang điểm, đeo trang sức khiến em ngạc nhiên. Em cứ nghĩ chị ta trông giống như một người vô gia cư cơ.

Và bây giờ, trong quán cà phê, em lại có cái ý nghĩ đó: Bà ta là vợ anh, chính bà phát hiện ra xác chồng mình. Nhưng ở đây, cũng như tại lễ tưởng niệm, bà nỗ lực hết sức để bản thân trông không chỉ đẹp, không chỉ bình tĩnh nhất, mà còn mang thần thái tốt nhất: gương mặt, trang phục, ngón tay, răng tóc – tất cả đều được chăm sóc kỹ càng.

Em cảm thấy đây không phải là sự chỉ trích, chỉ là nỗi kinh ngạc.

Bà ta khác biệt: Một trong số ít người trong cuộc đời anh, về mặt này hay mặt khác, không dính dáng tới văn chương hoặc giới học thuật. Bà làm cố vấn điều hành tại chính công ty Manhattan mà bà ta đã làm từ khi tốt nghiệp trường kinh doanh. Nhưng này, cô ấy đọc nhiều hơn bọn em, anh từng nói với mọi người như vậy để chúng em phải có ánh nhìn khác về bà. Ban đầu, bà đối với em lịch sự nhưng xa cách, bằng lòng chấp nhận em là một trong những người bạn lâu năm nhất của anh trong khi bản thân bà chỉ là người em biết mà thôi. Như thế còn tốt chán so với lòng đố kỵ điên rồ của Vợ Hai, kẻ đòi anh chấm dứt, tuyệt giao với em hay bất kỳ người phụ nữ nào trong quá khứ của anh. Tình bạn của chúng ta đặc biệt chộc tức bà ta; bà ta gọi đó là mối quan hệ “loạn luân”.

Tại sao lại “loạn luân”? Em hỏi.

Anh nhún vai, giải thích rằng ý bà ta là em và anh quá thân nhau.

Bà ta chưa bao giờ tin chúng ta không ngủ với nhau.

Một lần, khi chúng ta nói chuyện qua điện thoại, em đã nói điều gì đó khiến anh bật cười. Qua điện thoại em nghe thấy tiếng bà ta cầu nhàu rằng bà đang cố tập trung đọc sách. Khi anh lơ bà ta đi, và tiếp tục cười, bà ta điên tiết. Bà ta ném cuốn sách vào đầu anh.

Anh nói không. Anh đồng ý gặp gỡ em ít hơn, nhưng không chịu tuyệt giao với em.

Trong một thời gian anh chịu đựng những cơn tam bành, những đồ vật bay, tiếng gào hét và khóc lóc, những lời phàn nàn của hàng xóm. Rồi sau đó anh nói dối. Trong nhiều năm chúng ta bí mật gặp nhau, cứ như thể em và anh là cặp tình nhân bí mật thật, khiến bà ta phát điên. Thái độ thù địch của bà ta chưa bao giờ suy giảm. Nếu chúng ta tình cờ gặp nhau ở nơi công cộng, bà ta luôn nhìn em trừng trừng. Thậm chí tại lễ tưởng niệm anh, bà ta cũng nhìn em trừng trừng. Con gái bà ta – con gái anh – không có mặt ở đó. Em nghe ai đó nói rằng con bé đang ở Brazil, trong một dự án nghiên cứu có liên quan đến một loài vật có nguy cơ tuyệt chủng – chim chóc gì đó.

Giữa anh và đứa con độc nhất lạnh lùng của anh có nhiều nỗi bất hạnh, thậm chí về chuyện ngoại tình con bé không được bao dung như mẹ nó.

Anh nói, con bé không hiểu. Nó xấu hổ vì anh.

(Điều gì khiến anh nghĩ rằng con bé không hiểu cơ chứ?)

Nhưng không hề có một giọt oán hận nào ở Vợ Hai trong bài diễn văn tưởng niệm. Bà ta nói anh là ánh sáng, là tình yêu của đời bà, là điều tốt đẹp nhất từng đến với bà trong cuộc đời này. Và bây giờ, người ta nói bà ta đang viết một cuốn sách về cuộc hôn nhân của hai người. Một cuộc “tiểu thuyết hóa”. Trong đó có lẽ em sẽ biết liệu anh đã bao giờ nói với bà ta rằng chúng ta từng ngủ với nhau. Một lần. Nhiều năm trước. Nhiều năm trước khi bà ta gặp anh.

Gần như vừa mới ra trường, anh bắt đầu đi dạy ngay. Em không phải là người duy nhất trong số sinh viên của anh trở thành bạn của anh, và ngay trong lớp đó cả hai chúng ta đã gặp Vợ Cả. Anh là giảng viên trẻ nhất, là thần đồng, là chàng Romeo của khoa. Anh nghĩ bất cứ nỗ lực nào nhằm xua đuổi tình yêu khỏi lớp học đều vô ích. Anh nói một giảng viên xuất sắc thì luôn có sức quyến rũ, và đã nhiều lần anh chắc chắn cũng là một kẻ làm tan

nát không ít trái tim. Việc em thực sự không hiểu anh đang nói về điều gì không làm cho điều đó trở nên kém lý thú. Những gì em hiểu là rằng, em khát khao hiểu biết, và rằng anh có khả năng truyền kiến thức tới em.

Năm học kết thúc, nhưng tình bạn của chúng ta thì không, và mùa hè đó – đúng giai đoạn anh bắt đầu tán tỉnh Vợ Cả – chúng ta trở nên thân nhau đến mức không thể chia lìa. Một hôm anh làm em giật mình khi nói chúng ta sẽ lên giường với nhau. Xét về tiếng tăm của anh, đề nghị này đáng lẽ chẳng phải là một điều ngạc nhiên. Nhưng thời gian trôi qua đã đủ để em không thấp thỏm đợi anh vồ lấy. Bây giờ đề nghị thẳng thừng ấy đến, và em không biết phải nghĩ gì. Em hỏi một cách ngớ ngẩn, tại sao? Câu hỏi khiến anh bật cười. Khẽ vuốt tóc em anh nói, bởi vì chúng ta nên khám phá nhau. Em không biết anh hay em bất chợt nghĩ rằng em có thể từ chối. Trong mọi khao khát của em vào thời điểm đó – và anh có thể gọi nó là thời nồng nàn nhất của cuộc đời em – một trong những khát khao mãnh liệt nhất là tin tưởng hoàn toàn vào một người; vào một người đàn ông.

Sau này, em bẽ mặt khi anh thông báo rằng sẽ là một sai lầm nếu chúng ta cố vượt quá tình bạn.

Em giả ốm một thời gian. Em giả vờ mình đi khỏi thành phố trong một thời gian lâu hơn nữa. Rồi sau đó em ốm thật, em oán trách anh, nguyên rủa anh, và em không tin anh có thể là bạn của em.

Nhưng cuối cùng khi chúng ta gặp lại nhau, thay vì tình trạng lúng túng khó chịu mà em hằng sợ, một điều – một sự căng thẳng nhất định, nổi bối rối mà trước đó em hoàn toàn không nhận thấy – đã tan biến.

Tất nhiên, đó đúng là điều anh hy vọng. Bây giờ, anh đã hoàn thành cuộc chinh phục Vợ Cả, và tình bạn của chúng ta cũng đồng thời phát triển. Nó tồn tại lâu hơn tất cả mọi tình bạn khác của em. Nó mang đến cho em niềm hạnh phúc mãnh liệt. Và em cảm thấy mình may mắn: Em đã đau khổ, nhưng không giống những người khác em chưa bao giờ phải tan nát trái

tim. (Chưa ư? Một chuyên gia trị liệu có lần đã chọc tức em bằng cách hỏi như vậy. Vợ Hai không phải là người duy nhất phát hiện ra điều gì đó không lành mạnh về mối quan hệ của chúng ta, và chuyên gia tâm lý ấy cũng chẳng phải là người duy nhất tự hỏi chẳng lẽ mối quan hệ ấy không phải là một yếu tố trong chuyện em vẫn độc thân từng ấy năm.)

Vợ Cả. Một tình yêu nồng nàn thật sự không thể phủ nhận. Nhưng về phía anh, đó không phải là một tình yêu thủy chung. Trước khi nó kết thúc bà ấy suy nhược thần kinh. Không quá cường điệu khi nói rằng bà ấy không bao giờ như trước được nữa. Nhưng anh cũng vậy thôi. Em nhớ anh đã đau đớn đến mức nào khi bà ấy ra viện và ngay lập tức có người khác.

Khi bà ấy tái hôn, anh thề anh sẽ không bao giờ kết hôn nữa. Tiếp theo đó là cả một thập kỷ của những cuộc tình, hầu hết đều “sớm nở tối tàn”, nhưng có vài cuộc tình na ná hôn nhân. Em nhớ chẳng cuộc tình nào không kết thúc trong sự phản bội.

W.H.Auden nói, tôi không thích những người đàn ông bỏ lại phía sau mình một dãy dài những người phụ nữ khóc lóc. Những người sẽ căm ghét anh ta.

Vợ Ba. Em nhớ anh kể với bọn em rằng bà ta là một tảng đá. (Anh nói, tảng đá của anh.) Là chị cả trong gia đình có chín người con, vốn là đứa con gái có nhiều trách nhiệm dồn lên mình khi mẹ của bà bị bệnh dẫn đến tàn tật còn cha thì cố xoay xở để giữ hai công việc cùng lúc. Về cuộc hôn nhân đầu tiên của bà, em chỉ biết rằng người chồng đã chết trong một tai nạn leo núi và họ có một đứa con trai.

Đây là lần đầu tiên em và bà ta ngồi riêng với nhau. Bởi vì em chỉ biết bà có tính e dè, hôm nay em ngạc nhiên trước thực tế bà nói nhiều đến vậy, cà phê hơi cứ như rượu khiến bà nói luôn miệng. Bà cũng làm thế với cái

đầu của mình, lắc qua lắc lại, lắc qua lắc lại trong khi nói – bà đang cố tình thôi miên em chẳng? Đường như bà căng thẳng dù giọng của bà nhẹ nhàng và điềm tĩnh.

Anh không phải người đầu tiên trong đời bà tự tử, bà nói vậy.

“Ông của tôi đã dùng súng tự tử. Chuyện đó xảy ra khi tôi còn bé xíu và tôi không còn nhớ gì về ông mình. Nhưng cái chết của ông là một phần đáng kể của tuổi thơ tôi. Cha mẹ tôi không bao giờ nhắc tới chuyện đó, nhưng nó luôn hiện hữu như một đám mây lơ lửng phía trên nhà tôi, như con nhện trong góc nhà, như con ma xó dưới gầm giường. Ông là ông nội tôi, và tôi được dạy cho nhớ kỹ rằng không bao giờ nên hỏi cha tôi về ông nội. Khi đã lớn, cuối cùng tôi cũng khiến mẹ mình phải tiết lộ một chút về chuyện đó. Mẹ nói rằng vụ tự tử của ông là một cú sốc thật sự. Không có thư tuyệt mệnh để lại, và không ai quen biết ông có thể đưa ra lý do giải thích tại sao ông lại làm một chuyện như thế. Ông không hề tỏ ra buồn phiền, chứ nói gì đến dấu hiệu muốn tự tử. Sự bí ẩn khiến chuyện ấy tồi tệ hơn đối với cha tôi, người mà trong một thời gian dài cứ khẳng khẳng rằng chắc hẳn phải có điều uẩn khúc, gian trá nào ở đây. Mẹ tôi nói rằng cha dường như tức giận ông nội hơn vì đã không để lại lời nào mà cứ thế ra đi. Hình như cha mong đợi lý do của cuộc ra đi ấy”.

Trái lại, anh luôn chịu đựng nỗi trầm uất. Vợ Ba nói tình trạng trầm uất của anh chưa bao giờ tệ như thế, như trong sáu tháng cuối cùng, khi anh hầu như không thể dậy khỏi giường vào buổi sáng và không viết nổi chữ nào. Dầu vậy, thật lạ là anh vượt qua cuộc khủng hoảng đó và, từ mùa hè, cuối cùng, anh đã có tâm trạng tốt. Bà ta nói, bởi lẽ cơn hạn hán kéo dài đã kết thúc, sau nhiều sự khởi đầu giả tạo, anh cuối cùng đã có một điều gì đó khiến anh hứng khởi. Sáng nào anh cũng ngồi vào bàn, và hầu hết mọi ngày anh đều thông báo rằng việc viết lách diễn ra rất tốt. Anh đọc nhiều, như

anh luôn như vậy khi anh đang viết tiểu thuyết. Và về thể xác anh đã nhanh nhẹn trở lại.

Bà ta giải thích rằng, năm ngoái một trong những điều khiến anh thật sự buồn phiền là anh bị đau lưng khi chuyển mấy cái hộp và trong nhiều tuần không thể tập thể dục. Thậm chí đi bộ cũng đau. Và bà nói, anh nhớ câu châm ngôn của mình: Nếu tôi không thể đi dạo thì tôi không viết nổi. Nhưng chấn thương đó cuối cùng cũng được chữa lành, anh trở lại với những cuộc đi dạo kéo dài và những buổi chạy trong công viên.

“Anh ấy cũng hòa mình trở lại với xã hội, cập nhật thông tin về tất cả những người anh tránh mặt trong khi anh trầm cảm. Và cô biết anh ấy có một con chó chứ?”

Thực ra anh đã gửi thư cho em kể về chú chó mà một buổi sớm anh phát hiện thấy khi ra ngoài tập chạy. Nó đứng trên bức tường hành lang đầu hồi, in cái bóng đen lên nền trời: Chú chó to nhất anh từng nhìn thấy. Một chú chó giống Great Dane sắc sỡ. Không có đai đeo cổ hay thẻ tên, điều khiến anh nghĩ rằng đó là con chó bị bỏ rơi, dù nó là chó thuần chủng. Anh đã làm tất cả những gì có thể để tìm chủ của nó và khi chẳng thể tìm được, anh quyết định nuôi nó. Vợ anh khiếp hãi. Anh nói, bà ấy không phải là tuýp người thích chó, mà Dino thì lại là chó thuần chủng. Sáu mươi một centimet tính từ vai tới hông. Nặng tám mươi một cân. Anh đính kèm một bức ảnh: Anh và nó, má kề má, cái đầu to tướng thoạt nhìn trông giống như đầu ngựa.

Sau này anh không thích tên Dino. Anh nói cái tên đó không xứng với nó. Cái tên anh nghĩ đến là Chance? Chauncy? Diego? Watson? Rolfe? Arlo? Alfie? Bất cứ tên nào trong số đó thì em đều nghe lọt tai. Cuối cùng anh gọi nó là Apollo.

Vợ Ba hỏi em có biết một người bạn của anh đã tự tử vài tháng trước khi anh làm điều đó không.

Em nói em chưa từng gặp người đó. Dù anh đã kể với em về ông ta.

“Khi ấy người đàn ông tội nghiệp đó đang ở trong tình trạng sức khỏe tồi tệ. Ông ta bị phù thũng, ung thư, viêm họng và tiểu đường – chất lượng cuộc sống của ông ta thực sự rất tệ”.

Anh, trái lại, đang có sức khỏe tuyệt vời. Theo bác sĩ của anh, trái tim và cơ bắp anh đều giống như của một người đàn ông trẻ trung hơn nhiều.

Nói đến đây bà ta dừng một lát, buông một tiếng thở dài gần như không nghe rõ rồi quay đầu ra phía cửa sổ, đưa mắt lia qua đường phố như thể câu trả lời mà bà đang tìm kiếm chắc chắn sẽ xuất hiện; chỉ đến muộn một chút mà thôi.

“Ý kiến của tôi là, dù anh ấy có thể đã có những thăng trầm và không thích già hơn chúng ta, thực sự vào thời điểm đó anh ấy dường như đang khỏe lên.”

Thấy em không nói gì – em biết nói gì cơ chứ? – bà tiếp tục: “Tôi nghĩ thôi dạy là một sai lầm đối với anh ấy. Không chỉ bởi đó là việc anh ấy yêu thích mà bởi nó tạo cho cuộc sống của anh một cấu trúc mà tôi biết là tốt cho anh. Dù tôi cũng biết anh ấy không còn hạnh phúc với việc giảng dạy như anh ấy đã từng. Thực ra, anh ấy luôn phàn nàn. Anh nói, giảng dạy đã trở thành một việc gây nản lòng, đặc biệt đối với một nhà văn”.

Điện thoại của em phát ra tiếng “ping”. Tin nhắn chẳng có gì khẩn cấp, nhưng em xem giờ với một thoáng lo âu. Chẳng phải vì em cần có mặt ở một nơi khác, em không có kế hoạch nào khác cho ngày hôm đó. Nhưng đã nửa tiếng rồi, cốc của em và của bà đã cạn, mà em vẫn không biết mình đang làm gì ở đó. Em tiếp tục đợi bà gọi ra một chủ đề đặc biệt, một chủ đề tế nhị để bắt đầu và em sẽ nhận thấy thậm chí khó bàn đến bởi em không biết bà nghĩ gì hoặc bà biết đến mức nào. Chẳng hạn, em có thể nghĩ đến vài lý do khiến anh giấu Vợ Ba về nhóm sinh viên đã phàn nàn khi bị gọi là “cứng”.

Em đã nghĩ những sinh viên ấy xử lý tốt chuyện đó. Họ gửi thư cho anh, và chỉ cho anh thôi.

Họ viết thư, có lẽ thầy nghĩ gọi như vậy thì quyến rũ. Nhưng đó là việc tự hạ thấp phẩm giá của mình. Không phù hợp. Thầy nên dừng lại.

Anh thôi gọi thế, nhưng không phải là không hờn dỗi. Một thói quen hoàn toàn vô hại, anh đã cư xử như thế trong bao nhiêu năm rồi nhỉ? Từ khi anh bắt đầu đi dạy. Và trong suốt thời gian đó không hề có một tiếng kêu ca nào từ bất cứ ai. Giờ thì mọi người – mọi phụ nữ trong lớp (và, giống như trong hầu hết các lớp sáng tác khác, lớp này phần lớn là nữ) – ký tên vào bức thư đó. Tất nhiên anh cảm thấy mình bị người khác kết bè chống lại.

Em không đồng ý với anh rằng làm như thế thật hèn hạ ư? Em không hiểu toàn bộ chuyện đó nhỏ nhen và lỗ bịch đến mức nào ư? Giá mà bọn họ nặng xị lên về chuyện đó chỉ vì sự lựa chọn ngôn từ của cá nhân!

Một trong những lần hiếm hoi anh và em cãi nhau.

Em: Chẳng ai nói gì không có nghĩa là không ai phản đối.

Anh: Nếu bọn họ không nói gì thì nghĩa là họ không phản đối, chứ còn gì nữa?

Thật ngớ ngẩn (em thừa nhận đây là sơ suất), em nhắc đến nhà thơ nổi tiếng đã dạy chính chương trình đó nhiều năm trước, và là người, khi chọn sinh viên cạnh tranh cho suất học trong lớp của ông, đã yêu cầu phụ nữ phải qua phỏng vấn trực tiếp, để ông có thể chọn dựa trên vẻ ngoài của họ. Và thoát.

Em cứ nghĩ đầu anh sẽ nổ tung. Em dám đưa ra sự so sánh xúc phạm đến lòng tự ái! Sao em dám gợi ý anh nên làm điều tương tự cơ chứ.

Em xin lỗi.

Nhưng điều anh đã làm, qua nhiều năm, là có vô số cuộc tình lãng mạn với sinh viên và cựu sinh viên.

Anh chưa bao giờ thấy có gì sai trong chuyện này. (Nếu anh nghĩ chuyện đó sai thì anh đã không làm.) Và lại, chẳng có luật nào cấm chuyện đó cả. Anh nói, đó là chuyện tất yếu phải xảy ra. Lớp học là nơi những mối tình có thể nảy sinh. Phủ nhận điều này là xuẩn ngốc. Hãy đọc George Steiner đi. Hãy đọc *Những bài học về những người thầy đi*. Em đã đọc George Steiner, một trong những giảng viên của anh, một người kín đáo và được yêu mến. Em đã đọc cuốn *Những bài học về những người thầy*, và em trích dẫn: *Tính đa dân, dù vụng trộm hay công khai, mơ mộng viễn vông hay đóng kịch, đều hòa quyện trong giảng dạy... Thực tế cơ bản này bị tầm thường hóa bởi người ta cứ đem gắn nó với nạn quấy rối tình dục*.

Điều không nói ra: Em là kẻ giả vờ giả vẹt. Chúng ta đều biết em từng run lên khi anh gọi em là “cưng”.

Và hãy để anh chỉ ra điều này: Trong không ít trường hợp, chính sinh viên quyến rũ anh.

Nhưng em nhớ hồi đầu có một nữ sinh viên ngoại quốc đã cự tuyệt lời tán tỉnh của anh và sau đó cáo buộc anh đã trừng phạt cô ta bằng cách cho cô ta một điểm A trừ thay vì điểm A mà cô ta xứng đáng nhận. Hóa ra sinh viên đặc biệt đó có thói quen nghi ngờ điểm số, và tổ điều tra xác định rằng điểm A trừ dành cho cô ta là đã rất rộng lượng. Tuy nhiên, dù các mối quan hệ lãng mạn giữa giảng viên và sinh viên không chính thức bị cấm, hành vi của anh vẫn là thiếu đúng mực, thiếu sự suy xét về đạo đức lành mạnh và không thể tha thứ được.

Một sự cảnh báo. Thế mà anh lờ đi. Và thoát.

Phải mất nhiều năm để anh thay đổi. Có nghĩa là mất một thời gian dài.

Anh chỉ vừa mới bước sang tuổi năm mươi. Anh vừa mới tăng hai mươi cân, số cân mà anh sẽ lại giảm, nhưng không phải chỉ trong một thời gian.

Anh đến quán bar trong tình trạng đã ngà ngà say, uống say mềm, tuôn ra những điều anh giữ kín trong lòng. Em ước gì anh dừng lại. Em ghét khi anh nói về phụ nữ. Không phải là em ghen, em không còn ghen nữa, và em thề từ lâu em đã sống hòa bình với khía cạnh đó của anh. Điều em ghét là cảm giác ngượng thay cho anh. Anh biết em chẳng thể làm gì, nhưng kiểu gì anh cũng phải cho em thấy vết thương của anh. Dù việc đó đòi hỏi sự phơi bày khiếm nhã.

Cô ta mười chín tuổi rưỡi – vẫn đủ trẻ để cái gọi là “rưỡi” kia có ý nghĩa nào đó. Cô ta không yêu anh, điều này thì anh chịu đựng được (thực, anh thậm chí còn thích hơn). Điều anh không thể chịu nổi là cô ta không ham muốn anh. Đôi khi cô ta giả bộ khao khát, dù chưa bao giờ giả bộ một cách toàn tâm. Chủ yếu do cô ta quá lười giả vờ. Sự thật là cô ta không quan tâm đến tình dục. Cô ta không cặp với anh vì tình dục. Anh biết rõ thứ tình dục mà cô ta quan tâm, cô ta kiếm nó ở chỗ khác.

Bây giờ điều này đã trở thành một khuôn mẫu: Những phụ nữ trẻ sẵn sàng ngủ với anh nhưng là những người không có cùng ham muốn đã thúc đẩy anh đến với họ. Thay vì thế, điều thúc đẩy họ đến với anh là thói yêu bản thân, cảm giác sung sướng khi bắt một người đàn ông nhiều tuổi hơn ở vị trí quyền lực phải quỳ gối.

Mười chín tuổi rưỡi mà điều khiến được trái tim anh. Giật đi, giật đi, thế này này – không, thế này cơ, giáo sư.

Anh thích nói (anh trích dẫn lời của ai đó, em nghĩ thế) rằng phụ nữ trẻ là những người có quyền lực lớn nhất trên thế giới. Em không biết về cái đó, nhưng tất cả chúng ta đều biết loại quyền lực gì đang được nói đến ở đây.

Tính lẳng nhăng luôn là bản chất thứ hai đối với anh (hình như cha anh trước kia cũng vậy). Và dựa vào vẻ ngoài của anh, khả năng ngôn ngữ của

anh, chất giọng BBC và phong thái tự tin của anh, anh không có khó khăn gì trong việc hấp dẫn những người phụ nữ mà mình bị hấp dẫn.

Anh nói rằng đời sống tình cảm mãnh liệt của anh không đơn thuần giúp ích mà còn là không thể thiếu đối với công việc của anh. Balzac sau một đêm yêu nồng nàn đã than vãn rằng ông vừa mới mất một cuốn sách, còn Flaubert khẳng định rằng trạng thái cực khoái làm cạn kiệt chất sáng tạo ở một con người – rằng chọn công việc thay vì cuộc sống có nghĩa là kiêng khem tình dục hết mức có thể chịu đựng – đây là những câu chuyện thú vị nhưng, sâu xa, thật ngớ ngẩn. Anh nói, nếu những nỗi sợ như thế có cơ sở thì các nhà tu hành sẽ là những người sáng tạo nhất trên trái đất. Và suy cho cùng, có đầy các nhà văn lớn cũng đồng thời là những người đàn ông lãng nhãng, hoặc ít nhất được biết là những người có nhu cầu tình dục sung mãn. Anh nói, Hemingway từng bảo rằng ta viết cho hai người. Thứ nhất cho bản thân ta, sau nữa cho người đàn bà ta yêu. Anh nói, thời kỳ anh viết tốt nhất là giai đoạn anh có nhiều mối quan hệ tình dục tuyệt vời. Với anh, một cuộc tình ái bắt đầu thường xảy ra đồng thời với một đợt sáng tác hiệu quả. Đó là một trong những lời biện bạch của anh cho sự không chung thủy. Có lần anh nói với em, anh bí chữ và anh có một cái hạn chót. Anh không đùa chút nào.

Em nói tất cả vấn đề mà tính lãng nhãng của anh gây ra cho cuộc đời anh cũng đáng thôi. Tất nhiên anh chưa bao giờ suy nghĩ nghiêm túc về chuyện thay đổi.

Sự thay đổi ắt phải đến ấy – và dù anh không nói gì về điều đó, nó vẫn cứ đến – là điều có vẻ như không khiến anh quá lo lắng.

Một hôm, trong phòng tắm của một khách sạn, anh choáng váng. Một chiếc gương soi toàn thân được đặt đối diện với cửa buồng tắm. Chẳng có gì quá gớm guốc đối với một người đàn ông trung niên. Nhưng, trong ánh sáng của những ngọn đèn hư ảo, sự thật không thể bị phủ nhận.

Đó không phải là một cơ thể khiến bất cứ người phụ nữ nào bị kích thích.

Một dạng sức mạnh đã bị tước đi, nó không bao giờ được hoàn trả nữa.

Anh nói, anh cảm thấy mình như bị thiếu.

Nhưng tuổi già là thế, chứ còn gì? Thiếu từ từ. (Và ở đây em trích dẫn chính lời của anh, đúng không nào? Hay em trích nó từ một trong những cuốn sách của anh nhỉ?)

Theo đuổi phụ nữ là một phần quan trọng của cuộc đời anh, anh hầu như không thể tưởng tượng nổi mình sống mà không có nó. Thiếu nó, anh là ai kia chứ?

Một người khác.

Chẳng là ai cả.

Chẳng phải anh dễ dàng từ bỏ. Bởi một điều, luôn có những ả điếm. Và chuyện giường chiếu của sinh viên thì bất tận. Suy cho cùng, cứ như thế anh không biết thừa rằng, đối với những người trẻ, thậm chí một người đàn ông ba mươi tuổi thì đã là già rồi.

Mãi đến bây giờ anh mới buộc phải chấp nhận chuyện cặp đôi mà trong đó người kia phục tùng – phục tùng hoàn toàn – hoàn toàn mà không có ham muốn.

Một tấm gương khác: Cuốn *Ruồng bỏ* của J.M.Coetzee. Một trong những cuốn sách yêu thích của anh, do một trong nhà văn mà anh và em yêu thích viết.

David Lurie: Cũng ở độ tuổi của anh, cũng làm nghề đó, cũng có những khuynh hướng y hệt. Cũng đương đầu với sự khủng hoảng tương tự. Ở phần đầu cuốn tiểu thuyết ông miêu tả điều mà mình nhận ra như là định mệnh không thể tránh khỏi của một người đàn ông đã già: khiến ngay cả loại gái

điểm rẽ tiền cũng rùng mình như người ta rùng mình trước một con gián trong bồn rửa lúc nửa đêm.

Ở quán bar, say mèm và ủy mị, anh kể anh đã đến hôn con gái của anh như thế nào và con bé đã lùi lại để tránh ra sao. Con bé nói nó bị chuột rút.

Tại sao anh không dừng gặp con bé đi, em nói – một cách máy móc, biết rõ rằng anh không thể tránh khỏi cái cảm giác còn tệ hơn bề mặt nhiều.

David Lurie kinh hoàng vì tình trạng sa sút phong độ của mình – không còn hấp dẫn về mặt tình dục nữa nhưng vẫn vật vã vì ham muốn – đến mức ông ta nhận thấy mình trầm ngâm suy nghĩ đến việc thiện thật sự, về khả năng kiếm một bác sĩ để làm việc đó, hoặc thậm chí, tự làm việc đó với sự mách nước của một cuốn sách hướng dẫn. Việc đó thực sự đáng ghê tởm hơn trò hề của một lão già bẩn thỉu ư?

Thay vì làm thế, ông ta hăm hiếp một trong những sinh viên của mình, một cú bổ nhào hết tốc lực xuống vực thẳm nhục nhã khiến ông ta bại hoại.

Đây là một cuốn sách anh đọc mà choáng váng, như thể nó viết về chính anh.

Nhưng anh may mắn hơn giáo sư Lurie. Anh chưa bao giờ biết đến nỗi nhục nhã. Ngượng thì thường xuyên. Thỉnh thoảng xấu hổ. Nhưng chưa bao giờ nhục nhã thật sự, nhục đến mức không thể cứu vãn nổi.

Vợ Cả có một giả thuyết. Bà ta nói, có hai loại đàn ông lăng nhăng. Có loại yêu phụ nữ và loại ghét phụ nữ. Bà nói, anh thuộc loại thứ nhất. Bà tin rằng phụ nữ có xu hướng bao dung hơn, thấu hiểu hơn và thậm chí bảo vệ loại thứ nhất. Ít có khả năng muốn trả thù.

Bà nói, tuy nhiên, sẽ có lợi nếu gã đàn ông lăng nhăng là một nghệ sĩ, hoặc có nghề nghiệp cao quý.

Hoặc theo tôi nghĩ, thuộc loại ngoài vòng pháp luật. Loại đó hơn cả.

Hỏi: Điều gì tạo ra một gã lăng nhăng thuộc loại này hay loại kia?

Trả lời: Mẹ hửn ta, tất nhiên.

Nhưng anh đã đưa ra một dự báo. Nếu anh tiếp tục giảng dạy, thì sớm hay muộn anh cũng sẽ chuốc lấy đau khổ.

Em cũng sợ như vậy. Anh là một trong vài người bạn của Lurie mà em biết: Những gã đàn ông dâm dăng, đánh liều cả sự nghiệp, sinh kế, hôn nhân – mọi thứ. (Tại sao à, lời giải thích duy nhất mà em có thể nghĩ ra là: bởi vì đàn ông là thế.)

Vợ Ba biết được mấy phần của tất cả những chuyện đó? Mức độ quan tâm của bà ấy như thế nào?

Em không biết và em không muốn tìm hiểu.

Bà nói, cứ như thế em đã nói ra những ý nghĩ của mình: “Để tôi nói cho cô biết tại sao tôi muốn nói chuyện với cô nhé”. Nghe bà ấy nói thế, không hiểu sao tim em bắt đầu đập thành thịch. “Đó là về con chó”.

“Con chó?”

“Đúng vậy. Tôi muốn hỏi liệu cô có muốn nhận nó không”.

“Nhận nó ư?”

“Nhận nó về nuôi”.

Đó là điều cuối cùng em có thể tưởng tượng bà ta sẽ nói. Em cảm thấy vừa nhẹ nhõm vừa bức mình. Em nói với bà rằng em không thể làm điều đó. Trong tòa chung cư em ở người ta không cho phép nuôi chó.

Bà nhìn em đầy hoài nghi, rồi hỏi liệu em đã bao giờ nói cho anh biết điều đó chưa.

Em nói, em không biết. Em không nhớ.

Sau khi ngừng một lát, bà ta hỏi em có biết anh đã kiếm được con chó đó như thế nào không. Vì lý do nào đó em lắc đầu. Em để bà kể cái chuyện mà em đã biết rồi. Khi anh quyết định anh muốn nuôi con chó, anh và bà đã cãi nhau một trận ra trò. Một con vật đẹp đẽ – mà sao bà không động lòng

thương con vật tội nghiệp bị bỏ rơi như thế nhỉ? Nhưng bà không thích chó, chưa bao giờ, mà con chó này – nó không phải là một con chó xấu nết, thực tế nó rất lành, nhưng nó chiếm nhiều không gian. Bà nói toẹt với anh rằng bà sẽ không chia sẻ trách nhiệm nào đối với nó – khi anh phải đi công tác xa chẳng hạn.

“Tôi đã xin anh ấy tìm một người nào đó để nhận nuôi nó, và chính khi đó anh ấy nhắc tên cô”.

“VẬY Ừ?”

“Đúng vậy”.

“Nhưng anh ấy không bao giờ nói gì với tôi”.

“Đó là bởi anh ấy thực sự muốn nuôi con chó. Và cuối cùng anh ấy làm tôi phát mệt. Nhưng đã nhắc đến cô vài lần. Cô ấy sống độc thân, cô ấy không có bạn trai, không có con cái hay thú cưng, cô ấy hầu như toàn làm việc tại nhà, và cô ấy yêu động vật – anh ấy nói vậy”.

“Anh ấy nói vậy sao?”

“Tôi không bịa đâu”.

“Không, tôi không có ý đó, chỉ là tôi ngạc nhiên thôi. Như tôi đã nói, anh ấy không hề nói gì với tôi, và tôi chưa từng gặp chú chó đó. Tôi yêu động vật, điều đó là sự thật, nhưng tôi chưa bao giờ nuôi chó. Chỉ nuôi mèo thôi, tôi thuộc tuýp người thích mèo. Nhưng dù gì đi nữa, tôi cũng không thể nhận nó. Đó là nhà tôi thuê”.

“Cô đã nói như vậy”. Giọng bà run run. “Ôi, tôi chẳng biết phải làm gì bây giờ”. Vai bà chùng xuống. Bà đã phải chịu đựng nhiều.

“Chắc hẳn có khối người muốn một con chó thuần chủng đẹp,” em nói.

“Cô nghĩ vậy ư? Nếu nó là một con chó con thì có lẽ đúng vậy đấy. Nhưng, cô biết đấy, hầu hết những người muốn nuôi chó đều đã có một con rồi”.

“Chẳng lẽ không ai trong gia đình bà có thể nhận nó ư,” em hỏi. Một câu hỏi dường như chọc tức bà.

“Vợ chồng con trai tôi vừa mới có con. Chúng không thể nuôi một con chó khổng lồ ở trong nhà mình được”.

“VẬY con gái chồng trước của bà”. Điều đó không thể. “Nó ở ngoài đồng suốt, nó thậm chí không có địa chỉ cố định”.

“Tôi chắc rằng phải có ai đó,” em nói. “Để tôi hỏi loanh quanh xem”. Nhưng thực ra em chẳng hy vọng gì. Bà ấy nói đúng: Những người muốn nuôi chó thì đều đã có một con rồi. Và tất cả những người em có thể nghĩ tới không nuôi chó thì đều có ít nhất một con mèo.

“Bà thực sự không thể nuôi nó ư?” Em hỏi, trong suy nghĩ, em chắc chắn đây rõ ràng là điều nên xảy ra.

“Tôi đã cân nhắc,” bà nói với em, mà em không tin nổi. “Bởi một điều, chuyện đó sẽ không phải là mãi mãi. Vòng đời của chó Great Dane ngắn, có lẽ chỉ sáu đến tám năm thôi, mà theo bác sĩ thú y, con Apollo đã năm tuổi rồi. Nhưng quả thực tôi không bao giờ muốn có nó, đặc biệt là bây giờ. Nếu tôi rốt cuộc phải nuôi nó, thì tôi biết mình sẽ uất lên mất. Tôi không muốn sống với cảm giác đó. Tôi luôn có cảm giác đó, nó làm phức tạp thêm những cảm xúc vốn đã phức tạp về...”

Về anh, bà ấy muốn nói như vậy nhưng không nói ra. “Sẽ là quá đáng”.

Em gật đầu để thể hiện rằng mình hiểu.

“Và lại, tôi cũng đang định về hưu sớm,” bà nói. “Vì rằng bây giờ tôi sống một mình nên tôi nghĩ mình thích đi du lịch nhiều hơn. Tôi không muốn bị trói buộc bởi một con chó mà ngay từ đầu tôi đã không muốn có”.

Em lại gật đầu. Thực sự em hiểu.

Ai đó đã gợi ý rằng bà nên tìm hiểu các trại nuôi chó xem sao, nhưng tất cả những trại mà bà liên hệ đều có một danh sách chờ đợi dài. Bà không

thoải mái khi nghĩ anh cảm thấy như thế nào về bà khi đem con chó cưng của anh quăng cho một người lạ, hoặc dồn nó vào đường cùng. “Nhưng tôi có thể phải làm thế. Nó không thể sống phần còn lại của đời mình trong cũi được. Còn một vấn đề khác, nuôi nó tốn tiền đấy”.

“Bà nhốt nó trong cũi ư?”

“Tôi cho nó vào cũi,” bà nói, nổi cáu khi nghe giọng em, “bởi tôi không biết phải làm gì khác. Cô không thể giải thích cái chết với một con chó được. Nó không hiểu rằng Bố không bao giờ trở về nhà nữa. Ngày cũng như đêm nó ở cửa ngóng đợi. Trong một thời gian nó thậm chí không ăn, tôi sợ rằng nó sẽ chết đói. Nhưng điều tồi tệ nhất là, thỉnh thoảng nó lại phát ra âm thanh đó, tiếng tru, hay tiếng khóc than, hay gì đó. Không to, nhưng kỳ lạ, như ma, hoặc như thứ gì đó huyền bí. Nó cứ tiếp diễn, tiếp diễn. Tôi đã cố làm nó sao lãng bằng cách cho nó thức ăn ngon, nhưng nó quay đầu đi chỗ khác. Có lần nó thậm chí gầm gừ với tôi. Ban đêm thỉnh thoảng nó lại làm thế. Tiếng gầm gừ khiến tôi tỉnh giấc, và sau đó tôi không ngủ lại được nữa. Tôi nằm đó nghe âm thanh của nó cho tới khi tôi nghĩ mình sẽ phát điên. Mỗi lần tôi cố lấy lại tinh thần, tôi nhìn thấy nó ngóng đợi ở cửa hoặc than khóc như thế tôi lại suy sụp. Tôi phải đưa nó ra khỏi nhà. Và bây giờ nó không còn ở trong nhà nữa, sẽ là tàn nhẫn khi mang nó vào. Tôi không thể tưởng tượng nó có bao giờ hạnh phúc khi quay trở vào ở trong nhà nữa hay không”.

Em nghĩ đến câu chuyện về chú chó giống Akita mang tên Hachiko, thường đến ga Shibuya ở Tokyo để đón chuyến tàu đưa chủ của nó về nhà hằng ngày – cho tới một hôm người đàn ông ấy đột tử và Hachiko đợi mãi không thấy chủ. Nhưng ngày hôm sau, và mọi ngày sau đó, trong gần mười năm, vào đúng giờ đó, chú chó ấy đều xuất hiện ở nhà ga để đón chuyến tàu ấy.

Không ai có thể giải thích cái chết của người chủ với Hachiko. Họ chỉ có thể biến câu chuyện về chú chó thành một huyền thoại, dựng một bức tượng để bày tỏ lòng quý trọng và khâm phục chú, và gần một trăm năm sau, ngày nay người ta vẫn còn hát ngợi ca chú.

Thật không thể tin nổi, Hachiko không giữ kỷ lục. Fido, chú chó ở một thị trấn gần Florence, Italia, trong suốt mười bốn năm ngày nào cũng chờ đợi người chủ đã qua đời (sau trận ném bom trong Thế chiến thứ hai) tại trạm dừng xe buýt nơi ông thường đi làm về. Và trước Hachiko có Greyfriars Bobby, một chú chó sục giống Skye trong mười bốn năm cuối đời đêm nào cũng đến bên mộ của người chủ ở Edinburgh, Scotland vào năm 1858.

Thật thú vị người ta luôn lấy hành vi đó làm ví dụ về lòng trung thành tuyệt đối thay vì coi đó là sự ngốc nghếch cực độ hoặc một dạng khiếm khuyết tinh thần. Bản thân em nghi ngờ những ghi chép từ Trung Quốc về một chú chó được kể là đã trầm mình vì mất người thân. Nhưng những câu chuyện như thế là một trong những lý do chính khiến em luôn thích mèo hơn.

“Cô nhận nuôi nó chỉ một thời gian thôi có được không? Dẫu thế thì đó cũng là sự giúp đỡ lớn lao. Chủ nhà không thể phản đối nếu con chó chỉ đến ở chơi thôi”.

Tôi giải thích rằng vấn đề không chỉ là ở chủ nhà. Căn hộ của tôi bé tí. Một con chó cỡ đó không có chỗ để xoay người.

“Ồ, nhưng nó là một con chó giữ nhà. Nó cần vận động, tất nhiên, nhưng không phải là ở bất cứ chỗ nào như những giống chó khác. Thậm chí được tháo dây buộc nó cũng chỉ quanh quẩn bên cô thôi. Và cô sẽ thấy, nó rất biết vâng lời. Nó hiểu mọi mệnh lệnh. Nó không sủa khi không buộc phải làm thế. Nó không phá phách các thứ. Nó không bị tai nạn. Nó biết không được bén mảng lên giường”.

“Tôi tin tất cả những điều đó là thật, nhưng...”

“Vài tháng trước nó đã trải qua một cuộc kiểm tra sức khỏe. Nó có sức khỏe tốt, trừ chứng viêm khớp thường thấy ở những con chó tầm tuổi của nó. Không cần phải nói rằng nó cũng có những nhược điểm của mình. Tôi biết đưa ra đề nghị này là quá lắm nhưng tôi thực sự muốn đưa con vật tội nghiệp đó ra khỏi cái cũi chết tiệt kia! Nếu tôi cho nó vào trong nhà, tôi thề nó sẽ đứng ngóng ở cửa đến lúc chết. Cô không nghĩ nó xứng đáng được hơn thế sao?”

Có chứ, em nghĩ, trái tim em tan vỡ.

Anh không thể giải thích cái chết.

Và tình yêu xứng đáng được hơn thế chứ.

Phần Hai

Phần lớn thời gian sinh vật đó phớt lờ em. Cứ như thể nó sống ở đây một mình. Thi thoảng nó liếc em một cái, nhưng rồi ngay lập tức đảo mắt sang nơi khác. Đôi mắt to màu nâu lục của nó có hồn đến mức gây ấn tượng; chúng khiến em nhớ đến đôi mắt anh. Em nhớ một lần, khi em phải đi khỏi thành phố, em gửi con mèo cưng ở chỗ bạn trai. Chàng không phải là một người yêu mèo, nhưng sau đó chàng thổ lộ với em rằng mình thích con mèo đó nhiều đến mức nào, bởi vì, chàng nói: “Anh nhớ em, và có nó bên cạnh như thể có một phần của em ở đây”.

Có con chó của anh cũng như có một phần của anh ở đây.

Biểu cảm của nó bất biến. Em hình dung đó có lẽ là cảm xúc và tâm trạng trong đôi mắt của chú chó Greyfriars Bobby khi chú nằm trên nắm mồ của chủ nhân. Đến giờ em vẫn chưa thấy nó vẫy đuôi. (Đuôi nó không bị cắt cụt, nhưng đôi tai nó bị xén bớt – đáng tiếc là bị xén lệch, khiến cho một bên tai nhỏ hơn bên còn lại một chút. Nó cũng đã bị thiến.)

Nó biết không được trèo lên giường.

Vợ Ba nói: Nếu nó trèo lên giường thì cô chỉ việc nói, *Xuống*.

Từ khi chuyển đến ở với em, nó toàn nằm trên giường.

Ngày đầu tiên, sau khi hít người một vòng căn hộ nhưng người một cách thờ ơ, chẳng có chút hứng thú hay tò mò thực sự, nó trèo lên giường và nằm một đống.

Từ *Xuống* chết trong cổ họng em.

Em đợi cho đến lúc đi ngủ. Trước đó nó đã chén một bát đầy hạt khô nghiền và tự cho phép mình được dặt đi dạo một lúc, nhưng một lần nữa nó tỏ ra không quan tâm hay thậm chí không để ý xem điều gì đang xảy ra ở bên ngoài. Không sự hiện diện của một con chó nào có thể khuấy động nó. (Nó, trái lại, không bao giờ thất bại trong việc thu hút sự chú ý. Có lẽ sẽ mất một thời gian để nó làm quen với cảm giác là tâm điểm của mọi ánh nhìn, với tiếng lách tách liên tục của máy ảnh, hay những câu hỏi cắt ngang thường xuyên: Nó nặng bao nhiêu? Nó có thể ngốn bao nhiêu đồ ăn? Cô đã bao giờ thử cưỡi nó chưa?)

Nó lê bước với cái đầu cúi thấp, như con thú vừa thồ hàng.

Trở về nhà, nó đi thẳng vào phòng ngủ và ném mình lên giường.

Suy sụp vì buồn đau là ý nghĩ hiện lên trong đầu em. Bởi vì em tin rằng nó đã biết chuyện. Nó thông minh hơn những con chó khác. Nó biết rằng anh ra đi mãi mãi. Nó biết rằng anh sẽ không bao giờ trở về ngôi nhà đá nâu nữa.

Thỉnh thoảng nó nằm duỗi thẳng cẳng, quay mặt vào tường.

Sau một tuần em cảm thấy mình giống cai ngục hơn là người chăm sóc nó.

Đêm đầu tiên, khi nghe em gọi, nó nhấc cái đầu to tướng lên, xoay đầu, và liếc mắt nhìn em. Khi em tiến đến phía giường, với ý định hất cẳng nó rõ ràng rành rành, nó đã làm cái điều không thể tưởng tượng nổi: Nó gầm gừ.

Mọi người tỏ ra kinh ngạc trước thực tế rằng em không hề sợ hãi. Em không nghĩ lần tới nó có thể làm điều gì hơn cả gầm gừ sao.

Không. Em không bao giờ nghĩ vậy.

Nhưng em thực sự đã nghĩ về một nút thắt trong câu chuyện tiểu lâm cổ: Một con khỉ đột năm trăm cân sẽ ngủ ở đâu?

Em đã nói với Vợ Ba rằng em chưa từng có một con chó, thực ra điều đó không hoàn toàn đúng. Hơn một lần em đã ở chung nhà với một người nuôi chó. Một trong những lần đó là một con chó lai, mang một nửa dòng máu Great Dane và một nửa dòng máu béc-giê Đức. Nên em không hoàn toàn xa lạ với chó, với những con to, hoặc với giống chó này. Tất nhiên em ý thức được tình yêu mà loài chó dành cho chúng ta, thậm chí khi chúng không hành động mãnh liệt như chú chó Hachiko và đồng loại của nó. Ai mà không biết chó là biểu tượng vĩ đại của lòng trung thành cơ chứ. Nhưng đó lại là lòng trung thành với con người, sự tận tụy đó bản năng đến nỗi nó được ban phát một cách hào phóng cho cả những người không xứng đáng, và điều đó khiến em thích mèo hơn. Hãy cho em một vật nuôi mà không có em nó vẫn có thể sống ổn.

Nhưng những gì em nói với bà về kích thước căn hộ của em thì hoàn toàn là sự thật: Bốn sáu mét vuông không hơn. Hai phòng chưa được đến cỡ trung bình, một vách bếp, một phòng tắm chật đến nỗi Apollo ra vào như thể ra vào cũi chó. Trong buồng ngủ em để một cái đệm hơi đã mua vài năm trước khi chị gái em đến thăm.

Khi em tỉnh dậy đã là nửa đêm. Rèm mở toang, trăng đã lên cao, và nhờ ánh trăng sáng ngời tràn vào phòng em nhận ra đôi mắt to sáng rỡ và chiếc mũi đen trũi ẩm ướt của nó. Em nằm ngửa, yên lặng, trong màn sương ẩm hơi thở của một con chó. Như thế chúng em đã ở trong tình trạng đó rất lâu. Cứ vài giây một giọt nước dãi từ miệng nó lại rớt xuống và bắn lên mặt em. Cuối cùng, nó đặt một trong những bàn chân khổng lồ của mình, kích cỡ phải bằng nắm đấm của một người đàn ông, lên giữa ngực em và để nó thư giãn trên đó: Sức nặng thật khủng khiếp! (Hãy nghĩ đến tay nắm cửa của một tòa lâu đài).

Em không lên tiếng, không cử động hay đưa tay ra để vỗ về nó. Nó chắc hẳn có thể cảm nhận trái tim em. Một ý nghĩ đáng sợ bỗng lóe lên trong đầu

em rằng, liệu nó quyết định sẽ đặt toàn bộ sức nặng của mình lên em chẳng? Ý nghĩ đó làm em nhớ đến mẩu tin về một con lạc đà đã giết chết người chăn thả nó bằng cách cắn, đá và ngồi lên anh ta, và những người cứu hộ phải sử dụng một sợi dây buộc chặt vào một chiếc xe bán tải để lôi con quái vật đó ra.

Cuối cùng nó cũng nhấc chân lên. Liên sau đó, mũi nó dụi vào hõm cổ của em. Em nhột muốn phát điên nhưng cố kiềm chế bản thân để không cười thành tiếng. Nó hít ngửi quanh đầu, cổ, và dọc người em, thỉnh thoảng nó huých em khá mạnh, cứ như thể có thứ gì đó bên dưới em vậy. Cuối cùng, với một cái hắt hơi dữ dội, nó quay trở lại giường, và hai chúng em chìm vào giấc ngủ.

Chuyện đó diễn ra hằng đêm: Trong một vài phút em trở thành một mục tiêu hấp dẫn mãnh liệt. Nhưng ban ngày nó sống trong thế giới của riêng mình và phần lớn thời gian phớt lờ em. Toàn bộ điều này có nghĩa là gì nhỉ? Em chợt nhớ đến một con mèo mình từng nuôi, nó không bao giờ để em vuốt ve âu yếm hay ôm nó trên đùi, nhưng hằng đêm xuống cô nàng lại trèo lên hông em và ngủ ngon lành ở đó.

Một điều nữa em cũng đã nói thật: Quy định cấm nuôi chó ở chung cư nơi em sống. Em nhớ khi kí hợp đồng thuê nhà em đã không hề nghĩ đến điều này. Em chuyển đến đó với hai con mèo: Nuôi một con chó con là điều cuối cùng có thể nảy ra trong tâm trí em lúc đó. Chủ của tòa chung cư sống ở Florida, em chưa bao giờ gặp ông ấy. Hector, người quản lý sống ở tòa nhà bên cạnh, cũng thuộc sở hữu của ông ta. Anh ta là người gốc Mexico. Lúc em mang Apollo về nhà, anh ta đang ở Mexico chuẩn bị cho đám cưới của người anh trai. Hôm trở về Hector bắt gặp chúng em đang ra ngoài đi dạo. Em vội vàng giải thích, rằng người chủ của nó đột ngột qua đời, rằng không ai ngoài em có thể cho nó một nơi ở, vậy nên nó lưu trú tại đây, nhưng chỉ tạm thời thôi. Dường như đối với em một lời giải thích trong

hoàn cảnh này nghe có lý hơn việc thừa nhận em đang mạo hiểm làm một điều có thể khiến mình mất toi căn hộ thuê lâu dài ở Manhattan mà trong hơn ba mươi năm qua, thậm chí trong suốt thời gian em sống ở ngoại ô – có thể nói là vì công việc giảng dạy – em đã làm tất cả những gì cần thiết để giữ nó.

Bà không thể giữ con vật đó ở đây, Hector nói, tạm thời cũng không.

Một người bạn đã nói với em về một quy định như thế này: Nếu người thuê nhà giữ một con chó trong căn hộ trong vòng ba tháng, trong suốt thời gian đó người chủ không có bất cứ hành động pháp lý nào để đuổi người thuê nhà thì người đi thuê đó có thể giữ con chó và không thể bị tổng cổ ra ngoài nữa. Với em điều đó nghe có vẻ không đáng tin. Nhưng trên thực tế, đó đúng là quy định liên quan đến những con chó trong các căn hộ ở thành phố New York.

Nhưng, điều kiện là: Sự hiện diện của chú chó phải được công khai và không giấu giếm.

Khỏi phải nói, giấu giếm gã khổng lồ này là một việc bất khả thi. Em dắt nó đi dạo vài lần một ngày. Nó giờ đã trở thành một kỳ quan của khu phố. Dù không ai sống trong tòa nhà phàn nàn, hiếm có người nào không giật mình khi lần đầu chạm mặt nó, vài người thậm chí còn sợ hãi đến mức quay lưng bỏ chạy, và sau khi một phụ nữ từ chối chen chúc trong thang máy nhỏ với em và Apollo, em quyết định chúng em nên đi thang bộ. (Một con chó nhảy huỳnh huých xuống bậc cầu thang của năm tầng lầu là một cảnh khôi hài và đó là lúc duy nhất trông nó không được thanh nhã cho lắm.)

Nếu nó là một chú chó thích sữa, chắc chắn phải có rất nhiều lời phàn nàn. Nhưng nó im lặng một cách khác thường, đến mức đáng kinh ngạc. Ban đầu em lo ngại những tiếng tru mà Vợ Ba đã đề cập đến, nhưng em chưa từng nghe thấy âm thanh đó. Em tự hỏi phải chăng đó là do nó hiểu

được mối liên quan giữa việc tru và việc bị đày ra cái cũi chẳng. Đây có thể là một kết luận thiếu căn cứ, nhưng việc nó không tru lên nữa là một lý do khiến em tin rằng nó đã từ bỏ hy vọng được gặp lại anh.

Cô không thể giữ con vật đó ở đây được (Lúc nào cũng con vật đó, thì thoảng em tự hỏi liệu Hector có biết đó là một con chó hay không.) Em phải tường trình.

Em không nghĩ Vợ Ba nói dối khi kể với em rằng Apollo được huấn luyện không nằm trên giường. Bà ấy dự đoán rằng nó sẽ thích nghi với sự thay đổi hoàn toàn ở môi trường xung quanh mà bản thân không thay đổi. Em không ngạc nhiên chút nào khi giả định đó hóa ra sai bét.

Em biết một con mèo bị chủ của nó vứt bỏ khi con trai bà dị ứng với bệnh vẩy mốc ở mèo. Con mèo bị chuyển tay từ nhà này sang nhà khác (em cũng là một trong số đó) trong khi đợi chủ nó tìm một mái ấm ổn định. Nó thích nghi khá ổn qua hai đến ba lần đổi chủ, nhưng đến lần thứ tư nó đã không còn như trước nữa. Nó trở thành một vật nuôi phiền phức mà không ai sẵn lòng chung sống và thế là người chủ ban đầu trợ tử cho nó.

Những con vật, chúng không tự kết liễu mình. Chúng không khóc lóc. Nhưng chúng có thể và thực sự suy sụp. Chúng có thể và thực sự tan nát con tim. Chúng có thể và thực sự hóa điên.

Một đêm, em về nhà để rồi thấy cái ghế tại bàn làm việc bị đổ nghiêng và hầu hết đồ đạc giấy tờ trên bàn bị xáo trộn lung tung hết cả. Con chó đang nhai một xấp giấy trong miệng. (Em có thể sẽ phải thành thực thú nhận với sinh viên của mình: Một con chó đã ăn bài tập về nhà của các em.) Sau giờ lên lớp em đi uống với một giáo viên khác, và chúng em ngồi nẫu ná mãi. Vậy là em đã ra ngoài được khoảng năm tiếng, đó là khoảng thời gian dài nhất em từng để nó một mình. Ruột chiếc gối tựa xô pha rơi vãi trên sàn như bọt biển. Tuyển tập Knausgaard bìa mềm dày cộp trên bàn cà phê bị cắn nát thành từng mảnh.

Tất cả những gì cô phải làm là liên hệ với cộng đồng chó Great Dane trên mạng, họ nói với em, và cô sẽ tìm được ai đó chăm sóc nó. Nhưng nếu cô bị đuổi cô sẽ không thể tìm một căn hộ khác trong khả năng chi trả của mình, không một căn nào trong thị trấn này. Với “anh bạn” chung phòng, cô chắc chắn sẽ gặp khó khăn khi tìm nhà ở bất cứ đâu.

Em cứ có những tưởng tượng giống trong phim *Lessie về nhà* hoặc phim *Những cuộc phiêu lưu của Rin Tin Tin*. Apollo đẩy lùi những tên trộm khi chúng cố đột nhập vào nhà. Apollo vượt qua biển lửa để cứu những người thuê nhà gặp nạn. Apollo cứu các bé gái khỏi những kẻ tình nghi quấy rối trẻ em.

Khi nào cô mới tổng nó đi hả? Nó không thể ở đây được. Em phải tường trình.

Hector không phải một người xấu, nhưng lòng kiên nhẫn của anh ta có hạn. Và Hector khỏi cần nói ra điều này: Anh ta có thể bị đuổi việc.

Người bạn thông cảm cho hoàn cảnh của em nhất quả quyết rằng phải mất một thời gian kha khá một chủ nhà ở New York mới có thể tổng cổ một người thuê nhà. Chuyện đó sẽ không thể nhanh như việc cậu bị đá ra ngoài đường vào lúc nửa đêm đâu, cậu ấy nói.

Cũng có những người khi đọc đến đây đang lo lắng tự hỏi: Liệu có chuyện gì tồi tệ xảy ra với chú chó hay không?

Trên mạng bảo rằng những con chó giống Great Dane được biết đến như thần Apollo của loài chó. Em không chắc đó có thực sự là lý do anh chọn cái tên này không, hay chỉ là tình cờ, nhưng bằng cách nào đó anh có lẽ đã biết sự thật thú vị này, có lẽ theo cách tương tự như em. Đồng thời em cũng nhận ra Apollo không phải là sự lựa chọn phổ biến để đặt tên cho một con chó hay vật nuôi nào khác.

Một thông tin nữa: Nguồn gốc chính xác của giống chó này vẫn còn là bí ẩn. Họ hàng gần nhất của chúng được cho là giống chó tai cụp khổng lồ. Và chúng chẳng có gì liên quan đến Đan Mạch cả: Đường như thuật ngữ Great Dane đã được một nhà nghiên cứu tự nhiên người Pháp sống ở thế kỷ mười tám tên là Buffon sử dụng. Ở những nước nói tiếng Anh, cái tên này gây ấn tượng mạnh, trong khi ở Đức, đất nước có liên quan mật thiết nhất đến giống chó này, chúng được gọi là Deutsche Dogge, hay chó tai cụp Đức.

Otto von Bismarck tôn sùng những chú chó tai cụp; “Nam tước Đỏ” Richthofen từng chở nó trên chiếc phi cơ hai chỗ của mình. Ban đầu giống chó này được sử dụng để săn lợn rừng, về sau chúng phục vụ trong gia đình như chó giữ nhà. Tuy nhiên, dù một con có thể nặng tới chín mươi cân, cao tới hơn hai mét khi đứng trên hai chân sau, chúng được biết tới không phải vì bản tính dữ tợn hay hung hãn mà bởi sự dịu dàng, điềm tĩnh và dễ bị tổn thương về mặt cảm xúc. (Một cái tên thân mật khác của chúng là “Gã khổng lồ hiền lành”).

Thần Apollo của mọi loài chó. Vị thần đậm chất “Hy Lạp” nhất trong các vị thần.

Em thích tên gọi này. Nhưng dẫu em ghét nó, em cũng sẽ không đổi tên cho nó đâu. Dẫu biết rằng khi em cất tiếng gọi và nó đáp lại – nếu nó thực sự có đáp lại – đó là vì giọng nói và ngữ điệu của em hơn là bởi cái tên.

Thỉnh thoảng em ngớ ngẩn tự hỏi, tên “thật” của nó là gì. Thực ra, rất có thể trong đời mình, nó đã có một vài cái tên. Và suy cho cùng, điều gì ẩn chứa trong tên gọi của một chú chó? Nếu chúng ta chưa bao giờ đặt tên cho thú cưng, điều đó có thể không mang ý nghĩa nặng nề nào đối với chúng, nhưng với chúng ta nó để lại một khoảng trống. Đứa trẻ này không có tên, ai đó nói về một chú chó đi lạc được nhận nuôi, chúng tôi chỉ gọi nó là Kitty. Dẫu sao cũng có tên.

Em thích chi tiết này: Trước khi phát biểu ý kiến về vấn đề này, Samuel Butler đã tuyên bố rằng thử thách khắc nghiệt nhất với trí tưởng tượng là đặt tên cho một con mèo.

Và một ý tưởng gây cười của anh: Chẳng phải sẽ dễ dàng hơn nhiều nếu chúng ta cứ đặt tên tất cả mèo trên thế giới là Mật Khẩu hay sao?

Em biết có những người cực lực phản đối việc đặt tên cho vật nuôi. Họ giống kiểu người căm ghét ý tưởng gọi một con vật là thú cưng. Họ không ưa cái từ người sở hữu cho lắm; từ chủ nhân khiến họ nổi điên. Điều khiến những người này khó chịu chính là ý niệm về quyền thống trị: quyền thống trị đối với những con vật mà loài người tự nhận là đặc quyền được Chúa ban cho từ thuở hồng hoang, và là điều, mà trong mắt họ, luôn được quy là sự nô dịch hóa.

Khi em nói em thích mèo hơn chó, câu nói đó không có nghĩa là em yêu mèo hơn. Em yêu hai loài vật này như nhau. Nhưng ngoài việc bối rối bởi lòng tận tụy trung thành của chó, em cũng như nhiều người khác, chùn lại trước quan niệm về việc thống trị một con vật. Cho dù ta nhận thấy việc gọi những người nuôi chó là các chủ nô nghe thật nực cười, thì có một sự thật mà ta không thể lảng tránh là, chó cũng như những vật nuôi khác – được gây giống để bị con người thống trị, sử dụng, và làm bất cứ điều gì con người muốn.

Nhưng với mèo thì không.

Mọi người đều biết điều đầu tiên Adam làm với những loài vật mà Chúa đã tạo ra trên Trái Đất vừa mới thành hình – dấu hiệu đầu tiên của sự thống trị của chàng đối với chúng – là đặt tên cho chúng. Và một số người nói rằng, chỉ đến khi Adam làm điều đó các loài vật mới thực sự tồn tại.

Ursula K. Le Guin từng kể câu chuyện trong đó một người phụ nữ, tên tuổi không được đề cập nhưng không thể lẫn đâu được, chính là người yêu của Adam, Eve, hứa sẽ khiến cho việc làm của Adam trở nên vô tác dụng: Nàng thuyết phục tất cả động vật từ bỏ cái tên mà chúng được đặt cho (loài mèo tuyên bố sẽ không bao giờ chấp nhận những cái tên này trước tiên). Nhưng một khi tất cả đều vô danh, nàng có thể cảm nhận rõ ràng sự khác biệt: Bức tường sụp đổ, khoảng cách đã từng tồn tại giữa nàng và những loài động vật khép lại, một cảm giác mới mẻ về tính thống nhất, ngang bằng giữa nàng và chúng. Không có những cái tên để tách riêng họ ra thì chẳng còn ranh giới kẻ ăn và thức ăn. Hệ quả không thể tránh khỏi là Eve trả lại cho Adam cái tên chàng và cha của chàng đã trao cho nàng để rời bỏ chàng và hòa mình vào thế giới của những sinh vật khác mà bằng việc chấp nhận sự vô danh, giải thoát bản thân mình khỏi cảnh bị thống trị. Mặc dù vậy, với riêng Eve, hành động đó kéo theo một sự hy sinh khác, từ bỏ ngôn ngữ chung giữa nàng và Adam. Nhưng rồi, nàng nói, một trong những lý do khiến nàng làm những điều này là bởi trò chuyện cũng chẳng đưa họ tới đâu cả.

Vợ Ba kể rằng bác sĩ thú y nói Apollo từ nhỏ đã được huấn luyện nghe theo mệnh lệnh. Đánh giá qua hành vi của nó, ta có thể thấy nó đã hòa nhập với cả con người lẫn những con chó khác. Không có dấu hiệu chứng tỏ Apollo bị ngược đãi nghiêm trọng. Mặt khác, đôi tai của nó được giao phó cho một tay đỡ tể nào đó để rồi hãnh làm cho chúng không chỉ bị lệch mà còn bị xén quá nhiều. Hai chóp tai nhỏ xíu trên cái đầu khổng lồ khiến nó mất đi vẻ quý tộc, làm nó trông tầm thường hơn, và đó là một trong vài điểm khiến nó không đủ tiêu chuẩn làm chó cảnh.

Ai có thể nói làm cách nào nó có thể đi đến một công viên, sạch sẽ, no nê, mà không có vòng cổ hay biển tên không? Một con chó như nó sẽ không chạy trốn khỏi chủ của mình nếu như không có một điều cực kỳ bất

thường xảy ra, bác sĩ thú y nói vậy. Cho đến nay chưa có ai đến nhận nó, chẳng ai xác nhận trước kia đã từng nhìn thấy nó. Điều đó có nghĩa là nó có thể đến từ một vùng rất xa nơi này. Bị bắt trộm ư? Có thể. Bác sĩ thú y không ngạc nhiên khi dường như không có một ghi chép nào về sự tồn tại của nó. Có cả tá những con chó mà chủ của chúng không bao giờ bận tâm đến việc phải xin giấy phép nuôi chó, hoặc trong trường hợp chó của họ thuần chủng, phải đăng ký với Hiệp hội chó giống Hoa Kỳ.

Có thể người chủ vừa thất nghiệp, không còn khả năng chi trả thức ăn và những hóa đơn từ phòng khám thú y. Thật khó để tin rằng ai đó, người đã ở bên nó suốt cuộc đời, cuối cùng lại ném nó ra đường, mặc nó tự sinh tự diệt. Nhưng hóa ra chuyện đó diễn ra thường xuyên hơn bạn nghĩ, ông bác sĩ kể. Hoặc giả như nó bị trộm, và rồi người chủ, trong khoảnh khắc nhận ra nó đã được tìm thấy bởi người khác, liền thay đổi suy nghĩ. Cuộc đời này sẽ dễ thở hơn với mình nếu không có nó, từ giờ cứ để ai đó khác chăm sóc nó đi! Người đã chứng kiến trường hợp như vậy trước đây, một lần nữa, lại là vị bác sĩ thú y. (Em cũng đã từng bắt gặp trường hợp đó: Nhiều năm trước chị gái và anh rể em mua một căn nhà khác, ở nông thôn. Chủ cũ của ngôi nhà, sắp chuyển đến Florida, có một con chó lai già nua. Chú chó đã từng là một phần của gia đình họ từ khi còn là cún con nay được chủ mang ra chào bán. Khi vợ chồng chị em chuyển tới, họ được con chó bị bỏ lại một mình trong căn nhà trống trải ấy chào đón.)

Có thể chủ của Apollo đã qua đời, và người tự nhiên trở thành chủ của nó đã tống nó ra đường.

Nhiều khả năng chúng ta sẽ chẳng bao giờ biết nó đến từ đâu. Nhưng anh đã nói với em điều này. Giây phút anh ngược lên và bắt gặp nó, uy nghiêm, đường bệ dưới bầu trời mùa hạ – khoảnh khắc đó xúc động và lạ lùng đến nỗi anh gần như đã tin rằng nó được hóa phép để hiện ra ở đó. Bị mù phù thủy yếm bùa, như một chú chó khổng lồ trong truyện cổ Andersen.

Phần Ba

Anh nói với em, thay vì viết về những gì em biết, hãy viết về những gì em nhìn thấy. Hãy nghĩ rằng em biết rất ít và rằng em sẽ không bao giờ biết nhiều cho đến khi em học được cách thấy. Hãy giữ một cuốn sổ để ghi chép những điều em thấy, ví dụ khi em ở ngoài phố.

Em đã thôi không giữ bất cứ loại sổ sách hay nhật ký nào từ lâu rồi. Những ngày này điều em thấy nhiều ở ngoài phố là những người vô gia cư, hoặc những người trông nghèo túng đến mức em cho rằng họ là những kẻ không nhà. Mặc dù bây giờ chẳng phải hiếm khi thấy một người như thế cầm chiếc điện thoại di động. Và càng nhiều người có thú cưng, trừ khi em nhầm.

Ở Broadway, tại phố Astor Place, em thấy một con chó lệt thềm giữa mớ đồ dùng cá nhân linh tinh: một chiếc ba lô căng đầy, vài cuốn sách, một phích nước, bộ chăn gối, một chiếc đồng hồ báo thức, mấy cái hộp xếp đựng đồ ăn. Chính sự vắng mặt của người sở hữu những thứ đó khiến cho cảnh ấy thảm thương đến mức không thể chịu nổi.

Em nhìn thấy một gã say rượu đi tiểu bị ngã sóng soài trước cửa một ngôi nhà. Áo phông của anh ta in dòng chữ Tôi Là Nhà Kiến Tạo Số Mệnh Của Chính Mình. Gần đó, một kẻ hành khất với tấm biển tự tạo: Tôi đã từng là một ai đó.

Trong một hiệu sách: một người đàn ông đi từ bàn này sang bàn khác, đặt tay lên cuốn sách này rồi cuốn sách kia mà chẳng xem bất cứ cuốn nào kỹ hơn. Em dõi theo anh ta một lúc, tò mò muốn biết cách đó sẽ mách bảo anh ta mua cuốn nào. Nhưng anh ta ra khỏi hiệu sách, tay không.

Đây là điều mà em không nhìn thấy nhưng lẽ ra đã thấy nếu như em lướt tới góc đường chỉ sớm hơn vài phút: một người nhảy xuống từ cửa sổ của một tòa nhà văn phòng. Khi em đi đến đó cái xác đã được che lại. Tất cả những gì sau đó em biết được, đó là một phụ nữ gần sáu mươi tuổi. Đúng lúc gần trưa của một ngày mùa thu đẹp trời, trên một đường phố đông đúc. Em tự hỏi, bà ta tính toán thế nào để không rơi vào ai cả? Hoặc bà ta chỉ... tất cả bọn em chỉ... may mắn mà thôi.

Tranh phun sơn ở Tòa nhà Triết học: Đời tự kiếm cũng là đời không đáng sống^[2].

Lễ trao giải thưởng văn chương tại một câu lạc bộ kín ở khu Thượng Đông. Em đi lên từ ga điện ngầm ở đại lộ số 5. Câu lạc bộ cách đó sáu tòa nhà. Em nhìn thấy hai người vừa mới bước ra từ tàu điện ngầm: một phụ nữ trông trạc sáu mươi đi cùng một người đàn ông tầm nửa tuổi đó. Có thể họ đang tới bất cứ nơi nào trong cả triệu nơi ở khu vực đó, nhưng em chợt nảy ra ý nghĩ rằng họ đang đến chính cái nơi mà em tới. Hóa ra đúng thế thật. Điều gì ở họ khiến em nghĩ như thế nhỉ? Em không biết. Tại sao em lại dễ nhận ra những người trong giới văn chương như thế, đó là một điều bí ẩn đối với em. Hệt như cái lần em đi ngang qua ba người đàn ông ở quầy giải khát trong một nhà hàng ở Chelsea và biết rõ mười mươi họ là dẫn viết lách thậm chí trước khi nghe một người nói: “Đó là một điều quan trọng khi viết cho tờ The New Yorker”.

Trong hòm thư điện tử có một bản sao để đọc trước của một cuốn tiểu thuyết và một bức thư từ biên tập viên: Tôi hy vọng bà sẽ nhận thấy cuốn tiểu thuyết đầu tay này có vẻ sâu sắc như tôi đã cảm thấy.

Ghi chép bài giảng.

Tất cả các nhà văn đều là quái vật. Henry de Montherlant.

Các nhà văn luôn bán đứng ai đó. (Sáng tác văn chương) là một hành động gây hấn, thậm chí thù địch... một thủ đoạn của hành vi bắt nạt ngầm. Joan Didion.

Mỗi nhà báo... đều biết... việc anh ta làm là không thể biện hộ được về mặt đạo đức. Janet Malcolm.

Bất cứ nhà văn đáng kính nào cũng đều biết rằng, chỉ một phần nhỏ của văn chương có thể bù đắp ít nhiều cho độc giả vì sự thiệt hại mà họ phải chịu đựng khi học đọc. Rebecca West.

Sự đồi bại của văn chương dường như là vô phương cứu chữa; những kẻ gây buồn khổ không ngừng theo thói quen, bất chấp thực tế rằng không thể bòn rút sự thú vị nào từ nó nữa. W.G.Seбалd.

John Updike nói rằng bất cứ khi nào nhìn thấy những cuốn sách của mình ở một quầy sách, ông cũng cảm thấy mình thoát khỏi một điều gì đó.

Ông cũng là người đã phát biểu rằng một người tử tế sẽ không trở thành một nhà văn.

Vấn đề nghi ngờ bản thân.

Vấn đề hổ thẹn.

Vấn đề ghê tởm bản thân.

Có lần anh đã nói như thế này: Khi phát ngán một thứ gì đó anh viết rằng anh quyết định bỏ ngang, thế rồi về sau, anh nhận thấy mình bị hút trở

lại với nó mà không thể cưỡng nổi, anh luôn nghĩ: Giống như một con chó đến với bãi nôn của chính nó.

Một đồng nghiệp của em nói, nếu ai đó hỏi tôi dạy gì, tại sao tôi chẳng bao giờ có thể trả lời rằng tôi dạy môn “sáng tác” mà không cảm thấy ngượng nhĩ.

Giờ hành chính. Cậu sinh viên thích viện dẫn một thực tế về cuộc đời cậu và nói: Nhưng cô đã biết điều đó rồi mà. Không, em nói, tôi chưa biết. Cậu ta trông có vẻ bức mình. Cô nói thế là có ý gì? Cô không đọc truyện của em à? Em giải thích rằng em chưa bao giờ mặc nhiên cho rằng một tác phẩm hư cấu lại mang tính chất tự truyện. Khi em hỏi cậu ta tại sao cậu nghĩ tôi đáng lẽ phải biết cậu viết về chính mình, cậu ta nhìn em đầy vẻ khó hiểu và nói: Vậy em viết về ai khác kia chứ?

Một người bạn của em đang viết hồi ký chia sẻ: Tôi ghét quan điểm cho rằng sáng tác là trạng thái hồi hộp phấn chấn, bởi vì dường như trạng thái đó không thể tạo ra một cuốn sách hay được.

Natalia Ginzburg cảnh báo rằng, bạn chẳng thể hy vọng tự xoa dịu bản thân khỏi nỗi đau khổ bằng việc sáng tác.

Giờ thì hãy quay sang Isak Dinesen, người tin rằng bạn có thể chịu đựng bất cứ nỗi buồn nào bằng cách đưa nó vào một mẫu truyện hoặc kể một câu chuyện về nó.

*Tôi cho rằng mình đã làm cho bản thân điều mà các nhà phân tích tâm lý làm cho bệnh nhân của họ. Tôi đã diễn tả cảm xúc mà tôi cảm nhận trong một thời gian dài và cảm nhận thật sâu sắc. Và trong khi diễn tả nó tôi đã giải thích nó, sau đó để cho nó ngủ yên. Woolf nói tới việc viết về mẹ của mình như thế, những ý nghĩ về người đã ám ảnh bà trong giai đoạn giữa tuổi mười ba (khi mẹ của bà qua đời) và tuổi bốn mươi tư, khi mà trong sự gấp gáp dữ dội và dường như không cố ý, bà đã viết cuốn *Đến ngọn hải đăng*. Sau cuốn sách ấy, nỗi ám ảnh đó chấm dứt: Tôi không còn nghe thấy giọng nói của mẹ mình nữa; tôi không còn thấy bà nữa.*

Hỏi: Hiệu ứng của sự hồi hộp phần chẵn có phụ thuộc vào chất lượng viết không? Và nếu một người cảm thấy hồi hộp phần chẵn nhờ việc viết một cuốn sách thì liệu cuốn sách đó hay hay không có quan trọng không?

Bạn của em cũng đang viết về mẹ của cô ấy.

Các nhà văn thích trích dẫn Milosz: *Khi một nhà văn chào đời trong một gia đình thì gia đình đó chấm hết.*

Sau khi em đưa mẹ mình vào một cuốn tiểu thuyết, mẹ không bao giờ tha thứ cho em.

Toni Morrison gọi việc xây dựng một nhân vật dựa trên hình mẫu có thật là vi phạm bản quyền. Bà nói, một người làm chủ cuộc đời của mình. Không phải để người khác sử dụng nó cho một cuốn tiểu thuyết.

Trong một cuốn sách em đang đọc, tác giả nói về những người sử dụng ngôn từ đối chọi với những người sử dụng năm đấm. Cứ như ngôn từ thì không thể là năm đấm. Không phải thường xuyên là năm đấm.

Một chủ đề chính trong tác phẩm của Christa Wolf là nỗi sợ rằng viết về ai đó là một cách giết chết người ấy. Việc biến cuộc đời của người nào đó thành một câu chuyện cũng giống như việc biến người đó thành một bức tượng muối^[3]. Trong một tiểu thuyết có tính chất tự truyện, bà miêu tả một giấc mơ thời thơ ấu lặp đi lặp lại, trong đó bà giết cha mẹ mình bằng cách viết về họ. Nỗi hổ thẹn vì mình là nhà văn đã ám ảnh suốt cuộc đời bà.

Em tự hỏi bao nhiêu nhà trị liệu tâm lý làm cho bệnh nhân của mình cái việc mà Woolf đã làm cho bản thân bà. Em cược rằng không nhiều.

Anh từng nói, người ta có thể bóc trần các quan điểm của Freud như họ muốn. Nhưng không ai có thể nói người đàn ông đó không phải là một nhà văn vĩ đại.

Freud liệu có phải là người thật hay không? Có lần em nghe thấy một sinh viên hỏi như vậy.

Tất nhiên, chính một nhà trị liệu tâm lý đã đề xuất thuật ngữ *chứng tắc chữ của nhà văn*. Edmund Bergler cũng giống như Freud, là một người Do Thái gốc Áo và là tín đồ của thuyết phân tâm học của Freud. Theo Wikipedia, ông tin rằng chứng khổ dâm là nguyên nhân gốc rễ của mọi chứng loạn thần kinh chức năng khác của con người, rằng điều duy nhất tệ hơn sự tàn bạo của con người đối với con người là sự tàn bạo của con người đối với bản thân mình.

(Nhưng Edna O'Brien nói, một nhà văn nữ còn bị lừa đúp: chứng khổ dâm của phụ nữ và chứng khổ dâm của nghệ sĩ.)

Em nhận được lời mời dạy một khóa sáng tác ngắn hạn tại trung tâm trị liệu dành cho các nạn nhân của tệ buôn người. Người mời là chỗ quen biết của em, hay nói đúng hơn là người từng quen biết: Chúng em là bạn thời đại học. Khi đó cô ấy cũng muốn trở thành một nhà văn. Thay vì thế cô trở thành một nhà trị liệu tâm lý. Trong mười năm qua cô đã làm việc tại trung tâm trị liệu liên kết với một bệnh viện tâm lý lớn cách Manhattan một chặng xe buýt ngắn. Những người phụ nữ mà cô trị liệu phản ứng tích cực với phương pháp trị liệu thông qua nghệ thuật (sau này em xem một số bức tranh của họ và nhận thấy họ bị rối loạn ở mức cao.) Cô nghĩ việc viết lách thậm chí có thể sẽ giúp ích hơn cho họ, bởi nó có vẻ rất hữu ích đối với các nạn nhân bị sang chấn tâm lý, như các cựu chiến binh bị PTSD (chứng rối loạn căng thẳng sau chấn thương).

Em muốn làm việc đó như một hoạt động phục vụ cộng đồng, như lòng ưu ái dành cho người bạn cũ, và như một nhà văn.

Em nghĩ đến người phụ nữ trẻ xăm mình và đeo khoen theo kiểu hoa mỹ kỳ dị mà em đã gặp vài tháng trước trong buổi trao đổi phương pháp và kinh nghiệm sáng tác mà em là người giảng tại một hội nghị mùa hè dành cho những người viết văn. Đó là một buổi chia sẻ về viết tiểu thuyết, dù thứ mà cô gái đó viết giống tự truyện hơn – hãy gọi nó là giả tự truyện, hay tiểu thuyết về bản thân, tiểu thuyết hiện thực, hay bất cứ gì – tác phẩm tự sự về Larette, một cô gái bị bán làm nô lệ tình dục.

Sáng tác đó của cô ấy hay vì ba lý do chính: thiếu tính ủy mị, thiếu sự tủi thân, và có chất hài hước. (Nếu yếu tố sau cùng nghe có vẻ vô lý, ta hãy thử nghĩ tới một cuốn sách hay mà dù chủ đề u ám đến mức nào cũng không gợn chút hài hước mà xem. Milan Kundera đã nói, chính vì người ta có khiếu hài hước mà chúng ta cảm thấy có thể tin được họ). Một trong những dấu ấn lịch sử cuộc đời của những người đó đã được làm cho bớt gay gắt đi để tránh việc thử thách lòng tin. (Người đọc sẽ ngạc nhiên tự hỏi sao

các nhà văn lại thường làm điều đó đến thế.) Cô ấy đã ở trung tâm phục hồi nội trú hai năm, đấu tranh với chứng nghiện ma túy, nổi xấu hổ, và ham muốn trốn trở lại với kẻ dặt gài có tên được xăm ở ba chỗ khác nhau trên người cô. Sau đó cô đăng ký vào trường đại học cộng đồng, nơi cô học khóa viết văn đầu tiên.

Giống như nhiều người em đã gặp, cô gái ấy tin rằng việc viết lách đã cứu cuộc đời mình.

Anh luôn không tin viết lách là một cách tự giúp bản thân. Anh thích trích dẫn lời của Flannery O'Connor: Chỉ những người có tài năng mới nên viết cho công chúng.

Nhưng thật hiếm gặp người nghĩ rằng những gì mà họ đang viết ra là để giữ cho riêng mình. Hầu như ta toàn gặp người nghĩ rằng những gì họ đang viết không chỉ dành cho công chúng mà còn cho họ cơ hội nổi tiếng.

Anh nghĩ họ đã sai lầm. Anh nghĩ rằng những gì người ta tìm kiếm – sự thể hiện bản thân, cộng đồng, sự kết nối – sẽ có nhiều khả năng được tìm thấy ở lĩnh vực khác. Múa hát tập thể chẳng hạn. Thu hoạch mật ong. Anh nói, đó là những lĩnh vực mà trong quá khứ người ta hướng tới. Việc sáng tác quá vất vả! Henry James nói bất cứ ai muốn trở thành một nhà văn đều phải khắc trên bảng hiệu của mình chữ *cô đơn* chẳng phải là không có lý do. Philip Roth nói, viết văn đồng nghĩa với sự thất bại và nhục nhã. Ông so sánh việc đó với môn bóng chày: *Bạn thất bại trong hai phần ba thời gian.*

Anh nói, đó là thực tế. Nhưng trong thời buổi người người bị ám ảnh bởi việc viết lách, thực tế này bị bỏ qua. Ngày nay nhà nhà kéo nhau viết lách, và trước cụm từ “tài năng văn chương”, nhiều người muốn với lấy một khẩu súng. Anh nói, ngày càng nhiều người tự xuất bản sách của mình thì đúng là thảm họa. Đó chính là cái chết của văn chương. Và cũng có nghĩa là

sự diệt vong của văn hóa. Anh bảo rằng Garrison Keillor nói đúng: Khi ai ai cũng là nhà văn thì chẳng ai là nhà văn hết. (Dù thực ra đây chính là tuyên bố mà anh đã sử dụng để cảnh báo chúng em hãy thận trọng: Nghe có vẻ hay đấy, nhưng nếu các bạn cứ cố dồn sức ép lên nó thì nó sẽ tan rã.)

Toàn bộ điều này nghe có vẻ không mới mẻ.

Sáng tác và có tác phẩm được xuất bản càng ngày càng trở thành một điều ít đặc biệt hơn. Ai cũng hỏi: Tại sao không phải là tôi viết và xuất bản sách chứ?

Nhà phê bình người Pháp Sainte-Beuve đã viết như vậy.

Vào năm 1839.

Chẳng phải anh không khuyến khích em dạy sáng tác tại trung tâm VOT. Anh nói, anh hình dung việc đó có thể rất buồn, nhưng không phải nó sẽ không hấp dẫn.

Thực ra, ý của anh là em nên viết về trải nghiệm đó.

Những người phụ nữ ở trung tâm ấy được khuyến khích giữ nhật ký. Hoặc, như cô bạn là nhà trị liệu tâm lý của em nói, là viết nhật ký. Cô ấy nói, họ được khuyến khích viết nhật ký để giữ cho riêng mình thôi. Một số phụ nữ lo lắng khi nghĩ rằng ai đó có thể đọc được những gì họ viết, và cô bạn em đã phải đảm bảo với họ rằng chuyện đó sẽ không xảy ra. Họ có thể viết bất cứ điều gì họ muốn, với sự tự do tuyệt đối, và chắc chắn rằng sẽ không ai khác đọc nó. Thậm chí cô ấy sẽ không đọc.

Cô gợi ý rằng những người sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai hãy viết bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Một số phụ nữ cẩn thận giấu nhật ký của mình đi khi họ không viết. Những người khác luôn mang nhật ký bên người. Nhưng một số người khẳng khẳng hủy ngay hoặc ít lâu sau khi họ viết nó ra. Và bạn em nói như thế cũng không sao.

Những người phụ nữ đó được yêu cầu viết mỗi ngày ít nhất mười lăm phút, viết nhanh, không dừng lại để nghĩ quá lâu hoặc để bản thân mình bị sao lãng. Họ viết vào những cuốn sổ do trung tâm phát cho (bạn của em tin vào các nghiên cứu cho rằng viết tay tốt hơn cho sự tập trung và rằng một trang giấy được kẻ dòng thân thiện đối với việc tiếp nhận những điều riêng tư, bí mật hơn là những trang trắng của màn hình máy tính.)

Tất nhiên, có những người từ chối ghi nhật ký.

Bạn em nói, chính những người phụ nữ ấy nổi cáu với cô vì cô mong đợi họ nhớ lại những trải nghiệm buồn. Cậu phải hiểu những gì những phụ nữ đó đã trải qua. Đối với hầu hết họ, sự ngược đãi không bắt đầu bằng chuyện buôn người. (Tôi chắc chắn họ đã hứng chịu bạo lực từ khi chào đời.) Một số người thực sự ở trong hoàn cảnh dễ bị hãm hại – trong một số trường hợp, bị các thành viên của chính gia đình họ bán đứt. Và họ không bị lạm dụng nữa không có nghĩa rằng họ không tiếp tục bị tổn thương. Tôi luôn hỏi họ nghĩ điều gì tốt nhất có thể xảy ra với họ, và tôi không thể cho cậu biết bao nhiêu người đã nói: Tôi nghĩ điều tốt nhất đối với tôi là chết đi cho rồi.

Nhưng có một nhóm phụ nữ chấp nhận việc viết nhật ký một cách vui vẻ, thường viết lâu hơn mười lăm phút một ngày. Bạn em muốn cho những người phụ nữ đó một cơ hội tham gia khóa học, một nơi an toàn mà họ không chỉ có thể viết mà còn chia sẻ những trang viết của họ với nhau và với người hướng dẫn. Cô nói, trong số những người đăng ký, tôi có thể tin cậy vào một trình độ tiếng Anh nhất định, mặc dù không phải ai cũng là người bản xứ. Tuy nhiên, ngay cả những người bản xứ cũng bày tỏ những nỗi lo lắng về khả năng viết của họ và đặc biệt lo ngại về chính tả và ngữ pháp. Bạn em nói với nhóm phụ nữ đó rằng, trong khi viết nhật ký, họ không nên chú ý đến vấn đề chính tả và ngữ pháp.

Cô ấy nói, vậy nên điều quan trọng là cậu đừng để ý đến những lỗi đó. Tôi biết rằng điều đó không dễ đối với cậu, nhưng những phụ nữ này đã có đủ các vấn đề về lòng tự trọng rồi, và chúng tôi không muốn khiến họ ức chế thêm.

Em nghĩ tới một bài thơ của Andrienne Rich gồm những dòng được một sinh viên viết trong chương trình vào đại học mở rộng ở trường City College của New York. *Người ta chịu nỗi thống khổ cùng cực trong đói nghèo... Một số dạng khổ là:*

Cô bạn cho em xem một số bức vẽ mà những phụ nữ đó đã tạo ra: Những hình người không đầu, những ngôi nhà bốc cháy, những người đàn ông có cái miệng của những động vật hung ác, những đứa trẻ trần truồng bị đâm xuyên bộ phận sinh dục hoặc xuyên tim.

Cô ấy cho em nghe những đoạn băng ghi âm lời chứng mà vài người trong số những phụ nữ ấy đã cung cấp, và những bức vẽ trở nên sống động đối với em.

Cô ấy nói, tôi cứ gọi họ là phụ nữ. Nhưng chúng tôi hiểu nhiều người vẫn còn là những bé gái. Và những người đó là vài trong số những trường hợp thương tâm nhất. Chúng tôi có một cô bé mười bốn tuổi được cứu thoát tháng trước từ một ngôi nhà nơi cô bé bị xích vào một cái giường trong tầng hầm. Khi sự lạm dụng tình dục bị sự giam cầm làm cho tồi tệ thêm – đó là khi tổn hại trở nên khủng khiếp nhất. Khi được cứu thoát cô bé ấy không thể nói, cô bé bị câm. Các cơ quan phát âm của cô không có vấn đề gì – các bác sĩ không phát hiện ra vấn đề gì bất thường – nhưng cô vẫn bị câm. Chúng tôi hiểu rằng đây là triệu chứng tâm lý không thường xuyên: câm, mù, liệt.

Bạn của em muốn em xem một bộ phim Thụy Điển mang tên Lilya 4-Ever. Thực ra em đã xem nó rồi, từ nhiều năm trước, khi nó được công chiếu lần đầu tiên. Hồi đó em không biết rằng nó dựa trên một chuyện có

thật. Em không biết nhiều điều về nó; một hôm em đã quyết định xem nó vì sự thôi thúc của tình thế bởi vì em thích một bộ phim ra đời từ thời kỳ đầu của chính đạo diễn ấy và bởi vì nó được chiếu ở rạp gần đó. Nhiều khả năng nếu em đoán biết mình sẽ thấy những gì trong phim, thì em sẽ không bao giờ đi xem Lilya 4-Ever. Đường như trải nghiệm đó không thể tẩy sạch được: Thậm chí một thập kỷ sau, em không cần phải xem lại phim đó nữa.

Lilya là một cô bé mười sáu tuổi sống với mẹ tại một cư xá vắng vẻ lạnh lẽo dành cho người thu nhập thấp ở một vùng thuộc Liên bang Xô viết. Cô tin rằng cô và mẹ và người bạn trai của mẹ sẽ di cư sang Mỹ, nhưng khi thời điểm đó đến Lilya bị bỏ lại. Sau đó một người dì nhân tâm đã chiếm căn hộ mà Lilya đang sống, buộc cô phải chuyển ra nơi chẳng khác gì một túp lều bẩn thỉu. Bị bỏ rơi, không một xu dính túi, Lilya sa vào nghề bán dâm.

Từ những người xung quanh mình, Lilya đã biết cô chẳng thể mong đợi điều gì ngoài sự tàn ác và bội phản. Trường hợp ngoại lệ là Volodya, một cậu bé nhỏ hơn cô vài tuổi bị ngược đãi nhiều bởi chính người cha nghiện rượu của cậu. Volodya yêu quý Lilya, người đã làm bạn và che chở cậu sau khi cha đuổi cậu ra khỏi nhà. Hai đứa trẻ bị bỏ rơi chia sẻ những khoảnh khắc hạnh phúc hiếm hoi với nhau. Nhưng, trong hầu hết thời gian, cuộc sống của Lilya rất khắc nghiệt.

Niềm hy vọng đến trong hình hài của một thanh niên người Thụy Điển đẹp trai có giọng nói dịu dàng tên là Andrei. Anh nói với Lilya, người ngay lập tức đem lòng yêu anh, rằng, với sự giúp đỡ của anh, cô có thể sang Thụy Điển và bắt đầu cuộc sống mới. Cô vui sướng trước cơ hội đó, dù cô hiểu việc đó có nghĩa là gì đối với Volodya. Thực tế Volodya đã phản ứng trước sự ra đi của người bạn duy nhất trên đời của cậu bằng cách tự tử.

Volodya tiếp tục xuất hiện trong phim trong hình hài của một thiên sứ.

Lilya đến Thụy Điển, một mình (Andrei đã hứa sẽ đoàn tụ với cô sau đó), và tại sân bay một người đàn ông mà cô được cho biết rằng sẽ bảo vệ và chăm sóc cô đã đón cô. Người đó lái xe đưa cô tới nhà mới của cô, một căn hộ trong tòa nhà cao tầng sát đường phố, và nhốt cô trong đó. Nàng Rapunzel, Rapunzel. Hẳn là kẻ đầu tiên hăm hiếp cô. Cuộc sống mới của Lilya bắt đầu. Ngày nối ngày cô bị đẩy vào tay của các khách mua dâm – thuộc đủ mọi lứa tuổi, thuộc đủ hạng người – không kẻ nào trong số đó xét đến tuổi đời non dại của cô, cũng chẳng kẻ nào thừa nhận thực tế hiển nhiên rằng thỏa mãn thú tính của chúng là đi ngược với mong muốn của cô. Trái lại, kẻ nào cũng hành xử như thể Lilya có mặt trên đời này để làm nô lệ tình dục.

Lần đầu tiên cố trốn khỏi đó, Lilya bị bắt và bị đánh đập. Lần thứ hai cô nhận ra mình đang ở trên một cây cầu treo. Dù có một nữ cảnh sát ở gần đó, Lilya hoảng loạn, nhảy khỏi cầu.

Sau khi nhảy cầu, cô gái được phát hiện mang trên người một vài bức thư mà cô đã viết, và người ta dựa vào đó để dàn dựng lên Lilya 4-Ever. Đó là lý do tại sao câu chuyện của cô được biết đến.

Khi em xem phim đó, một mình, tại rạp chiếu phim nhỏ ở khu em ở, đó là một buổi trưa ngày thường. Chỉ có vài người xem. Sau khi bộ phim kết thúc em nhớ mình phải đợi để có thể bình tĩnh lại một chút mới có thể rời khỏi rạp. Đó là cảm giác nhục nhã. Ngồi cách em vài hàng ghế ở phía trước là một người phụ nữ khác đến rạp một mình và giờ đây đang khóc. Khi em cuối cùng cũng để bà ta ngồi lại một mình, thốn thức, em cảm thấy nhục nhã thay cho bà ta.

Theo cô bạn của em, Lilya 4-Ever thường được chiếu cho các nhóm hoạt động nhân đạo và nhân quyền và ở các trường học tại những nơi các bé

gái đặc biệt dễ bị những kẻ buôn người làm hại.

Không đủ tàn bạo là phản hồi từ một nhóm gái mại dâm ở Moldovan được mời xem bộ phim đó.

Thậm chí sốc hơn đối với em, khi nghe đạo diễn nói rằng ông tin Chúa đã che chở Lilya (giống như Volodya, sau khi chết, cô xuất hiện trên màn ảnh như một thiên sứ), rằng không có niềm tin này ông không thể làm nổi bộ phim. Tôi sẽ tự tử mất, ông nói.

Và điều này có nghĩa rằng ông ấy nghĩ những người không có niềm tin đó, không tin dù chỉ một phút rằng Chúa che chở những Lilya của cõi trần, sẽ làm gì ư?

Bạn em nói, có thể nhiều người sẽ cảm thông với nạn nhân bị lạm dụng và bắt công, như những người cũng bị kẹt trong khu ổ chuột của Lilya. Cô nói, thậm chí có thể bao dung với họ. Nhưng hành vi suy đồi của tất cả những thành viên được hưởng đặc quyền đặc lợi của một quốc gia Bắc Âu giàu có – thì khó có thể chấp nhận hơn.

Có lần em nhìn thấy một bức ảnh trong một cuốn tạp chí: Những người đàn ông đứng thành hàng dài ngoằn ngoèo bên ngoài một dãy lều của gái mại dâm tuổi mới lớn. Em không nhớ đó là nơi nào trên thế giới. Em nhớ chẳng có gì về những người đàn ông gợi cho ta thấy về bất cứ điều gì bất bình thường trong việc làm của họ. Vài người trong số họ đang hút thuốc. Người này nhìn đồng hồ đeo tay, người kia đang nhìn trời, một người khác đang đọc báo. Nhìn chung, tất cả toát lên vẻ buồn chán kiên nhẫn tưởng như họ đang đợi xe buýt, hoặc đợi đến lượt mình tại Nha Lộ Vận.

Cô bạn kể cho em nghe về một trường hợp khác. Lại một lần nữa, các bác sĩ không thể phát hiện bất cứ sự tổn thương hay bệnh tật gì cản trở bệnh nhân đó nói như bất cứ người bình thường nào. Nhưng cô gái ấy không nói. Khi người ta gợi ý cô viết nhật ký, cô rất hăng hái. Trong một tuần cô đã viết hết cả một chồng sổ. Bạn em kể cô ta viết những chữ tũn mủn đến mức gây ngạc nhiên, những con chữ bé nhất có thể tưởng tượng được. Chỉ nhìn cô ta viết cũng phát sợ rồi. Bàn tay cô căng lên, ngón tay cô phồng rộp, rớm máu, nhưng cô không – không thể dừng.

Bạn em nói, chúng tôi không bao giờ biết được cô gái ấy viết gì, bởi vì cô ta không cho chúng tôi xem. Nhưng tôi sẽ không ngạc nhiên nếu đó là những điều vô nghĩa, và lặp đi lặp lại. May thay, chúng tôi đã có thể cho cô ta dùng thuốc để giúp dừng hoạt động viết như điên dại ấy và cô gái đó bắt đầu nói trở lại.

Theo Larette, cô cũng đã trải qua một giai đoạn câm. Bất cứ khi nào cô cố nói, thì họng cô đều bị thít lại đến mức gây đau đớn, cứ như thể cô bị những bàn tay vô hình bóp cổ.

Tôi đã rất cố gắng, dù đau, nhưng điều khả dĩ nhất mà tôi có thể làm là phát ra những tiếng rít khô khốc giống như tiếng kêu của một con chuột hen, khiến mọi người cười. Tôi xấu hổ đến mức không cố nói nữa. Khi muốn giao tiếp tôi sử dụng chữ viết hoặc một dạng ngôn ngữ ký hiệu hoặc nói như người câm. Tuy nhiên, kể cả lúc đó họng tôi vẫn đau.

Trong khi trị liệu tâm lý, cô nhớ lại một chuyện mà cô đã trải qua nhiều năm trước. Chuyện này liên quan đến bà của cô, người mà cô cố gắng ít nghĩ tới hết mức có thể. Khi Larette mười tuổi, mẹ cô bị bạn trai đâm chết. Trong lúc đó không có bóng dáng của người cha, và cô được đặt trong sự chăm sóc của bà ngoại cô. Larette ám chỉ người đàn bà này, một người

nghiện chất ma túy tổng hợp với mức độ mỗi ngày một nặng hơn, là “chủ nô đầu tiên của tôi”.

Bà ấy là người đầu tiên bán tôi cho bọn đàn ông. Tôi nhớ chúng tôi đang ngồi tại bàn ăn, và bà đứng dậy, đi ra chỗ tủ lạnh. Bà mở tủ lạnh lấy ra một que kem^[4], bóc nó ra và bẻ làm đôi. Tôi nhớ nó có vị cherry mà tôi ưa thích. Bà đưa một phần cây kem vào miệng tôi. Để bà cho con xem, cưng à. Bà cho một nửa kia vào miệng mình và bà bắt đầu ăn.

Đây là một trong những ký ức mà Larette không chắc có nên đưa vào cuốn sách của cô hay không. Cô sợ rằng nó nghe có vẻ không thật. Cô cứ xóa nó đi, rồi lại viết ra, rồi lại xóa.

Em biết một phụ nữ khác, một nhà văn, đã nhiều lần kiếm sống bằng lao động tình dục. Cô ta phản đối suy nghĩ thịnh hành cho rằng tất cả gái mại dâm phải được coi là VOT (nạn nhân bị buôn bán). Cô muốn có sự phân biệt rạch ròi giữa một nô lệ tình dục và một người lao động tình dục tự nguyện và tự do như cô. Những cuộc đột kích nhà thổ, những vụ xúc phạm, bêu xấu công khai người mua dâm khiến cô nổi tam bành.

Cô nói, Chúa cứu chúng tôi khỏi những hiệp sĩ da trắng. Tại sao việc tin rằng chúng tôi không cần hoặc không muốn sự cứu thoát đó lại khó khăn đến thế nhỉ? Chẳng lẽ lúc nào cũng vậy, xã hội không thể chấp nhận rằng một người đàn bà làm gì với cơ thể của cô ta là chuyện riêng của cô ta ư?

Một câu chuyện mà người phụ nữ này thích kể có liên quan đến nữ nghệ sĩ người Pháp Arletty, người mà vào năm 1945 bị kết tội phản quốc bởi vì, trong thời kỳ chiếm đóng, cô đã có quan hệ tình ái với một sĩ quan Đức. Biện hộ cho mình, cô nói, trái tim tôi là trái tim Pháp, nhưng cái mông tôi là mông quốc tế. (Thực sự, cô bạn em thích một phiên bản khác, súc tích hơn

của câu châm biếm nổi tiếng về Arletty: Cái mộng tôi không phải là thuộc về nước Pháp.)

Người phụ nữ là lao động tình dục nói rằng cô ngạc nhiên trước thực tế hầu hết phụ nữ lại ngây thơ đến thế. Họ không biết rằng hầu hết đàn ông đều có quan hệ tình dục với gái mại dâm; cha, anh của họ, bạn trai, chồng của họ nằm trong số đó. Em đã nghe Larette nói y hệt – như em nghe đàn ông nói họ không tin những người đàn ông tuyên bố chưa từng trả tiền mua dâm.

Trong một bộ phim tài liệu trên truyền hình mới đây, một cựu gái mại dâm từng làm việc tại một nhà nghỉ ở vùng ngoại ô giải thích rằng các buổi sáng thứ Hai là thời gian bận nhất của cô: Đường như không gì tốt cho chuyện ấy hơn sau những ngày cuối tuần ở với vợ con.

Một lần em hỏi cô bạn rằng cô thích làm nghề mại dâm phải không. Em ngạc nhiên khi cô trả lời đúng vậy. Nhưng cô nhìn em như thể mình nghe chưa chính xác. Cô nói, tôi làm việc đó vì tiền. Chẳng có gì để thích cả. Nếu tôi có thể kiếm sống bằng việc viết lách, thì tôi đã không làm việc đó. Cô nói, việc ấy dễ hơn việc giảng dạy.

Em phải hứa không sử dụng bất cứ chi tiết nào mà các phụ nữ trong khóa học viết ra. Nhưng cô bạn là nhà trị liệu tâm lý đồng ý để em viết về cô và công việc cô làm. Anh, với tính hào phóng của mình, đã ném cái ý tưởng đó cho một biên tập viên mà anh tình cờ ăn trưa cùng. Chẳng bao lâu sau em nhận được một hợp đồng và một hạn chót.

Không lâu sau khi chúng em tốt nghiệp đại học, bạn em xuất bản một số truyện ngắn. Tờ tạp chí đăng những truyện ấy tuy nhỏ nhưng có uy tín, loại tạp chí văn chương ra theo quý thu hút được sự chú ý thật sự. Một trong

những truyện đó giành giải thưởng, và cuối năm đó cô được đề cử và sau đó được trao một giải thưởng thường niên lớn hơn nhiều dành cho những cây bút được gọi là triển vọng nổi bật.

Em không biết tại sao cô lại bỏ viết.

Cô nói, chính xác đó không phải là một quyết định. Đó đơn giản là điều đã xảy ra. Cô kể, tôi bắt đầu viết một cuốn tiểu thuyết và gặp vấn đề về tập trung, và một người tôi biết gợi ý rằng tôi nên thử ngồi thiền. Tôi đã đến với đạo Phật như thế đó, tôi đã ở một tháng tại một nơi ẩn dật ở vùng xa xôi hẻo lánh để học thiền, và từ đó tôi ngồi thiền. Tôi biết chẳng thiếu gì những nhà văn theo đạo Phật – và lại, ngày nay ai mà không ngồi thiền hay tập yoga cơ chứ? Và tôi biết có những người nói thiền giúp ích cho sự nghiệp của họ. Nhưng, từ khi tôi bắt đầu nghiên cứu đạo Phật tôi nhận thấy nó xung đột với mong muốn trở thành một nhà văn.

Dẫu vậy, tôi phải nói rõ rằng tôi không dừng việc viết lách. Tôi không nhất thiết phải làm điều đó. Tôi viết nhật ký – thực ra, tôi coi việc viết nhật ký là một dạng thiền – và tôi làm thơ. Những điều tôi thấy trong công việc kiếm ăn hàng ngày của mình rất đáng ngại và tôi nhận thấy thơ có thể giúp ích cho tôi. Không phải rằng tôi chưa bao giờ viết về việc kiếm sống của mình. Những bài thơ của tôi thiên về miêu tả cái đẹp của thế giới hầu hết về thiên nhiên. Đó không phải là thơ hay, tôi biết chứ, và tôi không muốn chia sẻ những bài thơ đó. Đối với tôi, làm thơ cũng giống như cầu nguyện, mà cầu nguyện thì không hẳn là việc mà cậu buộc phải chia sẻ với những người khác.

Không phải là tôi muốn lánh đời. Tôi không định trở thành một ni cô hay đại loại thế. Nhưng như tôi đã nói, tôi bắt đầu có những hoài nghi về việc trở thành một nhà văn. Tôi không hiểu sao mình có thể dung hòa sự nghiệp văn chương với mục đích tự do không ràng buộc. Chẳng bao lâu sau khi kết thúc đợt ở ẩn tôi đến sống ở một khu của văn nghệ sĩ – tôi hy vọng

quay trở lại với cuốn tiểu thuyết đang viết dở. Tôi nhớ mình đã nhìn những người sống ở đó, vài người chỉ mới bắt đầu sáng tác giống như tôi và một số người đã thành danh, và nghĩ về những gì công việc ấy đòi hỏi – ngoài tài năng, tất nhiên – để thành công. Cậu phải có tham vọng, tham vọng thật sự, và nếu cậu muốn làm một việc thực sự tốt thì cậu phải được thúc đẩy. Cậu phải muốn vượt trên những gì người khác đã làm. Cậu phải tin việc mình đang làm là cực kỳ nghiêm túc và quan trọng. Và đối với tôi, dường như điều đó xung đột với việc học để ngồi tĩnh tâm. Buông bỏ.

Và dù việc sáng tác không được coi là việc có tính cạnh tranh, tôi có thể hiểu rằng hầu hết thời gian các nhà văn tin rằng đó là cạnh tranh. Trong khi tôi ở khu của văn nghệ sĩ, một trong những nhà văn ở đó nhận được một khoản trả trước lớn đến mức tin đó được đăng trên tờ Times. Hôm đó vào bữa ăn tối, anh ta nói, Thế là đi tong hai người bạn cuối cùng của tôi. Dĩ nhiên anh ta đùa, nhưng tôi để ý thấy hể bất cứ khi nào một nhà văn đạt được thành công lớn, thì y như rằng dường như có một nỗ lực lớn hòng làm cho người đó xuống tinh thần.

Cứ như thế tiền quan trọng hơn tinh thần của mỗi người. Em không thể hiểu nổi. Ai trên trái đất này trở thành nhà văn vì tiền cơ chứ? Em nhớ ở lớp học sáng tác đầu tiên của mình, giảng viên nói: Nếu các bạn định trở thành nhà văn, thì điều đầu tiên các bạn phải làm là thề sống trong nghèo túng. Và không ai trong phòng nháy mắt.

Dường như đối với em tất cả những ai em biết là nhà văn – hồi đó điều ấy có nghĩa là hầu hết những người em biết – đều ở trong trạng thái thất vọng kinh niên. Người ta liên tục tức tối về chuyện ai đạt được điều gì, ai bị bỏ sót và về cái nghề đó bất công khủng khiếp như thế nào. Thật khó hiểu. Tại sao sự thế lại cứ phải như thế nhỉ? Tại sao tất cả đàn ông làm nghề đó lại kiên cường đến thế, và tại sao nhiều người trong số họ lại là những kẻ lạm

dụng tình dục? Tại sao phụ nữ làm nghề đó đều cấu kính và phiền não nhỉ? Quả thực, khó mà không cảm thấy thương hại cho tất cả.

Bất cứ khi nào em tới dự một buổi đọc sách em đều không thể không cảm thấy ngượng cho tác giả. Em thường tự hỏi, mình có ước đó là chính mình ở trên kia không, và câu trả lời trung thực là không. Và không phải chỉ em đâu. Anh có thể cảm nhận được điều đó ở các thính giả khác. Và em nhớ mình đã nghĩ, Đây là điều mà Baudelaire đã đề cập đến khi ông ta nói rằng nghệ thuật là sự bán rẻ.

Trong khi đó em vẫn đang vật vã với cuốn tiểu thuyết. Và rồi một ngày em quyết định bảo chính mình: Hãy nói mi không viết cuốn sách này đi. Chẳng phải có vô số người khác muốn cho ra đời những cuốn tiểu thuyết sao? Chẳng phải trên thực tế đã có quá nhiều cuốn tiểu thuyết rồi sao? Trung thực mà nói, mi có nghĩ cuốn tiểu thuyết của mình sẽ bị bỏ qua không? Mi có thể bào chữa cho việc đã làm điều gì đó với cuộc đời mình không, cuộc đời duy nhất quý giá và điên rồ, mà mi biết không làm thì sẽ không bị bỏ qua?

Dạo đó em tình cờ nghe một nhà văn phát biểu trên radio. Em không thể nhớ đó là ai, nhưng đối với em cứ như Chúa nói vậy. Em nhớ ông ấy nói rằng nếu trong cả năm tiếp theo không có tiểu thuyết nào được xuất bản, thay vì số lượng truyện ngắn và tiểu thuyết nhiều đến chóng mặt mà chúng ta biết sẽ được xuất bản, thì điều đó cũng chẳng ảnh hưởng gì đến thế giới cả. Tất nhiên, nói thế không đúng, bởi vì em cho rằng sẽ có sự ảnh hưởng đáng kể đối với nền kinh tế. Nhưng em biết ý ông ấy muốn nói gì, và em cảm thấy như thể ông ấy đang nói với chính em. Nói cái điều mà em đã nói với chính bản thân mình: Mi phải thay đổi cuộc đời mi.

Không phải là em không có những nuôi tiếc. Nhiều lúc em có cảm giác tội tệ rằng mình là kẻ trốn việc, quá lười biếng, hoặc quá hèn nhát không dám sống với ước mơ của mình. Nhưng nếu em cần bằng chứng để chứng

minh rằng mình đã quyết định đúng, thì em phải nhìn vào sự đọc của bản thân. Em đã từng là một con mọt sách nhiệt tình nhất, nhưng qua thời gian em càng ngày càng ít hứng thú với việc đọc hơn, nhất là đọc tiểu thuyết. Có lẽ điều đó liên quan đến những thực tế mà em thấy hằng ngày, nhưng em bắt đầu cảm thấy chán các câu chuyện về những nhân vật hư cấu sống những cuộc đời được dựng lên với đầy rẫy những vấn đề được bịa ra.

Em đã duy trì việc đọc sách trong một thời gian. Em mua một cuốn sách mà ai cũng gọi là kiệt tác, hoặc một tiểu thuyết vĩ đại của văn học Mỹ hoặc đại loại thế, và em bỏ dở. Hoặc nếu em có đọc hết cuốn đó, thì em cũng chẳng nhớ nữa. Hầu như chẳng bao lâu sau khi gấp một cuốn sách lại, em quên nó luôn. Sau đó đến một thời điểm em hầu như thôi không đọc bất cứ tác phẩm hư cấu nào nữa, và em hiểu ra rằng mình chẳng hề cảm thấy nhớ việc đó.

Em hỏi cô bạn, điều gì xảy ra nếu cô không dừng viết truyện hư cấu. Liệu cô có nghĩ mình vẫn sẽ mất hứng thú đối với việc đọc truyện hư cấu không?

Cô ấy nói: Tôi không biết. Tôi chỉ biết mình vui khi làm cái việc mà hiện giờ mình đang làm hơn cái việc mà cậu đang làm nhiều.

Có lẽ là đáng khen khi cô ấy cảm thấy mình có thể nói tất cả những điều này với em mà không sợ làm tổn thương tình cảm của em.

Các sinh viên tốt nghiệp khóa viết văn và đi đến chỗ... bỏ viết. Anh và em đã quen với kiểu đó. Dường như lớp sáng tác nào cũng có một người như thế, và chúng ta luôn thắc mắc: Tại sao điều đó lại thường xảy ra với người có triển vọng nhất trong số đó? (Chính xác đó là trường hợp của Vợ Cả.)

Viết về một đối tượng. Viết về một điều gì đó hiện, hoặc đã từng quan trọng đối với anh. Đối tượng đó có thể là bất cứ gì. Miêu tả đối tượng, sau đó viết tại sao nó lại quan trọng đối với anh.

Một người phụ nữ viết về xì-gà. Chị ta gọi đó là người bạn thân nhất của chị. Chị bắt đầu hút thuốc khi lên tám. Chị nói, từ đó tôi không sống nổi nếu không có thứ đó. Tôi thích hút thuốc hơn làm bất cứ điều gì. Một phụ nữ khác viết về một con dao mà chị đã dùng để phòng thân. Chị không phải là người duy nhất viết về một loại vũ khí. Nhưng khoảng một nửa số phụ nữ viết về búp bê. Trừ một trường hợp, còn lại tất cả những câu chuyện về búp bê đều có kết thúc buồn. Những con búp bê bị thất lạc, bị gãy hoặc bị phá hoại bằng cách này hoặc cách khác. Một con búp bê duy nhất thoát khỏi số phận đó giờ bị giấu ở một nơi bí mật mà người viết hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm lại được. Đó là tất cả những gì người phụ nữ đó nói. Chị ta lắc đầu khi em nhắc chị nhớ rằng chị phải miêu tả đối tượng. Chị nói, nếu chị miêu tả nó, có thể chị sẽ thu hút điều xấu tới. Con búp bê sẽ bị làm hại, và chị sẽ không bao giờ nhìn thấy nó nữa.

Tuần nọ tuần, đọc những mẫu truyện của những phụ nữ đó trên chuyến xe buýt về nhà, em thấy chúng dường như giống một chuyện quan trọng, như một câu chuyện được kể đi kể lại. Có người luôn bị đánh đập, có người luôn đau khổ. Có người lúc nào cũng bị đối xử như nô lệ. Như đồ vật.

Một số nổi thống khổ là:

Cùng những danh từ đó: con dao, chiếc thắt lưng, sợi dây thừng, năm đấm, vết sẹo, vết bầm tím, máu. Cùng những động từ đó: lực, đập, vụt, đốt, bóp cổ, bỏ đói, gào thét.

Hãy viết một truyện cổ tích. Chẳng hạn như, một cơ hội để mơ tới việc báo thù. Một lần nữa, luôn là một câu chuyện bạo lực và sự nhục nhã. Luôn là chính những từ vựng ấy.

Anh từng nói, không sáng tác nào bị bỏ phí. Dù những trang viết nào đó không tiến triển và cuối cùng anh ném chúng đi, là một nhà văn anh vẫn luôn học được điều gì đó.

Ở đây điều em học được là: Simone Weil nói đúng. *Cái xấu được hư cấu thì lãng mạn và đa dạng; cái xấu có thật thì u ám, đơn điệu, trần trụi, tẻ nhạt.*

Đây là điều cuối cùng anh và em nói đến khi anh còn sống. Sau đó, chỉ có bức thư của anh với một danh sách các cuốn sách anh nghĩ sẽ giúp ích cho em trong việc nghiên cứu. Và, bởi vì đó là dịp năm mới, nên có kèm lời chúc mừng năm mới.

Phần Bốn

Điều này nghe có vẻ như không thể có trên đời này: Một cuốn hồi ký về tình yêu giữa một người đàn ông và một con chó.

Một người đàn ông: J.R.Ackerley (1896-1967), tác giả người Anh và là biên tập viên văn học của tạp chí BBC mang tên *Thính giả*.

Con chó: Queenie, một con chó chăn cừu giống Đức. Ackerley, một người đàn ông trung niên độc thân có lịch sử tồi tệ về sự bừa bãi trong sinh hoạt tình dục đã từ bỏ hy vọng tìm bạn tình, có được con chó đó khi nó tám tháng tuổi.

Cuốn sách: *Con Tulip của tôi*. Một biên tập viên nhận thấy vấn đề với cái tên “Queenie” bởi vì Ackerley được biết là người đồng tính, đã gợi ý đổi tên chú chó.

Cố nhiên, lần đầu tiên em nghe nói về Ackerley là từ anh. Những bức thư viết tay của ông ấy đã được xuất bản thành tập sách. Anh nói tập đó hay, như tất cả những gì ông viết. Nhưng chính hồi ký của ông được anh gọi là cuốn sách không thể bỏ qua.

Tìm được đúng giọng thì ta có thể viết về bất cứ điều gì: Em thường xuyên được nhắc để nhớ đến câu châm ngôn này trong khi đọc cuốn sách. Dòng bình luận của một khách hàng mua sách cảnh báo: “Vượt ngoài những gì bạn muốn biết về những thứ vào và ra khỏi âm đạo, bàng quang, hậu môn của một con chó”. Thực ra, phần lớn cuốn *Con Tulip của tôi* viết

về những gì Ackerley gọi là “những lần động đực của nó”. Dù nhiều lúc người đọc cảm thấy hành động thú tính chắc chắn sẽ xảy ra và không thể chịu đựng nổi, thực tế trong cuốn sách không có hành động nào như thế xảy ra. Nhưng nói mỗi quan hệ đó không thân mật là nói dối. Bản thân Ackerley thừa nhận rằng thỉnh thoảng ông ta chạm bàn tay cảm thông vào nơi nhạy cảm của nó và con chó tuyệt vọng cứ đẩy người về phía ông ta.

Em đang cân nhắc việc đọc lại cuốn sách, tính đến rủi ro của việc ấy, nhất là khi đó là cuốn sách anh thích. Luôn có khả năng cảm giác của em sẽ không như trước nữa, rằng vì lý do nào đó em có thể sẽ không thích nó đến mức ấy. Khi điều này xảy ra, mà đối với em nó luôn xảy ra (và em càng nhiều tuổi thì nó càng xảy ra nhiều), hiệu ứng của nó đáng buồn đến mức giờ đây em mở những cuốn sách mà trước kia em yêu thích một cách thận trọng.

Văn phong tốt, sự hóm hỉnh sắc bén, câu chuyện thậm chí cuốn hút hơn em nhớ. Nhưng có một điều gì đó đã thay đổi. Lần thứ hai đọc nó, em không cảm thấy tác giả đáng yêu. Thậm chí em thấy ông ấy có phần đáng ghét. Sự thù địch của ông đối với phụ nữ – trước kia em đã bỏ qua điều đó, hay đơn giản em đã quên nhỉ?

Đàn bà thật nguy hiểm, nhất là đàn bà thuộc tầng lớp lao động... Họ sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì và họ chẳng bao giờ chịu bỏ qua.

Quả thật Ackerley có ít tình cảm dành cho con người nói chung. Nhưng tính ghét đàn bà ở ông thì quá rõ. Đàn bà tồi tệ bởi vì họ là đàn bà.

Một ngoại lệ được dành cho cô Canvey, một bác sĩ thú y vừa giỏi giang vừa có lòng trắc ẩn, người đã ngay lập tức chẩn đoán được rằng nguyên nhân rối loạn hành vi ở Tulip là vấn đề tình cảm: nó yêu ông, đó là điều rõ ràng.

Cũng như thực tế rằng ông ấy yêu nó. Nhưng, dù điều đó rõ ràng như vậy, em vẫn hoang mang trước cách đối xử của ông ấy với nó. Các vấn đề

về hành vi của Tulip thật sự nghiêm trọng. Nỗi khiếp sợ của một con chó, sự huấn luyện không đến nơi đến chốn, biểu hiện căng thẳng và dễ bị kích động đến mức cuồng loạn và khó gần. Nó sủa không ngừng, và nó cắn. Hành vi của nó tệ đến mức nó làm tổn hại các mối quan hệ của Ackerley với mọi người. Bạn bè thất vọng vì ông không siết chặt kỷ luật với nó hơn. Về phần mình, ông trách gia đình đầu tiên của nó đã để nó ở một mình quá nhiều và thỉnh thoảng đánh đập nó, gây ra “những rối loạn tâm thần” cho nó. Nhưng bản thân ông lại thường không tìm nổi việc mắng mỏ và đánh đập nó, dù ông biết kiểu trừng phạt như thế chỉ có thể làm nó thêm rối loạn mà thôi.

Thất vọng, tức giận, bạo lực (lời của ông ấy). Kiểu phản ứng này dường như không thể tránh khỏi. Khi Tulip đẻ, làm nghiêm trọng thêm sự lộn xộn vốn đã ngự trị trong nhà của Ackerley, ông ấy thỉnh thoảng đâm lũ chó con.

Không khó để kết luận rằng, nếu được huấn luyện tốt hơn, Tulip sẽ là một con chó hạnh phúc hơn và cuộc sống của Ackerley (chưa kể tới cuộc sống của những người hàng xóm của ông) sẽ được cải thiện nhiều. Nhưng ông chỉ là một người khác nữa chùn bước trước sự thống trị. Bám rễ trong đầu ông là quan niệm rằng Tulip ắt phải thích một cuộc đời trọn vẹn của giống chó. Có nghĩa là nó phải được phép săn và ăn thịt thỏ, nó phải trải nghiệm sự giao phối và phải được làm mẹ. Nhưng, thậm chí sau một lứa đẻ, ông không thể đem nó đi triệt sản: Sao tôi có thể đem một con vật đẹp nhường này đi triệt sản chứ? Dù lương tâm cắn rứt, ông có thể ít quan tâm đến số phận của lũ chó con lai mà ông ta biết sẽ chẳng tìm được nhà tử tế cho chúng. Nhu cầu của kẻ được yêu là tất cả. Những cơn động đực của Tulip không chỉ khiến cuộc sống của cả nó lẫn của Ackerley bị đảo lộn, mà còn gây ra sự tàn phá đối với toàn khu London của ông ta, xét trên số lượng chó không nhỏ, giống như Tulip trong cơn động đực, chạy rông không xích.

Hết trang này đến trang khác, cuốn sách đó nói về tình trạng khổ sở liên quan đến nỗi tuyệt vọng về tình dục của nó. Ackerley chia sẻ nỗi khổ sở đó, nó làm tan nát trái tim ông. Mùa nổi mùa ông và con chó chịu đựng cùng nhau. Ông vẫn không cho nó đi triệt sản. Các miêu tả của ông về khía cạnh này của cuộc đời Tulip đau đớn đến nỗi em muốn gào lên: Sao ông lại không đem nó đi triệt sản hả?

Em nhớ dù anh thích tác phẩm ấy, anh đã bị cuộc sống đó cự tuyệt. Một cuộc sống mà trong đó mỗi quan hệ ý nghĩa nhất là mối quan hệ giữa một con người với một con chó – còn gì có thể buồn hơn, anh nói. Nhưng, đối với em, dường như Ackerley đã trải nghiệm ở mức trọn vẹn nhất tình yêu song phương vô điều kiện mà ai ai cũng khao khát nhưng hầu hết đều không được trải nghiệm. (Thử hỏi bao nhiêu người đã tìm thấy Tulip của họ? Auden hỏi.) Một cuộc hôn nhân mười lăm năm, những năm hạnh phúc nhất trong đời của ông, Ackerley nói vậy. Và khi những đau đớn của bệnh tật cuối đời buộc ông phải để người ta giết nó, ông đã viết: *Nếu có thể, tôi thà hy sinh bản thân như một người đàn bà tự thiêu chết theo chồng*. Thay vì thế ông tiếp tục sống. Ông viết lách, uống rượu say mê. Sáu năm lê thê buồn bã. Ông cứ uống và uống, rồi chết.

Người và chó. Như một chuyên gia về động vật nhĩ, liệu chuyện đã thực sự bắt đầu với những người mẹ đang nuôi con nhỏ nhận những con sói mồ côi về nuôi để chúng bú chung bầu sữa với con họ chẳng? Và chẳng phải chuyện đó khớp với huyền thoại về hai anh em sinh đôi lập nên thành Rome hay sao? Romulus và Remus, bị bỏ rơi khi chào đời, được sói mẹ ủ ấm và cho bú ư?

Hãy dừng lại một chút ở đây để thắc mắc tại sao chúng ta lại gọi một gã lẳng nhăng là sói. Xét trên thực tế rằng sói được biết là bạn đời chung thủy,

trung thành và là loài vật làm mẹ, làm bố tận tụy.

Em thích câu nói của thổ dân da đỏ rằng, chó làm cho con người trở thành người. Cũng có câu nói như sau (dù em không nhớ ai đã nói): Thấy giống chó yêu con người đến mức nào nên chúng ta mới không trở thành những kẻ ghét người.

Quá nhạy cảm đối với các loại mùi nói chung và quá khắt khe về cơ thể người, Ackerley không phát ớn vì bất cứ cái mùi nào của Tulip, ngay cả mùi tuyến hậu môn của nó, và thậm chí thấy cả sự dễ thương trong cái cách nó đi ỉa.

Ông ta viết về những thói quen bài tiết ít hơn về đời sống tình dục của nó. Nhưng viết như thế vẫn là khá nhiều. Và đáng chú ý là các chi tiết...

Chương đó được đặt tên là “Chất lỏng và chất rắn”.

Dù em thường đi dạo. Dù Apollo có dây buộc cổ, em cứ lo, hết như Ackerley, về một con chó bậy trên đường – nhất là một con chó lớn – có thể bị xe hơi tông vào. Không may thay, Apollo thường ngồi chồm hổm ở một khoảng cách nguy hiểm tính từ lề đường. Giống như Ackerley, em không thể giải quyết vấn đề bằng cách để cho Apollo sử dụng vỉa hè, dù, không giống Ackerley, em luôn chịu khó dọn bãi phân. Giải pháp của em, mỗi khi Apollo ngồi đủ xa khỏi lề đường để có thể bị nguy hiểm, thì em ngồi chặn giữa nó và dòng xe cộ đang đi tới. Quả đúng là em tự đặt mình vào tình thế nguy hiểm, nhưng em tính, em hy vọng một cách không quá ngây thơ rằng một người lái xe sẽ cẩn trọng hơn để tránh cán phải một con người. Các tài xế ở Mahattan không được kiên nhẫn cho lắm. Nhiều người cảm thấy phiền đã chửi em. Nhưng em biết có những người khác đi chậm lại, và nhiều người đi bộ cũng vậy, để nhìn.

Trong bài viết “Làm thế nào để trở thành một kẻ rong chơi”, anh nói anh không coi một cuộc đi dạo lâu cùng một con chó là một cuộc rong chơi thực sự bởi vì nó không giống việc đi lang thang không mục đích, và việc phải chịu trách nhiệm với một con chó ngăn không cho ta rơi vào trạng thái lơ đãng. Những ngày này em dành nhiều thời gian cho Apollo đi dạo đến mức em không thể tưởng tượng mình ra ngoài mà chỉ đi một mình. Tuy nhiên, điều ngăn em rơi vào trạng thái lơ đãng, hoặc suy nghĩ nhiều là cái cách nó thu hút sự chú ý. Không thời điểm nào em hoan nghênh sự chú ý của người lạ, nhưng dù Apollo không tỏ ra khó chịu vì không được “riêng tư” khi đi ỉa thì em vẫn cảm thấy đặc biệt khó chịu. Lúc em đang dọn cho nó – tệ nhất là bị nhìn, dường như một số loại người lại thích thế. Họ bình luận về kích cỡ phân của nó, cứ như không phải em đứng ở đó với xô và xẻng trong tay (chính hai dụng cụ đó làm họ khoái chí phần nhiều, mặc dù thú thực em khá hài lòng với bản thân vì nảy ra ý tưởng sử dụng một cái xẻng làm vườn cỡ nhỏ cùng cái xô đựng cát của trẻ con, lót một chiếc túi nilon.)

Ai đó nói (cười ngoác miệng): Tôi thấy tội nghiệp cho cô. Hoặc: Tôi thích chó đấy, nhưng tôi không bao giờ có thể làm cái việc cô đang làm.

Một số người quả mắng em vì nuôi một con chó như thế: Những con chó to không ở trong thành phố này được đâu!

Một người đàn bà nói: Tôi nghĩ điều đó là tàn nhẫn. Nuôi một con chó cỡ đó và nhốt nó trong một căn hộ thế kia à.

Em đáp trả bà ta: Ồ, nhưng chúng tôi vừa qua đây chơi hôm nay thôi. Mai chúng tôi bay về biệt thự của mình rồi.

(Vâng, tất nhiên, trong cộng đồng nuôi chó cũng có những người tế nhị, quan tâm đến chuyện của bản thân thôi hoặc nói những lời thông minh, thân thiện, dễ nghe. Nhưng tất cả chúng ta đều biết khả năng tế nhị chưa bao giờ trở thành đề tài thú vị để viết, hoặc để đọc, để nói tới.)

Chất lỏng: Khi em nhìn thấy hàng ga-lông tuôn ra em cảm thấy biết ơn vì Apollo không nhấc chân lên như hầu hết những con chó đực khác; thay vì làm ướt một cái vành bánh xe, nó có thể làm ướt đầm một cửa sổ xe.

Chất rắn: em đã nói đủ rồi.

Giữa chất lỏng và chất rắn còn có thứ khác nữa, thứ chết tiệt của những giống chó gộc. Ngày nào em cũng phải lau mặt cho nó mấy lần. Em gọi việc đó là lau sàn tàu.

Thay vì đưa nó tới bác sĩ thú y trước kia của nó, và như thế có nghĩa là phải tìm cách vận chuyển nó tới Brooklyn, em tìm được một bác sĩ thú y cách nhà một khoảng cách có thể đi bộ được. Ông ta tốt với Apollo, nhưng em cảnh giác với ông ta, loại đàn ông nói với phụ nữ như thể họ là những kẻ điên, và nói với những phụ nữ lớn tuổi như thể họ là những kẻ điên điên đặc.

Khi em nói với ông ta rằng Apollo không bao giờ chơi với những con chó khác, thậm chí cả những con chó ở công viên cũng không, ông ta nói: Hừm, nó đâu còn trẻ nữa. Tôi dám chắc bây giờ cô cũng chẳng chạy và nhảy cẫng lên như trước kia cô đã từng.

Ông ta nhún vai khi nghe toàn bộ câu chuyện. Lúc nào chẳng có người ném những con thú cưng đi, ông ta nói vậy. Chó trung thành với chủ, chứ đâu phải ngược lại. (Rõ ràng ông ta không đọc sách của Ackerley.) Tỉ lệ li dị chẳng phải đã nói cho chúng ta biết lòng trung thành của một con người đáng giá bao nhiêu ư? Ông ta nói bằng cái giọng khiến em cảm thấy không an tâm.

Ai đó có lần đã nói với em rằng, nhiều bác sĩ thú y có xu hướng nổi cáu bởi vì nghề của họ khiến họ thấy sự ngờ nghệch của con người ở một phạm vi rộng – không nghi ngờ gì, phần lớn sự ngờ nghệch đó được biểu hiện

dưới dạng nhân hóa. Em nhớ một bác sĩ thú y đã trợn mắt lên khi em nói rằng con mèo của em kêu rừ rừ mỗi khi nó chắc hẳn đang vui vẻ. Kêu rừ rừ chỉ là âm thanh mà giống mèo tạo ra, nó đâu có nghĩa rằng chúng vui vẻ, ông ta đố lại.

Tay bác sĩ này nói huých toẹt với em rằng dù Apollo có thân hình khá đẹp đối với tuổi của mình, nó sẽ không sống lâu. Và ông ta nói: Căn cứ vào bệnh khớp của nó, tin tôi đi nó sẽ không muốn sống đâu. Dù cô có làm gì đi nữa, chớ có để nó tăng cân.

Ông ta lắc đầu trước cái tai bị nham nhở của nó và chỉ ra một điều khác nữa khiến nó là mẫu kém hoàn hảo của giống chó đó: ngực và vai quá rộng so với hai chân sau; cổ không hoàn toàn trắng, và những khoang đen phân bố không đều ở những chỗ khác trên cơ thể; khoảng cách giữa hai mắt hơi gần quá; hàm hơi rộng quá; chân thuộc về phần đầy đà của cơ thể. Vóc dáng có vẻ khỏe mạnh đấy nhưng nhìn chung trông bè bè, thiếu sự thanh thoát.

Ông ta dễ dàng tin rằng Apollo đang tiếc thương chủ cũ và rằng những cảm xúc của nó bị quá nhiều sự thay đổi trong môi trường sống làm cho trở nên trầm trọng hơn. (Cô thấy sao? Ông ta hỏi một cách thô thiển, cứ như thể đó là một ý nghĩ mà em chưa bao giờ tự nghĩ ra được.) Em kể với ông ta chuyện con chó tru, và về triệu chứng mới đáng sợ dường như đã thay thế cho hiện tượng tru: thỉnh thoảng Apollo chịu tác động bởi một dạng co giật. Nó nhìn xung quanh như thể bị đờ. Khi đó, với cái đuôi bị kẹp giữa hai chân, nó khom người sát sàn nhà nhất có thể mà không thực sự nằm xuống. Cứ như thể nó đang cố làm cho mình trở nên nhỏ hết mức. Sau đó những cơn run bắt đầu. Trong một khoảng thời gian kéo dài từ vài phút đến nửa giờ, nó co rúm người lại và run rẩy đến mức không thể kiểm soát nổi.

Em nói với bác sĩ rằng bất cứ ai nhìn thấy cảnh đó cũng sẽ nói, nó nghĩ điều gì đó đáng sợ sắp xảy ra với nó, nhưng em giữ bí mật một điều, chứng

kiến những cơn co giật đó khiến em buồn đến mức đôi khi em rớt nước mắt.

Có thuốc để điều trị chứng lo âu và trầm cảm cho loài chó, nhưng tay bác sĩ thú y này không ưa những thứ thuốc ấy. Phải mất nhiều tuần để một loại thuốc phát huy tác dụng, ông ta nói vậy, và thường thì hóa ra thuốc men chẳng có tác dụng gì hết trơn.

Ông ta nói việc dùng thuốc là sự lựa chọn cuối cùng. Bây giờ, đừng để nó ở một mình quá lâu, và hãy đảm bảo rằng cô chuyện trò với nó, cho nó vận động nhiều nhất có thể. Cô cũng có thể thử xoa bóp cho nó, nếu nó để cô làm điều đó. Đừng có mong nó thay đổi thành Chú Chó Hạnh Phúc. Nó có thể không bao giờ hồi phục đâu, dù cô làm gì đi nữa. Và cô sẽ chẳng bao giờ biết tại sao. Không phải là cô không biết gì về nguồn gốc của loài chó. Người ta cứ nghĩ giống chó đơn giản ấy mà, và chúng ta thích tin rằng mình biết những gì diễn ra trong đầu chúng. Nhưng trên thực tế, chúng ta phát hiện ra rằng giống chó bí ẩn và phức tạp hơn chúng ta nghĩ nhiều, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ hiểu được chúng, trừ khi chúng biết nói tiếng người. Tất nhiên với loài nào cũng vậy thôi.

Ông ta nói: Nó là một con chó ngoan, nhưng tôi phải cảnh báo cô. Cô là một phụ nữ nhỏ bé, nó chắc phải nặng hơn cô tới tám mươi cân. (Ông ta nói quá lên.) Cách đương đầu với những con chó to khỏe này là, không cho chúng biết sự thật rằng cô thực sự không thể bắt chúng làm bất cứ điều gì mà chúng không muốn.

Cứ như thể Apollo thừa biết điều đó. Hơn một lần khi em và nó ra ngoài đi dạo nó quyết định rằng chúng em đi như thế là đủ. Nó dừng lại, ngồi hoặc nằm ẹp xuống đất, và em chẳng thể làm gì để khiến nó đứng dậy. Em không bực với nó bằng bực những người dừng lại để nhìn và thỉnh thoảng cười. Có lần, một người đàn ông, tính giúp đỡ, đứng cách ra một đoạn, dậm chân và huýt sáo. Sự phản ứng xảy ra như sấm nổ, em chưa từng nghe thấy,

và đầy tính hăm dọa đến nỗi người đàn ông đó và một số người khác ở gần đó vội bước sang đường ngay tắp lự.

Tay bác sĩ thú y đó nói, dù ai đã huấn luyện nó thì người ấy cũng đã làm cho nó hiểu rằng con người là sinh vật đầu đàn, và cô không muốn nó bắt đầu nghĩ khác đi. Cô không muốn nó nạp vào đầu ý nghĩ rằng nó là con vật đầu đàn. Khi nó tựa vào cô như những con chó giống Dane thường làm, cô hãy đứng vững và đừng có để nó làm cô ngã nhào. Hãy cứ để nó nằm ngửa, dành chút thời gian xoa ngực nó. Và vì Chúa, cô hãy ngủ trên giường và để nó nằm trên sàn. Cô huấn luyện một con chó bằng cách làm cho nó suy yếu.

Sự biểu cảm của em khi em nghe điều đó rõ ràng làm ông ta cáu tiết.

Nó là một con chó ngoan, ông ta nhắc lại và lần này ông ta nói rõ to. Đừng có biến nó thành một con chó hư. Một con chó hư có thể dễ dàng biến thành một con chó nguy hiểm đấy.

Ông ta chưa hoàn tất việc khám cho Apollo và việc lên lớp cho em, em đã cảm thấy thích bác sĩ thú y Grumpy hơn. Dầu chẳng cần xét đến lời bình luận lúc chia tay của ông ta cho lắm: Nhớ nhé, điều tối kỵ là để cho nó bắt đầu nghĩ cô là ả chó cái của nó.

Bây giờ, vì có Apollo nên em thường nhớ tới Beau, con chó lai giữa giống chó chăn cừu và giống chó Dane của người bạn trai mà em sống chung khi em vừa bước qua tuổi đôi mươi. Khi em gặp nó lần đầu, nó vẫn còn là một chú cún con, nó lớn nhanh song không cao như Dane và với nhiều đặc điểm của một con chó Dane nhưng có tinh thần và tính hiếu chiến của giống chó chăn cừu. To gộc, không bị thiến, và rất hống hách, nó lao ra đường phố như một kẻ tìm kiếm một trận đánh lộn (và chao ôi, nó thường tìm thấy). Căn hộ của chúng em nằm trong một khu dân cư không an toàn cho lắm, nhưng chúng em không thường bận tâm đến việc khóa cửa miễn là

Beau ở trong nhà. Em thường đưa nó đi cùng đến nhà một người bạn cách đó hai dặm, ở lại đó tới một hoặc hai giờ sáng, sau đó quay về nhà qua những đường phố vắng vẻ, tối tăm. Beau nhận biết được mỗi nguy hiểm tiềm tàng, ta có thể thấy điều đó qua sự căng thẳng và cảnh giác cực độ của nó; nó giống như một chiến binh mình thú; nó hếch đầu lên, giống như khẩu súng của một người lính. Đã hơn một lần nó làm cho một gã đàn ông sợ mất hồn vội lùi vào một góc đường hoặc lối ra vào của một tòa nhà. (Em nên nói rằng ít người mà em biết sống ở khu đó trong những năm ấy không trở thành nạn nhân một vụ bóp cổ, một vụ trộm cướp, hoặc tệ hơn.) Trong em có sự hồi hộp thích thú không thể phủ nhận được khi em nghe tiếng sủa ầm ầm và những tiếng gầm gừ của Beau, thấy thế đứng của nó ở giữa em và bất cứ gì nó coi là sự đe dọa (trong đó có cả những người đàn ông lạ mặt nào nhìn em nhiều hơn một chút), trong nhận thức rằng nó sẽ bảo vệ em – đến chết nếu nó phải làm thế. Đó là một phần lý do vì sao em yêu quý nó.

Dạo đó em cũng thích cái cách em và nó thu hút sự chú ý.

Nhưng bây giờ mọi chuyện đã khác. Thành phố này yên bình, phố xá an toàn, và em không đi dạo khuya nữa. Một hoặc hai giờ sáng là lúc em đang ngủ. Em không cần sự bảo vệ. Em không cần một con chó can đảm bảo vệ mình. Em không muốn nó lo lắng. Em không muốn nó căng thẳng. Em muốn nó cảm thấy rằng cả hai chúng em tuyệt đối an toàn, dù chúng em đi đâu. Em không muốn nó là vệ sĩ của em. Em không muốn nó là khẩu súng của em. Em muốn nó được thoải mái. Em muốn nó là Chú Chó Hạnh Phúc.

Nó nhớ cô đấy, người đàn bà sống ở căn hộ phía trên căn hộ của em nói.

Từ trường về em gặp bà ta ở thang máy.

Bà ta nói thế có nghĩa là Apollo lại đang tru.

Nó phải quên anh. Nó phải quên anh và yêu em. Đó là điều cần phải xảy ra.

Phần Năm

“Cô đã đọc về những con chó ngao Tây Tạng chưa?”

Thực ra em đã đọc bài báo trên tờ Times, và em trả lời như vậy, nhưng nhu cầu nói cho hả của người đàn bà đó quá lớn: Dù gì bà ta vẫn cứ kể chuyện đó.

Chỉ cách đây vài năm, ở Trung Quốc, chó ngao Tây Tạng còn là một biểu tượng về vị thế, một món hàng xa xỉ có giá trung bình tương đương 200.000 đô la, và người ta đồn rằng vài con chó con được bán với giá hơn một triệu. Khi chứng cuồng chó ngao lên tới đỉnh điểm, càng nhiều chó được tạo ra bởi những người gây giống tham lam. Sau đó chứng cuồng ấy xếp xuống. Người ta không muốn những con chó có giá trị quá ít, ăn quá nhiều, quá to lớn và đôi khi khó điều khiển. Điều tiếp theo xảy đến: số lượng lớn chó bị vứt bỏ. Những con chó chen chúc trong những chiếc xe ô tô tải, chịu đựng sự khổ sở khủng khiếp và nhiều con đã chết. Lò mổ.

Thực sự, đó không phải là một chuyện em cần phải nghe tới hai lần.

Người đàn bà ấy là người mà em và Apollo thường gặp khi bà đưa hai con chó của bà đi dạo, hai con chó lai hiền lành, con chó mẹ và con chó cái con. Từ câu chuyện trên báo bà ta chuyển sang bài diễn thuyết nhạt nhẽo của mình – đó cũng là điều mà bà đã chia sẻ với em rồi – về tội ác của việc gây giống chó. Những con chó lai là những con vật mà tự nhiên sinh ra, chó lai là giống nên tồn tại. Nhưng thay vì thứ đó chúng ta có gì nhỉ? Những

con chó Collie điên loạn, những con chó chăn cừu bị loạn thần kinh, những con chó Rottweiler giết người, những con chó Dalmatia điếc đặc, và giống chó Lab trầm lặng đến nỗi ta có thể bắn súng vào chúng mà chúng chẳng hề nghi ngờ có nguy hiểm. Như cây mình thú. Đó là những gì cô phải nhận lấy khi cô gây giống những con chó vì những nét tính cách mà con người muốn chúng có. Việc đó nên được coi là tội ác. (Em nghĩ người đàn bà này bị hâm khi bà ta kể với em về những con chó săn chỉ điểm đóng băng trong tư thế đó và sau thì không thể nhúc nhích được, nhưng chuyện kỳ cục ấy hóa ra là có thật.)

Trông rất rầu rĩ, người đàn bà đó nói: Tôi rùng mình khi nghĩ năm mươi hoặc một trăm năm nữa tình hình sẽ như thế nào. Bà nói thêm, nhưng đến khi đó cả trái đất đã bị phá hủy rồi. Và, có lẽ được an ủi bởi ý nghĩ đó, bà ta dắt hai con chó của mình bước đi.

Em vừa đi vừa nghĩ về những con chó ngao Tây Tạng. Ngoài kích cỡ và cái bờm khiến chúng trông có phần giống sư tử, chúng được biết tới nhờ sự bảo vệ quyết liệt và lòng trung thành đối với chủ. Vậy một con chó được gây giống vì những đặc điểm ấy cảm thấy như thế nào khi chủ của nó để người ta đồn lũ chó lên những chiếc xe tải? Một con chó có hiểu ra sự phản bội không? Em nghĩ có lẽ không. Em nghĩ điều chủ yếu mà con chó ngao Tây Tạng nghĩ tới trong suốt chặng đường tới lò mổ là: Bây giờ ai sẽ bảo vệ chủ nhân đây?

Nói lạc đề một chút. Chúng ta thực sự biết gì về sự đau khổ của loài vật nhỉ? Có bằng chứng cho thấy chó và những con vật khác có khả năng chịu đựng đau khổ cao hơn con người. Nhưng khả năng chịu đựng đau khổ thực sự của chúng – cũng như mức độ thông minh thực sự của chúng – vẫn còn là một bí ẩn.

Ackerley tin rằng, gắn bó về mặt cảm xúc với con người và mãi mãi cố gắng để làm con người hài lòng khiến đời sống của một con chó căng thẳng

và lo âu kinh niên. Nhưng chúng có bị đau đầu không nhỉ? Ông tự hỏi, thậm chí điều đó con người cũng chẳng biết.

Một câu hỏi khác: Tại sao con người ta thường cảm thấy sự đau khổ của động vật khó chấp nhận hơn sự đau khổ của con người?

Chẳng hạn, Robert Graves đã viết về trận chiến Somme: *Số ngựa và la chết khiến tôi bị sốc; xác người thì đã đành, nhưng dường như kéo những con vật vào cuộc chiến tranh như thế này là sai.*

Tại sao, trong những ký ức khủng khiếp về thử thách trở thành tù nhân chiến tranh ở Nhật trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, chàng vận động viên Olympic, phi công trong quân đội Louis Zamperini lại bị ám ảnh nhất bởi ký ức một lính gác hành hạ một con vịt?

Tất nhiên, trong mỗi trường hợp đó sự thống khổ đều do hành vi của con người gây ra, và trong trường hợp của con vịt kia đó đơn thuần là hành động của tính tàn bạo. Nhưng chẳng phải những con vật luôn được chúng ta thương xót, và lòng thương xót chúng ta dành cho chúng bởi chúng ta hiểu rằng động vật không có cách nào để biết lý do của sự đau đớn mà chúng trải qua ư (một thực tế khiến một số người khẳng định rằng động vật chắc hẳn đau khổ hơn con người). Em tin rằng lòng thương xót mãnh liệt anh cảm thấy đối với một con vật chắc hẳn có liên quan đến cách nó khơi dậy lòng xót thương đối với bản thân anh. Em tin rằng, trong suốt cuộc đời mình, tất cả chúng ta chắc hẳn phải lưu giữ một ký ức sâu sắc về những khoảnh khắc đau đời, thuở chúng ta là người mà cũng là động vật, những cảm giác không thể chống lại được, cảm giác bất lực, dễ bị tổn thương, và sợ hãi không thốt lên lời, cũng như cảm giác khao khát sự bảo vệ mà bản năng của chúng ta mách bảo sẽ xuất hiện, nếu chúng ta có thể kêu (khóc) đủ to. Sự ngây thơ là điều mà con người chúng ta đã đi qua và bỏ lại phía sau, không thể quay lại được. Nhưng những con vật sống và chết trong tình trạng đó, nhìn sự ngây thơ bị xâm phạm bởi hành động tàn nhẫn xảy ra đối với một con vịt chẳng

khác nào hành động man rợ nhất trên đời. Em biết có những người tức giận trước tính đa cảm này, gọi đó là yếm thế, trái khoáy. Nhưng em tin cái ngày chúng ta không còn khả năng cảm nhận điều đó sẽ là một ngày khủng khiếp đối với tất cả sinh vật sống, rằng sự trượt vào bạo lực và hành động dã man sẽ chỉ càng nhanh hơn mà thôi.

Khi người ta hỏi tại sao em không nuôi mèo nữa, em luôn đưa ra câu trả lời trung thực có liên quan đến việc những con mèo em nuôi đã chết. Chịu đựng khổ sở rồi chết.

Tất cả những người nuôi thú cưng đều trải qua chuyện đó. Thú cưng của anh ốm, ốm rõ ràng rồi, nhưng đó là bệnh gì, có gì bất ổn? Nó không thể nói được.

Ý nghĩ không thể chịu đựng nổi rằng con chó của anh, sinh vật tin rằng anh là Thượng Đế, tin rằng anh có sức mạnh để chấm dứt đau đớn, nhưng vì lý do nào đó (nó có phật lòng không nhỉ?) anh từ chối làm điều đó.

Nhà thơ Rilke có lần kể rằng ông đã thấy một con chó đang hấp hối nhìn bà chủ của mình bằng ánh mắt đầy trách móc. Sau này, ông đưa trải nghiệm đó vào một cuốn tiểu thuyết: *Nó tin rằng tôi đáng lẽ có thể ngăn chuyện ấy. Bây giờ thì đã rõ là từ trước đến nay nó luôn đánh giá tôi quá cao. Và bây giờ thì không kịp giải thích điều đó với nó nữa. Nó cứ tiếp tục nhìn tôi chăm chăm, ngạc nhiên và cô độc, cho tới khi sự sống của nó kết thúc.*

Mỗi hoài nghi rằng con mèo của anh, sinh vật khắc kỷ độc lập, kiêu hãnh đang giấu đi sự thật về tình trạng khổ sở của nó.

Chuyến đi đến bác sĩ thú y, sự chẩn đoán, điều cuối cùng cũng xảy ra. Phẫu thuật, thuốc men. (Đừng có nhớ những viên thuốc này ra!) Niềm hy vọng. Sau đó, những hoài nghi. Làm thế nào mình biết được nó có đang đau không, và đau đến mức nào? Mình có ích kỷ không? Nó có muốn được chết không?

Trong những năm qua, em đã rơi vào tình huống đó vài lần, quá nhiều lần, ôm một con mèo mà vị bác sĩ thú y khẳng định với em rằng sẽ ra đi nhẹ nhàng. Mẹ của em cũng đã ở vào hoàn cảnh đó, nói: Cục cưng bé nhỏ lúc nào cũng nằm trong vòng tay mẹ, cho đến phút cuối, kêu rừ rừ. (Em biết: đó chỉ là âm thanh mà giống mèo tạo ra thôi.)

Chẳng bao lâu sau khi một trong hai con mèo cuối cùng của em chết (trong tay em, nhưng không kêu rừ rừ) – một con mèo mà em sống cùng trong hai mươi năm, lâu hơn thời gian em sống với bất cứ con người nào – con mèo sống sót ấy bị ốm. Nó đi trong căn hộ, không thể nằm yên dù chỉ một phút. Hãy tưởng tượng mà xem: Một con mèo không ngủ. Nó muốn ăn, nó cố ăn, nhưng nó không thể. Giọng của nó đã thay đổi, giờ đây rất những tiếng “meo” van vãn và bất an: Hãy giúp tôi đi, tại sao người không giúp tôi.

Cuộc siêu âm cho thấy một khối u. Chúng tôi có thể phẫu thuật, bác sĩ thú y, một người phụ nữ trẻ dịu dàng trong bộ đồ phẫu thuật màu hồng, nói. Nhưng nên cân nhắc vì nó già rồi. Em nghĩ, nó cũng đã chịu đựng bao đau đớn rồi, và thực tế là ở tuổi mười chín, nó có thể không sống sót qua một cuộc phẫu thuật. Cô bác sĩ nói, sự lựa chọn còn lại là cho nó ngủ.

Ackerley từng ghét cái uyển ngữ “thiếu trung thực” ấy đến mức nào. Nhưng cái từ hủy mà ông dùng lúc nào em nghe cũng kỳ cục khi nó được sử dụng cho một sinh vật sống có cảm giác. Và ông cũng như những người khác không sử dụng từ giết một cách trung thực. Tôi đã đem con chó Tulip cho người ta giết. Tôi đã mang con mèo của mình đến bác sĩ thú y để cho người ta giết. Sẽ tốt hơn khi để con vật khốn khổ ấy bị giết. Không có hy

vọng, nó cần được giết. Nếu chúng ta không thể tìm cho chúng mái nhà thì chẳng nào chúng cũng bị giết cả thôi.

Bà có muốn ở bên nó không?

Tất nhiên.

Hai mũi tiêm, cô bác sĩ giải thích. Mũi thứ nhất là để nó được yên...

Mũi thứ nhất không chắc chắn. Một thứ gì đó liên quan đến sự khử nước và cái cách nó ảnh hưởng đến mạch máu. Và bây giờ con mèo, sinh vật mà cho đến phút đó vẫn nằm im và trở nên cảnh giác. Nó giơ một chân ra chạm vào cổ tay em. Nó nhấc đầu lên, cái đầu lắc lư trên cái cổ yếu ớt, và nhìn em đăm đăm bằng ánh mắt hoài nghi.

Em không bảo đây là điều nó nói, em nói đây là điều em nghe thấy:

Đợi đã, bạn đang phạm sai lầm đấy. Tôi đâu có nói tôi muốn bạn giết tôi, tôi nói tôi muốn bạn làm cho tôi cảm thấy dễ chịu hơn cơ mà.

Cô bác sĩ thú y giờ đây rõ ràng đang bối rối. Em chưa kịp nói một lời, thì cô ta đã nhấc con mèo lên và bước ra cửa: Tôi sẽ quay lại ngay.

Chúng em đang ở trong một bệnh viện lớn, đông đúc, với nhiều phòng khác nhau. Em không biết cô ta đi đâu.

Mười phút sau cô ta quay lại. Cô ta đặt con mèo lên bàn, nó đã chết.

Bà có muốn ở bên nó không? Tất nhiên.

Những lời này bật ra khỏi miệng em trước khi em có thể ngăn chúng lại: Cô đã làm gì hả?

Em nghe nói về một cuộc nghiên cứu cho biết những con mèo, không như những giống vật khác, không tha thứ. (Giống như những nhà văn, mà có lẽ theo một biên tập viên mà em biết, không bao giờ tha thứ cho sự sơ sài.)

Có lẽ cảm giác ân hận trong em trầm trọng hơn bởi vì trong số tất cả những con mèo em đã nuôi, con mèo này là con ít được em yêu nhất, luôn lánh xa, không để em vuốt ve hay ôm trong lòng mà thường đợi đến khi em ngủ mới lặng lẽ leo lên hông em. Giờ đây nó trở thành con mèo mà em không thể không nghĩ đến. Em tìm thấy một cái lông hoặc ria mèo ở trong căn hộ và lại nghe thấy tiếng meo meo khàn khàn, hoang dại của nó trong những ngày cuối đời. Không, em không muốn nuôi mèo nữa. Em không muốn lại phải chứng kiến một con mèo nữa chết, đau đớn rồi chết. Chưa kể đến những nỗi lo âu khác: nếu mình nuôi một con mèo, thì chuyện gì sẽ xảy ra nếu mình chết trước nó?

Vậy là em tránh được nguy cơ trở thành một bà già thích mèo. Em mừng vì điều đó, trong cái thời đại Internet làm hồi sinh tín ngưỡng thờ thần mèo có từ thời cổ đại, cái nhãn một bà già thích mèo đang mất dần tiếng xấu của nó. Trước đây có lần một bác sĩ nội trú kể với em, trong chương trình luân chuyển sang khoa tâm thần anh ta được dạy rằng việc sở hữu nhiều mèo có thể là một dấu hiệu của bệnh tâm thần. Nhớ đến những trường hợp tích trữ các con vật mà em nghe nói đến, em cứ nghĩ thật tốt khi giới nghiên cứu tâm thần học quan tâm đến mảng đặc biệt này. Nhưng khi em hỏi anh ta, một người sở hữu bao nhiêu con mèo thì được liệt vào diện có khả năng bị bệnh tâm thần, anh ta nói ba.

Xét trên khả năng phát hiện mùi phi thường của một con chó, em biết rằng, dù đã nhiều năm trôi qua, Apollo vẫn biết rằng nhà này đã từng có mèo sinh sống. Em muốn biết: Nó nghĩ gì về điều đó?

Có một bộ phim của Hungary mang tên *Bạch thần*, trong đó những con chó của Budapest nổi dậy chống lại kẻ áp bức chúng. Giống như mọi cuộc nổi dậy, cuộc nổi dậy này cũng có nhà lãnh đạo. Đó là Hagen, chú chó lai cưng của một cô gái tên là Lili. Những thử thách của nó bắt đầu khi cha của Lili từ chối nộp thuế được áp đặt với bất cứ ai sở hữu một con chó không phải là chó thuần chủng. Bị ném ra đường, Hagen cố tìm đường trở về với Lili (người mà trong khi đó đang làm tất cả những gì có thể để tìm kiếm nó), nhưng bị cản trở, thoát tiên bởi những kẻ trộm chó, sau đó bởi một kẻ tàn bạo sử dụng các cách tàn nhẫn nhất để huấn luyện Hagen tham gia thi đấu chó. Sau khi giết một con chó khác, lần đầu tiên trên đấu trường, Hagen không chỉ hiểu ra nó đã làm gì mà cả những gì người ta đã làm với nó. Nó trốn khỏi gã huấn luyện chó nhưng chẳng bao lâu sau bị đánh bầy của những kẻ săn bắt chó, bị dồn vào đường cùng, và theo kế hoạch sẽ bị giết. Nhưng một lần nữa Hagen lại trốn thoát, đồng thời phóng thích cho nhiều con chó khác nổi gót nó khi nó lao như bay qua các con phố. Cả bầy chó bỏ trốn cộng thêm mỗi lúc một nhiều những con chó từ mọi ngõ ngách của thành phố: Hagen đã gây dựng được cả một đội quân chó. Những kẻ thù của nó được tìm ra, từng tên, từng tên một và bị tiêu diệt một cách đầy hăn học. Giờ đây, chú chó Hagen hiền lành một thời đã thay đổi đến mức khi cuối cùng chú gặp lại Lili, trong sân của một lò mổ nơi cha cô làm việc như một người kiểm nghiệm thịt, nó nhẹ nanh gầm gừ. Suy cho cùng cô là một con người – và cha cô, kẻ đã khơi mào cuộc chiến đó, có mặt ở đó cùng cô. Dàn thành hàng xung quanh Hagen là đội quân của nó, tất cả đã sẵn sàng tấn công. Cô gái Lili khiếp đảm nhớ lại Hagen đã từng là một chú chó như thế nào khi cô thổi kèn cho nó nghe (nhạc cụ mà cô dùng trong ban nhạc của trường học), và tác dụng làm dịu thần kinh mà việc đó tạo ra đối với Hagen. Cô lấy chiếc kèn từ trong ba lô ra và bắt đầu thổi. Hagen bình tĩnh

lại và nằm xuống. Sau đó tất cả những con chó khác cũng trở nên yên lặng và nằm xuống. Lili tiếp tục thổi kèn, kéo dài quãng thời gian của hòa bình.

Phim đó không có một kết thúc có hậu, bởi vì, tất nhiên chúng ta biết rằng loài chó có số phận bi đát. Nhưng chúng đã báo thù được.

Thật dễ hiểu tại sao nhiều người – trong đó có em, trước khi được một giáo viên tiếng Anh thời trung học chinh đốn – tin rằng ai đó đã từng nói, Âm nhạc có thể xoa dịu thú dữ.

Nhà soạn kịch William Congreve từng viết – âm nhạc có sức quyến rũ xoa dịu cả kẻ hung dữ. Và đó là phần nào điều mà chúng ta rỉ tai nhau: Một con thú giận dữ hoặc hoang dại được âm nhạc trấn an, thuần hóa. Điều này có lý, căn cứ vào tất cả những gì chúng ta biết âm nhạc có tác động như thế nào tới tinh thần của con người.

Trong phim *Bạch thần*, ngay trước khi một con chó sắp sửa bị đẩy đến chỗ chết, nó được đặt vào một căn phòng có cái ti vi đang chiếu tập phim *Bản Concerto của Mèo* trong bộ phim hoạt hình *Tom và Jerry*, trong đó Tom chơi *Bản Hungarian Rhapsody số 2* của Liszt.

Em không biết liệu việc chơi nhạc có thực sự xoa dịu tinh thần của một chú chó hay không, nhưng trên Internet em thấy nó nằm trong những gợi ý dành cho việc điều trị chứng trầm cảm ở loài chó.

(Bạn đang viết sách? Bạn bị trầm cảm? Bạn đang tìm thú cưng? Thú cưng của bạn bị trầm cảm?)

Nhưng loại âm nhạc nào kia chứ?

Em từng nuôi một con thỏ, để nó tự do chạy trong nhà. Trong phòng khách có một dàn âm thanh nối với hai chiếc loa to được đặt trên sàn. Mỗi

khi nhạc được bật lên, con thả lại mò tới chỗ một chiếc loa và “cắm rế” ở đó. Thường thì nó chỉ nằm im, lắng nghe, hoặc có thể nó bắt đầu dùng chân chải lông tai. Nhưng nếu em bật bản *Con chien gặm cỏ bình yên*, nó luôn đứng dậy và nhảy quanh phòng.

Loại nhạc nào? Vui? Êm dịu? Nhanh, hay chậm? Bản Hungarian Rhapsody số 2? Còn nhạc của Schubert thì sao? (Ồ, có lẽ không phải nhạc Schubert, người mà theo ngôn từ của Arvo Part, có cây bút chứa năm mươi phần trăm mực, năm mươi phần trăm nước mắt.) Đĩa nhạc Bitches Brew của Miles Davis? (Em biết tất cả những suy nghĩ này là nhân cách hóa một cách ngớ ngẩn, nhưng đôi khi đó là biểu hiện của tình yêu.)

Em mở cho nó nghe nhạc của Miles Davis. Em mở nhạc của Bach và Arvo Part cho nó. Em mở cho nó nghe Prince, Adele, và Frank Sinatra. Và Mozart, nhiều nhạc Mozart.

Có vẻ như không bản nhạc nào trong số đó tác động đến nó. Em không nghĩ nó đang nghe. Nếu nó nghe, em không nghĩ nó quan tâm.

Rồi em nhớ mình đã đọc về một cuộc thí nghiệm trong đó một nhóm khỉ khi được cho lựa chọn giữa nghe nhạc Mozart và nghe nhạc rock and roll đã chọn Mozart, nhưng khi được chọn giữa nhạc Mozart và sự yên lặng chúng đã chọn sự yên lặng.

Phim *Bạch thần* được lấy cảm hứng từ tiểu thuyết *Ruồng bỏ*. Sau khi mất vị trí giảng dạy, David Lurie từ bỏ cuộc sống ở Cape Town. Ông lui về sống ẩn dật tại một ngôi làng thuộc tỉnh Đông Cape nơi con gái Lucy của ông có một trang trại tự cấp tự túc cỡ nhỏ, và nơi ông làm việc tại một lán gia súc. Trước số phận của số đông những con chó không ai muốn nuôi, Lucy nghĩ: Chúng dành cho con người niềm vinh dự là coi chúng ta như

những vị thần, còn chúng ta đáp lại bằng cách đối xử với chúng như với đồ vật.

Một bức thư từ ban quản lý tòa nhà nơi em sống thông báo rằng họ đã biết việc em vi phạm hợp đồng thuê nhà. Phải chuyển con chó khỏi tòa nhà ngay lập tức, nếu không...

Điều tồi tệ sẽ xảy ra với con chó ư?

Phần Sáu

Cậu sinh viên mà ở đây em gọi là Carter nói về một truyện do một sinh viên mà em gọi là Jane viết: Vấn đề của truyện này là nhân vật chính của nó không giống một nhân vật trong tác phẩm sáng tác. Cô ta giống một người trong đời thực hơn.

Cậu ta nói điều đó hai lần, bởi vì đầu óc em đang mãi nghĩ lan man, và em phải yêu cầu cậu nhắc lại điều mình vừa nói.

Bạn nói rằng nhân vật đó thực quá chăng? Em hỏi, dù em biết đúng là Carter nói thế.

Nhân vật được nói đến là một cô gái có mái tóc đỏ và đôi mắt màu xanh lá kết thân với một cô gái tóc vàng, mắt xanh lơ để rồi phát hiện ra rằng gã trai mà cô gái tóc vàng vừa mới “đá” chính là bạn trai mới của mình. Màu mắt và màu tóc của người bạn trai không đặc biệt, nhưng anh ta được miêu tả là người cao ráo. Sau đó, một sinh viên khác, người mà em gọi là Viv, nói rằng cô muốn biết liệu cô bạn gái đó có cao không. Tại sao điều đó lại quan trọng chứ? Em hỏi, cố giấu cơn bực bội (dù biết Viv không thích bị yêu cầu giải thích bất cứ điều gì và Viv đáp lại một cách cáu kỉnh: Em hỏi cũng không được sao ạ?).

Có những điều chính em cũng muốn biết. Chẳng hạn, tại sao, khi hai cô gái muốn nói chuyện, họ luôn lên xe hơi và lái đến nhà nhau? Tại sao họ không bao giờ sử dụng điện thoại, thậm chí nhắn tin để tìm hiểu xem người

kia có ở nhà không? Tại sao họ không biết nhiều điều về nhau, những điều mà họ có thể dễ dàng biết được qua Facebook?

Đó là một thất bại lớn của tác phẩm hư cấu do sinh viên viết. Em đã đọc được rằng các sinh viên đại học có thể dành tới mười tiếng một ngày trên mạng xã hội. Nhưng đối với những người mà họ viết về – cũng hầu hết là sinh viên đại học – mạng Internet hầu như không tồn tại.

Điện thoại di động không ở trong tác phẩm hư cấu, một biên tập viên đã từng xả những lời quở mắng bên lề một tập bản thảo của em, và từ đó đến nay đã hơn hai thập kỷ, em vẫn ngạc nhiên về sự tách rời giữa cuộc sống thực đầy rẫy công nghệ mà các sáng tác chẳng có bóng dáng của thứ ấy.

Em từng nghĩ, nếu ai có thể làm sáng tỏ vấn đề này thì đó sẽ là các sinh viên. Nhưng họ không giúp ích được nhiều lắm. Phản ứng thú vị nhất đến từ một sinh viên đã tốt nghiệp đại học đồng thời là mẹ của một đứa trẻ năm tuổi. Bất cứ khi nào cô đọc cho con mình một mẫu truyện, thằng bé đều ngắt lời cô: Khi nào họ đi vệ sinh hả mẹ? Mẹ, khi nào họ đi vệ sinh?

Có những điều tất cả chúng ta luôn làm trong đời thực mà lại không đưa vào truyện: hiểu. Nhưng chẳng ai dùng mười tiếng một ngày đi vệ sinh hết.

Hãy nghĩ về lời phàn nàn của Kurt Vonegut rằng những cuốn tiểu thuyết loại bỏ công nghệ bóp méo đời sống một cách tệ hại chẳng khác gì những người dưới thời Victoria bóp méo đời sống bằng cách loại bỏ tình dục.

Nhưng đó là một bí ẩn khác. *Chẳng có gì trong đầu họ và chẳng có gì giữa hai chân họ* là cách một giảng viên mà em biết miêu tả các nhân vật trong các truyện tại lớp học sáng tác. Giảng viên này là người giảng dạy lâu năm hơn em nhiều và sắp về hưu. Ông ấy nói rằng thực tế không phải lúc nào cũng như vậy.

Ông nói: Tôi nhớ khi có tình dục thừa thãi, thì cũng có nhiều tình dục kỳ quặc. Giờ đây mọi người sợ làm mất lòng ai đó, sợ châm ngòi điều gì

đó. Dầu vậy, chúng ta nên cảm thấy biết ơn. Ngày nay cô có thể gặp rắc rối vì bàn về tình dục trong lớp học.

Em biết một người đàn ông khác, một giảng viên tại một trường đại học dành cho nữ sinh, đã gặp rắc rối vì đưa chủ đề “Trải nghiệm tình dục đầu tiên trong đời bạn” vào danh sách những gợi ý sáng tác, khiến một số phụ nữ phàn nàn. Theo trường khoa, điều mà giảng viên này có thể đã làm – có thể – được coi là một hình thức quấy rối tình dục.

Em đã theo học một khóa học qua mạng Internet bắt buộc của trường em, khóa Huấn luyện nhận biết hành vi tình dục không đúng đắn, và mở to mắt trước thực tế rằng bất cứ sự ám chỉ bằng chữ hay bằng lời nói về hành vi tình dục bao gồm những câu bông đùa hoặc tranh biếm họa có tính khơi gợi, hoặc trò chuyện tùy tiện về đời sống tình dục của người này hay người khác đều thuộc hành vi không đúng đắn về tình dục. Dường như không có bất cứ ngoại lệ nào cho một khóa học sáng tác. Em lo lắng về việc mình đã giao cho học sinh đọc một sáng tác trong đó có cảnh bị ngạt thở vì thủ dâm, nhưng sinh viên của em không hiểu nỗi lo lắng đó. Em giải thích cho họ hiểu, để rồi sau đó lại lo lắng rằng đáng lẽ em không nên giải thích.

Dù em thú nhận rằng mình mới chỉ đọc lướt qua hầu hết tài liệu của khóa học, em ngạc nhiên khi đọc đến phần cuối, phần Kiểm tra kiến thức của bạn (“Không ai thấy được kết quả kiểm tra trừ người làm bài”), và nhận thấy có hai câu hỏi có vấn đề. Điều đó gợi ý rằng em nên quay lại và đọc lại các phần có liên quan một cách kỹ càng hơn. Nhưng tại sao phải phiền chứ, bởi vì bây giờ em biết rằng, mình được yêu cầu báo cáo bất cứ điều gì em biết liên quan đến việc một giảng viên hẹn hò với sinh viên, và rằng dù không được yêu cầu em cũng được khuyến tố giác đồng nghiệp vì đã buông lời bông đùa thô tục, dù lời bông đùa ấy không xúc phạm tới cá nhân em.

Carter nói: Điều em muốn nói là, em biết cô gái này. Em có thể nói cho cô biết chính xác cô ấy trông như thế nào.

Như thế là thế nào nhỉ? Điều duy nhất em có thể nói cho anh biết cô gái này trông như thế nào là những gì Jane đã miêu tả: màu mắt, màu tóc – cách miêu tả nhân vật thông thường của một sinh viên, cứ như thể câu chuyện là một tấm thẻ cá nhân giống như bằng lái xe. Cũng rất bình thường khi em nghĩ các sinh viên chắc hẳn phải cảm thấy rằng nói quá nhiều về một nhân vật là khiếm nhã, xâm phạm sự riêng tư, và rằng tốt nhất nên dè dặt – đó là nhân vật khó tả chẳng hạn – hết mức có thể. Ví dụ, một sáng tác của sinh viên về Carter sẽ tiết lộ rằng mắt cậu ta màu nâu, nhưng không đề cập đến hình xăm dây thép gai vòng quanh cổ cậu, hoặc cái cách cậu cứ xoa xoa cổ tay bị đau do nhiều giờ pha cà phê tại quán Starbucks trong khuôn viên đại học. Họ sẽ nói đến mái tóc xoắn màu nâu của cậu nhưng sẽ kể rằng lúc nào cũng vậy, dù trời ấm đến mức nào, nó luôn được giấu dưới chiếc mũ “canh gác”^[5] màu đen. Thậm chí họ có thể bỏ qua chi tiết cậu đeo nong tai cỡ bằng đồng đô la bạc mà tôi chưa bao giờ có thể nhìn mà không nhăn mặt.

Em có thể nói với cô mọi điều về cô gái đó, Carter nói.

Đối với em, nhân vật chính gầy gò và mờ nhạt như sợi tóc mà em vừa mới phui khỏi tay áo. Nhưng đối với Carter, vấn đề không phải là cô ta quá mờ nhạt, mà là quá quen thuộc.

Lời phê bình lặp đi lặp lại của cậu là: Mục đích trong việc viết truyện về loại người bạn gặp hàng ngày trong đời thực là gì?

Nguy hiểm, Flannery O'Connor gọi việc để sinh viên phê bình bản thảo của nhau là để thẳng mù dốt thẳng mù.

Tham vọng văn chương của Carter là trở thành Goerge R.R. Martin của thế hệ tiếp theo. Cuốn tiểu thuyết cậu ta đang viết mô tả sự va chạm mang tính sử thi giữa những vương quốc tưởng tượng tiến hành chiến tranh liên miên để theo đuổi quyền lực, sự thống trị và sự trả thù. Dẫu vậy, không giống thần tượng của mình, cậu không thể bị quở trách bởi những cảnh bạo lực tình dục. Trong các trang tiểu thuyết của cậu không có cường hiếp hay

loạn luân. Không có chút tình dục nào, và phụ nữ hầu như không được nhắc tới. Khi mọi người trong lớp học bày tỏ sự hoài nghi về một cuốn tiểu thuyết không hề có bóng dáng của bất cứ nhân vật nữ quan trọng nào, Carter nhún vai, lặng thinh. Nhưng ngồi riêng với em ở phòng làm việc của em, cậu ta nói với em rằng, thực ra, trong sáng tác của cậu có nữ giới. Và có tình, cậu nói. Có đây. Hầu hết tình dục trong đó đầy bạo lực. Có hãm hiếp. Có hãm hiếp tập thể. Có loạn luân.

Em đã xóa tất cả những điều ấy để có thể sử dụng nó cho khóa học sáng tác này, cậu nói.

Cậu trợn mắt khi tôi hỏi tại sao.

Cô đang đùa à? Cô biết mọi người sẽ phản ứng ra sao mà. Ý em là cánh phụ nữ chẳng hạn, đúng không? Em có thể bị đuổi khỏi trường.

Khi em nói em chắc chắn rằng điều như vậy sẽ không xảy ra, cậu không tin. Hôm nay cậu đội chiếc mũ “canh gác” màu đen (cậu đang canh gác gì nhỉ?) che toàn bộ phần trán, khiến cậu trông giống người Cro-Magnon. Hai dải tai bị kéo dài của cậu khiến tai cậu giống đôi tai mềm oặt của một trong những nhân vật hư cấu nửa người, nửa ngợm của cậu.

Cậu nói: Em vạ gì mà hứng lấy rủi ro. Nhưng hãy tin em, trong tác phẩm của em có tất cả những điều đó. Tất cả những thứ hoang dã ấy, cậu nói thêm. Và nó châm ngòi cho điều gì đó trong em. Điều mà cậu quan tâm chú ý.

Cậu ta nói: Nhưng nếu cô muốn xem, em sẽ cho cô xem.

Tôi không nghĩ điều đó là cần thiết, em lắp bắp, và cậu ta nhìn em nở nụ cười ranh mãnh.

Hầu hết các sinh viên của em đều làm điều đó. Một số giảng viên là đồng nghiệp của em làm thế. Những người làm việc trong ngành xuất bản

làm điều đó. Tất cả đều có khả năng làm điều đó hơn nếu tác giả là phụ nữ. Nhưng cái thói quen nhắc đến các nhà văn mà ta chưa bao giờ gặp bằng tên cúng cơm bắt đầu có từ bao giờ vậy nhỉ?

Một hội chợ sách ở Brooklyn. Em bắt tàu hỏa số 2 tại đường số 14. Toa tàu đầy khách. Em nhìn thấy hai người trung tuổi, một người đàn ông và một người đàn bà, ngồi gần em, nhưng không đủ gần để em có thể nghe được cuộc chuyện trò của họ. Ngôn ngữ cơ thể gợi ý rằng họ là bạn, hoặc đồng nghiệp, hơn là vợ chồng. Có điều gì đó nói với em rằng họ đang tới đúng cái nơi mà em đang đến. Nửa giờ sau, tại Đại lộ Atlantic, họ xuống tàu cùng em. Đó là tối thứ Bảy, sân ga rộng mênh mông đông nghịt người, và họ mau chóng biến mất khỏi tầm nhìn của em. Sự kiện về sách đó được tổ chức tại một hội trường cách ga tàu vài tòa nhà. Khi tới đó, em đi thẳng tới quầy bar, và họ ở đó, người đàn ông và người đàn bà từ đoàn tàu số 2, xếp hàng ngay phía trước em.

Học kỳ đó em sử dụng chung văn phòng với một giảng viên khác. Cô ấy mới được tuyển vào trường, thực ra đó là kỳ giảng dạy đầu tiên của cô. Một điều trùng hợp là, chỉ vài năm trước người phụ nữ trẻ này là một trong những sinh viên của em. Cũng đúng chương trình đào tạo đó, ở chính cái trường ấy.

Cô thỉnh thoảng ngồi thiền ở văn phòng, và không khí trong phòng ngào ngạt mùi tinh dầu hoa cam hoặc hoa mimosa tỏa ra những ngọn nến cô thắp.

Vì em và cô ấy dạy vào những ngày khác nhau nên chúng em không thường gặp nhau; nhưng chúng em giữ liên lạc với nhau qua tin nhắn và những bức thư ngắn, và cô thỉnh thoảng thể hiện sự quan tâm bằng cách để lại cho em một món đồ ăn vặt, bánh bích quy hoặc một thanh sô-cô-la hoặc

một túi hạnh nhân hun khói. Một lần, vào sinh nhật em, cô làm cho căn phòng tràn ngập những bông hoa.

Khi còn là sinh viên, người phụ nữ này làm được một điều phi thường, bán luận văn thạc sĩ văn chương, một tiểu thuyết đầu tay, trước khi cô viết được một nửa, cùng với cuốn tiểu thuyết thứ hai thậm chí trước khi nó trở thành tia sáng le lói trong mắt cô. Thậm chí trước khi cuốn sách đầu tiên được xuất bản cô đã bắt đầu giành được các giải thưởng, và sau khi nhận được mọi giải thưởng dành cho cây bút triển vọng nổi bật – tổng cộng gần nửa triệu đô la – cô bắt đầu được biết đến trong giới chúng em như một O.P. [6]

Như dự đoán, khi được xuất bản, cuốn tiểu thuyết đầu tay của cô nhận được những bình luận xuất sắc. Nhưng dầu thế, và dù nó được chọn cho một giải thưởng văn chương khác, nó không bán được. Trong thế giới nhỏ hẹp của chúng em O.P vẫn nổi tiếng, cô là “cô gái được tất tuốt”. Nhưng trong giới viết văn, thậm chí trong số những người chú ý đến tiểu thuyết mới, hai năm sau khi nó ra đời, cả tên cuốn sách lẫn tên tác giả đều vẫn lạ lẫm đối với bạn đọc.

Hầu như đó chẳng phải là một câu chuyện mới, cũng chẳng phải là điều tồi tệ nhất trên đời. Nhưng hãy cứ thử nói với O.P, người trong hai năm nay chẳng thể viết được gì mà xem.

Cô ấy đã nghĩ việc giảng dạy có thể giúp ích cho mình, hoặc chí ít tạo cho cô việc hữu ích để làm. Khi còn là một sinh viên, dù sống thu mình, cô đã thể hiện sự tự tin. Nhưng là một giảng viên cô bị nhấn chìm. Cô bằng tuổi hầu hết các sinh viên của mình, thậm chí trẻ hơn một số người. Cô ý thức một cách đầy đủ mình bộc lộ sự thiếu kinh nghiệm đến mức nào, thiếu và yếu trong việc thể hiện uy quyền ra sao. Cô có giọng nói run rẩy bấp bênh, loãng và cao, và có xu hướng đỏ bừng mặt mỗi khi lo âu.

Cô căn nhắc về các sinh viên nữ, những người mà cô cảm thấy không ưa mình, những người cô luôn cảm nhận được sóng cảm xúc mang hàm ý “cô nghĩ mình là ai chứ” mà cánh phụ nữ hay nhắm vào nhau, nhất là từ những phụ nữ có tham vọng và tinh thần phấn đấu. Trong số các sinh viên nam, ba người đã bộc lộ sự quan tâm của người khác giới đối với cô. Một người thành công trong việc “lột trần” cô bằng mắt đến mức cô thấy mình ngồi trong lớp với hai cánh tay khoanh lại để che ngực. Tệ hơn, cô nhận thấy mình bị cậu ta hấp dẫn một cách mãnh liệt.

Thỉnh thoảng cô hứng chịu những cuộc tấn công đáng sợ trước lớp. Do đó cô ngồi thiền, và thỉnh thoảng bổ sung thuốc an thần benzodiazepine.

O.P bị hành hạ không chỉ bởi nỗi sợ rằng cô sẽ chẳng bao giờ viết trở lại được nữa mà bởi cả nỗi sợ rằng toàn bộ cuộc sống của mình là sự giả dối. Sợ rằng tất cả những gì cô đạt được cho đến nay là kết quả của một sai lầm nào đó. Tại sao ai cũng muốn xuất bản sách của cô – tại sao bất cứ ai cũng nghĩ cô có thể giảng dạy – rồi thất bại! Về cuốn tiểu thuyết thứ hai, dù nhà xuất bản có gia hạn bao nhiêu lần, cô biết cô sẽ chẳng thể nào hoàn thành nó.

O.P sống trong nỗi sợ bị lộ: Cô không chỉ là một kẻ thất bại mà còn là kẻ lừa gạt. *Và mọi người làm ơn ngừng gọi cô ấy là O.P được không!*

Nhắc cô nhớ rằng những mối hoài nghi y hệt luôn hành hạ các nhà văn khác, trong đó đặc biệt là những nhà văn vĩ đại nhất, cũng chẳng ích gì. Chẳng ích gì khi trích dẫn câu của Kafka trong tác phẩm *Hóa thân*: “Khiếm khuyết gần như đến tận xương tủy”.

Một giảng viên khác có lịch dạy cùng ngày với O.P kể rằng, thỉnh thoảng chị nghe thấy cô khóc phía sau cánh cửa đã khép, một lần vì cô đang cố gắng một cách tuyệt vọng để viết một báo cáo đơn giản dài hai trang về luận văn của sinh viên.

Hôm em dự giờ tại một trong những lớp học của cô theo yêu cầu của khoa, em thấy cậu sinh viên, mà cô thú nhận là bị hấp dẫn, nhìn cô bằng ánh mắt đầy khát khao của người khác giới. Em không đưa vào bản nhận xét dự giờ những gì em tin là đúng, rằng cô đã bắt đầu có quan hệ ái tình với cậu sinh viên này. Nếu em may mắn, cô ấy sẽ không dốc bầu tâm sự với em, sẽ không tìm kiếm lời khuyên của em.

Em có thể thấy điều này xảy ra một ngày nào đó: Em sẽ đang ở một nơi nào đó, có thể trong một cửa hàng bán sản phẩm làm đẹp, hoặc một salon, hoặc phòng vệ sinh của một gia đình mà em tình cờ đến làm khách. Em sẽ cảm thấy một mùi thơm đặc biệt, mùi tinh dầu mimosa hoặc hoa cam, nhưng em sẽ không nhớ ra những cây nến mà O.P từng đốt trong văn phòng, vậy nên em sẽ bối rối trước phản ứng của chính mình: cơn rùng mình vì lo sợ, cứ như thể nhờ khả năng ngoại cảm em biết rằng một người nào đó em quen biết đang gặp chuyện chẳng lành.

Phía bên kia văn phòng mà em sử dụng chung với O.P là văn phòng của Nhà văn Thịnh giảng Xuất sắc của năm nay, nhưng ông ta chẳng bao giờ có mặt ở đó. Ông không ngồi trong văn phòng hàng giờ và đã hướng dẫn cho người trợ lý chuyển tiếp thư từ về nhà cho ông thay vì sử dụng kênh thư điện tử của ông ở trường. Khi ông đến để giảng dạy, ông đi thẳng vào lớp. Chỉ vài đồng nghiệp tình cờ gặp ông và khi gặp, ông nhìn như thể họ không hiện diện ở đó. Trước khi kỳ học này bắt đầu, ông chỉ thị cho trưởng khoa thông báo với khoa rằng ông không làm cái việc giới thiệu sách. Đích thân ông thông báo với sinh viên trong buổi học đầu tiên: tôi không viết thư giới thiệu. *Đừng có đề nghị.*

Khi anh nghe thấy điều này, anh sẽ phẫn nộ: khi ông ta nhờ anh viết một bức thư giới thiệu cho cuốn *Guggeheim*, đáng lẽ anh nên nói với ông ta

những lời đó.

Ít lâu sau khi kỳ học bắt đầu, ông ta có một buổi đọc sách tại một nhà sách của Barnes & Noble. Thực tế thính giả thừa thớt chẳng làm ông nản; ông đọc gần một tiếng đồng hồ.

Trong phần hỏi đáp, khi một người hỏi tại sao, cuốn sách có hình thức trái với thông thường của ông lại được gọi là tiểu thuyết, ông đáp: Nó là tiểu thuyết vì tôi gọi nó là tiểu thuyết.

Trong phần tặng chữ ký, một phụ nữ giục ông viết một cuốn sách khác càng nhanh càng tốt. Bởi vì, cô ta nói một cách nghiêm túc, ngoài kia chẳng có gì hết.

Trong một nhà sách của Barnes & Noble.

Trong mục bản tin: Ba mươi hai triệu người Mỹ ở tuổi trưởng thành không biết đọc. Từ năm 1992 độc giả tiềm tàng của mảng thơ đã giảm xuống hai phần ba. Một phụ nữ phải chi một phần đáng kể của thu nhập để thuê nhà lo lắng không biết phải làm thế nào để sống sót ở thành phố New York đã quyết định cố viết một cuốn tiểu thuyết (“và việc đó tiến triển tốt”).

Phần Bảy

Vợ Cả sống ở nước ngoài. Bà ấy đã bay đến New York để dự lễ tưởng niệm, và đêm trước khi bay về nhà bà và em đã đi ăn tối với nhau.

“Tôi biết cô khó chịu chuyện xảy ra hơn tôi,” bà ân cần nói. “Chúng tôi kết hôn, nhưng lâu lắm rồi. Và sau khi kết thúc, chẳng còn gì hết. Không tình bạn, không liên lạc, chẳng còn gì. Phải thế thôi. Trung thực mà nói, ban đầu tôi cứ nghĩ mình thậm chí sẽ không tới dự lễ tưởng niệm cơ. Nhưng suy đi nghĩ lại, chuyện đã kết thúc rồi. Dù điều đó có nghĩa là gì”.

Ai đó tại buổi tưởng niệm nói, khi đã là tự tử thì chuyện không thể kết thúc.

“Nhưng cô,” bà nói, “hai người là bạn tốt của nhau như vậy trong một thời gian thật dài. Tôi đã ghen tị vì điều đó biết bao. Tôi từng nghĩ, giá mà anh ấy và tôi đừng yêu nhau thì chúng tôi có thể có một tình bạn như thế!”

Nhưng không cưỡng lại được. Tình yêu mang hấp lực tựa như bùa mê. Một trong những loại tình cảm mãnh liệt chỉ một số người được ban cho, được trải qua, số còn lại chỉ nghe kể và mơ về nó mà thôi.

Thậm chí bây giờ đối với tôi, nó có sức mạnh của huyền thoại: đẹp đẽ, ghê gớm, bí ẩn.

Em nhớ khi ở gần hai người bạn anh (anh và bà ấy) em có cảm giác giống như đang ở gần lò lửa. Và em nhớ mình đã nghĩ, khi có chuyện

không hay xảy ra với mỗi tình đó thì người này hoặc người kia sẽ chết. Chính anh đã nói rằng thỉnh thoảng anh cảm thấy như thể mình đang làm điều cấm kỵ, thậm chí tội ác. Còn bà ấy, được nuôi dạy như một người Cơ Đốc, tin rằng tình yêu đầy tôn sùng như thế chắc hẳn là tội lỗi. Và, tất nhiên, cuối cùng chính điều đó đã dẫn Vợ Hai đến nỗi thất vọng; không phải thói lãng nhãng của anh mà niềm tin rằng tình yêu như thế không đến lần thứ hai trong đời, rằng dù tình cảm anh dành cho bà ta như thế nào cũng không thể bằng tình cảm anh dành cho Vợ Cả, người mà, bà ta luôn sợ, vẫn có được trái tim anh.

Giá mà chúng tôi không yêu nhau: Vợ Cả nói đi nói lại điều đó.

“Ngồi trong xe taxi đến đây tôi cứ nghĩ về điều đó. Cô nhớ chúng ta đã tôn sùng anh ấy như thế nào chứ? Cô nhớ tất cả chúng ta hồi đó đều là fan của anh ấy chứ? Hồi ấy người ta gọi chúng ta là gì nhỉ?”

“Gia đình Manson của văn chương”.

“Ôi, Chúa ơi, đúng vậy. Ôi. Sao tôi có thể quên được cơ chứ”.

Em nhớ bọn em đã bám riết lấy từng lời anh nói, chạy bổ đi mua mọi cuốn sách và album anh nhắc tới.

Em nhớ mọi điều chúng em viết đều là bắt chước anh một cách thảm hại.

Em nhớ anh đã khiến chúng em tin rằng một ngày nào đó anh sẽ giành giải Nobel.

Giờ ông ấy chỉ là một người đàn ông da trắng nữa đã chết mà thôi.

Anh ấy đúng, em nói. Anh ấy khá hơn hầu hết các nhà văn.

“Nhưng tôi nghe nói trong vài năm cuối đời anh ấy không viết nhiều”.

Không.

“Anh ấy trầm uất đến thế ư? Anh ấy có nói về điều đó không? Tôi không chỉ hỏi chơi đâu, thắc mắc đó khiến tôi mất ngủ nhiều đêm. Tại sao

anh ấy lại bỏ dạy?”

Em nhận được nhiều lời phàn nàn, không khác nhiều so với những lời ta thán mà ngày nào em cũng nghe từ những giảng viên khác: rằng thậm chí các sinh viên từ những trường “top” đầu cũng không phân biệt được một câu viết tốt và một câu viết dở, rằng chẳng có ai trong giới xuất bản quan tâm đến chuyện tại sao một chủ đề nào đó không được viết nữa, các cuốn sách đang chết ra sao, văn chương đang hấp hối như thế nào, và uy tín của nhà văn đã giảm sút đến mức điều bí ẩn của mọi bí ẩn là, tại sao tất cả mọi người và bà của họ lại hướng tới nghề viết như để kiếm tấm vé dẫn đến hào quang.

Em kể với Vợ Cả rằng anh mất niềm tin trong mục đích của văn chương – ngày nay, không cuốn tiểu thuyết nào, dù được viết hay hoặc tràn ngập ý tưởng đến đâu, có tác động đáng kể đối với xã hội, thật không thể tưởng tượng ra bất cứ điều gì giống như điều thôi thúc Abraham Lincoln nói với Harriet Beecher Stowe vào năm 1852: Vậy ra bà là người phụ nữ bé nhỏ đã viết cuốn sách khởi đầu cuộc chiến tranh vĩ đại này.

Ấy là nếu Abraham Lincoln quả thực đã nói điều đó.

Đó là khi em nhớ tới bài phỏng vấn ấy.

Thật lạ nếu em quên nó, dù chỉ một lần. Bài phỏng vấn mà bây giờ em chợt nghĩ có lẽ là cuối cùng của anh, cho ấn bản đầu tiên của một tờ tạp chí văn học Trung Đông.

Trong bài phỏng vấn đó, anh đưa ra dự đoán rằng sẽ có một làn sóng tự tử trong giới văn sĩ.

Vậy theo ông khi nào thì điều đó xảy ra?

Sớm thôi.

Em nhớ mình đã ngạc nhiên khi anh không hề đề cập bài phỏng vấn, em hầu như không biết đến nó nếu như một người bạn không chuyển tiếp cho

em.

Anh không nhắc đến nó bởi vì anh ngượng. Sau này, anh chợt nghĩ bài phỏng vấn đó nghe có vẻ bi lụy, đầy oán than. Trước đó anh đã uống vài ly.

Em nhớ người phỏng vấn đã đặt câu hỏi thông thường về độc giả, rằng khi sáng tác anh có nghĩ tới một độc giả cụ thể nào không. Một câu hỏi khơi nguồn cho anh nói về mối quan hệ giữa nhà văn và độc giả, và mối quan hệ đó đã thay đổi như thế nào. Khi còn là một nhà văn trẻ anh đã được khuyên, đừng bao giờ cho rằng độc giả không thông minh như anh. Anh đã suy nghĩ nghiêm túc về lời khuyên đó. Anh nói, khi viết anh nghĩ tới độc giả đó, một độc giả thông minh như anh, hoặc – tại sao lại không! – thông minh hơn anh. Một độc giả thông minh ham hiểu biết, có thói quen đọc sách, yêu thích sách giống anh. Một người thích tiểu thuyết. Và khi đó, qua mạng Internet, hoàn toàn có thể xảy ra khả năng anh đọc được những phản hồi của các độc giả ngoài đời thực, trong số đó anh vui mừng phát hiện ra một người ít nhiều giống “vị độc giả” trong tâm trí anh. Nhưng có những người khác – không chỉ một, hai người mà là nhiều người khi anh có lượng độc giả tăng lên – những người hiểu chưa đúng hoặc hiểu sai những gì anh viết, (đôi khi) hiểu sai khá nghiêm trọng. Đủ phiền lòng khi độc giả là người ghét cuốn sách, nhưng trường hợp đó không luôn xảy ra. Giống như các nhà văn khác, anh nhận thấy bản thân thường xuyên bị nguyên rủa hoặc khen ngợi vì những điều chưa bao giờ chợt lóe lên trong đầu, những điều mà anh chưa bao giờ bày tỏ, hoặc sẽ không bao giờ bày tỏ, những điều trái ngược hẳn với những gì anh thực sự tin.

Anh nói, tất cả những chuyện đó đều khiến anh bị sốc. Bởi dù anh biết mình hẳn nhiên vui mừng mỗi bản sách bán được, và anh biết mình nên cảm thấy biết ơn đối với bất cứ độc giả nào, người mà suy cho cùng có thể chọn đọc một trong hàng triệu cuốn sách khác thay vì cuốn sách của anh. Anh thấy khó có thể vui khi một độc giả hiểu sai hoàn toàn những gì anh

viết, và nếu độc giả đó có thể bỏ qua cuốn sách của anh và đọc cuốn khác thì anh thực sự rất vui mừng.

Nhưng chẳng phải thực tế luôn không như vậy sao?

Hẳn rồi. Nhưng trong quá khứ nhà văn không cần phải biết điều đó, chuyện có bày ra trước mặt anh ta đâu.

Nhưng còn câu: “Hãy tin vào câu chuyện, đừng tin người kể chuyện” thì sao, và việc của nhà phê bình là giải cứu tác phẩm khỏi tay nhà văn thì sao?

Anh biết đấy, nói “nhà phê bình” – Lawrence không có ý muốn nói là nhà phê bình tự phong. Em thích thấy đánh giá của độc giả mua sách giải cứu một cuốn sách khỏi tác giả của nó hơn.

Hừm, giá mà trong tình huống này em có thể làm người phản biện: Giả dụ em mời người nào đó ăn tối và nấu cho người ta món thịt bò ngon tuyệt và người đó ăn ngẫu nhiên rồi nói: “Ôi, đây là món thịt cừu hầm ngon nhất mà tôi từng ăn!” Vậy thì sao nhỉ? Chẳng phải điều quan trọng là họ đã thích món đó ư?

Chúng ta đang nói về bữa tối đúng không? Hãy để em nói điều này: Em chẳng vui về gì khi viết từ “thịt bò” mà ai đó lại đọc thành “thịt cừu”. Người ta thường nói về một cuốn sách như thể nó là một thứ khác, giống như một món ăn, hoặc một sản phẩm như thiết bị điện tử hoặc một đôi giày, để đánh giá về sự hài lòng của khách hàng – điều đó khó chịu lắm đấy, anh nói vậy. Ngay cả các sinh viên của anh, những người có tham vọng trở thành nhà văn, dường như chưa bao giờ đánh giá một cuốn sách dựa trên việc nó thỏa mãn mục đích của người viết tốt đến mức nào mà chỉ dựa trên yếu tố nó có phải là loại sách mà họ thích hay không. Vậy nên anh nhận được những bài luận tuyên bố những điều đại loại như “Tôi ghét Joyce, ông ấy tự phụ” hoặc “Tôi không hiểu tại sao mình lại phải đọc về những vấn đề của người da trắng”. Anh nhận được những nhận xét đầy xúc phạm của độc giả, gợi ý rằng nếu một cuốn sách không xác nhận những gì độc giả đã cảm

nhận được – những gì mà họ có thể đồng cảm, những gì họ có thể hiểu – thì tác giả không có quyền viết nó. Có những chuyện hài mà người ta thích và thích chia sẻ – thành viên câu lạc bộ đọc sách nói: Khi đọc một cuốn tiểu thuyết tôi muốn ai đó chết trong đó; lời phàn nàn nhằm vào cuốn *Nhật ký Anne Frank*, trong đó không có nhiều sự kiện xảy ra và rồi hết chuyện – không làm ta cười nổi. Anh biết rằng nhiều người, trong đó có những nhà văn khác, sẽ buộc tội anh vì anh được miễn mộ. Một số người sẽ nói rằng, suy cho cùng, cách chắc chắn để một nghệ sĩ biết tác phẩm của mình thất bại là khi mọi người đều “hiểu được” nó. Nhưng sự thực là anh đã trở nên chán nản bởi tình trạng đọc cầu thả xuất hiện tràn lan đến mức điều anh nghĩ không bao giờ xảy ra đã xảy ra: anh bắt đầu không thêm quan tâm người ta có đọc sách của anh hay không. Dù anh biết nhà xuất bản sẽ nhổ vào mặt anh vì nói như thế, anh có xu hướng thỏa hiệp với bất cứ ai nói rằng không cuốn sách thực sự hay nào có được hơn ba nghìn người đọc.

“Ôi chao,” Vợ Cả than lên.

Gần cuối cuộc phỏng vấn, anh tiếp tục chủ đề về người hướng dẫn và công tác giảng dạy, nguyên rủa những quy định mới cấm đoán quan hệ tình cảm giữa giáo sư và sinh viên.

Cái ý niệm làm cho trường đại học trở thành một nơi an toàn thật vớ vẩn. Hãy nghĩ đến tất cả những điều tuyệt vời trong cuộc sống có thể đã không bao giờ xảy ra – tất cả những điều vĩ đại có thể đã không được tạo ra hoặc được khám phá, thậm chí được mơ tới – nếu như điều ưu tiên là làm cho mọi người cảm thấy an toàn. Ai muốn sống trong một thế giới như vậy cơ chứ?

“Chao ôi, chao ôi”.

Phần duy nhất của cuộc phỏng vấn mà em chưa từng nghe trước đó là về những vụ tự tử.

Anh đã uống vài ly. Anh yêu cầu được xem bài phỏng vấn trước khi nó được đăng và người ta bảo anh rằng, tất nhiên rồi, nhưng gã ngốc đó không hề gửi.

Em kể cho Vợ Cả nghe chuyện liên quan đến các sinh viên, những người sẽ không bị gọi là “cứng” nữa. Có một điều em không kể cho bà ấy nghe, và đó là một điều nữa mà trước đây em quên những giờ xuất hiện trở lại trong đầu em: hôm diễn ra cuộc phỏng vấn đó anh bức mình và anh đã nói cho em biết nguyên nhân. Anh ngờ rằng đại diện văn chương của anh đã gửi bản thảo cuốn tiểu thuyết mới nhất của anh tới nhà xuất bản mà không hề đọc nó.

Anh mừng khi nghe tin cái tạp chí đó sắp hết đời rồi. Nó là một tờ tạp chí loại tép riu.

“Có điều này khiến tôi mất ngủ nhiều đêm,” Vợ Cả nói. “Tôi đã đọc về những người cố tự tử mà không chết, hầu hết đều nói họ hối hận. Cũng giống những người nhảy cầu nói rằng ngay khi rơi trong không trung họ biết mình đã sai, họ thực sự không muốn chết”.

Em đã nghe nói về điều đó, nhưng cũng biết một chuyện khác, từ thời khác, rằng các nhân viên điều tra những cái chết bất thường đã phát hiện thi thể của những người trẫm mình quỳên sinh ở một nơi mà em tin là sông Sen. Những người muốn chết vì tình cố nhòai người khỏi dòng nước. Những người muốn chết vì phá sản thì chìm như tảng đá.

Tuổi già. Chúng ta biết đây chắc hẳn là điều nặng nề nhất, và đối với anh nó nặng nề hơn nhiều so với những người khác. Một người đàn ông một thời có thể có được bất cứ người phụ nữ nào mình muốn. Người có những fan bám lấy từng lời anh nói và tin anh có thể giành giải Nobel.

Dù đó chỉ là một lũ con gái cuồng dại, ngốc nghếch như chúng em.

Em và Vợ Cả của anh từ nãy đã bắt đầu thu hút sự chú ý. Hai người đàn bà ngồi cúi đầu trước các món ăn, tay nọ nắm tay kia, và thỉnh thoảng dùng khăn giấy chấm mắt.

Sau đó, khi Vợ Cả lần đầu tiên nhìn Apollo, qua Skype, bà nói: “Ôi, chao ôi! Tôi không thể tin nổi bọn họ lại đẩy một con quái vật như thế cho cô. Không ngạc nhiên khi chẳng ai muốn nó”.

Em nhăn mặt. Em không thể chịu đựng nổi khi nghe Apollo bị nói là đồ không ai muốn. Em nhớ Vợ Ba đã gạt phắt sự gợi ý của em rằng chắc hẳn có nhiều người muốn một con chó đẹp như thế: nếu nó là một chú cún con thì còn có lẽ.

“Và tôi không hiểu tại sao anh ấy lại mong cô nhận nuôi nó nếu điều đó nghĩa là cô sẽ mất chỗ ở”.

“Tôi chắc rằng mình chưa từng nói với anh ấy là tôi không thể nuôi chó, hoặc anh ấy quên”.

“Nhưng trên thực tế anh ấy không hỏi, chưa bao giờ nói chuyện đó với cô cứ như cô không có quyền biết. Tôi không thể tưởng tượng nổi anh ấy đã nghĩ gì”.

Nhưng em có thể. Bởi em hình dung ra nó nhiều lần: Em hình dung rằng trong tất cả các câu hỏi xuất hiện trong đầu anh, anh bận tâm xem điều gì sẽ xảy ra với con chó đến mức nào.

Em biết một người tự tử khác không hề muốn con chó của mình bị đưa vào trại nhốt súc vật. Chỉ nghĩ đến thôi cô cũng không thể chịu đựng nổi sự chia ly ấy.

Không phải rằng anh đã đề cập đến điều đó trong sáng tác: giống hầu hết các vụ tự tử, anh chẳng viết gì về chuyện đó hết. Anh chẳng thay đổi bất cứ điều gì trong bản di chúc mà anh đã lập từ nhiều năm trước. Nhưng anh đảm bảo rằng vợ của mình biết.

Cô ấy sống một mình, cô ấy không có bạn trai, không có con cái hay thú cưng, cô ấy hầu như làm việc ở nhà, và yêu động vật – đó là những gì anh ấy nói.

Có lẽ vào lúc nào đó anh đã nghĩ đến việc bàn chuyện ấy với em, có lẽ anh thậm chí đã định làm thế. Nhưng sau đó. Người ta nói với em rằng, người tự tử thường chọn thời điểm ngẫu nhiên, “bây giờ hoặc không bao giờ”, bởi dừng một lát để viết vội lời vĩnh biệt cũng có nghĩa là để mất can đảm. (Do dự thì không thành sự.)

Có lẽ anh sợ rằng nếu anh và em thực sự nói chuyện – điều gì sẽ xảy ra với con chó của anh trong trường hợp anh chết – thì em có thể đoán, hoặc chí ít nghi ngờ, anh đang suy tính chuyện gì.

Khi em nói cho Vợ Cả biết Apollo bao nhiêu tuổi, một con chó già thuộc giống chó có vòng đời ngắn ngủi mà vị bác sĩ thú y tính là chỉ sống được chừng hai năm nữa, bà ấy nói: “Điều đó càng khiến chuyện tồi tệ hơn. Có lẽ nếu nó là một con chó con thì tôi còn có thể hiểu được. Cô phải làm gì với một con chó già to gộc như thế chứ? Cô sẽ chăm sóc nó nếu nó ốm yếu ư?”

Ý nghĩ này, cùng với tất cả những ngụ ý khủng khiếp của nó, tất nhiên đã lóe lên trong đầu em rồi.

“Tôi không biết,” bà ấy nói. “Tôi cảm thấy như có điều gì đó điên loạn trong tình huống này”.

Ồi chao. Chẳng phải từ khi em nhận được tin anh qua đời, em thường xuyên cảm thấy mình như một kẻ sống gần như trong điên loạn đấy sao. Thời gian đầu, có những lúc em thấy mình ở một nơi nào đó mà không nhớ nổi mình đã đến đó bằng cách nào, có những khi em rời khỏi nhà để làm việc gì đó chỉ để rồi chẳng nhớ đó là việc gì. Một hôm em đến trường thiếu cuốn vở soạn bài mà em không thể dạy được nếu không có nó. Em nhầm lẫn lung tung các lịch hẹn với bác sĩ, phải đến chỗ này thì em lại xuất hiện ở

chỗ kia. Tại sao các sinh viên lại nhìn em chăm chăm ư? Em đã nói điều gì vô lý, hoặc lặp lại cái điều mà em chỉ vừa mới nói cách đó năm phút chẳng? Hay em tưởng tượng ra họ đang nhìn em chăm chăm.

Một tấm thiệp chia buồn do Hallmark thiết kế được thư ký của khoa gửi tới – gây sốc, cảm động – khiến em khóc cả tiếng đồng hồ.

Đến khi Apollo tới sống với em, những chuyện như thế trở nên ít thường xuyên hơn. Nhưng cảm giác hư ảo như một màn sương lơ lửng. Nhiều lần em thấy mình thực sự đang ở trong một truyện cổ tích. Khi người ta nói, bà sẽ làm gì khi bị đuổi khỏi nhà, bà không thể chỉ ngồi một chỗ chờ đợi phép màu, em nghĩ, nhưng đó chính là điều tôi đang chờ đợi đấy!

Em cảm thấy mình đang ở trong câu chuyện mà một con người phải được đặt vào một thử thách, một trong những truyện ngụ ngôn về ai đó bỗng dưng gặp một kẻ xa lạ – có thể là người, cũng có thể là thú – đang cần giúp đỡ. Nếu người đó từ chối giúp thì anh ta (cô ta) sẽ phải đương đầu với hình phạt ác nghiệt. Nếu người đó đối xử tốt với kẻ cần giúp đỡ – thường là người giàu có, thuộc dòng dõi hoàng tộc, có quyền lực, giả dạng kẻ khốn cùng – anh ta (cô ta) sẽ được thưởng xứng đáng, và thưởng thì phần thưởng không chỉ là tình yêu của người có danh phận cao quý giờ đây đã được tiết lộ.

Em thích câu chuyện Greta Garbo xem bộ phim *Người đẹp và quái thú* của đạo diễn Cocteau. Điều mà người ta nghe thấy cô ấy thốt lên khi bộ phim kết thúc, khi lời nguyện được hóa giải và quái thú xuất hiện trong hình hài sang trọng của nam diễn viên Jean Marais là: Hãy trả lại con thú đẹp để cho tôi đi!

Đôi khi chó xuất hiện trong những truyện cổ tích như thế. Như truyện của Islamic về một cô gái điếm mang nước đến cho chú chó sắp chết khát, bằng hành động này cô làm Chúa hài lòng đến mức cô được tha thứ mọi tội lỗi và được phép lên thiên đường.

“Việc nó không phải là một con cún bé xíu, xinh xắn đâu phải lỗi tại nó. Nó to lớn, cũng chẳng phải lỗi tại nó. Và điều này nghe có vẻ điên rồ, nhưng tôi xin nói rằng tôi có cảm giác nếu không nuôi nó thì điều gì đó tồi tệ sẽ xảy ra. Nếu con chó phải chuyển sang một người chủ nào đó nữa thì rất có thể nó sẽ phát điên đến mức cuối cùng là bị giết. Và tôi không thể để điều đó xảy ra. Tôi phải cứu nó”.

Vợ Cả nói: “Chúng ta đang nói về ai”.

Đây là sự điên loạn từ gốc rễ chẳng? Em tin rằng nếu em tốt với Apollo, nếu em hành động không vị kỷ, hy sinh vì nó, em tin rằng nếu em yêu nó – Apollo u sầu, già cả, đẹp đẽ – thì một sáng nào đó em thức dậy phát hiện ra nó đã biến mất và thay vào đó là anh, trở về từ cõi chết.

Vì rằng Hector đã trình báo em với chủ tòa chung cư nên anh ta cảm thấy không được thoải mái cho lắm. Mỗi khi nhìn thấy em, anh ta cứ lúng ta lúng túng.

Tôi rất tiếc, anh ta nói, nhưng bà biết đấy, bà biết đấy.

Tôi biết anh phải làm phận sự của mình.

Nó là một chú chó ngoan, anh ta nói.

Dường như Hector cảm động khi Apollo để cho anh ta vuốt ve đầu nó, như thể anh ta nghĩ Apollo chắc chắn biết việc anh ta đã làm.

Bà định sẽ chuyển tới đâu?

Chưa, nhưng rồi thì cũng có giải pháp thôi, em nói với cảm giác thanh thản mà em không cần phải giả vờ: Cuộc sống của em đã trở nên hư ảo đến mức em hầu như không đọc lướt cái thông báo thứ hai của văn phòng quản lý chung cư trước khi quăng nó đi.

Thật ngại quá, Hector nói. Đó là một con vật đẹp đẽ. Tôi rất tiếc.

Đó đâu phải lỗi của anh.

Để chứng minh rằng em không trách Hector, em định Giáng Sinh này sẽ đưa cho anh ta số tiền bồi dưỡng nhiều hơn khoản năm ngoái em đã tặng.

Em không dám chắc Apollo thích được xoa bóp hay chỉ chịu đựng thôi. Nhưng em cứ làm, trước tiên cho nó nằm về nghiêng một bên, sau đó nghiêng sang bên kia. Dừng lại một lát để xoa ngực nó. Xoa ngực là phần mà dường như nó thích nhất. Nó không thích bị chạm vào bàn chân, dù đưa trẻ hỗn xược trong em vẫn cứ cố làm thế.

Nó đã trở nên quen với nhà mới, với em. Em không để nó ở một mình, trừ khi em phải có mặt ở trường. Khi em vắng nhà, nó luôn ở trong tâm trí em và em nóng lòng muốn về với nó. Nó đón em ở ngưỡng cửa (lúc nào nó cũng ở cửa chẳng?), nhưng với vẻ tuyệt vọng như muốn nói, việc chờ đợi ấy mà, nó không dễ dàng gì đâu. (Trí nhớ của nó tốt đến mức nào? Nếu rất tốt, như người ta nói về ký ức của loài chó, thì việc bị nhốt trong nhà một mình có thể gợi lại cho nó nỗi đau khổ nào. Và – một ý nghĩ làm tan nát trái tim – nó ở bên ngưỡng cửa, phải chẳng vẫn đợi anh?)

Đuôi nó vẫy qua vẫy lại, chắc chắn rồi, nhưng là kiểu vẫy đuôi băng khuâng buồn tiếc. Chưa bao giờ là kiểu vẫy đuôi mừng rỡ, phất qua phất lại thật cuồng nhiệt đặc trưng của giống chó Great Dane (đến mức thường khiến đuôi chó bị tổn thương và đồ vật trong nhà bị hư hại: lý do khiến nhiều chủ nuôi chọn cách cắt cụt đuôi chó.)

Cái đệm hơi được cất vào tủ. Chưa hết. Nó không bao giờ gầm gừ với em nữa, và khi em nói *Nằm xuống* em không phải nói lần thứ hai. Tuy nhiên, giường là nơi nó muốn nằm, nhất là vào ban đêm. (Em cố giúp nó coi cái đệm hơi là giường cho chó, nhưng không ăn thua). Bất chấp những

gì vị bác sĩ thú y đã nói, em thấy không cần phải cấm tiệt nó lên giường. Suy cho cùng, khối người cho phép chó cưng của họ ngủ trên giường đấy thôi. Một số người thậm chí còn trải một tấm chăn đặc biệt ở chân giường để chó của họ ngủ trên đó. Nếu Apollo là một chú chó xù đồ chơi nằm cuộn tròn trong một tấm chăn đặc biệt ở chân giường thì chẳng có gì là bất thường cả. Tại sao khi một con chó cỡ bằng một người thật nằm duỗi dài gối đầu trên gối lại là chuyện khác nhỉ? Em thừa nhận đó là chuyện khác. Nhưng hãy để em nói điều này: khi anh nằm trên giường trong đầu đầy những ý nghĩ khi đêm về – chẳng hạn tại sao bạn của anh lại phải chết và bao lâu nữa anh sẽ không còn mái nhà trên đầu nữa – thì việc có một cơ thể sống ấm áp to lớn để áp lưng vào là một niềm an ủi tuyệt vời đấy.

Nó hiểu mọi mệnh lệnh.

Một đêm sau một ngày dài tồi tệ – em mất điện thoại di động, sinh viên không chú ý đến bài giảng, em cố gắng mà không ngồi viết tiếp cuốn sách được – Apollo cựa quậy, bắt đầu rời khỏi giường, và em thấy mình nói: “Ở lại”.

Em nhận thấy có những người bạn tránh gặp em, em không thể không nghĩ một phần vì họ sợ sẽ sớm có một ngày em xuất hiện ở cửa nhà họ cùng với Apollo và một chiếc va ly.

Người bạn giàu lòng cảm thông nhất đối với tình cảnh của em gọi điện hỏi em ổn không. Em nói với cậu ấy về việc thử dùng âm nhạc và massage để điều trị chứng trầm cảm cho Apollo, và cậu ấy hỏi em đã nghĩ tới việc tìm một chuyên gia trị liệu chưa. Em nói rằng em không tin các nhà trị liệu cho thú cưng, và cậu ấy nói: Ý tôi đâu phải thế.

Kết thúc học kỳ. Em nói với gia đình mình rằng Giáng Sinh này em không thể về nhà với mọi người. Trong kỳ nghỉ dài cả tháng trước khi đi dạy trở lại, em sẽ hầu như không phải xa Apollo. Thậm chí trong thời tiết lạnh giá nhất, chúng em vẫn ra ngoài đi dạo. Chúng em thích thời tiết lạnh. Chúng em thích thành phố mùa đông. Vía hè thông thoáng hơn. Có ít kẻ trở mắt ra nhìn đầy ngớ ngẩn hơn. Và khi có băng giá, Apollo không thể dừng lại giữa chừng được.

Lời cảnh báo cuối cùng của ban quản lý tòa nhà. Em chợt nghĩ mình có thể sẽ cố nói chuyện với chủ sở hữu chung cư. Ai nói người đó là một kẻ không có tim và không hề có lòng trắc ẩn chứ? Một phép màu Giáng Sinh, tại sao không! Chí ít em cũng có thể xin ông ấy cho ở thêm một thời gian nữa.

Em gọi cho người đại diện ban quản lý, hỏi xin số điện thoại của chủ tòa chung cư ở Florida.

Ông ta đáp, chúng tôi không cung cấp số điện thoại đó được.

Mười hai tác giả – sáu nam và sáu nữ – đứng khỏa thân chụp ảnh cho một bộ lịch treo tường. Bức thư điện tử hối thúc em đừng bỏ lỡ lời mời độc quyền: một ấn bản có số lượng in hạn chế được từng tác giả ký giờ đây người ta có thể đặt trước.

Em giật mình nhớ lại một cuộc hội thảo trong đó có người đưa ra chủ đề phẩm giá và vị trí đã sụt giảm của nó trong thế giới văn chương. Anh đã nói, xem kia, tiếp theo sẽ là chủ đề những bức ảnh khỏa thân của tác giả.

Sao em ngồi đó với một khuôn mặt gỗ đá trong khi tất cả những người khác trong phòng đều cười nhĩ.

Đêm giao thừa. Em ở nhà và có lẽ lần đầu tiên xem chương trình *Cuộc sống tuyệt diệu*. Em không mở chai sâm-panh mà một sinh viên đã gửi tới để cảm ơn em vì viết thư giới thiệu cô bé cho chương trình đào tạo thạc sĩ dành cho những người ngoài ba mươi tuổi mà năm nay cô ứng tuyển.

Người bạn giàu lòng cảm thông nhất đối với hoàn cảnh của em bắt đầu hỏi thăm. Tuần sau đó: những cuộc điện thoại và tin nhắn tới tấp đến từ những người khác nhau, trong đó vài người em chưa từng liên lạc trong nhiều năm.

Họ không muốn thấy em bị mất chỗ ở. Họ muốn em tỉnh ra trước khi quá muộn. Em cần một giải pháp tốt hơn để đương đầu với cảm giác mất mát và tội lỗi. Em cần trị liệu tâm lý sau khi mất người thân. Đây là vài cái tên. Em nên nghĩ xem có nên dùng thuốc không. Đây là những gì có tác dụng đối với những cảm giác tiêu cực đó. Có những cuốn sách. Có những trang mạng. Các nhóm hỗ trợ. Thu mình vào thế giới tưởng tượng, sống cô lập, dành toàn bộ thời gian với một con chó thì làm sao mà chữa lành được. Cũng có cái gọi là chứng đau khổ bệnh lý. Có kiểu suy nghĩ đau khổ kỳ lạ mang tính bệnh lý, một dạng tâm thần phân liệt. Chứng bệnh mà ý kiến chung của họ cho rằng em mắc phải.

Những lời đề nghị chung chung đủ kiểu được đưa ra, mặc dù không một ai tình nguyện nhận nuôi con chó.

Thế rồi trong số tất cả những người ấy, Vợ Hai làm điều đó: Tôi có thằng cháu nội thích chó lắm. Nó sẽ sướng rơn khi có một con chó đủ to để cưỡi.

Vợ Cả nói, cách đó sẽ giải quyết được mọi vấn đề.

Em nói anh sẽ không bao giờ tha thứ cho em. Vả lại, chẳng đáng ngờ ư, Vợ Hai mà lại đưa ra đề nghị như thế á.

“Cô muốn nói gì cơ? Tôi cứ nghĩ bà ta chỉ cố giúp thôi mà”.

“Giúp ư? Người đàn bà đó luôn căm ghét tôi, ghét tôi gần như ghét bà. Tôi chưa bao giờ tin bà ta. Cứ nhớ lại cuộc hôn nhân đó như thế nào thì biết: rất những tức tối, cay đắng và oán giận. Tôi sẽ không giao Apollo cho bất cứ ai thân cận với bà ta”.

Đàn bà thật nguy hiểm, sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì và họ chẳng bao giờ chịu bỏ qua.

Vợ Cả nghĩ em bị hoang tưởng. Nhưng thực tế có gì lạ lùng đâu: có những người trả thù ai đó bằng cách trút giận lên đứa con không có khả năng tự vệ, hoặc lên con vật nuôi của người đó đấy thôi.

Anh sẽ không bao giờ tha thứ cho em.

“Vậy cô tính sẽ làm gì? Cô không thể cứ ngồi đợi một phép màu”.

Nhưng đúng là em đang đợi một phép màu.

Phần Tám

Các nhà văn thường được khuyên điều này: Hãy đọc to bản thảo của mình lên. Em quá lười nên không làm theo. Nhưng trong những ngày này em sẽ thử bất cứ cách nào để giúp bản thân ngồi lâu hơn tại bàn viết. Em cầm những trang bản thảo mà mình vừa mới in ra và bắt đầu đọc. Em nghe thấy Apollo, nãy giờ ngủ đặng sau ghế xô pha, nhòe dậy. Nó lóc cóc chạy tới bàn viết (khi em ngồi đó, em và nó mắt đối mắt) và nhìn em đăm đăm như em đang làm điều gì đặc biệt. Hoặc có lẽ, dù ngày hôm nay chúng em đã đi dạo rất lâu, nó vẫn muốn ra ngoài.

Đọc tới cuối trang, em dừng lại suy nghĩ. Apollo dùng mũi huých vào người em. Nó sủa, rất khẽ, chỉ một tiếng duy nhất. Nó bước một bước về phía trước, một bước sang bên phải, lùi một bước, trong khi đầu luôn hất từ bên này sang bên kia: cách nó nói “Chuyện quái gì thế”.

Nó muốn em tiếp tục đọc! Dù đúng vậy hay không, em đã làm thế. Nhưng chỉ lát sau em dừng lại.

Đọc to những gì bạn viết lên, lời khuyên đó rĩ rả, và bạn sẽ thấy câu, từ nào nghe có vẻ không hợp lý, câu hoặc từ nào thừa. Tôi nghe, tôi nghe. Câu, từ nào nghe không hợp lý, câu, từ nào thừa. Tôi nghe.

Em chẳng thấy có gì khác khi em đọc những câu đó cho chính mình nghe.

Em khoanh tay trên bàn, gục mặt xuống đó.

Huých. Gâu. Em quay đầu lại. Cái nhìn của Apollo sâu thẳm, đôi tai mắt cân xứng của nó trông sắc như lưỡi dao cạo. Nó liếm mặt em và lại chuyển động như nhảy điệu cha-cha. Nó vẫy đuôi, và lần thứ một nghìn em nghĩ điều đó gây nản lòng đến mức nào đối với một con chó: làm một con người hiểu nó thì khó như lên trời.

Em di chuyển từ ghế tựa sang xô pha, Apollo dõi theo em, trán nó nhăn lại. Khi em ngồi xuống xô pha, nó lập tức đến ngồi trước mặt em. Mặt đối mặt. Những con chó nghĩ gì khi chúng nhìn thấy ai đó khóc nhỉ? Sinh ra để làm kẻ an ủi, chúng an ủi chúng ta. Nhưng nỗi buồn của con người chắc hẳn khó hiểu biết nhường nào đối với chúng. Chúng ta có thể chất đầy đĩa thức ăn của mình bất cứ lúc nào và muốn ăn bao nhiêu tùy thích, chúng ta có thể ra ngoài bất cứ lúc nào mình muốn, và có thể chạy nhảy thoải mái – chúng ta không có một người chủ lúc nào cũng cần được làm vừa lòng, hoặc để tuân lệnh – chuyện quái gì thế?

Em cầm cuốn *Những bức thư gửi một nhà thơ trẻ* từ đồng sách trên bàn cà phê lên, một cuốn sách được chỉ định cho một trong những khóa giảng dạy của em. Em mở nó ra và bắt đầu đọc to. Sau vài trang Apollo dường như nở nụ cười mủm mỉm mà ta thường thấy trên mặt những con chó khác nhưng là nụ cười hiếm hoi đến mức đáng lo trên mặt nó. Khi em tiếp tục đọc, nó hạ thấp người xuống sàn, nằm lên bàn chân em, áp người vào cẳng chân em. Nó ngả đầu thoải mái trên đó, hé mắt nhìn em mỗi lần em lật trang. Vị trí tai của nó thay đổi theo phản ứng đối với sự chuyển điệu trong giọng đọc của em. Nó làm em nhớ đến con thỏ cưng nằm cuộn mình bên chiếc loa âm thanh nổi. Nhưng Apollo chưa bao giờ tỏ ra thích loại âm nhạc mà em bật cho nó nghe, chưa bao giờ được xoa dịu – bởi âm nhạc; bởi việc mát-xa – như nó dường như được xoa dịu lúc này.

Vậy nên em tiếp tục đọc – với giọng đọc rõ ràng và sự biểu cảm cao y như em đang đọc cho một người nào đó có thể hiểu từng từ. Và em cũng

cảm thấy được xoa dịu bởi việc đó: Thứ văn xuôi trữ tình trong miệng em, sự ấm áp tuyệt vời làm cái khối trọng lượng trên chân em phập phồng.

Em gần như đã thuộc lòng cuốn sách nhỏ này: mười bức thư gửi người sinh viên đã viết thư nhờ Rilke cho lời khuyên khi bản thân Rilke mới chỉ hai mươi bảy tuổi. Bức thư thứ tám gồm phiên bản thần thoại nổi tiếng *Người đẹp và quái thú* của ông: *Có lẽ tất cả những con rồng trong cuộc đời của chúng ta đều là những nàng công chúa không chỉ chờ đợi để thấy chúng ta hành động, dù chỉ một lần, với sự cao đẹp và lòng dũng cảm. Có lẽ, trong bản chất sâu xa nhất, tất cả những gì chúng ta sợ là thứ gì đó (vật gì đó) bất lực muốn có được tình yêu của chúng ta.* Những từ này được trích dẫn, diễn giải thường xuyên, và mới đây được đưa vào một đoạn đề từ cho phim *Bạch thần*: Cái đáng sợ là cái cần tình yêu của chúng ta.

Hãy cẩn trọng với thái độ mĩa mai, phớt lờ sự phê phán, hướng tới những gì đơn giản, học từ những điều nhỏ nhặt của cuộc sống, làm những gì thực sự khó vì lý do nó khó, đừng tìm kiếm những câu trả lời mà thay vì thế hãy quý những câu hỏi, đừng trốn chạy nỗi buồn hoặc thất vọng bởi đó có thể là những trạng thái rất cần thiết đối với việc sáng tác của bạn. Hãy tìm kiếm nỗi cô đơn, trên tất cả, hãy tìm kiếm nỗi cô đơn.

Em đã đọc lời khuyên của Rilke thường xuyên đến mức em thuộc lòng nó.

Khi em đọc những bức thư đó lần đầu tiên – ở tầm tuổi của Rilke khi ông viết chúng – em cảm thấy rằng ông viết cho đối tượng kia mà như viết cho em, rằng toàn bộ lời khuyên tuyệt vời ấy là dành cho bất cứ ai muốn trở thành nhà văn.

Nhưng bây giờ, tác phẩm đó đối với em tuyệt vời hơn bao giờ hết, em không thể đọc nó mà không cảm thấy bồn chồn. Em không thể không nghĩ đến sinh viên của mình, những người hoàn toàn chẳng cảm nhận được những gì Một Nhà Thơ Trẻ ắt phải cảm thấy khi anh ta nhận những bức thư

đó trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ trước. Họ không cảm nhận được những gì mà bọn em đã cảm nhận khi anh giao cho chúng em đọc cuốn sách này sau ba phần tư thế kỷ, cùng với cuốn tiểu thuyết đậm chất tự truyện của Rilke, cuốn *Những cuốn sổ ghi chép của Malt Laurids Brigge*. Họ không cảm nhận được rằng Rilke đang nói với họ. Trái lại: Họ buộc tội ông đã loại trừ họ. Họ bảo rằng, coi việc sáng tác là một tôn giáo đòi hỏi thầy tu phải hi sinh là nói dối. Họ bảo điều đó thật nực cười.

Khi em kể với họ cái chết huyền bí của Rilke, về những gì người ta nói, rằng căn bệnh chết người mà ông mắc phải khởi phát sau khi ông để tay mình bị gai của một bông hồng đâm – bông hoa đó ám ảnh ông và là một biểu tượng quan trọng trong tác phẩm của ông – sinh viên của em rên rỉ, và một người không thể nhịn cười.

Đã có thời các nhà văn trẻ – ít nhất là những người chúng ta biết – tin rằng thế giới của Rilke là vĩnh hằng. Em đồng ý với sinh viên rằng thế giới đó đã biến mất. Nhưng em không nghĩ rằng ở tuổi của họ nó có thể biến mất, chứ nói gì đến tuổi của em.

Không gì gây lo sợ hơn lời thú nhận của Rilke – một người cảm thấy mình không viết mà vẫn sống được thì hoàn toàn không nên viết. “Tôi phải viết ư?” là câu hỏi mà ông yêu cầu người sinh viên phải hỏi bản thân mình *trong thời khắc yên tĩnh nhất của đêm*. Nếu anh (chị) bị cấm viết, anh (chị) có chết không? (Những lời mà Lady Gaga coi là quan trọng, hoặc ít nhất cô cũng đã xăm chúng lên bắp tay).

Chúng ta phải yêu nhau hoặc chết là câu kết một khổ thơ của một bài thơ về sau trở thành một trong những thi phẩm nổi tiếng nhất thế giới. Nhưng tác giả bài thơ *Mùng 1 tháng Chín năm 1939* lại xem thường bài thơ đó và khó chịu bởi sự giả tạo rõ ràng rành rành trong dòng thơ kia đến mức, trước khi cho phép in lại nó trong một hợp tuyển, ông khẳng khẳng yêu cầu sửa thành: *Chúng ta phải yêu nhau và chết*. Nhưng dù đã chỉnh sửa, sau đó

vấn bản khoản, rốt cục ông loại bỏ bài thơ mà theo suy nghĩ của ông là thói nát không thể sửa chữa – loại bỏ hoàn toàn.

Em nghĩ đến câu chuyện về Auden.

Em nghĩ về thời của anh và em tin rằng viết văn là công việc tốt nhất mà chúng ta có thể hy vọng làm với cuộc đời mình. (*Nghề tốt nhất trên đời.* Natalia Ginburg.)

Em nghĩ về chuyện anh bắt đầu nói với sinh viên rằng nếu có điều gì khác mà họ có thể làm với cuộc đời họ thay vì trở thành nhà văn, bất cứ nghề gì khác, thì họ nên làm điều đó.

Vào khoảng thời gian này năm ngoái: Em đang dọn tủ. Từ ngăn trên cùng em lôi xuống những hộp đựng ảnh, những mảnh báo được cắt ra và những tờ báo, trong đó có những bức thư cũ của anh. Em đã quên rằng trước thời có thư điện tử, em có vô khối những thứ đó.

Dường như em thường tìm kiếm lời khuyên.

Em muốn biết mình nên viết gì. Em sợ rằng bất cứ điều gì em viết sẽ tầm thường, hoặc chỉ là phiên bản khác của những gì đã được nói đến. Nhưng hãy nhớ, có ít nhất một cuốn sách (trong em) mà không ai có thể viết trừ em. Lời khuyên của anh là hãy đào sâu và tìm ra nó.

Rilke bỏ lại hàng dãy dài những phụ nữ khóc lóc. Nhưng trong số hai loại đàn ông lãng nhãng, chắc chắn có loại thực lòng yêu phụ nữ. Rilke nói, ông chỉ có thể trò chuyện cùng phụ nữ. Ông chỉ có thể hiểu được và ở cùng phụ nữ (miễn là ông không phải ở cùng quá lâu). Không mấy đàn ông nhận thấy có nhiều phụ nữ tự nguyện yêu, che chở, và tha thứ cho họ.

Một lần nữa em lại tình cờ đọc được định nghĩa nổi tiếng của ông về tình yêu: *Hai kẻ cô đơn bảo vệ, vạch biên giới và đón chào nhau.*

Điều đó có nghĩa gì? Một sinh viên khoa sáng tác đã viết trong luận văn tốt nghiệp của mình. Nó chỉ là ngôn từ mà thôi. Nó chẳng liên quan gì đến đời thực, nơi mà tình yêu thực sự xảy ra.

Giọng bức tức, thù địch thường được phát hiện trong luận văn của sinh viên.

Trong đời thực, Rilke không thể làm một người chồng đối với vợ mình – ông đã bỏ bà sau khi họ cưới nhau khoảng một năm. Ông không thể làm cha của một đứa con gái. Rilke, người đã khám phá ra ý nghĩa và sự phong phú trong trải nghiệm thời thơ ấu, người đã viết nên rất nhiều những lời đẹp đẽ về tuổi thơ, đã bỏ mặc đứa con duy nhất của mình. Điều đó không ngăn cản cô cống hiến đời mình cho tác phẩm và ký ức của ông. Ở tuổi bảy mươi mốt con gái ông tự tử.

Rilke, người quý chó và nghiên cứu kỹ chúng, đã đồng cảm vô bờ với chúng. Người từng nhận thấy trong ánh nhìn khẩn nài của một con chó đang chữa, bụng to xấu xí mà ông tình cờ gặp ở bên ngoài một quán cà phê ở Tây Ban Nha tất cả những gì xuyên suốt tâm hồn cô đơn để thâm nhập – vào nơi chỉ Chúa mới biết được – vào tương lai hoặc điều gì đó vượt ngoài sự hiểu biết. Ông đã cho nó ăn một viên đường trong bữa cà phê của mình, sau này ông coi hành động đó như chia sẻ bánh thánh với nhau.

Rilke, người để Apollo xuất hiện trong tác phẩm của mình hết lần này đến lần khác.

Cuốn sách đó ngăn thôi, em có thể đọc to trong khoảng hai tiếng đồng hồ từ đầu đến cuối. Nhưng chẳng bao lâu sau Apollo đã thiêu thiêu ngủ, như đứa trẻ được mẹ ngồi bên giường đọc sách cho nghe, và em đợi đến lúc này

để nhón chân rời khỏi đó. Em không nhón chân đi đâu hết. Em ngồi như bị ghim dưới sức nặng cơ thể của Apollo, chân em bị tê. Em cử động chân và nó tỉnh giấc. Không đứng dậy, nó tìm bàn tay vẫn cầm cuốn sách nhỏ của em để liếm.

Bây giờ cả hai chúng em đứng dậy, đi vào bếp. Em đổ ra một ít thức ăn dạng hạt cho nó – lúc đó – và trong khi nó ăn, em chuẩn bị đưa Apollo ra ngoài.

Em có thể đã gạt bỏ chuyện đó ra khỏi huyền tưởng mang tính nhân hóa của mình, nhưng ngay ngày hôm sau điều này xảy ra: Em đang ngồi trên xô pha ôm máy tính xách tay thì Apollo xuất hiện, bắt đầu ngửi ngửi những cuốn sách trên bàn cà phê. Cái hàm khùng của nó há ra rồi ngậm lại quanh bản bìa mềm cuốn sách mới của Knausgaard mà em đã mua để thay cho cuốn cũ bị nó làm rách. Ôi, đừng làm thế nữa! Nhưng em chưa kịp cất cuốn sách đi thì nó đã nhẹ nhàng đặt cuốn sách xuống cạnh em.

Tất nhiên em đã nghe nói về chó trị liệu. Chó được huấn luyện để làm việc trong bệnh viện, nhà dưỡng lão, khu vực xảy ra thảm họa, và những nơi tương tự, với mục đích an ủi và đem lại không khí vui vẻ trong niềm hy vọng làm vơi bớt bất cứ nỗi đau nào mà con người đang phải trải qua. Em biết những con chó như thế từ lâu đã có mặt trên đời này, và cũng biết rằng giờ đây chúng thường giúp lũ trẻ gặp khó khăn trong học tập và về cảm xúc. Để cải thiện kỹ năng đọc và nói, trẻ em ở các trường học cũng như tại thư viện được khuyến khích đọc to cho lũ chó nghe. Kết quả tuyệt vời đã được ghi nhận: Những đứa trẻ đọc cho chó được đánh giá là có tiến bộ hơn hẳn những đứa trẻ đọc cho người khác. Người ta nói rằng hầu hết các “thính giả” đó dường như cảm thấy thích thú, bộc lộ vẻ lanh lợi và tò mò. Nhưng

em không định phân tích đầy đủ lợi ích đối với lũ chó được con người đọc sách cho nghe.

Em chợt nghĩ rằng, ai đó từng đọc sách cho Apollo nghe. Em không nghĩ nó là một con chó trị liệu có giấy chứng nhận, được huấn luyện bài bản. (Một con vật có giá trị như thế mà rốt cục lại bị bỏ rơi sao?) Nhưng em tin rằng chắc chắn có ai đó đã đọc to cho nó nghe – hoặc nếu không phải đọc cho nó thì chí ít cũng đọc to trong khi nó quanh quẩn ở đó – và rằng trải nghiệm đó là một kỷ ức hạnh phúc của Apollo. Có lẽ chính người đọc ấy là người nó yêu quý. (Là anh ư? Vợ Ba nói, theo bà ta biết thì không phải anh. Ít nhất khi có mặt bà ta thì không.) Hoặc có lẽ, dù không phải là chó trị liệu chuyên nghiệp, Apollo đã từng được mong đợi giúp được ai đó bằng cách nghe họ đọc, một trách nhiệm mà nó đã thực hiện nghiêm túc và là trách nhiệm khiến nó được ngợi khen và tưởng thưởng. Những cuốn cẩm nang huấn luyện chó chỉ ra rằng, thực hiện một loại việc nào đó là điều thuộc về bản chất của nhiều con chó (khi được giao việc, lũ chó đang có dấu hiệu buồn chán hoặc trầm cảm bỗng phấn chấn lên), nhưng người ta hầu như không bao giờ cho chúng đủ việc để làm – nếu có thể nói như vậy.

Hoặc có lẽ Apollo là một chú chó thiên tài, đã phát hiện được điều gì đó về em và những cuốn sách. Có lẽ nó hiểu được rằng khi em không cảm thấy ổn thì đắm mình vào một cuốn sách là cách tốt nhất em có thể làm. Có lẽ đó là điều mà cái mũi phi thường của Apollo mách bảo nó. Nghiên cứu đã chỉ ra nếu mũi chó có khả năng phát hiện bệnh ung thư thì chẳng có gì ngạc nhiên nếu nó cũng có thể phát hiện những thay đổi do căng thẳng, hoặc do trải nghiệm kích thích thần kinh, hoặc cảm giác thích thú. Nếu một số con chó có thể báo trước cơn động kinh ở người, như thực tế cho thấy, thì có gì lạ đâu khi một con chó đoán biết được tâm trạng chán nản của con người?

Thực tế, càng sống với Apollo lâu, em càng tin rằng bác sĩ thú y Grumpy đúng: Con người chỉ biết được một nửa cách não của loài chó hoạt

động mà thôi. Trong sự câm lặng bí ẩn, chúng có thể hiểu biết về chúng ta nhiều hơn chúng ta biết về chúng. Trong bất cứ trường hợp nào, hình ảnh này cũng hấp dẫn không thể cưỡng lại được: Nỗi thất vọng dồn dập và Apollo mang tới một cuốn sách cho em, giống như chú chó cứu hộ Saint Bernard băng qua vùng tuyết với một thùng rượu brandy nhỏ xíu đeo trên cổ.

Cho dù chúng ta biết rằng chú chó Saint Bernard chưa bao giờ thực sự làm điều đó.

Có lúc việc đọc thư của Rilke gửi một nhà thơ trẻ cho một con chó nghe có phải là dấu hiệu mất cân bằng về tinh thần hay không trở nên rõ ràng hơn đối với em.

Em quyết định đọc thành tiếng theo thói quen của chúng em. Biết rằng đối với người khác phần này có vẻ như thế nào, mặc dù em không kể với bất kỳ ai. Nhưng có nhiều điều trong những trang này em chưa từng kể với bất kỳ ai.

Hoạt động viết dẫn đến sự thú tội mới lạ lòng làm sao.

Nhưng chẳng phải nó không dẫn tới việc nói dối như cuội.

Giống như Rilke, Flannery O'Connor viết rất nhiều thư cho một người xa lạ từng viết cho bà trong một ngày buồn chán. Trong hợp tuyển thư từ được xuất bản sau khi bà qua đời, người bạn đặc biệt này, người đã yêu cầu được ẩn danh, được gọi là A. Ở tuổi ba mươi hai, người đó hơn O'Connor, người tự đặt cho mình vai trò người hướng dẫn, hai tuổi. Những bức thư gửi A., được viết trong giai đoạn chín năm, chứa chan những tư tưởng về văn chương, về một nhà văn và một tín đồ của đạo Thiên Chúa có nghĩa là gì. Bà cởi mở tâm sự về hành trình sáng tác văn chương của mình, và khi bà A. gửi cho bà một số tác phẩm của mình, O'Connor đã phản hồi, khích lệ. Bà

A. có năng khiếu sáng tác, O'Connor nói, đánh giá một truyện ngắn cụ thể là “gần như hoàn hảo”. Khi bà A. có vẻ buồn vì “tắc chữ”, O'Connor nhanh chóng quy tội cho quỷ dữ. Đối với O'Connor, một người Thiên Chúa ngoan đạo, quỷ dữ không phải là một phép ẩn dụ.

Dù kịp hẹn gặp nhau, họ không làm điều đó thường xuyên. Trong khi đó, trên giấy (qua thư) tình bạn của họ bùng nổ, khiến họ đủ thân nhau để O'Connor gọi A. là “chị nuôi” của bà. Quá vui mừng khi A. quyết định theo đạo Thiên Chúa, O'Connor đồng ý trở thành người đỡ đầu của bà.

Nhưng cuối cùng quỷ dữ đã chiến thắng. A. mất đức tin. Bà bỏ đạo. Dù bà viết văn ở vài thể loại, bà chẳng xuất bản bất cứ tác phẩm nào. Ở tuổi bảy mươi lăm, ba mươi tư năm sau khi O'Connor qua đời vì bệnh lupus lúc mới ba mươi chín tuổi, Hazel Elizabeth Hester, người được biết với cái tên Betty, tự tử.

Nếu O'Connor là người hướng dẫn của em, nếu bà ấy viết thư cho em, thì chắc em đã hỏi bà điều này: Chính xác thì Simone Weil có ý gì khi nói: Khi phải đưa ra một quyết định trong cuộc đời về việc bạn nên làm gì thì hãy làm điều khiến bạn trả giá đắt nhất.

Hãy làm việc khó vì lý do nó khó. Hãy làm những gì khiến bạn phải trả giá đắt nhất. Ai là những người đã làm thế?

O'Connor nói, nếu viết văn không khó thì chẳng đáng để viết.

Hãy quay sang Virginia Woolf, người đã nói rằng việc diễn giải cảm xúc bằng ngôn từ giúp xua đi đau khổ. Bà nói, việc tạo ra một cảnh, tạo ra một nhân vật cho cảnh đó: Không gì thú vị hơn.

Cuộc họp hội đồng đầu tiên của khoa trong kỳ đó. Có nên cho phép học sinh đọc các đầu sách được giao trên điện thoại thông minh hay không. Đa số nhất quyết giữ quan điểm này: Những thiết bị điện tử khác thì ok, nhưng vì Chúa, điện thoại thông minh thì không. Nhưng logic ở đâu, O.P tranh luận. Nếu tất cả chúng ta đang nói về kích cỡ của màn hình. Như thế khác nào nói rằng sinh viên không thể đọc sách giấy có kích thước bỏ túi ư? Không, đa số người nhất trí rằng, chuyện đó khác. Dù mười lăm phút sau không một ai tiếp tục nói cho ra đầu ra đũa xem chuyện đó khác như thế nào.

Giờ hành chính. Sinh viên A phát ớn vì chương trình học yêu cầu nhiều trình đọc quá: Em không muốn đọc những gì người khác viết, em muốn người khác đọc những gì em viết. Sinh viên B bắn khoản rằng nhiều đầu sách được giao cho đọc gồm những cuốn ế sừng hoặc hiện không còn bán. Chẳng lẽ chúng em không nên nghiên cứu nhiều nhà văn thành công hơn sao?

Chuyện này xảy ra khá thường xuyên: Một cựu sinh viên cho em biết rằng cô sinh con. Cuốn sách cô đang viết dở phải tạm gác lại. Cô nói rằng, có lẽ khi em bé lớn hơn một chút, cô mới có thể viết lại. Thế rồi, khi đứa bé lớn hơn một chút – thường là khoảng hai tuổi – cô sinh đứa nữa.

Những thứ này cứ đến: Thông báo về cơ hội được học sáng tác kèm với một hoạt động nào khác. Bạn có thể sáng tác và thưởng thức những món dành cho người sành ăn và nếm các loại rượu vang, sáng tác và giảm cân, sáng tác và cai nghiện, sáng tác và học đàn, học nấu ăn, làm bánh, nói tiếng

Pháp hoặc tiếng Ý, v.v. Hôm nay, một tờ rơi quảng bá cho một liên hoan văn chương xuất hiện: *Ai nói không thể kết hợp việc sáng tác và nghỉ ngơi thư giãn? Hãy tận hưởng cuộc bỏ trốn hoàn hảo: Một kỳ nghỉ dưỡng tắm khoáng kết hợp với học sáng tác.* (Y như chuyện ở tiệm làm móng, O.P. châm biếm.)

Tại hiệu sách. Cuốn tiểu thuyết gần đây nhất của một người bạn của em, được xuất bản năm ngoái, giờ đây đã bán hết sạch (bản sách giấy). Thật chán khi hiểu ra rằng em không những chưa đọc mà còn quên bẵng nó.

Tại phòng khám của bác sĩ nhãn khoa. Một phụ nữ trung tuổi có mái tóc nhuộm đen kịt, y hệt như màu chiếc áo khoác da của bà ta, bước vào phòng đợi. Em có một cảm giác quen thuộc về bà ta, em suýt kêu lên “A ha!” khi nhìn thấy logo của tờ The New York Review of Books trên chiếc túi đựng đồ của bà ta. Bà ta ngồi xuống, lấy từ trong túi ra ấn bản của tờ London Review of Books.

Chuyện tiểu lâm trong giới học thuật lan truyền. Giáo sư A: Cô đã đọc cuốn sách đó chưa? Giáo sư B: Đọc nó ư? Tôi thậm chí chưa dạy nó.

Trong câu lạc bộ của khoa. Em và một giảng viên khác đang uống rượu gin và thi nhau bàn luận cho vui: Trong một sự kiện xả súng ở trường học, loại sinh viên nào chúng mình sẽ che chắn hoặc không che đận cho.

Đôi lần trong ô quảng cáo, những lần khác trong cửa sổ màn hình phía tay phải, hoặc trong lúc chờ đợi, một điều bất ngờ được tiết lộ khi em cuộn trang trên màn hình máy tính: James Patterson. James Patterson, tác giả sách bán chạy trên thế giới, người đã hai mươi lần liên tiếp chiếm vị trí số một trong danh sách sách bán chạy nhất của New York Times. Người, dường như rất thành công mà cũng thật khiêm tốn, tin rằng thành công như ông đạt được nằm trong tầm với dễ dàng của bất cứ ai. Hoặc ít nhất bất cứ ai cũng sở hữu chín mươi đô la cho hai mươi bài học qua video kèm những bài thực hành mà ông đưa ra, đảm bảo hoàn lại tiền trong ba mươi ngày. *Hãy ngừng đọc cái này và hãy bắt đầu viết.* James Patterson, một trong những tác giả giàu nhất thế giới, với thu nhập 700 triệu đô la Mỹ (bây giờ có lẽ còn hơn thế). *Hãy tập trung vào câu chuyện chứ không phải vào câu văn.* Hình ảnh của ông ấy: già lão, tử tế, thư giãn. Một người đàn ông bình thường, đeo kính, mặc chiếc áo len chui đầu màu xanh sẫm. *Hãy đánh bại những trang trắng!* Thịnh thoảng hãy viết trên sổ tay (không phải trên máy tính). *Bạn đang mong đợi điều gì? Bạn cũng có thể viết một cuốn sách bán chạy.* James Patterson. Luôn xuất hiện bất thành linh, thúc giục, dụ dỗ, hứa hẹn với thế giới. Như quý vậy.

Cậu đang đùa ư? Một người bạn nuôi dê ở một nông trại và là người làm loại pho mát bằng sữa dê tươi được trao giải thưởng hân hoan, nói. Tắc chữ là điều tốt lành nhất từng xảy ra với tớ.

Buổi tưởng niệm anh. Em muốn ghi dấu sự kiện đó nhưng em không biết làm điều đó bằng cách nào. Không phải lần đầu tiên em vào mạng và xem một video anh thực hiện một buổi đọc sách. Em chưa bao giờ nhìn thấy Apollo phản ứng trước màn hình, gồm cả màn hình ti vi (mắt nó dường như không tập trung vào bất cứ hình ảnh nào trên màn hình, thậm chí dù trên đó có hình ảnh của một con chó khác). Nếu em để nó nghe, em nghĩ nó sẽ nhận ra giọng anh. Song ý nghĩ làm vậy có thể là tàn nhẫn ngăn em lại.

Nó bây giờ có lẽ là chó cưng của em (chó cưng của em!), nhưng em không tin nó đã quên anh. Việc nghe thấy giọng anh có thể có tác động đến nó như thế nào? Làm thế nào nó có thể hiểu được chuyện đã xảy ra? Điều gì xảy ra nếu nó nghĩ anh bị kẹt ở trong cái máy tính đó?

Chuyện kể rằng những đứa con của diễn viên Judy Garland xem bộ phim *Phù thủy xứ Oz* lần đầu tiên. Khi các con cô và người trông trẻ ngồi xem bộ phim đó được chiếu trên ti vi, cô vắng nhà, đang đi công tác nước ngoài. Mặc dù cô đã qua tuổi đóng vai Dorothy (tuổi mười sáu) từ lâu, bọn chúng vẫn biết đó là mẹ chúng. Mẹ chúng ở trong đó! Bị những con khỉ biết bay mang tới chỗ mẹ phù thủy! Trong trạng thái cảm xúc không thể chịu đựng nổi khi nghĩ về điều đó, bọn trẻ bật khóc.

Trong bưu điện. Một phụ nữ trẻ đi cùng chú chó lai đốm bước vào và đứng xếp hàng. Nhân viên bưu điện đứng sau quầy nói: Chó không được phép vào đây, thưa cô. Nó là một chú chó phục vụ, người phụ nữ trẻ nói. Đó là chó phục vụ ư? Nhân viên bưu điện hỏi. Đúng vậy, người phụ nữ đáp lại bằng giọng gay gắt đến mức cô nhân viên bưu điện phải phản ứng thận trọng. Tôi chỉ hỏi vậy thôi, thưa cô. Ý tôi là, tôi không nhìn thấy thẻ hay biểu tượng nào. Người khách hàng đứng đằng trước người phụ nữ trẻ quay lại, nhìn cô, nhìn con chó, và quay lại tư thế cũ, lắc đầu. Người phụ nữ đứng thẳng người lên, thiêu đốt tất cả chúng em bằng một ánh nhìn. Sao các người dám. Con chó này là người bạn đồng hành hỗ trợ cảm xúc của tôi. Sao các người dám can vạ về quyền được hiện diện ở đây của nó.

Điều khiến cảnh đó thậm chí trở nên lạ lùng hơn là con chó bị mất một chân sau.

Em nhìn Apollo ngủ. Cái ngực phập phồng bình yên của nó. Cái bụng no căng, người nó ấm và khô ráo, hôm nay nó đã đi dạo bốn dặm. Như thường lệ, khi nó lao ra đường để giải quyết việc của nó, em đứng canh chừng trước dòng xe hơi chạy qua. Và, ở trong công viên, khi một người

vừa nhắn tin trên điện thoại vừa chạy về phía chúng em, Apollo sửa và chặn đường anh ta trước khi anh ta va vào em. Hôm nay em đã chơi vài ván kéo co với nó, em đã nói chuyện với nó, hát cho nó nghe, đọc cho nó vài câu thơ. Em đã cắt móng chân, chải từng xen ti mét lông của nó. Bây giờ nhìn nó ngủ, em có cảm giác mãn nguyện dâng trào. Còn một cảm giác khác, sâu sắc hơn, vừa đặc biệt, huyền bí lại vừa vô cùng thân thuộc. Em không biết tại sao phải mất tận một phút mới có thể gọi tên cảm giác đó.

Chúng em là gì, em và Apollo, nếu không phải hai kẻ cô đơn bảo vệ nhau, vạch biên giới và đón chào nhau?

Thật tốt nếu mọi sự được thu xếp ổn thỏa. Có hay không có phép màu, dù bất cứ điều gì xảy ra, không gì có thể chia lìa chúng em.

Phần Chín

Không khiến mà nói, chuyên gia trị liệu bảo em: Tất cả những người tôi biết đều đang viết sách. Tôi đã gặp nhiều nhà văn, và tôi có thể nói với bà rằng chứng tắc chữ ở cánh nhà văn các vị khá phổ biến đấy.

Nhưng em không đến đó để giải bày về chứng tắc chữ của nhà văn. Nếu lúc đó không quá lo lắng thì em đã giải thích. Thường thì khi hiểu rằng có cây bút khác vừa mới xuất bản tác phẩm đình đám ở một nhà xuất bản lớn – về chính chủ đề mình đang viết – thì nhà văn đó sẽ thấy nản. Em lại cảm thấy nhẹ người. (Tốt thôi, biên tập viên nói, nghe như chính ông ta cũng cảm thấy nhẹ nhõm: Tôi nghĩ cô càng đỡ mệt.)

Để làm cho em mở lòng, chuyên gia trị liệu hỏi em làm gì trong các kỳ nghỉ. Khi em kể cho ông ta nghe, ông ta nói nhẹ nhàng (ông ấy nói gì cũng nhẹ nhàng): Dường như mất mát đã ảnh hưởng đến cô theo một cách nào đó – cô không muốn tiếp xúc với người khác.

Em đâu có nói rằng em không muốn tiếp xúc với người khác. Hay sợ tiếp xúc với người khác.

Nhưng sự thật là, dù em không lo lắng về việc phải xa Apollo, em cũng muốn ở một mình.

Những kẻ bơ vơ là tên mà một nhà văn gần đây em đọc đã dùng để gọi những người, vì lý do này hoặc lý do khác, và dù trước kia trong cuộc sống họ muốn gì, không bao giờ thực sự trở thành một phần của cuộc sống (như

hầu hết mọi người). Họ có thể có những mối quan hệ nghiêm túc, họ có thể có bạn hữu, thậm chí có nhóm bạn bè không nhỏ, họ có thể vẫn dùng phần lớn thời gian cùng những người khác. Nhưng họ không bao giờ kết hôn và sinh con. Vào những ngày nghỉ lễ, họ đến vui với một gia đình hoặc một nhóm bạn nào đó. Điều này tiếp diễn hết năm này đến năm khác, tới khi cuối cùng họ đủ can đảm để thừa nhận rằng họ thực sự thích ở nhà hơn.

Nhưng ông chắc hẳn gặp nhiều người như thế, em nói với chuyên gia trị liệu.

Thực ra thì không, ông ta đáp.

Dừng ở đây một lát để hồi tưởng lại một chuyện trong quá khứ. Khi em đang học đại học, trong hai năm em đã kiếm tiền tiêu vặt bằng cách làm việc cho một chuyên gia trị liệu hôn nhân. Toàn bộ công việc của em gồm đánh máy nội dung các phiên trị liệu của chuyên gia đó. Việc này không nhằm trị liệu cho khách hàng mà vì chuyên gia đó định viết một cuốn sách. Các cặp đôi hầu như đều ở tuổi trung niên, và tất cả đều đã kết hôn. (Chuyên gia trị liệu không thích thuật ngữ nhà tư vấn hôn nhân, cho rằng nó hủ lậu.)

Nghe băng ghi âm thường chán ngắt. Em nhớ mình đã tự hỏi xem làm sao vị chuyên gia trị liệu lại duy trì công việc đó, nhất là sau khi em biết có một tỉ lệ khá cao các cặp đôi dù được trị liệu vẫn không thể dung hòa điểm khác biệt, rồi cuối cùng vẫn li dị. Chuyên gia trị liệu nói, nhưng điều này cũng quan trọng: Giúp hai người được giải thoát.

Bản thân bà chuyên gia là người quyến rũ lạ thường, thon thả, cao ráo và ăn mặc sành điệu (giày ống gót nhọn, váy len ôm sát), ở tuổi bốn mươi đã trải qua hai lần li dị. Theo em biết, khách hàng của bà không biết về đời tư của bà, nhưng em luôn tự hỏi nếu họ biết thì liệu lịch sử hôn nhân ấy có

khiến họ lưỡng lự đôi chút hay không. Và em nhớ mình đã nghĩ bất luận Tolstoy nói gì về những gia đình không hạnh phúc, những cặp vợ chồng thuộc những gia đình đó đều không hạnh phúc theo cùng một kiểu.

Ông chồng nào cũng bị bắt quả tang lừa dối vợ hoặc bị nghi ngờ lừa dối. (Không chỉ một lần trong một phiên trị liệu, một người đàn ông thú nhận về những lần anh ta phản bội, và không chỉ một lần trong một phiên trị liệu một người đàn ông thú nhận với vợ mình rằng anh ta phải lòng... người đàn ông khác.)

Nhìn chung phụ nữ đều phàn nàn về cảm giác không được cần đến, không được đánh giá đúng mức, và – dường như tệ nhất – không được lắng nghe.

Đàn ông coi vợ như một phiên bản của vợ ông lão đánh cá và con cá vàng: luôn mè nheo, chẳng bao giờ hài lòng.

Hết lần này đến lần khác em sửng sốt trước bằng chứng cho thấy rằng, đối với bà vợ và ông chồng, cùng một lời nói nhưng luôn mang nghĩa khác nhau. Lần nào cũng như lần nào em luôn đánh máy chính những từ không đối: *tình yêu, tình dục, hôn nhân, lắng nghe, cần, giúp, hỗ trợ, tin tưởng, bình đẳng, công bằng, tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, muốn, tiền, công việc*. Em đánh máy những từ này và nghe những cặp vợ chồng nói, và em có thể khẳng định rằng cùng những lời đó đối với anh chồng thì có nghĩa thế này, nhưng với chị vợ lại có nghĩa khác. Em nghe thấy cánh đàn ông phản đối việc sử dụng từ *ngoại tình* để định nghĩa việc ngủ với ai đó ngoài hôn nhân. Một ông khẳng định rằng ngoại tình là khi anh làm điều đó như một thói quen. Một chị vợ nói: Anh ta chẳng giúp đỡ tôi gì cả. Và khi anh chồng liệt kê cả danh sách dài những việc mà anh ta đã làm cho vợ trong tuần qua: Tôi nói giúp đỡ cơ mà! Chị vợ rít lên. Tôi nói giúp đỡ!

Khi nghe tất cả những phiên trị liệu đó, em còn nhận thấy một điều khác: Chuyên gia trị liệu đối giọng một chút, tùy thuộc vào người bà ấy

đang trò chuyện. Luôn tế nhị nhưng luôn có một sự khác biệt trong cường độ, hoặc điều gì đó khó tả trong giọng nói ấy. Có lẽ tất cả là do trong đầu em nghĩ thế. Nhưng nếu buộc phải nói thì em sẽ nói bà ấy nghiêng về phía đàn ông hơn.

Đáng lẽ em nên biết chuyên gia trị liệu muốn em ở lại đó trọn một giờ. Khi em nói rằng em xích Apollo bên ngoài, ông ta đề nghị: Lần tới, tại sao cô không đưa nó vào trong này nhỉ?

Lần tới ư?

Đó là thỏa thuận. Chuyên gia trị liệu sẽ mang đến cho em những gì em muốn, và đổi lại em sẽ quay lại đó.

Chỉ ít thêm vài phiên trị liệu nữa, ông ta nói.

Ngồi trong văn phòng của chuyên gia trị liệu, với Apollo ở ngay bên cạnh, em không thể không mỉm cười. Chúng em như một cặp đôi đi trị liệu vậy.

Ngoại trừ một điều rằng chúng em sống hòa hợp.

Có lần một phụ nữ đi ngang qua chỗ chúng em trên phố, ném vào em câu này: Có một con chó thay cho một ông chồng còn hơn có một người chồng là chó, tôi luôn luôn nói như vậy.

Luôn luôn ư?

Khi em hai mươi tuổi, đưa con Beau đi dạo, thỉnh thoảng em gặp phải những lời bình luận khiếm nhã từ bọn đàn ông. Con chó đó là lão già của cô em hả? Cô em ngủ với con chó đó hả? Cô em chịch con chó đó hả? Cực là cô em để nó chén.

Em thấy bất an khi một phụ nữ khác trên phố bình luận rằng Apollo gợi tình, và nói với em rằng cô ta ghen tị. Cô là một phụ nữ may mắn, may mắn đấy, cô ta nói.

Khi giấy chứng nhận được gửi tới, em chìa xuống dưới mũi Apollo cho nó xem trước khi dán lên cánh tủ lạnh bằng một miếng nam châm.

Vợ Cả nói: Cô hiểu mình đang làm chuyện gian lận. Dù đó là vì mục đích tốt.

Em nhận thức được cơn tức giận chính đáng của những người thực sự cần được vật nuôi hỗ trợ đối với số người mạo nhận ngày càng tăng – và đôi khi thật kỳ cục – thú cưng lại là động vật hỗ trợ. Em đã nghe nói về một con chồn hôi ở ký túc xá đại học, một con cự đà trong nhà hàng, một con lợn trên máy bay. Em hứa sẽ không mang Apollo đến bất cứ chỗ nào mà thông thường nó không được phép tới. Sau khi đem sao giấy chứng nhận đó, gửi cho ban quản lý tòa nhà, em giữ bản gốc cùng thẻ của cơ quan đăng ký Động vật Hỗ trợ Quốc gia ở nhà.

Về phía chuyên gia trị liệu, ông ta không hề dè dặt khi đặt bút viết rằng em đang bị trầm cảm, chứng lo âu trở nên trầm trọng thêm bởi nỗi đau mất người thân, rằng con chó hiện là nguồn hỗ trợ cảm xúc không thể thiếu – giúp em vượt qua mất mát có thể làm tổn hại đến sức khỏe tinh thần, thậm chí đe dọa mạng sống.

Vợ Cả nói, chuyện đó thật buồn cười: Bởi sự thực trong trường hợp này chính con vật là đối tượng không thể đương đầu với mất mát, và cô là người hỗ trợ cảm xúc cho nó.

Lúc này thì em buộc phải nói. Nếu không nói gì khác thì em cũng buộc phải giải thích tại sao em không muốn nói. Cũng vẫn là sự thực: Em không muốn nói về anh, hoặc nghe người khác nói về anh.

Em muốn trích lời Wittgenstein về tình trạng không thể nói ra được và buộc phải im lặng. Dù anh khuyên chúng em không nên trích dẫn lời triết gia mà không đề cập ngữ cảnh. Anh nói, thực ra triết lý không phải là ngôn ngữ.

Dừng lại một chút ở đây để ngạc nhiên về Wittgenstein, người có ba anh em trai tự tử, và là người thường nghĩ đến việc tự tử. Người ta nói Wittgenstein cũng giống Kafka, đã nhẹ nhõm đón nhận cái tin mình sắp chết, nhưng ông là người có những lời trần trối khiến chúng ta nhớ đến Goerge Bailey: Hãy nói với họ rằng tôi đã sống một cuộc đời tuyệt vời!

Bà có nói chuyện với Apollo không, chuyên gia trị liệu hỏi. À, có. Người ta được khuyên nói chuyện với chó cưng của mình để kích thích sự kết nối. Điều dường như đến một cách tự nhiên (dù em đoán rằng mọi người bây giờ ngày càng ít làm thế, do có các thiết bị thu hút sự chú ý.)

Một lần nọ, em nghe thấy một người lạ nói chuyện với chú chó Pug của cô ta và cuộc nói chuyện làm em bối rối: Tao cho rằng đó lại là lỗi của tao, đúng không? Em thề, trước những lời nói đó con chó trợn mắt lên.

Có, em có chuyện trò với Apollo. Nhưng không nói về anh. Lý do là thế này: Em không bắt buộc phải nói với nó về anh. *Ai cũng biết chó là giống vật biết tiếc thương sâu sắc nhất*, Joy Williams viết.

Trên đời này có những người cũng mất người thân do tự tử, song không có nghĩa rằng những gì em cảm thấy có thể được chia sẻ. Có lần em đã ngồi nghe từ đầu đến cuối một chương trình phát thanh về chủ đề mất mát do tự tử. Các thính giả được mời tham gia bình luận. Người ta quảng đi những hòn đá được viết chữ lên: tội lỗi, hằn học, hèn nhát, căm thù, vô trách nhiệm. Bệnh hoạn. Không một ai không tin tự tử là sai lầm. Quyền được

quyên sinh đơn giản không tồn tại. Những kẻ tự tử là quái vật của lòng ích kỷ và thói than thân trách phận. Thái độ vô ơn bội nghĩa đối với món quà sự sống vô cùng quý giá. Dù có lẽ những người tự tử chán ghét bản thân, chẳng phải chính họ muốn hủy hoại gia đình và những người bạn mà họ bỏ lại phía sau sao.

Tất cả những điều người ta nói ra trong chương trình đó đều vô ích.

Nhưng cả tá sách nói về tự tử mà em đã đọc trong năm vừa qua cũng chẳng có ích gì. Em đã biết được vài điều thú vị. Chẳng hạn, một số nhà hiền triết thời cổ đại tin rằng cái chết tự nguyện, dù nhìn chung bị chê trách, có thể chấp nhận được về mặt đạo đức, thậm chí đáng trọng, như một cách giải thoát khỏi nỗi đau đớn, buồn sâu, nhục nhã không thể chịu đựng nổi thậm chí nỗi buồn chán nhàm tẻ. Các nhà tư tưởng sau này gợi ý rằng, dù Cơ Đốc giáo nghiêm cấm tự tử (không chỗ nào trong Kinh Thánh lên án thẳng thừng việc đó), tương truyền chính Chúa Jesus từng hành động như vậy. Ở các nước phương Tây, số lượng thư tuyệt mệnh của những người tự tử lên tới đỉnh điểm vào thế kỷ mười tám, khi chúng thường xuất hiện cùng những thông cáo công khai khác, trên báo.

Và đây là điều ngạc nhiên: Sáng tác văn chương theo ngôi thứ nhất là dấu hiệu đã được biết đến của nguy cơ tự tử.

Điều này hữu ích: Những lời của một phụ nữ mà em biết nhiều năm trước, khi chúng em tình cờ làm việc cùng nhau tại tòa soạn của một tạp chí. Chán nản, chồng cô đã biến cô thành góa phụ, khi vợ chồng cô đều còn trẻ và là một cặp vợ chồng mới cưới. Cô kể, một hôm chúng tôi lập kế hoạch cho tương lai, rồi hôm sau anh ấy ra đi. Ban đầu tôi nghĩ mình có nghĩa vụ làm tất cả những gì có thể để cố hiểu. Nhưng rồi tôi tin làm thế là sai. Anh ấy đã chọn im lặng. Cái chết của anh ấy là bí ẩn. Cuối cùng tôi quyết định nên để anh ấy yên. Để cái chết của anh ấy mãi là điều bí ẩn.

Em nói về cảm giác sống gần như điên dại của mình, sự biến dạng của thực tại, trạng thái mù mịt xảy ra vào những thời điểm nhất định, gây rối loạn dưới dạng chứng quên. (Mình đang làm gì trong phòng học này nhỉ? Tại sao, trong tấm gương này, mặt mình trông ngộ thế nhỉ? Mình đã viết cái đó ư? Mình viết thế là có ý gì nhỉ?)

Em nói về chuyện em đã kiệt sức ra sao, bất kể em ngủ nhiều thế nào. Về vô số lần em va phải thứ gì đó hoặc đánh rơi vật gì đó, hoặc vấp phải chính chân mình. Em bước từ vỉa hè xuống đường – một chiếc xe hơi sẽ đâm vào em nếu người đứng gần đó không kéo giật em lại phía sau. Có những ngày em không ăn, có những ngày em không ăn gì ngoài đồ ăn nhanh. Những nỗi sợ vớ vẩn. Chuyện gì xảy ra nếu hệ thống gas bị rò rỉ và cả tòa nhà nổ tung? Sợ làm mất hoặc để nhầm chỗ vật gì đó. Quên nộp thuế.

Tất cả đều là triệu chứng của tình trạng suy nhược do đau buồn vì mất người thân, chuyên gia trị liệu nói với em một cách không cần thiết. Biết rồi khổ lắm nói mãi.

Sau phiên trị liệu thứ tư hoặc thứ năm gì đó em nói, Mày biết đấy, Apollo, tao nghĩ tao thực sự bắt đầu cảm thấy khá hơn một chút rồi.

Một điều nữa về Wittgenstein. Theo nhà vật lý Freeman Dyson, người đã dự các tiết giảng của Wittgenstein tại Cambridge vào năm 1946, nếu một phụ nữ dám xuất hiện trong giảng đường thì ông ấy sẽ giữ im lặng tới khi cô ta hiểu được thông điệp và rời khỏi đó.

Dyson có lần đã nghe lỏm được nhà triết học ấy lẩm bẩm: *Càng ngày mình càng ngẫn ngơ hơn.*

Về phụ nữ, trong bất cứ trường hợp nào.

Những ai bị cám dỗ đặt quá nhiều niềm tin vào trí óc vĩ đại của đàn ông, hãy nhớ câu này: Nó nhìn những con mèo và tuyên bố rằng chúng là những vị thần. Nó nhìn phụ nữ và hỏi Họ là người ư? Và khi lớp vỏ cứng bị vỡ: Nhưng họ có tâm hồn không nhỉ?

Đâu phải em không thể nói mình cảm thấy như thế nào. Điều đó rất đơn giản. Em nhớ anh. Ngày nào em cũng nhớ anh. Em nhớ anh rất nhiều.

Lại dừng một lát, lần này là để tự hỏi Wittgenstein có ý gì khi nói “một cuộc đời tuyệt vời”?

Và thương cho em gái ông ấy, Gretl: Người phụ nữ có ba anh trai và chồng tự tử.

Em nói với chuyên gia trị liệu về những lúc kỳ cục ấy, sau khi em nghe tin về anh, khi em tin rằng có nhầm lẫn. Anh biến mất, nhưng không chết. Tựa như anh chỉ mất tích. Hồ như anh quyết định chơi trò đùa gây khiếp sợ của tuổi choai choai với chúng em. Anh biến mất, nhưng không chết. Em muốn nói là anh có thể trở về. Anh có thể trở về, và nếu anh có thể trở về thì tất nhiên anh sẽ trở về. Cũng giống như vài năm trước em tin rằng đó chỉ là chứng căng thẳng hoặc mệt mỏi hoặc một giai đoạn kỳ cục mà em đang trải qua, và dù vấn đề là gì đi nữa, khi nó qua đi, em sẽ lại ổn thôi.

Sau đó, em thấy mình thường nhớ lại một cảnh tượng, cảnh cuối của bộ phim *Houdini*. Em đang nói về bản cũ từ những năm 50, với sự tham gia diễn xuất của Tony Curtis, mà em xem trên truyền hình khi em còn là một cô bé mới lớn. Nhân vật chính, người trở nên nổi tiếng thế giới nhờ những màn ảo thuật trốn thoát ngoạn mục, đã chết khi cố thoát khỏi một bể nước –

nơi anh ta bị dìm ở tư thế lộn ngược với hai chân bị cùm. Trò ảo thuật tra tấn dìm nước kiểu Trung Hoa mà trước đó anh ta đã thực hiện thành công, nhưng lần này, khán giả không hề biết, anh ta yếu và đau đớn do vỡ ruột thừa.

Lúc lâm chung, ảo thuật gia bậc thầy đã hứa với vợ mình: Nếu có cách nào đó thì anh sẽ trở về.

Khi ấy câu nói đã khiến em nổi da gà và bây giờ vẫn còn sức mạnh lay động em.

Dù em biết rằng Houdini ngoài đời thực qua đời trong bệnh viện và rằng lời trăn trối của ông ấy là: *Tôi đã chán tranh đấu.*

Em nhớ lại một ký ức khác. Hồi em ít tuổi hơn: khi em còn bé. Bữa tiệc sinh nhật tại nhà một người bạn, ngôi nhà lớn lợp ngói xám theo phong cách kiến trúc thời Victoria đối với em là một lâu đài khiến em sồn gáy. Trò chơi trốn tìm. Em bịt mắt. Em đếm xong rồi mở mắt ra. Đó là buổi xế trưa, mùa đông, và tất cả những ngọn đèn trong nhà đều được tắt đi để bọn em chơi trò đó. Chỉ vài phút trước ngôi nhà còn tràn ngập sự sống náo nhiệt sáng sủa, giờ đây nó là năm mờ.

Về sau em được kể cho biết rằng, những người đầu tiên ra khỏi chỗ trốn phát hiện ra em nằm sõng soài, úp mặt xuống thảm.

Quá phấn khích, quá nhiều bánh và kem: Người lớn đã hiểu sai nguyên nhân, như người lớn thường hiểu sai những vấn đề của trẻ nhỏ. Còn em, em sợ mất hồn, không nói nên lời, thậm chí không cố giải thích cho họ hiểu. Nhưng em không bao giờ quên. Cái cụm từ nhàm chán phát ớn yên lặng như chết có thể khiến toàn bộ ký ức đó sống dậy trong chớp nhoáng.

Năm trước đó, ông của em đã biến mất. Không lâu sau đến lượt thầy hiệu trưởng trường cấp hai của chúng em. Không lời giải thích nào cho sự

biến mất này có thể được coi là thuyết phục. Nhưng có điều gì đó bắn thủ dính dánh vào, điều gì đó không thể nói ra và người ta buộc phải câm lặng – rõ ràng là thế.

Nỗi khiếp đảm ngấm sâu. Em nghĩ những đứa trẻ khác, chúng không trốn; chúng biến mất. Biến mất trong chính bóng tối ấy, không bao giờ trở về nữa. Chỉ còn lại em – đứa bị mất. Một mình, một mình, một mình. Căn phòng chao đảo trước mắt em. Em nôn thốc nôn tháo trước khi ngất đi.

Em vừa mới chợt nhớ ra rằng bố chồng của Grethe Wittgenstein cũng tự tử.

Em mơ thấy anh ư?

Em nghiêm túc mô tả giấc mơ ấy: Lợi trong tuyết sâu, cố đuổi kịp ai đó ở tít xa phía trước, một người mặc áo choàng tối màu, tựa như chỗ rách hình tam giác trên tấm chăn trắng tinh rộng mênh mông. Em gọi tên anh. Anh quay người lại, bắt đầu dùng hai cánh tay ra hiệu. Nhưng em không hiểu. Anh bảo em đi nhanh lên, hay muốn em dừng bước và quay lại? Thật khổ sở vì em không biết chắc. Giấc mơ kết thúc. Hoặc, em nói (rất tiếc vì một lý do ngớ ngẩn nào đó), chỉ ít đó là tất cả những gì em nhớ.

Em nói về những lần em thấy anh. Mỗi lần em đập rợn. Nhưng tại sao hầu sự thể luôn luôn là thế này: Người mà em tưởng nhầm là anh trông giống anh không phải ở độ tuổi anh là đời mà là ở giai đoạn khác trong cuộc đời anh. Một lần, trong khuôn viên đại học, em suýt reo lên vì mừng rỡ khi nhìn thấy một người trông giống anh của cái thời anh và em gặp nhau lần đầu.

Em thú nhận đã có những cơn tức giận bất thành linh. Đang đi bộ ở Midtown, trong giờ cao điểm nhất, người chuyển động như suối chảy ở cả hai hướng, em nhận thấy mình tức sôi máu, sẵn sàng giết ai đó. Những kẻ chết tiệt này là ai, có công bằng không, thậm chí tại sao lại có khả năng tất cả bọn họ, những con người hoàn toàn tầm thường này, sống nhẵn răng, khi mà anh...

Chuyên gia trị liệu ngắt lời em để chỉ ra rằng anh đã lựa chọn làm thế.

Quả thực em cứ quên điều này. Bởi vì thường đối với em dường như chuyện xảy ra không phải thế, rằng hành động của anh không phải do lựa chọn, không phải là một hành động theo ý nguyện, mà là một tai nạn bất ngờ.

Quả thực em cho rằng tự tử rõ ràng là điều trái với quy luật tự nhiên.

Tại sao con chó, con ngựa, con chuột vẫn được sống mà con thì không còn hơi thở? Vua Lear khóc. Con ở đây là con gái Cordelia của vua.

Nhiều lần em hầu như không thể kìm nén được nổi tức giận đối với sinh viên của mình. Sao cậu có thể là một sinh viên chuyên ngành tiếng Anh mà lại không biết rằng không được đặt dấu chấm sau dấu hỏi nhỉ? Tại sao thậm chí các sinh viên tốt nghiệp lại không phân biệt nổi tiểu thuyết và hồi ký, và tại sao họ lại cứ gọi những cuốn sách đầy đủ là “các mẫu”?

Em muốn đánh cô sinh viên viện cơ không đọc năm mươi trang sách được giao là do cô đang phải thực hiện nghĩa vụ pháp lý.

Em xóa thư điện tử của một sinh viên đang cân nhắc có nên tham gia lớp học do em giảng dạy hay không mà không thèm trả lời các câu hỏi của sinh viên đó. (Câu số một: Cô có quan tâm quá mức đến những thứ như dấu chấm câu và ngữ pháp không ạ?)

Chuyên gia trị liệu nói, toàn bộ nỗi tức giận đó. Không chút nào trực tiếp nhằm vào anh. Không giận, không oán trách. Đó là bởi em nghĩ việc tự tử có thể bào chữa được?

Plato cũng nghĩ vậy. Seneca cũng nghĩ vậy.

Nhưng em nghĩ gì? Em nghĩ tại sao anh lại làm điều đó?

Bởi vì anh bị mắc kẹt ở tư thế lộn ngược trong một bể nước đầy.

Bởi vì anh yếu và đau đớn.

Bởi anh đã mệt vì đấu tranh.

Có khi suốt gần một giờ đồng hồ em chẳng nói năng gì. Mỗi lần em bắt đầu nói em suy sụp. Sau vài lần cố gắng, em bỏ cuộc và ngồi đó cho đến khi hết giờ.

Em muốn nói về lần chúng mình gặp nhau ở Berlin. Năm ấy em sống ở đó, theo chương trình học bổng. Anh ghé qua: Bản dịch tiếng Đức cuốn sách mới nhất của anh vừa được xuất bản. Vậy nên chúng mình có cả một cuối tuần bên nhau.

Anh muốn thăm mộ của nhà văn Heinrich von Kleist, chính nơi mà vào năm 1811, ở tuổi ba mươi tư, ông ấy đã tự tử bằng súng. Em biết chuyện đó. Em biết Kleist, người cả đời chịu đựng nỗi tuyệt vọng, đã muốn chết từ lâu. Nhưng không chết một mình. Ý tưởng về một đồng minh tự tử luôn kích động ông. Người tình mơ ước của ông: Một phụ nữ có trái tim khao khát sẽ chết cùng ông.

Henriette Vogel không phải là phụ nữ đầu tiên mà ông tiếp cận, nhưng chính bà, người được chẩn đoán ung thư giai đoạn cuối ở tuổi ba mươi mốt, đã nhiệt liệt chấp nhận kế hoạch tự tử thật lãng mạn.

Sau khi bắn bà vào ngực trái, Kleist tự bắn vào họng mình. Việc của người đàn ông.

Có vẻ như cả hai đều mong đó sẽ là một trải nghiệm cực khoái.

Một nhân chứng kể rằng đã thấy họ vào đêm trước đó, thư giãn và ăn tối trong tâm trạng vui vẻ. Và dù hai người đều theo đạo Thiên Chúa, có vẻ như họ cũng nghĩ rằng cái chết sẽ đưa họ đến thế giới tốt đẹp hơn, một thế giới của hạnh phúc vĩnh hằng giữa những thiên thần – không có nỗi sợ hãi của sự hành hạ không khi nào chấm dứt mà người ta nói đang đợi những kẻ hành động bạo lực đối với người khác cũng như với chính mình.

Vogel, trước đó đã kết hôn, trong thư tuyệt mệnh gửi chồng đã yêu cầu được chôn chung với Kleist. Họ được chôn tại chính nơi họ ngã xuống, một con dốc rợp bóng cây xanh bên hồ Kleiner Wannsee.

Giống như nhiều mộ địa khác, chỗ đó yên tĩnh. Trước đây em thường quay lại đó một mình. (Khu mộ ấy đã được trùng tu, nhưng giờ em không quay lại đó nữa.) Gần như em luôn thấy một đóa hoa tươi đặt trên bia mộ của Kleist, ngay cả trong mùa đông. Em thích tác phẩm của ông từ khi đọc lần đầu ở trường đại học, và được viếng thăm nơi ông yên nghỉ khiến em cảm thấy thú vị. Cũng thú vị khi nghĩ anh em nhà Grimm đã đi dạo ở đó. Rilke đã ở chính chỗ đó, viết những vần thơ vào cuốn sổ tay của mình.

Đi qua cầu Wannsee ngày hôm đó, chúng mình nhìn thấy hai con thiên nga đang giao phối. Ai đó có thể sẽ nghĩ cảnh ấy chẳng hay ho chút nào – con mái trông có nguy cơ chết đuối thực sự. Bất luận thế nào cũng thật khó tưởng tượng nỗ lực vỗ cánh trông thật tức cười của chúng sẽ thành công.

Nhưng không lâu sau, trên lối đi bộ dưới chân cầu, em nhìn thấy tổ của chúng, sát mép nước đến mức gây ngạc nhiên. Trước đây em cũng thường trở lại nơi này. Thường thì em thấy một con – con mái, em đoán thế – hoặc đang nằm cuộn mình ngủ hoặc đang đậu trên tổ, trong khi con kia bơi gần đó. Thỉnh thoảng em ngắm chúng làm việc cùng nhau, mở rộng tổ bằng hai

nhành cây nhỏ và xô qua đẩy lại cho tới khi nó trông giống một cái mũ Mexico cỡ đại.

Chúng ta đều biết rằng thiên nga là loài vật chung thủy. Một thực tế ít được biết đến hơn là đôi khi chúng cũng dối lừa. Chính em đã phát hiện thấy một trong hai con thiên nga này – con đực, em nghĩ thế – thường qua lại với một con thiên nga khác, ở một góc hồ khác.

Dù chưa bao giờ nhìn thấy quả trứng nào trong tổ, em hy vọng một ngày nào đó sẽ thấy lũ thiên nga con. Nhưng rồi một hôm cái tổ ấy biến mất. Em không biết chuyện gì xảy ra. Đôi thiên nga bắt đầu làm tổ mới, nhưng chẳng bao lâu sau nó cũng biến mất.

Đôi thiên nga ở Vannsee thường xuất hiện vào cuối ngày, những chiếc lông của chúng nhuộm sắc màu đổi thay của hoàng hôn. Những con thiên nga màu hồng đất, những con thiên nga màu hồng tươi như hồng hạc, màu tím xanh như hoa violet, những con thiên nga màu tím sẫm của lúc chạng vạng, những con thiên nga của đêm. Những con chim bay ra từ một giấc mơ, nhắc ta nhớ tới vẻ đẹp của thế giới. Của Thiên Đường.

Anh và em đồng ý rằng ông ấy chắc hẳn là quái nhân. Sử dụng sức mạnh thi ca để thuyết phục một phụ nữ mắc bệnh nan y lành như bụt cho phép người khác bắn chết mình.

Nhưng còn người phụ nữ đó thì sao? Bà ấy chẳng nào cũng chết. Tự tử ủy nhiệm, trong khi đẩy nhanh cái chết của mình, gần như chắc chắn giảm bớt được nhiều đau đớn. Nhưng cho phép người khác giết người và tự giết mình – trong trường hợp này là người dù tuyệt vọng cũng vẫn còn trẻ, và là người có thể sẽ sống và tiếp tục sáng tạo ra thứ văn chương của thiên tài thêm nhiều năm nữa – thì biện hộ ra sao đây?

Nếu Kleist trước đó chưa bao giờ tìm được một người bạn cùng chết – nếu, giống như những người khác trước bà, người phụ nữ ấy từ chối đề nghị điên rồ đó của ông – thì ai biết điều gì có thể xảy ra? Hoặc không xảy ra.

Thực ra, càng ngẫm nghĩ nhiều về điều đó, dường như em càng cảm thấy rằng bà Vogel có nhiều điều để trả lời cho câu hỏi đó. Đó là kiểu tình yêu gì vậy? Tình yêu đó thậm chí không khiến bà ấy chột nẩy ra ý nghĩ cố gắng cứu mạng ông ấy sao?

Giờ đây em tự hỏi tại sao em lại viết *Ở thiên đường* khi em không tin một chốn như thế có tồn tại.

Đối với những người không muốn lên Thiên Đường một mình, Internet là cửa trời cho. Những người hoàn toàn xa lạ, có khi sống cách xa nhau, tìm nhau qua mạng và hẹn hò. Một người đàn ông từ Na Uy bay đến New Zealand, nơi anh ta và một người đàn ông khác cùng nhảy xuống từ vách núi. Một người đàn ông và một người phụ nữ đặt phòng riêng biệt tại một khu nghỉ dưỡng ven hồ, sau đó được phát hiện buộc tay vào nhau, chết đuối cùng nhau. Ở Nhật, nơi trào lưu tự tử theo nhóm đặc biệt rõ, hàng xe ô tô xác chết xuất hiện. Nhưng địa điểm tự tử được ưa thích ở Nhật vẫn là rừng Aokigahara, dưới chân núi Phú Sĩ, nơi có những tấm biển ghi những câu đại loại như *Bạn không cô đơn, Hãy nghĩ đến cha mẹ của bạn* hoặc những số điện thoại đường dây nóng đã thành công trong việc hất nơi đó ra khỏi vị trí những điểm tự tử hàng đầu trên thế giới. Cạnh tranh với cầu Cổng Vàng, địa điểm giữ vị trí số một ở Mỹ.

Berlin. Em nhớ anh khi đó đang trong tâm trạng phấn khởi. Trong một vận may xuất bản (việc mà bây giờ, theo anh, phần lớn là may mắn), cuốn sách của anh, ở trong nước chẳng bán được là bao, lại là cuốn sách bán chạy ở châu Âu. Vậy nên anh được biệt đãi trong chuyến đi đó. Anh thích

thú khi được ở Đức, được các độc giả đích thực (như anh vẫn nói) biết đến, và đặc biệt là ở Berlin, một trong những thành phố anh yêu thích, như Paris, một thành phố lý tưởng để tản bộ, nơi mà rong chơi đã trở thành truyền thống.

Em nhớ mình đã hạnh phúc nhường nào khi nghe tin anh sắp sang. Em rất nhớ anh. Và, một phần vì đây là một trong những khoảng thời gian anh độc thân, và phần vì chúng mình xa tổ quốc – những khách ngoại quốc thường giả vờ làm vợ chồng một cách đủ tự nhiên – thỉnh thoảng em cảm thấy như thể chúng mình là một cặp. Một cặp vợ chồng đi nghỉ. Bất luận thế nào, dịp cuối tuần ấy em nhớ mình cảm thấy đặc biệt gần gũi anh và cảm thấy hụt hẫng đến buồn bã khi anh rời khỏi đó.

Toàn bộ trải nghiệm đó khắc sâu trong ký ức và tràn ngập trong tâm trí khi em ngồi trong căn phòng của chuyên gia trị liệu. Nhưng em không thể nói về nó bởi em không thể ngừng khóc.

Bây giờ em tự hỏi tại sao, dù hồi tưởng đến mấy cũng vô ích, em lại dừng viết cuốn *Ở thiên đường*.

Chuyên gia trị liệu nghĩ em yêu anh. Ông ta nghĩ em luôn yêu anh. Ông ta nói với em điều này bằng tông giọng khác với giọng nhẹ nhàng thường lệ, không hẳn là không nhẹ nhàng mà hơi khó chịu, nếu như em không nhầm. Hoặc có lẽ chỉ hơi gấp gáp.

Điều này làm phức tạp thêm nỗi buồn vì mất người thân, ông ta giải thích. Em tiếc thương anh như thương tiếc người yêu. Như vợ mất chồng.

Lần cuối cùng em gặp chuyên gia trị liệu, ông ta nói, có lẽ cô viết về chuyện đó thì sẽ có ích cho cô đấy.

Và cũng có thể không.

Một sinh viên của em viết: “Tôi đã quên không còn nhớ đau đớn là như thế nào nữa”. Mà cô bé mới mười tám tuổi.

Chính Hector là người báo tin, bấm chuông cửa nhà em vào một buổi trưa. Ban quản lý tòa nhà đã khuyên chủ sở hữu chung cư rằng chẳng ích gì khi tranh cãi về đề nghị giữ Apollo như một con vật hỗ trợ em, nhất là khi chẳng có ai phản nản về nó. (Một người bạn tư vấn rằng em có giấy chứng nhận – cho phép em nuôi chó trong căn hộ chừng nào em còn sống ở đó, thậm chí sau khi Apollo chết. Có thể, nhưng em đã hứa với bản thân sẽ không làm việc mạo hiểm ấy thêm lần nào nữa. Và lại, em không chịu đựng nổi ý nghĩ Apollo chết, Apollo bị thay thế.)

Hector cười xéch đến mang tai. Em rớm lệ vì nhẹ nhõm.

Em nói: Tôi nghĩ phải ăn mừng mới được.

Và ngẫu nhiên em vẫn còn chai sâm banh mà sinh viên của em tặng.

Phần Mười

Bất cứ ai buộc phải dự liệu về một con thú cưng đã già đều giống như nhà thơ Gavin Ewart ước con mèo mười bốn tuổi đang dưỡng bệnh của ông có thể có thêm dù chỉ một mùa hè nữa trước chuyến đi đáng ghét cuối cùng không thể tránh khỏi đến chỗ bác sĩ thú y.

Thấy những sợi lông màu muối tiêu trên mõm Apollo và sắc đỏ viền quanh mắt nó, có những ngày em thấy nó bước đi khó nhọc nhường nào, đôi khi cần cố gắng hai lần mới đứng lên được, em đau lòng. Danh sách những việc dự phòng mà bác sĩ thú y cho em, những dấu hiệu thường thấy của bệnh tật và sức khỏe sa sút ở những con chó già khiến em run sợ. (Nếu nó ngã bệnh thì bà sẽ chăm sóc nó như thế nào?) Trong sáu tháng giữa những lần đi khám sức khỏe, bệnh khớp của nó đã trở nên tệ hơn.

Một phép màu thôi không đủ. Tai họa đó đã được ngăn ngừa, chúng em không phải chia lìa hay bị đuổi khỏi nhà – em xin lỗi, nhưng như thế chưa đủ. Bây giờ em giống như bà vợ ông lão đánh cá: Em muốn nhiều hơn. Không chỉ thêm một, hoặc hai, ba hoặc bốn mùa hè nữa. Em muốn Apollo sống lâu chừng nào em còn sống. Ít hơn thế là không công bằng.

Rốt cuộc, tại sao lại cứ phải là chuyến đi không thể tránh khỏi ở chỗ bác sĩ thú y chứ? Tại sao nó không thể chết tại nhà, trong giấc ngủ, yên bình, như một con chó hiền lành xứng đáng được hưởng?

Tại sao, dù đã cứu sống nó, giờ đây em phải nhìn nó chịu đựng đau đớn – đau đớn rồi chết – còn em thì bị bỏ lại một mình, không có nó?

Em nghĩ Apollo biết khi nào em có những ý nghĩ như thế. Nếu ở gần đó, nó sẽ hướng sự chú ý vào em, gần như để làm em sao lãng không nghĩ đến chuyện ấy nữa.

Hầu hết mọi người đều tin rằng dù lũ vật nuôi không biết rằng một ngày nào đó chúng sẽ chết, song nhiều con biết thời điểm chúng sắp lìa đời. Vậy vào thời điểm đó một con vật hấp hối sẽ trở nên có ý thức về điều sắp xảy ra ư? Liệu có phải chúng đã biết điều đó từ lâu? Và những con vật phản ứng ra sao khi chính chúng già đi? Chúng hoàn toàn không hiểu, hay bằng trực giác biết được những dấu hiệu ấy có nghĩa gì? Những câu hỏi ngớ ngẩn lắm sao? Em biết. Tuy nhiên chúng cứ ám ảnh em.

Apollo có một món đồ chơi yêu thích, một bộ dây kéo co màu đỏ tươi bằng cao su cứng. Em thích âm thanh của giồng chó khổng lồ ấy khi chúng em chơi trò kéo co. Nhưng dường như điều thích thú nhất với Apollo là để cho em thắng. (Em vẫn lơ mơ không hiểu nó có biết phải dùng bao nhiêu sức trong khi chơi kéo co không; em chắc chắn chưa bao giờ thấy nó sử dụng “toàn lực”). Những đồ chơi khác không thu hút nó, dù em tiếp tục mua đồ chơi mới... cũng như em vẫn tiếp tục đưa nó tới công viên dành cho chó mặc dù em không còn hy vọng được nhìn thấy nó chơi đùa ở đó. Nó không quan tâm đến những con chó khác, cũng như chẳng quan tâm đến những con người khác. Và điều này tiếp tục khiến em lo lắng. *Tại sao mày không chơi đùa hả? Ở công viên có nhiều bạn chó thân thiện và dễ thương lắm kia mà!*

Nhưng tại sao điều này lại thành vấn đề nhỉ? Em đoán rằng cũng giống như người làm cha mẹ muốn con mình, nếu không được quý mến, thì chí ít không lười thui. Em sẽ rất hạnh phúc khi thấy nó kết bạn với dù chỉ một con chó khác, hoặc thậm chí phải lòng một con chó khác. Apollo đã bị thiến không có nghĩa là không thể có tình cảm đặc biệt dành cho đồng loại, đúng không? Em và nó thường tình cờ gặp một con tai cúp màu trắng bạc tuyệt đẹp tên là Bella. (Em quyết định không thể lờ thuyết nhân hóa đi được, và dù em có thể cố che giấu điều đó, em không đấu tranh với nó nữa.)

Nhà văn Karl Kraus khi nói về lòng trung thành đáng ngưỡng mộ của loài chó đã chỉ ra rằng chúng trung thành với con người chứ không phải với nhau. Vậy nên có lẽ đó không phải là ví dụ thuyết phục về phẩm chất của chó. Thực ra, chó thường ghét chó, thậm chí cả những con cùng dòng giống.

Ngay sáng nay em lại chứng kiến điều này. Hai con chó đều mang dây xích nhìn thấy nhau, ngay lập tức lao vào nhau, gầm gừ.

Mẹ kiếp. Tao ghét mày. Đồ chết tiệt. Tao sẽ cắn đứt mũi mày, đồ thối tha. Tao sẽ giết mày. May cho mày là tao đang bị xích đấy, nếu không tao xé daí mày ra.

Chúng thít cổ mình tưởng chết khi cùng kéo căng dây xích để tấn công nhau.

Apollo không như vậy. Em chưa bao giờ thấy nó gây sự, tấn công hay bắt nạt một con chó khác. Sau tất cả những gì nó đã trải qua, nó vẫn tử tế, vẫn giữ được lòng nhân ái của mình, em muốn nói vậy (Em nên nói như thế nào nhỉ?)

Lần nọ chúng em đi ngang qua một cái cổng, có một con mèo đang ngồi ở vị trí ngang tầm với đầu Apollo. Con mèo nhảy dựng lên, đi theo hình móng ngựa và nhõ phì phì vào mặt Apollo. Apollo chìa má kia ra: Con mèo giơ chân lên nhanh như chớp tát mạnh vào bên má đó. Em thấy lo sợ cho

con mèo, nhưng Apollo tiếp tục bước đi. Nó không muốn có rắc rối. Nó muốn hòa bình.

Thậm chí vào tuổi xế chiều, nó vẫn là một con vật mang vẻ đẹp hấp dẫn đến mức thường khiến người ta há hốc miệng vì kinh ngạc.

Ở giai đoạn đẹp nhất của đời mình, nó trông đẹp nhường nào.

Chẳng có gì lạ khi ước ao được biết người mà ta yêu trông như thế nào ở giai đoạn trước khi ta gặp người đó. Gần như là một nỗi đau khi không được biết người mà ta yêu thuở nhỏ trông thế nào. Em cảm thấy như vậy về tất cả những người đàn ông mà em đã yêu, cũng như về nhiều bạn bè thân thiết, và bây giờ em cảm thấy như vậy về Apollo.

Đâu phải chỉ là không biết Apollo khi nó còn là cún con tinh nghịch, hay mù tịt về toàn bộ tuổi thơ của nó! Không phải chỉ cảm thấy buồn, em cảm thấy bị lừa dối. Thậm chí không có lấy một bức ảnh để em biết trước kia trông nó ra sao. Em phải cố hình dung bằng cách xem ảnh giống Great Dane trong sách, hoặc trên mạng Internet. Thú thật em dành hàng giờ cho việc ấy.

Chuyện xảy ra đúng một lần. Đang đi bộ ở SoHo, em tình cờ gặp một người đang dắt một chú chó Dane lông đốm đi dạo. Cả hai con người đều hồi hộp, nhưng hai con chó thì cứ lờ nhau đi.

Điều tồi tệ đã xảy ra với chó: Một bài học từ thuở đầu đời, từ những cuốn sách thời thơ ấu. Những con vật trong sách thường chết, thường là chết một cách khủng khiếp. Chú chó già Yeller. Con ngựa non màu đỏ. Thậm chí khi không chết, thậm chí khi chẳng những sống mà rất cuộc còn được hưởng hạnh phúc thì chúng cũng đã phải chịu đựng rất nhiều, thường

phải trải qua cảnh như địa ngục. Chú ngựa mang tên Viên Ngọc Đen. Chú ngựa hoang Flicka. Nanh Trắng. Con chó Buck. Tự truyện về chó Joe, dựa trên đời thực của một chú chó, đầy rẫy những cảnh tàn bạo, bắt đầu bằng cảnh người chủ hung ác đã dùng rìu chặt tai và đuôi nó.

Không nghi ngờ gì, cũng như nhiều độc giả khác, em nhớ mình đã khóc khi đọc những cuốn sách này (khóc dữ dội nhất khi đọc về chú chó Joe), tuy nhiên chưa bao giờ em hối tiếc vì đã đọc. Còn gì hấp dẫn hơn câu chuyện về một đứa trẻ và một con vật gắn bó với nhau? Lần đầu tiên biết rằng mình muốn sáng tác, em tin chắc sẽ viết về chủ đề này. Nhưng em chưa bao giờ viết.

Khi còn nhỏ, con người coi các con vật ngang bằng với mình, thậm chí như người thân. Chỉ khi được dạy con người mới coi loài người là khác biệt, độc đáo, vượt trội so với những loài khác.

Trẻ con tưởng tượng về một thế giới chỉ có những sinh vật không phải người sinh sống. Hồi nhỏ, em thích giả vờ rằng mình là một con vật, mèo hoặc chó, hoặc ngựa. Em thường cố giao tiếp bằng âm thanh loài vật hơn là nói và không chịu ăn bằng tay. Nhiều lần em cứ tiếp tục làm thế thật lâu đến mức tin rằng hành vi ấy trở thành nguyên nhân khiến làm cha mẹ em lo lắng. Một trò chơi, nhưng về bản chất là một điều hoàn toàn nghiêm túc, một dấu vết mà em mang vào tuổi trưởng thành: Mong ước không trở thành một phần của loài người.

Có chuyện xảy ra với con chó trong tiểu thuyết *Đời nhẹ khôn kham* của Milan Kundera. Con chó được nhân vật chính Tomas tặng cho Tereza, vợ ông, khi nó còn là cún con – vì cùng một lý do mà chúng ta được biết là đã khiến anh ta cưới Tereza: Đền bù cho nỗi đau khổ ê chề mà thói lãng nhãng không thể sửa chữa của anh ta đã gây ra cho cô. Dù là chó cái, con chó ấy

vẫn được gọi một cách kỳ quặc theo tên của nhân vật nam trong một cuốn tiểu thuyết khác: Tên chồng Anna Karenina. “Chú chó” Karenin ghét sự thay đổi, thích ở thôn quê, nơi nó làm bạn với một con lợn và, sau khi bị ung thư giai đoạn cuối, nó được cho uống thuốc ngủ.

Kundera có cách hiểu của riêng mình về đoạn 1:26 trong sách Sáng Thế: *Lòng tốt thực sự của con người chỉ có thể khi đối tượng tiếp nhận không có sức mạnh.* Vậy thì hãy xem loài người đối xử với những loài khác – được đặt trước từ tâm của họ như thế nào. Và qua cuộc thử thách đạo đức này, *loài người đã chịu... một thất bại căn cốt đến mức tất cả những thất bại khác đều bắt nguồn từ nó.*

Karenin và Tereza hết lòng vì nhau. Nghĩ về sự gắn bó trong sáng, vô tư của cô và Karenin, Tereza kết luận rằng tình yêu như thế, nếu không lớn lao hơn, thì cũng tốt hơn thứ tình cảm mục ruỗng, đầy tổn thương và thất vọng triền miên mà cô có với Tomas.

Điền viên là từ mà Kundera dùng để miêu tả mối quan hệ giữa con người và động vật. Điền viên bởi vì loài vật không bị trục xuất khỏi Thiên Đường cùng chúng ta. Chúng tồn tại ở đó, không bị bao điều phức tạp – như sự tách rời giữa thể xác và tinh thần – quấy rầy, và chính qua tình yêu, tình bạn của chúng ta với chúng mà chúng ta có thể kết nối lại với Thiên Đường, dẫu chỉ bằng một mối dây mong manh.

Những người khác đi xa hơn Kundera. Chó không chỉ không bị quỷ dữ động đến. Chúng còn là những sinh vật của thiên đường, là hóa thân của thiên thần, là thần hộ mệnh mình thú được gửi xuống trần gian để bảo vệ, giúp đỡ con người. Giống như tín ngưỡng thờ thần Mèo, niềm tin này tràn ngập trên Internet, và ngày càng phát triển. Nó khiến anh kinh ngạc. Về con người, ý em muốn nói vậy.

Trong cuốn *Ruồng bỏ*, điều rất tồi tệ đã xảy ra với nhiều con chó. Câu hỏi đeo đẳng mãi là, tại sao David Lurie không cứu con chó lai rõ ràng đã yêu ông và là con chó mà ông cảm thấy có tình cảm đặc biệt. Tại sao con chó – con chó tốt bụng ấy, con chó bị què từ khi còn là cún con, có vẻ nhạy cảm với âm nhạc – lại không thể tránh khỏi số phận của tất cả những con chó bị ruồng bỏ khác và bị tiêu hủy tại một trung tâm sức khỏe động vật? Tại sao, thay vì giữ con chó này, Lurie lại khẳng khái hy sinh nó?

Em nhớ mật vụ Starling trong cuốn *Sự im lặng của bầy cừu* kể với Hannibal Lecter rằng, khi còn bé, sống trong trang trại nuôi gia súc của người chú, cô đã khao khát muốn cứu bầy cừu khỏi bị giết hàng loạt vào mùa xuân như thế nào. Cô đã chọn một con cừu và cố bỏ trốn ra sao. *Tôi đã nghĩ ước gì mình cứu được dù chỉ một con... nhưng nó nặng lắm. Rất nặng.* Cuối cùng, giống như Lurie, cô không thể cứu nổi một con vật đã bị đánh dấu cho thần Chết. Thậm chí một con cũng không.

Chúng ta biết chúng có ý nghĩ, nhưng chó liệu có “quan điểm” hay không?

Kundera rất coi trọng thực tế rằng, không giống như chúng ta, loài vật không có cảm giác ghét. Em không chắc về điều này cho lắm (thậm chí mèo cũng không ư?), nhưng việc loài chó không chê bai, phán xét rõ ràng là một phần quan trọng khiến chúng ta quý chúng. (Đây là điều khiến các nhà giáo dục nghĩ rằng để trẻ em mắc chứng khó đọc đọc to cho chó nghe là một phương pháp hữu hiệu. Có lẽ, đó cũng là lý do tại sao nghệ sĩ biểu diễn như Laurie Anderson và Yo-Yo Ma tuyên bố rằng họ nhìn xuống khán giả của buổi hòa nhạc và mơ tưởng rằng tất cả là chó.)

Lòng biết ơn: Em không tin người ta tưởng tượng ra lòng biết ơn khi gán tình cảm này cho con chó cứu nạn của mình. Em thường thấy rằng Apollo có lòng biết ơn dành cho em.

Em muốn biết nó có mong đợi điều này điều nọ hay không. *Bà ấy sẽ về nhà sớm. Mình nóng lòng muốn ăn! Ngày mai là một ngày khác.*

Thậm chí hơn thế, em muốn biết nó có nhớ quá khứ không. Nó có khao khát không? Có hối tiếc không? Có những ký ức ngọt ngào không? Có những ký ức cay đắng không? Với những giác quan tinh nhạy như thế, tại sao chó lại không có những khoảnh khắc Proustian chứ?

Tại sao chúng không có những khoảnh khắc “Ơ-rê-ka”, khoảnh khắc bừng ngộ, và tương tự nhỉ?

Hồi đầu thỉnh thoảng em bắt gặp Apollo nhìn em không chớp mắt chỉ để quay đi khi em nhìn lại. Bây giờ nó thường ngả đầu lên đầu gối em và liếc nhìn em bằng ánh mắt biết nói.

Cô nói gì với nó? Chuyên gia trị liệu hỏi.

Em thường hỏi nó điều này điều nọ. Có chuyện gì vậy, chó con? Mày đã chớp mắt ngon lành chứ? Mày đuổi bắt cái gì trong mơ à? Mày có muốn ra ngoài không? Mày đói không? Mày vui không? Khớp của mày có đau không? Tại sao mày không chơi với những con chó khác, hả? Mày là thiên thần đúng không? Mày muốn tao đọc sách cho mày hả? Mày có muốn tao hát cho mày nghe không? Mày yêu ai? Mày có yêu tao không? Mày sẽ yêu tao mãi mãi chứ? Mày có muốn khiêu vũ không? Tao có phải là người chủ tốt nhất mày từng có không? Mày có biết tao đã uống chút rượu không? Cái quần bò này khiến tao trông béo ra ấy nhỉ?

Một bài hát ngân nga, *Ước gì chúng ta có thể nói chuyện với loài vật.*

Có nghĩa là, ước gì chúng có thể nói chuyện với chúng ta.

Nhưng tất nhiên, nếu thế thì mọi chuyện hỏng hết cả.

Một người khách đến chơi nói, nhà cô toàn mùi chó. Em nói em sẽ giải quyết chuyện đó. Và em giải quyết bằng cách không bao giờ mời người ấy đến chơi nữa.

Một đêm em thức giấc thấy Apollo ở bên giường, có vẻ đang cố dùng răng kéo chần đắp lại cho em, bởi trong khi ngủ chắc chắn em đã đạp chần ra. Khi em kể cho mọi người nghe họ không tin. Họ nói chắc em mơ ngủ. Em đồng ý rằng có khả năng em mơ ngủ. Nhưng thực lòng em nghĩ họ ghen tị.

Tại một buổi tiệc mừng ra sách. Một phụ nữ trước đó em chưa từng gặp cười khúc khích và nói: Chẳng phải cô phải lòng một con chó sao?

Em ư? Em đã lấy một tấm chồng là chó như Ackerley đã chấp nhận chó làm vợ ư? Cái chết của Apollo sẽ là ngày buồn nhất trong đời em ư? Em cũng muốn chết theo, như đàn bà tự thiêu để chết theo chồng trong tục lệ cũ ư? Không. Nhưng em cũng nhận thấy mình háo hức muốn về nhà với Apollo đến mức em nhảy lên xe taxi thay vì bắt tàu. Em cũng khe khẽ hát, cảm thấy vui thích khi ý thức rằng mình sắp được nhìn thấy nó, và chắc chắn, tình yêu này không giống bất cứ tình yêu nào em từng cảm thấy trước đây.

Một nỗi lo sợ luôn tái diễn: Ai đó có quyền sở hữu đối với Apollo cuối cùng sẽ xuất hiện, một kẻ nào đó xuất hiện với một câu chuyện điên rồ nhưng đầy thuyết phục rằng ông ta (bà ta) và Apollo lạc mất nhau, và bây giờ người ta hy vọng em trao lại nó cho chủ.

Đến đây em lại nhớ ra rằng chỉ gần đây thôi em mới biết thuật ngữ *tình yêu cún con* dùng để chỉ tình cảm của một người dành cho con chó cưng của họ. Hóa ra nó chẳng liên quan gì đến tình cảm của một con cún dành cho một con người, như em đã nghĩ.

Đọc hồi ký của Ackerley em nhận thấy thỉnh thoảng ông ấy sử dụng từ *người* khi nói đến một con chó. Thoạt đầu em nghĩ ông ấy nhầm. Nhưng, trên thực tế ông ấy là một trong những nhà văn thận trọng nhất thế giới, em phải nói rằng không thể có chuyện ông ấy nhầm.

Em nhớ một người bạn đã bảo với em, trong nhiều năm cậu ấy cứ nghĩ đó chính là thành ngữ *It's a doggydog world*^[7] – và chẳng biết nó thực sự mang hàm nghĩa gì.

Khi người ta nhìn thấy anh đi cùng một con chó, họ kể cho anh nghe những chuyện về chó. Một người đàn ông mặc bộ com-lê đã vuốt ve đầu Apollo khi cậu ấy kể một hôm bà mẹ của cậu quyết định bỏ con chó mà bà đã nuôi nhiều năm. Bà mang con chó tới bến xe buýt, để nó trong cái thùng ở dưới gầm ghế băng. Khi phát hiện ra chuyện, cậu lần theo dấu vết của con chó tới một nơi cung cấp chỗ trú ngụ tạm thời cho những con vật. Cậu gọi điện tới chỗ đó nói rằng cậu nhận con chó, nhưng lúc ấy cậu ở tận đầu kia của đất nước và đang sắp sửa tốt nghiệp trường luật. Người chủ nơi tạm trú kia hứa sẽ giữ con chó, nhưng cậu chưa kịp đến đó thì nó đã chết. Người ta nói với cậu rằng nó không chịu ăn mà thôi.

Cậu ấy nói với em: Tôi không hiểu. Cậu nói con chó béo tốt lắm bởi vì mẹ cậu thường cho nó ăn bánh rán, nhưng nó còn ít tuổi và dễ thương, hoàn

toàn có thể được người khác nhận nuôi. Mẹ cậu không cần ném nó đi như thế. Dù chuyện đã xảy ra nhiều năm, cậu vẫn cố hiểu tại sao mẹ mình lại làm một việc như thế.

Bởi vì bà ấy muốn làm tổn thương ai đó, em nghĩ thế nhưng không nói ra.

Một nhà sản xuất chương trình phát thanh mời em góp vài lời về một cuốn sách, bất cứ cuốn nào em cảm thấy ấn tượng và muốn giới thiệu với thính giả.

Thực ra, em đã quen với chương trình này, đã nghe các nhà văn khác đọc lời bình những cuốn sách yêu thích của họ.

Em chọn cuốn *Tử thư Oxford*. Không chỉ bởi nó là tác phẩm em thực sự nghĩ mọi người nên đọc mà còn bởi tình cờ em đang đọc lại nó, quan tâm đặc biệt đến hai chương *Tự tử* và *Động vật*.

Em viết năm trăm từ theo yêu cầu, khen ngợi cách chọn lọc những câu trích dẫn từ thời cổ đại đến hiện đại phục vụ chủ đề của hợp tuyển đó, từ phần *Các định nghĩa* đến phần *Lời bạt*. Em nói, thật thú vị khi em tìm thấy trong cuốn sách này mọi điều về cái chết, và nghịch lý thay – cũng thật thú vị khi nó chan chứa cả những điều về sự sống.

Em dành nhiều thời gian viết bài đó, thấy biết ơn vì được giao việc nhỏ ấy, để viết – về bất cứ điều gì. Em viết xong và gửi nó đi; nhưng không có hồi âm, kể từ đó nhà sản xuất chương trình không liên lạc với em nữa.

Trong bản tin thời sự:

Một liệu pháp thí nghiệm đang được triển khai tại một số trung tâm dành cho động vật: Tổ chức cho các tình nguyện viên đọc sách cho những con chó bị sang chấn tâm lý và bị bạo hành.

Người ta phỏng vấn một vũ công chuyên nghiệp hồi nhỏ từng là nạn nhân của hành vi bắt nạt dai dẳng và trở thành người câm.

Cái chết của tác giả Michael Herr. Cáo phó tiết lộ rằng trong những năm cuối đời ông trở thành một tín đồ đạo Phật thuần thành, và ngừng viết.

Từ cuốn *Tử thư Oxford*:

Tam đoạn luận của Nabokov. Những người khác chết; nhưng tôi không phải là người khác, vậy nên tôi sẽ không chết.

Hôm qua tôi đã nói với Vita: “Tôi sẽ không bao giờ mô tả kinh nghiệm duy nhất”, Virginia Woolf viết trên báo. Mười lăm năm trước khi chuyện không thể mô tả được xảy ra.

Trong các lớp sáng tác, nhiều truyện bắt đầu với tình tiết một ai đó thức dậy vào buổi sáng. Ít phổ biến hơn là một truyện kết thúc với việc nhân vật đi ngủ. Nhiều khả năng một truyện sẽ kết thúc bằng cái chết. Thực tế, nhiều truyện của sinh viên hoặc bắt đầu hoặc kết thúc bằng cảnh đám tang. Và khi một sinh viên muốn chuyển tải dòng suy nghĩ của một nhân vật, họ hầu như luôn đặt nhân vật đó vào sự chuyển động. Họ đặt anh ta hoặc cô ta vào một phương tiện chuyên chở nào đó, thường là xe hơi hoặc máy bay. Cứ như họ chỉ có thể hình dung ai đó đang suy nghĩ nếu như người đó di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác.

Hỏi: Tại sao bạn đưa nhân vật này vào một chuyến đi tới Ấn Độ khi mà nơi đó chẳng có liên quan gì đến phần còn lại của câu chuyện?

Đáp: Tôi muốn chỉ ra rằng anh ta đang rất lo lắng.

Lời bạt. *Vậy ra câu chuyện kết thúc thế này*, bạn của em ở trung tâm nhân đạo dành cho bệnh nhân AIDS nói. Tròn mắt như mắt trẻ con.

Phần Mười Một

Một sáng tác nên kết thúc như thế nào? Giờ đây có lúc em tưởng tượng nó kết thúc như thế này.

Buổi sáng nọ, một phụ nữ sống một mình trong căn hộ của cô ta đang chuẩn bị ra ngoài. Một trong những buổi sáng đầu xuân với ánh mặt trời và những đám mây như bao sáng đầu xuân khác. Tắm ư, muộn mắt. Người phụ nữ đã thức dậy từ khi tia nắng đầu tiên hé rạng.

Bây giờ là mấy giờ rồi nhỉ?

Tám giờ.

Từ lúc thức dậy đến tám giờ người phụ nữ ấy đã làm gì?

Trong khoảng nửa giờ cô nằm trên giường cố ngủ lại.

Người phụ nữ ấy đang mắc chứng mất ngủ chẳng: thường tỉnh giấc, không thể ngủ nổi?

Đúng vậy.

Khi điều này xảy ra cô có thử áp dụng vài thủ thuật để cố ngủ lại hay không?

Đếm ngược từ một nghìn trở lại. Kể tên tất cả các bang theo thứ tự bảng chữ cái. Dầu vậy sáng nay, tất cả mọi thủ thuật đó đều chẳng ăn thua.

Vậy nên cô dậy. Và sau đó – ?

Pha cà phê. Một ly cà phê hơi được pha trong chiếc bình có dung lượng chỉ đúng một cốc mà cô mới kiếm được và là chiếc bình cô cảm thấy thích hơn chiếc máy nén cà phê của Pháp mà cô đã sử dụng trước đó và vô tình làm vỡ cách đây khoảng một tháng. Nói chung, cô thích thủ tục buổi sáng này. Pha và uống cà phê trong khi nghe bản tin trên radio.

Người phụ nữ ấy đã nghe được tin gì?

Thực tế, sáng nay cô bận và không nghe radio.

Cô đã ăn gì chưa?

Một nửa quả chuối được cắt thành những miếng nhỏ trong một cốc sữa chua trộn với một ít nho khô cùng hạt óc chó.

Cô đã làm gì sau bữa ăn sáng?

Soát thư điện tử. Trả lời một bức thư từ hiệu sách của trường đại học hỏi một số cuốn sách cô đã đặt cho một khóa học. Xác nhận cuộc hẹn với nha sĩ. Tắm và bắt đầu mặc quần áo. Nhưng cô cứ băn khoăn vì thời tiết hôm đó. Mặc áo len thì quá ấm chằng? Áo khoác chống nước của cô quá nhẹ chằng? Cô có nên mang theo ô không? Thế còn mũ thì sao? Găng tay?

Sáng nay người phụ nữ đó đi đâu?

Đi thăm bạn cũ mới ra viện.

Cuối cùng cô quyết định mặc gì?

Quần bò và áo khoác len nhẹ bên ngoài áo len cổ lọ. Áo khoác chống nước có mũ.

Người phụ nữ này đến nhà bạn cô bằng phương tiện gì?

Cô đi tàu điện ngầm từ Manhattan đến Brooklyn.

Trên đường đi cô có dừng lại ở đâu không?

Tại cửa hàng hoa gần ga tàu ở Mahattan, chỗ cô mua một bó thủy tiên.

Và khi xuống tàu, cô đi thẳng đến nhà người bạn chứ?

Đúng vậy. Hãy nhìn xem, giờ cô đang tiến đến ngôi nhà đá nâu của bạn mình.

Người bạn mà cô đến thăm sống ở đó một mình ư?

Không, ông ấy sống với vợ. Sáng nay bà vợ không có nhà bởi vì bà đi làm. Nhưng có một con chó. Các bạn nghe thấy nó sủa khi có chuông cửa rồi đấy. Cửa mở rồi người đàn ông bước ra, chào đón và ôm khách. Người đàn ông mặc quần áo chỉnh tề – trùng hợp ngẫu nhiên thôi – giống như người phụ nữ mặc áo khoác: quần bò xanh, áo cổ lọ đen, áo khoác len xám. Họ ôm nhau thật chặt trong vài giây khi con chó, một con chó chồn nhỏ, sủa mừng và nhảy căng lên.

Bây giờ họ đã yên vị trong phòng khách, uống trà mà người đàn ông pha. Một cái đĩa nhỏ đựng vài chiếc bánh quy bơ giòn vẫn chưa hề được đụng tới. Những bông thủy tiên đã được cắm vào chiếc bình pha lê nhỏ ở chỗ có nắng chiếu vào trên bệ cửa sổ nơi chúng ngời lên rực rỡ trong ánh sáng chói lóa (người phụ nữ không thể không nghĩ) khiến chúng trông như hoa giả. Một cuống hoa bị cong, bông hoa gục xuống như xấu hổ, hoặc e thẹn trước ánh sáng.

Bây giờ ta có thể thấy rằng người đàn ông nom nhợt nhạt, hốc hác như người đang dưỡng bệnh. Giọng ông khó nhọc, phải cố gắng để nói thành tiếng thay vì thìu thào. Bầu không khí căng thẳng như có gì đó sắp bùng lên hoặc vỡ òa. Con chó cảm nhận được điều này, vì lý do đó nó không thể thư giãn, dù đang nằm im trong chiếc giỏ mây của ông. Người đàn ông nói, và con chó, nghe thấy tên mình liền đập đập đuôi.

“Anh muốn cảm ơn em lần nữa vì đã chăm sóc Jip”.

“Ồ, có phiền hà gì đâu anh,” người phụ nữ nói. “Em thích có nó. Giống như có một phần của anh ở đó vậy”.

“A ha,” người đàn ông cười, và người phụ nữ nói, “em vui vì có thể giúp”.

“Em giúp anh nhiều lắm đấy,” người đàn ông khẳng định với cô. “Jip là anh chàng tốt nết, nhưng nó được chiều đầm hư và cũng cần được quan tâm chú ý nhiều. Bà vợ tội nghiệp của anh thì không đủ quan tâm dành cho nó”. Tạm ngừng một lát. Người đàn ông hạ giọng. “Nhân đây, anh muốn hỏi, vợ anh đã nói gì với em?”

“Chị ấy nói rằng phải đi công tác và chuyến bay bị muộn do một cơn bão ở Denver. Tại sân bay chị ấy cố gắng gọi cho anh nhưng không thấy anh trả lời. Sau đó, chuyến bay bị hủy, chị ấy phải bắt taxi về nhà, và khi về đến nơi chị ấy nhìn thấy mảnh giấy nhắn của người dọn vệ sinh – đừng vào nhà. Hãy gọi 911.”

Trong khi người phụ nữ nói, người đàn ông không nhìn cô. Ông nhìn đăm đăm những bông thủy tiên trên bệ cửa sổ, nhìn nghiêng như thể vẻ rực rỡ làm nhức mắt ông. Khi cô ngừng nói ông đợi, như chờ cô nói thêm, và khi cô không có lời nào nữa ông nói: “Nếu một sinh viên đưa chi tiết đó vào truyện thì anh sẽ nói: Như thế quá dễ”.

Lúc đó một đám mây che khuất mặt trời, căn phòng tối sầm lại. Người phụ nữ bỗng cảm thấy nỗi hoảng sợ dâng lên trong lòng, cô sợ mỗi đe dọa nhức nhối của những giọt nước mắt.

“Anh đã thu xếp ổn thỏa mọi thứ,” người đàn ông nói. “Anh đã đưa Jip vào cũi. Theo lịch, bà giúp việc sáng hôm sau mới đến làm”.

“Nhưng bây giờ anh thế nào?” Người phụ nữ hỏi, giọng hơi to khiến con chó giật mình. “Anh cảm thấy như thế nào?”

“Nhục nhã”.

Người phụ nữ định phản đối nhưng người đàn ông cắt ngang. “Đúng thế đấy. Anh cảm thấy bẽ bàng. Nhưng đó cũng là phản ứng thông thường

thôi”.

Em biết, người phụ nữ nghĩ nhưng không nói ra. Em đã đọc về chuyện tự tử.

“Nhưng đó không phải là tất cả những gì anh cảm thấy,” người đàn ông nói, hơi hếch cằm lên. “Hóa ra anh chẳng có gì đặc biệt hết. Anh cũng giống hầu hết những kẻ tự tử không thành: Mừng vì mình còn sống”.

Bối rối, người phụ nữ đáp: “Ừ, thật mừng khi nghe anh nói thế!”

“Dẫu vậy anh cứ tự hỏi tại sao mình không cảm thấy hơn thế,” người đàn ông tiếp tục. “Phần lớn thời gian anh cảm thấy mơ hồ, đờ đẫn như thể chuyện đã xảy ra năm mươi năm trước – hoặc chưa từng xảy ra. Nhưng một phần là do thuốc men”.

Đám mây đã trôi đi, ánh sáng lại tràn vào phòng.

“Chắc hẳn anh mừng vì được về nhà,” người phụ nữ nói.

Người đàn ông ngừng một lát. “Dĩ nhiên anh mừng vì được ra viện. Năm đó vài tuần mà anh có cảm giác như nhiều tháng. Thực sự không có gì nhiều để làm ở khoa sức khỏe tâm thần. Càng tệ hơn vì anh không thể đọc, khả năng tập trung của anh bị tiêu diệt, vừa đọc xong một câu mà anh đã quên bég. Và cũng bởi anh không muốn mọi người biết chuyện. Chính xác thì anh không thể tiếp bất cứ ai đến thăm hết. Nhân tiện, anh muốn nói em vẫn là người duy nhất ngoài gia đình của anh biết toàn bộ chuyện này. Bây giờ anh vẫn muốn giữ kín”.

Người phụ nữ gật đầu.

“Đó không phải là một trải nghiệm hoàn toàn tiêu cực,” ông bổ sung. “Và anh liên tục nhắc nhở bản thân: Khi có chuyện xảy ra với một nhà văn, dù nó tồi tệ đến đâu thì trong cái rủi cũng có cái may”.

“Vậy ư?” Người phụ nữ nói, ngồi thẳng lên. “Điều đó có nghĩa là anh sẽ viết về nó chứ?”

“Dĩ nhiên có khả năng đó đấy”.

“Dưới dạng tiểu thuyết hay hồi ký?”

“Anh không biết. Còn quá sớm mà. Anh cần để kí ức lùi xa đã”.

“Và bây giờ anh có đang viết gì không? Anh đã có thể viết rồi chứ?”

“Thực ra, đó là điều anh muốn nói với em đấy. Bọn anh đã có một lớp sáng tác nhỏ ở khoa sức khỏe tâm thần! Một phần của quá trình trị liệu. Có một phụ nữ mà người ta gọi là chuyên gia trị liệu giải trí. Cô ấy tổ chức cho bọn anh làm thơ thay vì viết văn xuôi – bởi vì, như cô ấy nói, chúng ta không có nhiều thời gian, nhưng không nghi ngờ gì, cũng có thể có những lý do khác. Và cô ấy tổ chức cho mọi người đọc thành tiếng những gì mình đã viết. Không phân tích, không bình luận. Chỉ chia sẻ thôi. Ai cũng viết những điều kinh khủng nhất và tất cả những người khác đều nhiệt tình viết. Toàn bộ cái thứ thơ đáng sợ đó không phải là thơ – em không thể tưởng tượng nổi đâu. Những giọng đọc run rẩy, khàn khàn, một số phải cố gắng không ngừng để đọc hết. Tất cả mọi người đều hoàn toàn nghiêm túc, em có thể thấy có cơ hội nói những điều gan ruột và thấy mình có thể khiến mọi người cảm động rơi nước mắt mang ý nghĩa biết nhường nào đối với họ. Và, có những giọt nước mắt. Tất cả các bài thơ đều nhận được một tràng pháo tay. Rất lạ. Trong từng ấy năm giảng dạy, anh chưa bao giờ tiếp cận với loại cảm xúc mà anh cảm thấy trong căn phòng đó. Rất cảm động, rất lạ lùng”.

“Thật khó để em tưởng tượng anh trong tình huống đó”.

“Tin anh đi, không phải là anh không hiểu được sự trớ trêu đâu. Thoạt đầu anh nghĩ mình chẳng muốn thấy chuyện này chút nào, cũng như chẳng muốn những cuốn sách tô màu mà người ta cứ khuyến khích chúng ta sử dụng – việc tô màu không chỉ để tiêu thời gian mà còn giúp giảm lo âu. Nhưng cũng khó xử đấy bởi vì tất cả bọn họ đều biết anh là một nhà văn và giảng viên khoa sáng tác, và nếu không tham gia anh giống như kẻ hợm

mình hết sức. Như anh đã nói, cuộc sống ở cái khoa sức khỏe tâm thần ấy buồn tẻ lắm. Anh không đọc nổi, anh từ chối tham gia dã ngoại – anh sợ tình cờ gặp người quen biết rồi phải giải thích anh đang làm gì tại một bảo tàng hoặc một rạp chiếu phim – với một y tá kè kè bên cạnh cùng đám người “ngơ ngơ”. Nếu không là gì khác thì khóa sáng tác ấy cũng mang tính tiêu khiển, một cách giết thời gian. Và khi đó, thật lòng mà nói, có cô chuyên gia trị liệu. Cô ấy không đẹp lộng lẫy nhưng trẻ trung nóng bỏng, em biết con người anh rồi đấy. Anh muốn thu hút sự chú ý của cô ấy. Anh có thể là bệnh nhân mắc bệnh tinh thần thật đấy, lại còn đủ già để làm ông của cô ấy nhưng anh vẫn muốn gây ấn tượng. Thực sự, anh muốn ngủ với cô ấy – không phải chẳng có mảy may hy vọng đâu. Từ khi học đại học anh đã không làm thơ nữa rồi, có điều gì đó thật tuyệt vời khi trở lại với cái thú ấy sau từng ấy năm. Anh sẽ nhớ tròng pháo tay đó đến lúc chết. Và điều ngạc nhiên lớn là anh vẫn tiếp tục làm được”.

“Anh đang viết thơ ư?” Người phụ nữ cảm thấy một cơn hoảng sợ nữa dâng lên khi nghĩ có lẽ cô sẽ được yêu cầu đọc một bài thơ trong số đó. Hoặc, tệ hơn, người đàn ông sẽ bảo cô ngồi nghe ông đọc nó.

“À, tại thời điểm này anh sẽ không cho bất cứ ai xem đâu,” người đàn ông đáp. “Nhưng bây giờ đối với anh sáng tác những thứ ngắn ngắn dễ dàng hơn rồi. Ý tưởng viết dài hơn thực sự khiến anh sợ phát khiếp. Quay lại với cuốn sách anh đang viết dở – như một con chó đến với bãi nôn của chính nó. Nhưng như thế với anh cũng đủ. Em dạo này làm gì?”

Cô nói với người đàn ông về một khóa mới mà cô đang giảng dạy. Truyện và Đời. Tiểu thuyết dưới dạng tự truyện, tự truyện dưới dạng tiểu thuyết. Các nhà văn như Proust, Isherwood, Duras, Knausgaard.

“Chúc em may mắn khiến được cái lũ gốc nhãi ranh đọc Proust! Thế còn về cuốn em đang viết? Em viết xong chưa?”

“Chưa, em bỏ cuộc rồi”.

“Ôi không! Tại sao?”

Người phụ nữ nhún vai. “Nó chẳng tiến triển gì cả. Một phần vì em cứ cảm thấy có lỗi, như thể đang lợi dụng những người mà em viết về. Em không thể giải thích chính xác tại sao mình lại cảm thấy như vậy, nhưng quả thật đó là cảm giác của em. Anh biết viết mà cảm thấy tội lỗi thì như thế nào rồi đấy, giống như khói và lửa; em cảm thấy viết như thế chẳng để làm gì”.

“Nhưng thật vớ vẩn,” người đàn ông nói. “Mọi thứ đều là chất liệu cho một nhà văn, chỉ tùy vào cách ta nhào nặn nó thế nào thôi. Anh có khuyến khích em viết điều gì mà anh nghĩ là sai trái không nào?”

“Không. Nhưng sự thật là khi gợi ý em viết về những người phụ nữ – anh không nghĩ cho họ mà nghĩ cho em. Đó là vì điều đó sẽ tốt cho em. Em sẽ được xuất bản sách, sách của em sẽ được người ta đọc, em sẽ được trả tiền”.

“Đúng vậy, đó là những gì người cầm bút làm, đó được gọi là nghề báo. Nhưng em không thể nói với anh rằng không có những lý do tốt đẹp khác”.

“Có thể, nhưng điều đó không quan trọng. Bởi vì sự thực em không thể làm được. Em nói thật đấy. Em sẽ viết đại loại như ‘Oksana là một phụ nữ hai mươi hai tuổi với khuôn mặt tròn nhợt nhạt, gò má cao, mái tóc vàng xoăn nhẹ, nói giọng Nga nhẹ nhàng’. Sau đó, em đọc những gì mình đã viết và cảm thấy buồn nôn. Em không thể tiếp tục. Ngôn từ không xuất hiện nữa. Em đã thử thăm dò, nghiên cứu. Em ghi chép tất cả. Và em ngồi đó tự hỏi, mình đang hy vọng làm gì với tất cả bằng chứng về bạo lực và sự tàn nhẫn này, toàn bộ danh sách chi tiết về thói tàn ác này? Tổ chức nó thành một câu chuyện hấp dẫn ư? Và nếu làm điều đó, nếu em cố gắng tìm được ngôn từ chính xác và giọng kể phù hợp – nếu em viết toàn bộ bức tranh khủng khiếp bắn thiu ra, bằng áng văn xuôi sáng sủa, sạch sẽ thì điều đó có ý nghĩa gì? Ít nhất, em nghĩ viết lách sẽ giúp mình, nhà văn, hiểu rõ hơn,

nhưng em biết đây là suy nghĩ mơ tưởng thôi. Viết sẽ chẳng giúp em đến gần cái gọi là hiểu rõ cái loại xấu xa độc ác mà em đang đương đầu đâu. Và nó cũng sẽ chẳng giúp được gì cho các nạn nhân – thực tế đáng buồn ấy cũng không thể tránh khỏi được. Điều duy nhất em dám nói chắc chắn, và điều mà em tin là thật trong những dự án như thế này, là rằng người quan trọng có liên quan luôn là nhà văn. Và em bắt đầu cảm thấy có điều gì đó không phải là ích kỷ mà là tàn nhẫn – máu lạnh, nếu anh muốn gọi như vậy – về việc bản thân đang làm. Em ghét thái độ giám định dường như là một đòi hỏi của thể loại này.

“Vậy có lẽ sẽ tốt hơn nếu em thử biến nó thành tiểu thuyết,” người đàn ông nói.

Người phụ nữ ngập ngừng. “Thậm chí tệ hơn thì có. Nặng ra những nhân vật thú vị, sống động dựa trên những bé gái và những người đàn bà đó ư? Thần thoại hóa và tiểu thuyết hóa nỗi đau của họ ư? Không”.

Người đàn ông trút tiếng thở dài rõ to. “Anh biết lý lẽ đó, và anh không đồng tình. Nếu ai cũng cảm thấy như em cảm thấy thì thế giới này vẫn sẽ mù tịt về những điều mà đáng lý nó cần biết. Các nhà văn phải làm chứng chứ, cái nghề văn phải thế chứ. Dẫu một số kẻ sẽ nói nhà văn chẳng có sứ mệnh cao quý gì hơn để làm chứng cho bất công và nỗi đau khổ”.

“Kể từ khi Svetlana Alexievich đoạt giải Nobel, em đã nghĩ nhiều về điều này,” người phụ nữ tiếp lời. “Thế giới này đầy rẫy nạn nhân, Alexievich nói. Những người bình thường trải nghiệm biết bao sự kiện khủng khiếp nhưng chưa bao giờ được người khác nghe, và họ bị lãng quên. Bà ấy nói rằng, ở vai trò nhà văn mục đích của bà là mang ngôn từ đến cho những người đó. Nhưng bà không tin việc này có thể khả thi thông qua tiểu thuyết. Bà bảo, chúng ta không sống trong thời của Chekhov, và tiểu thuyết năm bắt hiện thực không tốt. Chúng ta cần các tiểu thuyết tài liệu, những câu chuyện được cắt từ đời sống cá nhân, bình thường. Không hư cấu.

Không có quan điểm của tác giả. Bà gọi những cuốn sách của mình là tiểu thuyết dưới dạng tiếng nói. Em cũng đã nghe người ta gọi chúng là tiểu thuyết bằng chứng. Hầu hết những người kể chuyện trong sách của bà là phụ nữ. Bà nghĩ phụ nữ làm người kể chuyện tốt hơn, bởi vì họ nhìn nhận cuộc sống cũng như tâm tư tình cảm của họ theo cách khác cánh đàn ông, theo cách mãnh liệt hơn – tại sao anh lại cười?”

“Anh chỉ đang nghĩ về lý lẽ rằng cánh đàn ông nên ngừng viết cả lũ đi cho rồi”.

“Alexievich đâu có nói thế. Nhưng bà ấy lập luận rằng nếu muốn tiếp cận chiều sâu trải nghiệm và cảm xúc của con người thì anh cần phải để phụ nữ lên tiếng”.

“Nhưng bản thân bà nhà văn ấy lại im lặng”.

“Đúng vậy. Mục đích là để những người thực sự sống qua nỗi thống khổ có thể làm chứng, tiết chế vai trò của người viết cho phép họ làm điều đó”.

“Chẳng phải quan niệm này đã trở nên thâm căn cố đế sao. Nó cho rằng việc mà các nhà văn làm thực chất là đáng xấu hổ, và rằng tất cả chúng ta – vì lý do nào đó – đều nghi ngờ các nhân vật. Khi còn giảng dạy anh thấy rằng mỗi năm, sinh viên đánh giá nhà văn ngày càng thấp hơn một chút. Nhưng điều đó có nghĩa lý gì khi những người muốn trở thành nhà văn lại nhìn nhà văn tiêu cực như thế? Em có thể tưởng tượng nổi một sinh viên múa cảm nhận về vũ đoàn ba lê New York như thế không? Hay các vận động viên điền kinh trẻ xem thường những nhà vô địch Olympic?”

“Không. Nhưng diễn viên múa và vận động viên điền kinh không được coi là có đặc ân, đặc quyền như giới văn sĩ. Để trở thành một nhà văn chuyên nghiệp trong xã hội của chúng ta, anh phải có đặc quyền để bắt đầu, và cảm giác rằng những người có đặc quyền không nên viết nữa – không, trừ khi họ có thể tìm được một cách để không viết về bản thân, bởi việc đó chỉ thúc đẩy thêm đặc quyền và cái ưu thế da trắng mà thôi. Anh chế giễu,

nhưng anh không thể phủ nhận rằng sáng tác văn chương là một hoạt động tự cao tự đại, thuộc về tầng lớp tinh hoa. Anh viết để thu hút sự chú ý và để tiến thân trong thế giới này, anh không viết để làm cho thế giới trở thành một nơi công bằng hơn. Tất nhiên cũng có chút hổ thẹn gắn liền với nó chứ”.

“Anh thích điều Martin Amis nói: Cảm giác ân hận về lòng tự cao tự đại ở tiểu thuyết gia cũng tương tự cảm giác ân hận về bạo lực của võ sĩ đấm bốc. Đã có thời ai cũng hiểu điều này. Có thời những cây bút trẻ tin rằng viết là một nghề – giống như làm nữ tu hay linh mục, như Edna O’Brien đã nói. Em nhớ không?”

“Có, như em vẫn nhớ Elizabeth Bishop đã nói, không gì đáng ngượng hơn là làm nhà thơ. Vấn đề ghê tởm bản thân không có gì mới cả. Điều mới mẻ ở đây là quan niệm rằng chính những người từng chịu bất công tột cùng có quyền lớn nhất được người khác nghe, và rằng đã đến lúc văn học nghệ thuật không chỉ nhường chỗ cho họ mà phải được họ thống trị”.

“Dẫu vậy, như thế chẳng phải là bó buộc gấp đôi hay sao. Những người có đặc quyền không nên viết về bản thân, bởi điều đó đẩy mạnh thêm cái chuyên quyền của chủ nghĩa đế quốc da trắng. Nhưng họ cũng không nên viết về các nhóm khác, bởi vì điều đó sẽ là chiếm hữu văn hóa”.

“Đó là lý do tại sao em thấy Alexievich thật thú vị. Nếu muốn đưa một nhóm bị áp bức vào văn chương thì anh cần tìm cách để họ cất tiếng nói, còn anh thì đứng ngoài lề. Giờ đây người ta co rúm lại trước ý nghĩ rằng anh phải có tài năng mới viết lách được, nguyên do là vì có quá nhiều tiếng nói bị bỏ quên. Alexievich khiến cho tiếng nói của mọi người đều được nghe, khiến cho câu chuyện của họ được kể, dù họ có thể hành văn hay hay không. Còn một gợi ý khác là nếu viết về một nhóm bị áp bức thì anh nên hiến tặng nhuận bút để giúp họ”.

“Điều ấy sẽ trở nên vô ích nếu em cần phải kiếm sống. Thực tế, theo những nguyên tắc đó, chỉ người giàu mới có thể viết bất cứ điều gì họ muốn! Đối với anh, câu hỏi quan trọng nhất là cái “mác” tiểu thuyết phi hư cấu của Alexievich có tạo ra tác phẩm hay như tiểu thuyết hư cấu hay không. Bản thân anh có xu hướng đồng tình với những người thích Doris Lessing, những người nghĩ rằng trí tưởng tượng tiếp cận chân lý tốt hơn. Và anh không tin quan điểm rằng tiểu thuyết không còn miêu tả sinh động hiện thực nữa. Anh muốn nói vấn đề nằm ở chỗ khác kia. Đó là điều anh nhận thấy về các sinh viên: Họ tự cho mình là đúng, họ cố chấp trước bất cứ nhược điểm hay thiếu sót nào ở nhân vật mà một nhà văn sáng tạo nên. Và không phải anh đang nói về tệ phân biệt chủng tộc hay tính ghét đàn bà đâu. Anh đang nói về bất cứ dấu hiệu nào của sự thiếu nhạy cảm hoặc thành kiến, bất cứ bằng chứng nào của bệnh tâm lý, chứng loạn thần kinh chức năng, chứng rối loạn nhân cách ái kỷ, rối loạn ám ảnh, những thói quen xấu – bất cứ thói lập dị nào. Nếu một nhà văn không tình cờ là kiểu người mà họ mong muốn cũng chính là bạn của mình, tiến bộ và trong sạch, thì quý tha ma bắt họ đi. Đã từng có cả một lớp mà anh dạy đồng tình rằng việc Nabokov xuất sắc nhường nào không quan trọng, một người như thế – một kẻ hợm mình, đòi trụ như họ nghĩ – không nên được đưa vào danh sách các tác giả nên đọc của bất cứ ai. Một tiểu thuyết gia, như bất cứ công dân tốt nào, phải tuân theo lẽ thường, và quan niệm cho rằng một người có thể viết chính xác những gì họ muốn – mặc quan điểm của người khác – đối với cánh sinh viên ấy là chuyện không thể tưởng tượng nổi. Tất nhiên văn chương không thể làm nhiệm vụ của nó trong một nền văn hóa như thế. Điều khiến anh lo lắng là hoạt động sáng tác đã bị chính trị hóa đến thế, nhưng sinh viên của anh còn “hơn cả hài lòng” với điều đó. Thực tế, một số sinh viên muốn trở thành nhà văn thật ra là vì lý do đó. Nếu em phản đối, nếu em cứ cố thuyết phục họ về vấn đề đó, nói rằng nghệ thuật vị nghệ

thuật, thì họ sẽ bịt tai lại, họ sẽ cáo buộc em mắc “bệnh giáo sư”. Đó là lý do anh quyết định không đi dạy nữa. Không phải vì tủi thân, mà là khi người ta bất đồng với văn hóa cũng như các đề tài quan trọng của nó thì phỏng còn có ý nghĩa gì”.

Không phải là quá tàn nhẫn, nhưng anh sẽ không được nhớ tới đâu, người phụ nữ nghĩ nhưng không nói ra.

“Dù sao anh cũng tiếc vì em bỏ dở, không viết cuốn đó nữa,” ông nói. “Em biết anh muốn em hoàn thành nó mà”.

“Nói thực,” người phụ nữ nói, “có một lý do khác. Em bị phân tâm. Em đã bắt đầu viết cái khác”.

“Về chủ đề gì?”

“Về anh”.

“Anh á! Lạ chưa kìa. Điều quái quỷ gì đã khiến em quyết định viết về anh hả?”

“Quả thật em không định viết đâu. Chuyện bắt đầu từ dạo Giáng Sinh, em tình cờ xem bộ phim *Cuộc đời tuyệt diệu*. Em dám chắc anh đã xem phim đó”.

“Nhiều lần rồi”.

“Và anh biết nó diễn biến như thế nào rồi đấy. Jimmy Stewart – George Bailey – định tự tử nhưng một thiên thần đã ngăn ông lại, chỉ cho ông thấy thế giới sẽ chịu tổn thất to lớn nhường nào nếu thiếu vắng ông. Lúc đó em đang ngồi xem phim với Jip – em ôm Jip trong lòng – và tất nhiên em nghĩ về anh. Em muốn nói rằng từ khi biết chuyện gì đã xảy ra em luôn nghĩ về anh, luôn băn khoăn anh có ổn không”. (Nghe đến đây, ánh mắt của người đàn ông lại hướng tới những bông hoa trên bệ cửa sổ.) “Lúc đó em nghĩ thật hủ hốn. Và em hoàn toàn quên bộ phim, bắt đầu tưởng tượng chuyện sẽ như thế nào nếu ai đó ngăn anh lại. Suy cho cùng, phải hết sức may mắn – hoặc

có lẽ anh có một thiên thần hộ mệnh. Bất luận thế nào em cũng không thể không nghĩ về điều đó. Chuyện gì sẽ xảy ra nếu anh không được phát hiện kịp thời? Và em biết đó là những gì em cần viết”.

Nếu như trước đó người đàn ông đã nhột nhạt sẵn thì bây giờ sắc mặt ông trắng bệch. “Anh có nghe nhầm không đấy? Làm ơn hãy nói là anh nghe nhầm đi”.

“Em rất tiếc,” người phụ nữ nói. “Đáng lẽ em nên nói rằng đó là tiểu thuyết. Em đã cải trang cho mọi nhân vật trong đó rồi”.

“Ôi, đừng đối xử với anh như thế. Em nghĩ anh không biết như thế nghĩa là gì sao? *Em đã đổi tên anh*”.

“Thực ra, em không sử dụng những cái tên. Em không đặt tên cho ai cả. Trừ con chó”.

“Jip ư? Jip cũng có trong đó ư?”

“À, không hẳn là Jip. Có một con chó. Nó là một nhân vật quan trọng. Và nó tên là Apollo”.

“Một cái tên quá khủng cho một con chó chồn bé tí, em không nghĩ vậy sao?”

“Nó không còn là một con chó chồn nữa. Như em đã nói, đó là tiểu thuyết, tất cả đều khác. À, không phải tất cả. Ví dụ, em không kể chi tiết anh phát hiện thấy nó trong công viên. Nhưng anh biết sáng tác là như thế nào mà. Anh lấy vài chuyện từ đời thực, anh hư cấu những chuyện khác, anh kể một câu chuyện nửa thực, nửa không thực. Vậy nên trong sáng tác của em Jip trở thành một con chó giống Great Dane. Và em biến anh thành một người Anh”.

Người đàn ông rên rỉ. “Chí ít em không thể biến anh thành một gã người Ý à?”

Người phụ nữ bật cười. “Đây là điều em đã học được từ Christopher Isherwood – biến một con người thật thành nhân vật tiểu thuyết. Ông ấy nói, cũng giống như khi ta yêu. Nhân vật tiểu thuyết giống như người yêu của ta: Luôn đặc biệt, không bao giờ giống bất cứ người nào. Vậy nên ta bỏ những chi tiết giống như mọi con người khác của người ấy đi. Thay vào đó, ta lấy những gì ta thấy say mê hoặc hấp dẫn ở họ, những điều đặc biệt khiến ta muốn viết về họ nhất, và ta thổi phồng chúng lên. Em biết ai cũng muốn làm người Ý. Nhưng từ khi em biết anh, đối với em anh dường như luôn giống một người Anh”.

“Và em đã quyết định biến anh thành kẻ ngoại đạo^[8] trong khi em làm việc đó hả?”

Người phụ nữ lại bật cười. “Không. Nhưng em đã nhào nặn anh thành một gã lăng nhăng hơn một chút so với anh ngoài đời thực”.

“Chỉ một chút thôi á?”

“Vâng. Anh bực rồi kìa”.

“Em thừa biết anh sẽ bực”.

“Em biết. Em thừa nhận rằng em biết. Có khi nào ta lại thích người khác viết về mình chứ? Nhưng em phải làm điều gì đó. Như em đã nói, từ cái phút biết chuyện gì đã xảy ra em không thể ngừng nghĩ về nó. Vậy nên em đã làm điều mà anh sẽ làm nếu anh là một nhà văn và bị ám ảnh về điều gì đó: Anh biến nó thành một câu chuyện mà anh hy vọng sẽ khiến nó ngủ yên, hoặc ít nhất giúp anh hiểu được nó có nghĩa gì. Dù qua trải nghiệm chúng ta biết rằng cách này chẳng hiệu quả nhiều đâu”.

“Đúng, anh biết, em không phải nói với anh tất cả những điều ấy đâu. Và em cũng chẳng cần phải nói với anh, các nhà văn thực ra giống như ma cà rồng, anh chắc chắn đó là điều mà anh từng nói với em. Một lần nữa, anh hiểu được nỗi trớ trêu ở đây. Nhưng em thấy đấy, em khiến anh sốc thật sự.

Anh không biết phải nghĩ gì. Em đã làm gì hả? Giờ đây anh có thể nói với em rằng anh cảm thấy như bị phản bội. Đúng là một sự phản bội. Sau cuộc trò chuyện vừa rồi của chúng ta, anh buộc phải hỏi: Điều gì đã khiến anh trở thành kẻ đáng bị công kích nhỉ? Ít nhất em có thể đợi kia mà. Chao ôi. Anh ở bệnh viện trong thời điểm tồi tệ nhất của đời anh, còn em thì ngồi trước máy tính gõ hàng trang. Đó không phải là một hình ảnh đẹp để cho lắm. Không. Quả thực, nó khiến anh nghĩ đó là “chơi bẩn” đấy. Loại bạn gì mà như thế – em nên cảm thấy xấu hổ mới phải. Anh thấy em không nói nên lời kìa. Anh ngạc nhiên rằng em thậm chí không thể nhìn thẳng vào anh. Và anh nghe có chính xác không nhỉ, một con chó? *Con chó* là nhân vật chính ư? Hãy nói không có chuyện gì xảy ra với con chó đi”.

Phần Mười Hai

Cuộc sống là đây, đúng không nhỉ? Nắng, không quá nóng, gió thổi thật dễ chịu, chim hót líu lo. Bây giờ tao biết mày thích nắng, nếu không, mày sẽ không nằm dưới ánh mặt trời đâu, mày sẽ ở đây, trên cái hiên râm mát này với tao. Thực ra, ánh nắng tốt cho xương khớp già nua của mày. Và, giống tao, mày có thể cảm thấy gió biển làm ta khoan khoái. Mỗi khi gió thổi về phía chúng ta, mày lại ngoảnh đầu lên hà hít, và tao biết cơ quan cảm nhận ba trăm triệu mùi của mày đang nắm bắt nhiều hơn nhiều, ngoài vị mặn mòi của biển đang tràn vào cơ quan cảm nhận sáu triệu loại mùi tầm thường của tao. Con người khó mà ngửi thấy hơn một loại mùi một lúc. Khi tao nghe thấy ai đó miêu tả loại rượu vang có mùi tiêu đen rất hắc kèm theo đó là hương vị phảng phất của quả việt quất và trái mâm xôi, tao biết họ nói khoác. Hãy chỉ cho tao người có thể ngửi được mùi quả mâm xôi lẫn với mùi quả việt quất, thậm chí không phải lọc qua mùi tiêu đen trước tiên. Nhưng trái lại, mũi của mày, nhạy cảm hơn mũi của tao gấp mười nghìn lần, theo nghiên cứu khoa học về loài chó – có thể ngửi được mùi táo úng trong hai triệu thùng đựng trái cây – đó là một cơ quan khác.

Ngạc nhiên hơn là mày có thể phân biệt được vô số mùi khác nhau ào đến cùng lúc từ mọi hướng. Một khả năng như thế khiến mọi con chó đều là Con Chó Kỳ Diệu. Nhưng hãy nói về khía cạnh tiếp nhận quá nhiều thông tin. Một khả năng như thế sẽ khiến bất cứ con người nào cũng bị loạn trí.

Nghĩ lại dạo mày thường đánh thức tao dậy lúc nửa đêm, gửi người tao kỹ đến từng centimet khi tao nằm trên sàn nhà. Tìm dữ liệu. Tao là ai và tao có thể có những bí mật gì. Giờ mày lúc nào cũng vẫn gửi tao, nhưng không bao giờ còn gửi theo kiểu sục sạo kiểm tra như thế.

Theo khoa học, mày không chỉ có thể gửi và biết bữa sáng nay tao đã ăn gì mà còn gửi được bữa tối hôm qua nữa; gửi và biết lần cuối tao giặt chiếc quần soóc và chiếc áo phông tao đang mặc thậm chí, tao có sử dụng chất tẩy trắng hay không; đôi dép quai hậu này tao mới đi khi nào, và rằng tao đã đổi loại kem chống nắng. Việc đó dễ ợt đối với mày. Nhưng bây giờ vì tao biết những gì loài chó có thể làm nên chẳng có gì khiến tao ngạc nhiên hết. Người đàn bà mà chúng ta thường gặp đi dạo với hai mẹ con chó xù nói rằng chó có thể biết chính xác giờ. Bà ta nói, khi tôi đi làm về, tôi nhìn lên và thấy các nàng cún của mình ở cửa sổ trong khi tôi vẫn cách đó một tòa nhà. Các nàng ấy có thể gửi mùi của tôi trong không khí.

Tao nghĩ, công bằng mà nói, nhờ có cái tài vượt trội ấy mà mày có thể “đọc” tao tốt hơn tao có thể “đọc” mày. Các nội tiết tố cũng như mùi giới tính giúp mày luôn cập nhật. Một tuần nữa thôi là tao lại chìm trong nỗi lo âu về các lớp học. Những vết thương há miệng của tao. Những nỗi sợ được che giấu của tao. Sự cô đơn của tao. Cơn phẫn nộ của tao. Niềm tiếc thương khôn nguôi của tao. Mày có thể gửi thấy tất cả những điều đó.

Còn gì nữa đây. Một mảnh tế bào ác tính mà y học chưa thể phát hiện ra chẳng? Các mảng và những đám rối âm thầm hình thành trong não tao, dấu hiệu báo trước của chứng mất trí?

Người ta phỏng đoán rằng một con chó có thể biết người chủ mang thai trước cả khi bản thân cô ta biết điều đó.

Cũng như nó có thể biết ai đó sắp là đời.

Khứu giác của mày không còn được như trước. Tuổi già chắc chắn đã làm nó mòn nhạt, giống như đối với con người. Và nhìn cái mũi mày kìa:

Một quả mận chín nẫu, giờ đây xồm xộp, xám xịt như cục than đã tàn.

Tao đang nói: Trời nắng, gió mát – tao dám chắc mày thích. Nhưng còn tiếng chim hót thì sao. Có một thùng chứa thức ăn cho chim ở trong sân, và lũ chim no nê. Chúng ta nghe thấy tiếng chim sơn tước, chim sẻ thường, chim sẻ thông, và chim sơn ca hót suốt ngày – trừ những giờ nhất định khi mà, thật bí ẩn, tất cả lũ chim rơi vào im lặng như đã kéo nhau đi lễ nhà thờ hết.

Tao thích tiếng chim, thậm chí cả tiếng ai oán đều đều “khổ-tôi-chưa” của những con bồ câu buồn bã, và tiếng thét chói tai của lũ chim giẻ cùi, quạ, mòng biển.

Nhưng với mày, vốn dửng dưng với mọi loại âm nhạc của con người, thì nhạc của thiên nhiên có tác động gì không nhỉ?

Tao biết những người hoàn toàn không thưởng thức tiếng chim hót, thậm chí còn thấy khó chịu. Chuyện kể rằng nhạc trưởng Serge Koussevitzky đã phàn nàn về việc bị tất cả những con chim hót lạc điệu đánh thức hằng sáng, ở hăng Tanglewood.

Đôi khi một con chim khiến mày nhìn chăm chú – như đám bồ câu trong thành phố thỉnh thoảng cũng khiến mày chú ý – bay là là qua khoảng không hoặc nhảy tanh tách trên bãi cỏ, nhưng chưa bao giờ chúng dụ được mày vào cuộc rượt đuổi.

Bọn sóc, thỏ, và sóc chuột cũng xuất hiện, vài con dám bég mắng đến khá gần, nhưng không con nào cần phải sợ.

Một đồng loại hàng xóm là giống đực, lông trắng đen như mày, quan sát mày qua khóe mắt từ rìa bãi cỏ, phát tín hiệu rằng nó chẳng mấy may để ý tới mày.

Có lần một con chó trông khá lạ chạy băng qua, lén lút và nhanh như chớp, rồi loáng cái đã biến mất đến nỗi tao ngỡ mình bị ảo giác nên tưởng

tượng ra nó. Chỉ sau đó tao mới hiểu ra: Đó không phải là chó mà là cáo.

Tao tự hỏi liệu trong đời mày đã bao giờ rượt đuổi con gì chưa. Đường như đối với tao mày ắt đã có lần làm thế. Bản năng ắt phải có chứ. Suy cho cùng, săn lợn lòi là bản năng trong máu của giống Dane chúng mày mà.

Chẳng phải tao mừng vì chúng ta là cả một vương quốc thanh bình ở đây. Tao không muốn tình hình khác đi.

Tao chợt nhớ bạn trai cũ của tao đã huấn luyện con Beau ngồi im trong đúng một phút với một con chuột cảnh trên đầu nó.

Tao đã nhìn thấy mày đập ruồi và những côn trùng khác, cả những con biết đốt khiến tao đâm lo. Và có lần mày đã ăn một con nhện to tổ bố trước khi tao kịp ngăn mày.

Hoặc biết đâu chính con chuột năm nào đã được huấn luyện để ngồi lên một con chó.

Âm thanh không dứt ở đây là tiếng sóng, mà tao thích nghĩ là êm đềm đối với mày cũng như đối với tao.

Lần đầu tiên chúng ta ra bãi biển tao bắn khoả không biết liệu từ trước đến giờ mày đã nhìn thấy biển lần nào chưa, hoặc đã từng đi bơi hay đi dạo trên cát chưa. (Tao hình dung vết chân to bự của mày khiến người ai đó đứng khựng lại.) May thay, bãi biển chỉ cách nhà nghỉ này vài phút đi bộ. Chúng ta chỉ đi khi mặt trời ở phía chân mây, vào buổi sáng sớm hoặc nhá nhem tối. Đi bộ ngắn thôi, nhưng không phải lúc nào cũng dễ dàng đối với mày. Mày đi chậm rề chậm rệ, chậm hơn bao giờ hết – đi cà nhắc là từ tao tránh dùng ở đây. Tao sợ một ngày nào đó chúng ta sẽ xuống dưới đó, nhưng rồi mày không thể nào lê bước trở về nữa.

Cách đây không lâu, trong thành phố có một điều đáng sợ đã xảy ra. Đó là cái nắng thiêu đốt, ngày tồi tệ đầu tiên của mùa, và chúng ta đi tới chỗ bóng râm của công viên. Nhưng trước khi chúng ta đến đó, và dù chúng ta

chẳng đi bao xa cho lắm, mà dừng lại, mà oản người và nằm ẹp xuống nền xi măng, rõ là tội quá.

Tao thực sự hoảng sợ, cứ nghĩ tao sắp mất mà ngay lúc đó, ngay tại đó.

Mấy người ở đó thật tốt bụng. Có người chạy vào quán cà phê mang ra một bát nước lạnh, mà uống lấy uống để mà không đứng dậy. Sau đó, một phụ nữ đi ngang qua dừng lại, lấy một chiếc ô ra và đứng che nắng cho mà; tôi bị muện làm cũng không sao đâu, cô ấy nói. Một người đàn ông lái xe đến, mời chúng ta lên xe, nhưng tao biết trèo lên ghế sau là việc khó khăn đối với mà lắm, ờn giời, lúc đó mà hồi lại và chúng ta có thể đi bộ về nhà.

Bây giờ mỗi lần đưa mà đi dạo tao cứ thót tim.

Nhưng mà phải đi dạo, bác sĩ thú y nói thế. Ngày nào mà cũng phải tập vận động một chút.

Ông ấy nói với tao, thuốc đang có tác dụng đấy. Dù có thể mà không hoàn toàn thoải mái song thuốc giảm đau và thuốc kháng viêm bảo đảm rằng mà không đau đớn. Điều có thể thay đổi là vậy, và đó là nỗi đau đối với tao. Bởi vì làm thế nào tao biết được cơ chứ.

Miêu tả của Ackerley về con chó Queenie những giây phút cuối cứ ám ảnh tao: *Nó bắt đầu quay mặt vào tường, quay lưng lại phía tôi.* Đó chính là lúc, là dấu hiệu mà ông hiểu rằng ông nên để nó... bị giết.

Mà sẽ cho tao biết, đúng không. Nhớ nhé, tao chỉ là con người thôi, tao không nhạy cảm như mà đâu. Tao sẽ cần một dấu hiệu để biết khi nào đớn đau vượt quá sức chịu đựng của mà.

Tao không cho đó là làm trái với tự nhiên, là đùa giỡn Chúa, hoặc, như một số người nói, là can thiệp vào tiến trình tâm linh của một sinh mạng, vào chuyến đi đến cõi trung gian. Tao coi đó là diễm phúc. Tao muốn mang đến cho mà những gì tao muốn cho bản thân tao.

Và tất nhiên, lúc đó tao ở bên mày. Tao sẽ ở bên mày trong chuyến đi cuối cùng đến chỗ bác sĩ thú y.

Tao cứ nghĩ thời điểm đó đã đến vào hôm qua, khi mày bỏ ăn, không đụng tới bữa sáng. Tao bẻ một mẫu bánh mỳ của tao, và mày ăn mẫu bánh đó trên tay tao. (Giống như chia sẻ bánh thánh với nhau.) Dầu vậy, đến tối mày đã muốn ăn trở lại.

Thôi thì, hãy đừng nghĩ về chuyện đó nữa. Hãy trân quý hôm nay, và chỉ hôm nay. Một buổi sáng mùa hè tuyệt vời như một món quà.

Thêm một mùa hè nữa. Ít nhất mày cũng đã đạt được điều đó rồi.

Thêm một mùa hè nữa để nằm dài trong nắng với tâm trạng hài lòng.

Và ít nhất tao cũng có thể nói lời tạm biệt.

Và tao đang nói với mày đây, hay với chính tao nhỉ? Tao thú nhận ranh giới ấy đã bị xóa nhòa.

Những tuần trước, khi tao và mày đến đây, mọi chuyện thật khó khăn đối với chúng ta. Một thời gian rồi mày không thể thoải mái lên xuống năm tầng cầu thang nên chúng ta bắt đầu dùng thang máy. Chuyện đó hầu như không có vấn đề gì đối với hàng xóm. Đến giờ họ đã quen thấy chúng ta, và chỉ duy nhất một người – bà y tá về hưu có chồng qua đời năm ngoái vì bệnh bạch cầu – vặn hỏi về thẻ động vật trị liệu của mày. Nhưng dầu vậy bà ấy đã bình luận rằng mày cư xử tốt, mày đã cố thu mình lại để có thêm chỗ trống trong cái thang máy chật chội. Và những người thuê nhà khác, cũng gần giống những người chúng ta hay gặp, đều thích thú khi nhìn thấy mày, họ bị hấp dẫn như bị hấp dẫn bởi bất cứ giống vật to lớn hiền lành nào.

Nhưng mùi chua ngày càng nồng tỏa ra từ bộ lông mày, mùi hôi trong hơi thở mày và nước dãi đặc quánh của mày – nhất là trong không gian chật hẹp, ngột ngạt vì nóng nực đó – càng lúc càng khó để lờ đi.

Còn một điều đáng sợ không thể tránh khỏi nữa. Trong thang máy, trong hành lang, trong sảnh được trải thảm. Hầu như không một ngày trôi qua nào mà không có sự cố. Và không ở đâu vấn đề lại tồi tệ hơn ở căn hộ của chúng ta. Chúa ơi, một người giao hàng bảo mùi không khác gì mùi chuồng ngựa. Một người khác thì nói giống mùi vườn thú. Hector, Chúa phù hộ cho anh ta, thì chẳng nói gì.

Ba tấm thảm, chiếc xô pha và cái giường đã phải ra đi. Tao mua tấm nệm cao su thứ hai, chúng ta bắt đầu ngủ cạnh nhau trên hai tấm nệm trải trên sàn.

Tao đã cố gắng hết sức, tích cực lau nhà và cọ rửa, mỗi tuần dùng hết mấy lọ xịt phòng diệt khuẩn Lysol. Nhưng việc này bắt đầu trở nên khó khăn, nặng nề, mà mùi hôi thì chẳng bao giờ hết. Nó đã ngấm vào sàn gỗ, giá sách. Nó ám vào quần áo của tao – như khói thuốc lá ám vào quần áo tao khi tao hai mươi tuổi – và thỉnh thoảng tao sợ rằng nó đã thấm cả vào da và tóc mình.

Tệ nhưng không tệ lắm, người luôn đồng cảm với tao nhất trong tình cảnh này nói. Điều mà cậu cần làm là đi đâu đó một thời gian, để cho nhà cửa thông thoáng.

Đúng lúc tao sắp tuyệt vọng thì người bạn ấy giải cứu.

Cậu ấy bảo, mẹ tớ phải vào nhà dưỡng lão. Bà ấy có nhà nghỉ dưỡng ở Long Island, nơi bà thường đến nghỉ hè. Bọn tớ vừa mới bán nó, nhưng chủ mới sau ngày lễ Lao Động mới đến nhận nhà. Họ định phá phần bên trong đi và sửa sang toàn bộ, vậy nên con chó này có làm hư hại gì thì cũng chẳng sao đâu. Nó có thể ở ngoài trời nhiều đấy. Hè này tớ không đến đó nhiều đâu. Tớ phải đi làm, và tớ ghét đi nghỉ cuối tuần xa quá, nhất là vào tháng Tám, trong tình trạng giao thông tệ như thế này. Dù sao thì chúng ta cũng chỉ sử dụng chỗ đó thêm hai tuần nữa thôi, và cậu cần nó hơn tớ. Ở đó, cậu

sẽ thấy cuộc sống dễ chịu hơn nhiều. Trong khi cậu đi, nếu cậu muốn, tớ sẽ xem xem có thể làm gì để cải thiện căn hộ của cậu.

Người hùng của tao đấy.

Thậm chí cậu ấy chở chúng ta đến đó bằng chiếc SUV.

Cho mày lên chiếc SUV mà không làm mày đau là một khó khăn nữa. Hector mang một cái cầu trượt tạm thời đến giúp: một cánh cửa cũ được cất trong tầng hầm tòa nhà.

Chẳng phải lo vì ở đó không có cầu thang, chỉ có hai bậc hiên thấp. Và ở đó chúng ta chẳng cần xe hơi: Tao có thể đạp xe sáu dặm đến thị trấn để mua thực phẩm. Một tuần nữa khi chúng ta phải rời khỏi đây, bạn của tao sẽ lái chiếc SUV của cậu ấy tới đón chúng ta về nhà.

Đêm đầu tiên ở đây có một cơn giông nhớ đời. Tao và mày co rúm lại bên nhau dưới cái mái nhà nghe như đang bị oanh tạc. Mưa suốt đêm, và mưa trong sự yên tĩnh của buổi sáng. Cứ như một lớp màng đã bị bóc đi để cả thế giới mới hiện ra, sáng sủa và sạch sẽ. Mày đã gần như có thể nghe thấy bản *Ave Maria* của Schubert. Mày gần như đã có thể ngửi thấy mùi của màu trời xanh. Kể từ hôm đó trở đi mỗi ngày đều thật tuyệt vời.

Trên bãi biển, thường vào lúc nhá nhem tối, chúng ta thỉnh thoảng nhìn thấy một cặp khác: Một người đàn ông trẻ, không mặc sơ mi, da rám nắng, tóc màu bạch kim – chàng trai bãi biển đích thực – và con Ma Xám của cậu ta. Tao và mày nhìn con chó lao xuống nước để chộp que củi mà người đàn ông kia cứ ném rồi lại ném cho nó. Người đàn ông chỉ có một cánh tay. Que củi trôi xa, trôi xa. Con chó bơi ra xa, bơi ra xa, hết lần này đến lần khác, dùng ức chống đỡ những cơn sóng, không biết mệt mỏi. Một cảnh tượng thật cuốn hút. Con chó dường như vui sướng tột độ, hân hoan, chạy về thả que củi dưới chân người đàn ông.

Tao không thể nén được nỗi ghen tị dâng trào khi tao nhìn hai sinh vật khỏe mạnh, trẻ trung ấy chơi đùa. Nhưng đó là tao. Mà nhìn cảnh ấy với sự điềm tĩnh. Mà chẳng biết ghen tị là gì. Không khát khao, hoặc hoài cổ. Không tiếc nuối. Mà thực sự là giống khác.

Tao cứ nghĩ thời gian sẽ trôi đi chậm hơn, xét trên thực tế tao nhàn rồi. Đọc Elmore Leonard, xem phim *Trò chơi vương quyền*, soạn bài một chút – chỉ vậy thôi. Sống hầu như bằng những chiếc bánh mì kẹp thịt, và thậm chí quá lười để làm, chọn hai chiếc mỗi ngày tại cửa hàng bán đồ ăn ngon, một ít trái cây từ cửa hàng nông sản, vậy là đủ.

Hết giờ này đến giờ khác tao ngồi trên hiên này, chỉ nghĩ thôi. Ví dụ, về chuyên gia trị liệu – mà còn nhớ ông ấy không? Ngồi đó tao nghĩ về vài điều ông ấy đã nói. Tự tử dễ lây truyền. Một trong những dấu hiệu báo trước rõ ràng nhất về tự tử là biết việc tự tử. Tất nhiên tao biết ông ấy định nói gì. Biết rồi khổ lắm nói mãi. Tao nhớ đã kể cho ông ấy nghe về giấc mơ của tao, giấc mơ người đàn ông mặc áo choàng đen, đi trong tuyết. Người đàn ông đó ra hiệu cho tao – khẩn trương lên, khẩn trương lên – hay anh ấy cảnh báo tao hãy đi khỏi đó?

Tao nghĩ về điều này bởi vì vài đêm trước tao lại mơ giấc mơ đó. Chỉ có điều lần này, thay vì một bãi tuyết trắng trống trải, tao và anh ấy đang ở một nơi giống như bãi chiến trường. Bom nổ, lính có vũ trang bắn loạn xạ. Và lần này giấc mơ toàn một màu nâu.

Yêu cầu một người đang nói về chuyện tự tử miêu tả anh ta (hoặc cô ta) sẽ xoay xở như thế nào là việc thực hành lâm sàng thông thường. Kế hoạch càng cụ thể thì sự cảnh báo càng rõ. Bây giờ, nếu quả thực đã sẵn sàng nói lời vĩnh biệt thế giới tàn nhẫn này thì tao đang ở chỗ thích hợp rồi đó. Gieo mình xuống đại dương, bơi ra xa nhất có thể. Mà như thế nghĩa là chẳng xa lắm đâu. Tao là một kẻ bơi dờ đến mức chưa bao giờ ở chỗ nước sâu ngập đầu.

Nhưng chẳng phải tao đã nghe nói rằng trăm mình là cách tự tử tệ nhất ư? Tao chắc chắn đã đọc điều đó ở đâu rồi. Vấn đề là, làm sao người ta biết được điều đó?

Người ta sẽ không bao giờ miêu tả trải nghiệm duy nhất đâu.

Hãy nói – Biến ời – Nhận ta đi. Nhà thơ viết câu đó đang nói về Tình Yêu hay về Cái Chết nhỉ?

Chẳng có gì thay đổi hết. Chuyện vẫn rất đơn giản. Tao nhớ anh ấy. Ngày nào tao cũng nhớ anh ấy. Tao nhớ anh ấy rất nhiều.

Nhưng sẽ thế nào nếu cảm xúc ấy biến mất?

Tao không muốn điều đó xảy ra đâu.

Tao đã nói với chuyên gia trị liệu: Nếu tôi không còn nhớ anh ấy nữa thì điều đó sẽ làm tôi buồn.

Một bài hát có câu: *Bạn không thể hồi thúc tình yêu. Bạn cũng chẳng thể hồi thúc nỗi đau.*

Tao có ý kiến rằng anh ấy đã không làm điều mà những người trước anh đã biết để làm: Thuyết phục bản thân rằng những người mà anh bỏ lại trên đời này rồi sẽ ổn. Chúng ta sẽ sốc một thời gian thôi, sau đó chúng ta tiếc thương một thời gian, sau đó chúng ta vượt qua, giống như mọi người. Có phải ngày tận thế đâu cơ chứ, cuộc sống vẫn tiếp diễn, và chúng ta cũng tiếp tục sống, tiếp tục làm những gì mình phải làm.

Và nếu đó là điều anh ấy phải làm để không phải chịu đựng đau khổ, trên tất cả mọi điều khác, trên cả nỗi đau từ cảm giác có lỗi, thì với tao cũng chấp nhận được. Đối với tao như thế cũng được.

Chắc chắn tao lo rằng viết về chuyện đó có thể là sai lầm. Người ta viết ra là bởi hy vọng có thể lưu giữ việc gì đó. Người ta viết về những trải nghiệm một phần để hiểu chúng có ý nghĩa gì, phần thì để chúng không mất đi theo thời gian. Để chúng không bị lãng quên. Nhưng luôn có nguy cơ xảy

ra điều ngược lại. Ký ức của trải nghiệm tiêu biến trước ký ức của việc viết về nó. Giống như nhiều người có ký ức về những nơi họ đã du ngoạn – thực ra chỉ là ký ức từ những bức ảnh mà họ chụp ở đó. Rốt cuộc, việc viết lách và chụp ảnh có thể phá hủy nhiều hơn là bảo tồn quá khứ. Vậy nên điều này có thể xảy ra: Hễ viết về ai đó đã mất – hoặc chỉ nói quá nhiều về người đó thôi – có khả năng ta sẽ chôn vùi người đó mãi mãi.

Điều đáng nói là, thậm chí bây giờ tao vẫn không thể biết chắc tao có yêu anh ấy hay không. Tao đã yêu không ít lần, và chưa bao giờ nghi ngờ điều đó. Nhưng anh ấy – ồ, bây giờ điều đó quan trọng gì chứ. Ai đó có thể nói như thế. Tình yêu là gì nhỉ? Tình yêu giống như nỗ lực của một người thần bí nhằm định nghĩa một niềm tin mà tao nhớ đã đọc ở đâu đó: *Nó không phải là cái này, nó không phải là cái đó. Nó giống cái này, nhưng nó không phải là cái này. Nó giống cái đó, nhưng không phải là cái đó.*

Nhưng không hẳn là chẳng có gì thay đổi. Không phải tao dùng những từ như *chữa lành* – *hồi phục* hoặc kết thúc, mà tao ý thức được một điều khác biệt. Một điều gì đó mà tao cảm thấy giống như sự chuẩn bị, có lẽ thế. Không hẳn là thế nhưng cũng gần như giải thoát. Buông bỏ.

Tao nhận được tin nhắn: Cậu khỏe không? Căn hộ của cậu bây giờ gọn gàng, sạch sẽ rồi!

Người hùng của tao.

Lúc này tao đang nghĩ về người phụ nữ có căn nhà nghỉ dưỡng này. Từng có. Một người phụ nữ tao chưa gặp bao giờ. Ba phòng nhỏ đã được dọn sạch đồ, trừ những thứ thiết yếu. Bị bỏ lại, có lẽ do sơ suất: Một bức ảnh đen trắng đóng khung màu trắng bạc treo trên tường phòng ngủ. Một cặp đôi, chắc hẳn là bà ấy và người chồng đang đứng bên một chiếc xe hơi. (Tại sao hồi đó người ta luôn tạo dáng để chụp ảnh bên xe hơi nhỉ?) Ông ấy mặc bộ quân phục của quân đội Mỹ, còn bà mặc hợp mốt thời đó: đôi vai rộng, tóc xoắn kiểu cổ điển, giày da mềm. Đẹp trai/xinh gái. Trẻ măng. Như

thiếu niên. Tao biết rằng ông ấy qua đời hơn một thập kỷ trước. Dường như người vợ đã một mình xoay xở rất tốt cho đến năm ngoái, khi tất cả sụp đổ cùng lúc. Từ một người bơi giỏi, người làm vườn đầy năng lượng, một người chơi giải đố chữ xuất sắc, bà trở thành kẻ bất lực. Không chân, không mắt, không tai, không răng, không hơi sức. Gần như không còn trí nhớ. Càng ngày càng lú lẫn.

Bà ấy trồng những cây hoa hồng này từ khi nào nhỉ. Chúng đang trong thời kỳ nở rộ, rực rỡ nhất, những đoá hồng đỏ và hồng trắng. Hương hoa thơm ngát khiến ta muốn thốt lên, aaaaa. Tao nghĩ, năm này qua năm khác, những khóm hồng này chắc hẳn đã khiến bà ấy mãn nguyện và tự hào lắm. Và không phải ý nghĩ rằng chắc hẳn bà ấy nhớ chúng lắm, mà rằng bà ấy không còn khả năng nhớ chúng nữa, khiến tao buồn. Cái chúng ta nhớ – cái chúng ta đã mất và cái chúng ta tiếc thương – chẳng phải là cái khiến chúng ta trở thành con người như hôm nay sao. Ấy là chưa kể đến những gì chúng ta muốn trong cuộc đời nhưng chẳng bao giờ có được.

Quả thực đã qua rồi một thời. Thời trẻ trung hơn người ta nghĩ.

Tao thấy mặt trời đã hạ gục mây. Nhưng chúng ta đừng cường điệu chuyện đó lên nhé. Nhiệt độ hôm nay được dự báo lên tới ba mươi hai độ C cơ.

Có lẽ tao nên lấy cho mây chút nước. Tiện thể tao cũng lấy cho mình một ly trà đá thật to nhé.

Ôi, nhìn kìa. Những con bướm. Cả một đàn bướm đang bay dập dờn qua bãi cỏ như một đám mây trắng nhỏ. Tao không nghĩ từng nhìn thấy nhiều bướm như thế cùng bay, dù tao không thường thấy chúng bay đôi. Những con bướm màu bấp cải trắng, tao nghĩ thế. Chúng bay quá xa nên khó lòng biết trên cánh chúng có chấm đen hay không.

Chúng nên cảnh giác với mây, một đối tượng ăn côn trùng. Cú đớp của bộ hàm kia sẽ chộp gọn gần hết cả đàn bướm. Nhưng lũ bướm vẫn bay dập

dờn ở đó, bay thẳng về phía mây, như thể mây chẳng khác gì một tảng đá khổng lồ giữa đám cỏ. Chúng đậu tới tấp xuống chỗ mây như những bông hoa giấy, còn mây – không hề nhúc nhích, một cử động giật giật thân mình cũng không!

Ôi, tiếng gì thế nhỉ. Con mòng biển kia đã nhìn thấy gì mà kêu ré lên như thế?

Lũ bướm lại bay lên, bay đi, bay về phía bờ biển.

Tao muốn gọi tên mây, nhưng lời chết lịm trong cổ họng tao.

Ôi, bạn của tôi, bạn của tôi!

HẾT

[1] Ted Bundy là kẻ giết người hàng loạt, đã thú nhận nhúng tay vào 30 vụ giết người ở 7 bang của nước Mỹ kể từ năm 1974 đến năm 1978.

[2] Triết gia Socrates có câu: “Đời không tự kiểm là cuộc đời không đáng sống.”

[3] Cây cột muối là chi tiết lấy trong Kinh Thánh. Chuyện kể rằng Chúa muốn phá hủy thành Sodom. Lot là người tốt ở thành ấy nên Chúa sai thiên sứ tới báo trước cho Lot và mách rằng phải chạy miết, không được ngoái đầu lại phía sau để bảo toàn tính mạng. Vợ Lot đã dừng lại, nhìn về phía sau và bị biến thành bức tượng bằng muối.

[4] Trong nguyên tác, tác giả dùng từ “Poscile”, tức là kem que, nhưng ngầm ám chỉ một loại ma túy tổng hợp trá hình được làm giống hệt kem que.

[5] Tác giả dùng từ “watch cap” trong đó từ “watch” có nghĩa là quan sát, canh gác. Watch cap là loại mũ len mà các thủy thủ ở Mỹ đội khi gác trên boong tàu trong thời tiết lạnh.

[6] O.P là chữ viết tắt của Outstanding Promise, có nghĩa là triển vọng nổi bật.

[7] Câu này tương tự câu “Cá lớn nuốt cá bé”.

[8] Nguyên văn: Tác giả dùng từ “goy”, tên Do Thái dành cho một người không phải là dân Do Thái.

Table of Contents

[Start](#)

[Phần Một](#)

[Phần Hai](#)

[Phần Ba](#)

[Phần Bốn](#)

[Phần Năm](#)

[Phần Sáu](#)

[Phần Bảy](#)

[Phần Tám](#)

[Phần Chín](#)

[Phần Mười](#)

[Phần Mười Một](#)

[Phần Mười Hai](#)